

những
lối đi
dưới hàng
cây tăn
tối

IVAN
BUNIN

THÔNG TIN EBOOK

Tên sách: Những lối đi dưới hàng cây tắm tối

Tác giả: Ivan Bunin

Người Dịch: Hà Ngọc

Thể loại: Văn học nước ngoài

Nhà xuất bản Văn học - Nhã Nam © 2005

The Happiness Project #12-F

[TVE-4U](#) *Read Freely - Think Freedom*

Thực hiện: Rafa, thichankem, Mystery2110, Deathshine, Lichan, Ban Tầng

Du Tử, langtu, Cải, 4DHN, Teacher.anh, Hanhdb

Hoàn thành: 10/2015

DỰ ÁN HẠNH PHÚC

[The Happiness Project](#) #12-F



Ai đó từng nói rằng hạnh phúc luôn ở phía trước và thật khó nắm trong tay, ta chỉ có thể hưởng tới mà thôi? Phải chăng nó ở ngay trong tâm nếu ta biết nhận ra? Có phải chỉ những ai đã từng trải qua thất bại, khổ đau mới thấu hiểu trân giá trị của hai tiếng mong manh này? Hạnh phúc đôi khi không chỉ là nụ cười mà còn là giọt nước mắt chia sẻ trên vai ai đó - đôi khi không nằm ở đích đến mà ngay chính trên từng bước chân. Hay hợp pi vì nụ hôn phớt nhẹ qua má?

Hạnh Nghĩa

Nỗi buồn mang tên nước Nga

Lần đầu đọc tập truyện này là cách đây vài ba năm, ấn tượng còn sót lại hình như mình đã để lỡ nó. Cảm giác buồn bã, cô đơn trống trải và hơi có phần u ám của một số truyện ngắn khiến tôi phải bỏ cuộc, dở dang những trang sách không bao giờ đọc hết. Tôi đã chẳng dám ngó ngang gì đến, nỗi ám ảnh - những u buồn như ập tới ngay trước mắt.

Vào lúc tưởng chừng đã hoàn toàn lãng quên, để tập truyện phải phủ bụi thời gian ở góc sâu khuất trong tủ sách thì rồi một cơ duyên, lại vô tình gặp lại thế giới của Ivan Bunin. Lần này, bị chính cái bìa cuốn sách âm đậm thu hút, một chiếc khung ảnh theo kiểu cổ, ẩn hiện vài bóng người, ánh đèn leo lét thấp thoáng khuất sau những hàng dương khô gầy, hồi thúc tôi lật mở, đọc lại tập truyện theo cách chậm rãi, lần dò từng chữ, gặm nhấm từng chút... từng chút một.

Lần này kỳ lạ thay, những câu truyện lại mang tới cho tôi một cảm giác khác hẳn, vẫn những hàng cây ẩn hiện đâu đó trong mỗi câu truyện song chúng không còn hoàn toàn tăm tối mù mịt nữa. Từng câu chữ dài cuốn tôi đi, vẽ lên trước mắt khung cảnh những làng quê nước Nga tuyệt đẹp, những bức tranh phong cảnh nên thơ, những con người Nga dân dã như đang đi đứng, nói cười rộn rang.

Tôi ngỡ ngẩn, ngây ngất giữa một khu vườn đầy những cây táo trĩu quả, được mùa, vây quanh là âm vang tiếng của những chiếc xe ngựa, tiếng người nói, tiếng táo đổ rào rào vào các thùng gỗ. Tất cả những huyền ảo ấy lại không hề gây ồn ã mà như những thanh âm vọng lại từ nơi nào xa xa, được ngăn cách bởi lớp không khí trong trẻo của tiết trời mùa thu tươi mát. Tôi thấy mình đang nghênh cổ giữa hai hàng cây phong, ngắm nhìn cả một khu vườn lớn được phủ một màu vàng óng, vài chiếc lá phong vàng như luyến tiếc bám chặt không nỡ lìa cành, và hít lấy hít để mùi hương nhẹ nhàng của lá rụng hòa quyện với mùi thơm lừng của táo Antonov chín cây

và mùi ngọt ngào của mật ong phảng phất... “*Táo Antonov mây, cả năm thấy đều vui*”.

Từ khu vườn táo, lạc bước sang một điền trang vào những ngày cuối tháng chín, lại thấy mình đứng trong căn phòng lớn đầy nắng, ngập tràn khói thuốc phả ra từ những chiếc tàu của những người đàn ông đang hưng phấn bàn tán trước chuyến đi săn. Ngoài sân là những tiếng rú - rít của đàn chó săn háo hức. Rồi tiếng súng nổ vang giòn của vị chủ nhà, khiến tôi giật mình, tiếng súng báo hiệu:

“*Đã tới lúc thẳng yên cương con tuấn mã,
Và chiếc tù và tốt giọng, ta hãy khoác lên vai!*”

Ngỡ như đang tham gia vào cuộc đi săn, trên lưng ngựa phóng như bay đuổi theo đoàn người ngựa và chó săn ấy. Những âm thanh huyền ảo, tiếng chó sủa, tiếng ngựa hí, những tiếng gào vang vọng khắp khu rừng: “*Vây lá - â - ấy nó!*”...

Những thanh âm vang lên khuấy động núi rừng ấy như văng vẳng vang vọng quanh ta cảm giác xao xuyến luyến lưu.

Nhưng nước Nga đâu chỉ có những mùa táo bội thu, những chuyến đi săn đầy sôi động náo nức. Nước Nga còn có nỗi khắc khoải đợi chờ của ông lão Averki - đợi chờ ngóng trông cái chết tới trong truyện *Cỏ gà* với vẻ bình thản, chấp nhận nó như đó là chuyện hiển nhiên: “*Cỏ gà thì bay khỏi bãi*” - chiếc lá rơi cũng đến lúc phải lìa cành, điều khiến tôi nhớ nhất trong truyện này là ký ức đẹp đẽ đọng lại trong tâm trí ông cụ trước lúc lìa đời: cô con gái và bà lão - người vợ già nua với làn da nhăn nheo song vẫn luôn xinh đẹp trong mắt ông, hình ảnh này phải chăng chính là thông điệp: dù bạn có đi đâu và đi bao xa, thì gia đình vẫn mãi luôn là mái hiên chở che, nơi hàn gắn những đau thương vất vả, chốn bình yên cho bạn quay về.

Đọc *Canh khuya* tâm trí tôi như trôi dạt về những ngày cũ, với nỗi nhớ, niềm đau về một người từng là tất cả những niềm vui, hạnh phúc một thời trẻ dại - giờ đã đi xa. Tôi cảm nhận được nỗi lòng ông lão vô danh lần dò từng bước trên con phố nhỏ, tìm về khu vườn xưa, khu chợ trong đêm khuya thanh vắng chỉ bởi một lẽ: sợ - ông sợ mình không còn kịp để nói lời chia tay với người con gái hằng yêu dấu giờ đã nằm sâu dưới lòng đất lạnh.

Qua ngòi bút của Ivan Bunin, những lời yêu lửng lơ nhẹ bẫng, những gặp gỡ hẹn hò đắm say, con người Nga từ địa chủ quý tộc cho tới tầng lớp bần cố nông đều được khắc họa rõ nét. Mỗi truyện trong *Những lối đi dưới hàng cây tắm tối* đều mang lại cho người đọc ấn tượng sâu sắc, dòng xúc cảm liên tục biến đổi từ hào hứng, vui vẻ tới đau nhói buốt tim. Từ chơi vơi ám ảnh tới bay bổng nhẹ nhàng, để rồi khi trang sách cuối cùng khép lại, hình như vẫn còn thoáng nhẹ tiếc nuối ngân ngơ! Sau tận cùng nỗi buồn rớt cuộc chúng ta vẫn sẽ...bước đi.

Teacher.anh (Rùa) - Happiness Project

Lời nói đầu

Tên tuổi của Ivan Bunin - nhà văn Nga đầu tiên được trao giải Nobel Văn học - từ lâu đã trở nên rất quen thuộc với bạn đọc Việt Nam.

Cuộc đời và sự nghiệp của ông khá độc đáo, nếu không nói là kỳ dị. Ivan Alekseevich Bunin sinh ngày 10 tháng 10 năm 1870 tại Voronezh, trong một gia đình thuộc số những dòng quý tộc lâu đời nhất ở nước Nga, nhưng đã suy tàn. Ông chỉ học xong có bốn lớp trường trung học huyện Elex tỉnh Orlov, rồi ở sâu nơi làng quê, "trong bầu tĩnh mịch cực kỳ sâu lắng ruộng đồng" của huyện Elex cho tới năm mười chín tuổi. Chính thời gian này đã tạo nền móng cho sự nghiệp văn chương của ông, mà theo một nhà bình luận văn học Nga, "trên những vùng bán thảo nguyên bao la, giữa vùng đất đen cực kỳ màu mỡ và giữa những căn nhà gỗ nghèo nàn của nông dân, tâm hồn chàng thiếu niên đã cảm thụ vẻ đẹp và nỗi buồn của nước Nga, cảm thụ những bí ẩn bi thảm của lịch sử Nga và tính cách dân tộc Nga" (1). Ông đã bắt đầu viết văn, làm thơ trên cơ sở những cảm thụ ấy. Năm 1900, truyện ngắn *Những quả táo Antonov* cùng với một số truyện ngắn và các bài thơ khác đã khiến ông nổi tiếng. Đọc văn ông, trước khi qua đời ít lâu A. Tsekhev đã qua một người bạn nhắn với Bunin rằng ông "sẽ trở thành một nhà văn lớn". Sang những năm đầu thế kỷ XX, hai truyện vừa *Nông thôn* (1909-1910) và *Xukhodol* (1911) đã đưa Bunin lên bậc những nhà văn hàng đầu lúc bấy giờ. Thế rồi hàng loạt truyện ngắn, truyện vừa và thơ của ông nối đuôi ra đời, trong đó nổi bật là *Cuộc đời tươi đẹp* (1911), *Một gia đình nông dân tươi vui* (1911), *Zakhar Vorobiov* (1912), *Cỏ gà* (1913), *Anh em* (1914), *Quý ông từ San Francisco đến* (1914), *Những giấc mơ của Tsang* (1916)... Nhưng, sau năm 1917, cũng giống như một số nhà văn và nghệ sĩ lớn khác A.N. Tolstoy, A.I. Kuprin, I.X. Smelev, X.V. Rachmaninoff..., ông đã lưu vong ra nước ngoài, chủ yếu sống ở vùng Provence phía nam nước Pháp. Mặc dù vậy, bằng vốn sống được tích lũy một cách kỳ diệu, bằng những kỷ niệm cực kỳ sâu sắc và trí nhớ tuyệt vời, với lòng yêu nước nồng

nàn và tâm tình cố quốc tha hương da diết, trong suốt ba mươi ba năm ở nước ngoài, ông vẫn tiếp tục viết nên những tuyệt tác, trong đó có cuốn tiểu thuyết duy nhất *Cuộc đời Akxeniev* (1927 -1929 -1933) - được coi như phản ánh thời niên thiếu của ông tại khu điền trang đồ nát Kamenka ở làng Oderki huyện Elex, và được ví như *Bản giao hưởng số 3* thiên tài của Rachmaninoff trong văn học - và chủ yếu là các truyện ngắn và truyện vừa đặc sắc như: *Mối tình của Mitin* (1924), *Say nắng* (1925)... cùng một chuỗi truyện ngắn trong tập *Những lối đi dưới hàng cây tắm tối* (1938 - 1945) v.v.. Năm 1933 ông được tặng giải thưởng Nobel Văn học "vì nghệ thuật nghiêm ngặt mà với nó nhà văn đã phát triển nền văn xuôi cổ điển Nga". Trong suốt thời gian Thế chiến II sống tại Provence, ông đã đứng vững trước mọi thủ đoạn hăm dọa, mua chuộc của bè lũ phát xít, cực lực lên án những tội ác của bọn chúng, hàng ngày theo dõi tình hình chiến sự ở tổ quốc mình, tin tưởng ở sức mạnh vô biên của nhân dân Nga... Sau chiến tranh, nhiều lần ông đã có ý định về thăm quê hương, đất nước, nhưng tuổi quá già đã không cho phép ông thực hiện nguyện vọng đó, và năm 1953 ông qua đời ở Paris, được an táng tại nghĩa trang Nga ở Sainte-Genevieve-des-Bois gần đó. Người ta luôn nhớ tới lời ông nói trước khi chết: "Làm sao chúng ta có thể quên tổ quốc? Con người có thể quên tổ quốc được không? Tổ quốc ở trong tâm hồn mình. Tôi là một con người rất Nga. Điều đó dù bao nhiêu năm cũng không mất đi được..."

Di sản văn học do I.A. Bunin để lại không phải đồ sộ cho lắm, Nhà xuất bản Văn học nghệ thuật Maxcova xuất bản toàn tập tác phẩm gồm 9 tập của ông vào các năm 1965, 1966, 1967, trong đó chỉ có một tiểu thuyết, còn chủ yếu là truyện ngắn, truyện vừa và thơ. Nhưng rõ ràng "Văn hay chẳng lọ là dài", di sản văn học này là "cả một chương của sự phát triển văn học Nga trong thế kỷ chúng ta" ⁽²⁾, các tác phẩm của nghệ sĩ Bunin thường ngắn và tuyệt vời, độc đáo cả về nội dung và hình thức thể hiện.

Những truyện ngắn và truyện vừa, - bộ phận cốt lõi trong di sản văn học của ông, - mới đọc tưởng chừng như đơn giản về cốt truyện, nhưng thực ra lại cực kỳ sâu sắc, chúng bao la cả về thời gian lẫn không gian, bao gồm cả

một thế giới đủ loại nhân vật, có khi chỉ trong một truyện vừa mà có tới hơn một trăm nhân vật (*Nông thôn*), động chạm tới hàng loạt lĩnh vực trong đời sống con người (sinh hoạt và lịch sử, triết học và chính trị, kinh tế và đạo đức, tôn giáo và văn hóa, cuộc sống và tâm lý, gia đình và cách làm ăn, giáo dục và pháp luật), lại được thể hiện một cách rất hấp dẫn với đủ loại màu sắc, âm thanh, hương vị, vừa chân thực cao độ, vừa thơ mộng, cảm động, lại vừa sâu lắng với tinh thần phân tích, suy tư, vừa bi thảm, quyết liệt, lại vừa đầy lạc quan yêu đời. Người ta cho rằng sau Tsekhov, Bunin đã đem lại sự đổi mới cho thể loại truyện ngắn Nga, mỗi truyện ngắn của ông vừa là một áng văn xuôi lại vừa là một bài thơ, ông đã viết chúng với trí tuệ và trái tim của một nhà tư tưởng, một nhà triết học và một nhà thơ, và do đó, "đọc tác phẩm của Bunin không những phải đọc chăm chú, mà còn phải có văn hóa rộng, phải tập trung cả trí tuệ và tâm hồn, phải có khả năng suy nghĩ về nước Nga, về quá khứ, hiện tại và tương lai của nó, về mối liên quan của cuộc sống hàng ngày, của cuộc sống "riêng" với những sự kiện xã hội - lịch sử có quy mô" (3).

Bunin nói: "Đất nước và con người bao giờ cũng khiến tôi rung động". Ngay từ khi bắt đầu cầm bút, ông đã luôn day dứt về ý nghĩa của sinh tồn, của cuộc sống khổ sở, rối rắm và thường là vô ích của con người Nga, trước hết là những người nông dân, những nhà quý tộc nông thôn nghèo và giới tri thức tự do. Ông cho rằng qua người nông dân, ông đã phát hiện được tâm hồn Nga. Trong các nhà quý tộc, đặc biệt là đông đảo các quý tộc nghèo, ít ruộng đất, ông cũng tìm ra tính cách Nga, và ông cho rằng Turgheniev, L. Tolstoy mới chỉ miêu tả tầng lớp trên của giới quý tộc Nga mà thôi. Nhưng bất kỳ loại nhân vật nào cũng được Bunin đặt trong những khung cảnh thiên nhiên, đời sống xã hội, lịch sử cụ thể, sinh động, sâu xa và đa dạng của họ, và thật ra qua họ, ông đã đi sâu nghiên cứu cuộc sống hàng ngày, nếp sống Nga và những "nền tảng của tâm hồn", nghiên cứu tâm lý, tâm tình và những động cơ kín đáo trong xử sự của con người, thái độ của họ đối với thế giới bên ngoài và đối với bản thân... Chính vì vậy, cũng hết như những thiên tài văn học khác, tuy không trực tiếp thể hiện chính trị - xã

hội, nhưng bằng sức cảm thụ và phản ánh thực tại siêu việt của mình, Bunin vô hình chung đã phản ánh chân thực xu thế khách quan của xã hội và lịch sử, phơi bày những mối mâu thuẫn và sự bế tắc của xã hội đương thời, thấy trước được cái tai họa và sự sụp đổ của nó, và dẫn tới những kết luận mà chính ông cũng không ngờ tới. Đây chính là ý nghĩa và tầm quan trọng to lớn của các tác phẩm Bunin. Chính vì vậy mà L. Tolstoy cũng đã phải thốt lên: "(Bunin) viết hay đến nỗi cả Turgheniev cũng không viết được như thế chứ đừng nói gì tôi". Còn M. Gorki luôn có quan hệ khăng khít qua thư từ với Bunin, thì nhận xét rằng: "Về nông thôn (Nga), chưa có ai viết sâu sắc được đến thế, có tính chất lịch sử đến thế", và cho rằng Bunin là "bậc thầy hàng đầu trong văn học Nga hiện đại".

HÀ NGỌC

"Tập truyện có được chiều sâu xúc cảm của Tsekhov, sự sắc sảo đầy sáng tạo của Raymond Carver hay John Cheever - điều khiến chúng trở thành những truyện tiên phong của thời đại mình: Bunin luôn luôn xứng đáng được khám phá lại... Như Say nắng chẳng hạn, truyện đã giữ bỏ sự phòng vệ của các nhân vật một cách vừa tao nhã, vừa chính xác: chàng trung úy trải qua một cuộc tình ngắn ngủi với người thiếu phụ mà chàng gặp trên tàu. Đoạn cuối cuộc hẹn hò, nàng gọi tên si mê của họ là cơn say nắng, rồi ra đi... bỏ lại chàng với trái tim tan nát và tâm hồn trống rỗng... Cốt truyện của Bunin nhiều khi không đặc sắc lắm, nhưng sức mạnh và sinh khí của chúng không bao giờ không làm ta ngạc nhiên..."

Publisher Weekly

Những quả táo Antonov (4)

I

...Tôi hồi tưởng lại một mùa thu sớm, đẹp trời, trong tháng tám đã có những trận mưa nhỏ ầm ập và những trận mưa này dường như cố tình rơi xuống cho dân cày cấy, rơi xuống đúng lúc, vào giữa tháng, khi sắp sửa có ngày lễ thánh Lavrenti (5). Mà “vào dịp lễ thánh Lavrenti nếu con nước êm và mưa nhỏ, thì mùa thu và mùa đông sẽ tốt trời”. Thế rồi dạo đầu thu lại có những ngày sáng sủa và ầm ập, có nhiều mạng nhện chằng trên cánh đồng. Đó cũng là điều lành: “Những ngày sáng sủa ầm ập đầu thu nếu nhiều nhện chằng tơ, thì mùa thu sẽ đẹp”... Tôi nhớ lại một buổi sớm sủa, tươi mát, yên tĩnh... Tôi nhớ một khu vườn lớn đã khô và thưa lá, toàn bộ màu vàng óng; nhớ những lối đi giữa hai hàng cây phong, mùi thơm nhẹ nhàng của lá rụng và cả mùi táo Antonov, mùi mật ong và mùi của tiết thu tươi mát. Không khí trong trẻo đến nỗi hết như hoàn toàn không có nó nữa, khắp khu vườn âm vang tiếng người nói, tiếng xe ngựa tải kẹo kẹo. Ấy là những nhà tiểu thương, những thị dân trồng vườn đã thuê được những người nông dân trẩy táo xuống để đến đêm đưa về tỉnh, - và nhất định là phải đi vào ban đêm kia, bởi vì lúc bấy giờ, nằm trên xe, nhìn lên bầu trời đầy sao, nghe phảng phất mùi nhựa chưng trong không khí tươi mát và nghe cả một đoàn xe dài thận trọng kẹo kẹo trên con đường lớn trập trùng, thì thật tuyệt vời. Bác nông dân được giao việc dỡ táo, cứ cắn rau rầu hết quả này đến quả khác, nhưng tục lệ xưa nay vẫn vậy, nên người thị dân chẳng hề ngăn lại, mà còn bảo:

- Đổ xuống, ăn cho no đi, không có việc gì làm nữa đâu! Đổ xong, mọi người sẽ uống mật ong.

Và bầu tĩnh mịch mát mẻ của ban mai chỉ bị náo động bởi tiếng hát no mồi của đàn sáo đậu trên cây thanh lương trà màu san hô trong khoảng rậm của khu vườn, bởi tiếng người nói và tiếng táo đổ rào rào vào những thùng,

những thùng gỗ. Trong khu vườn thưa lá, có thể nhìn thấy con đường trải ra xa dẫn tới một mái nhà tranh rộng rãi, và nhìn thấy được cả ngôi nhà ấy, mà quanh đó trong vụ hè qua các thị dân đã gây nên cả một cơ ngơi. Đâu đâu cũng thơm phức mùi táo, ở đây lại càng như vậy. Trong căn nhà tranh có bố trí nhiều chỗ nằm, có một khẩu súng một nòng, một chiếc *xamovar* đã mốc xanh, còn bát đĩa đặt ở góc nhà. Bên cạnh nhà lẩn lóc những chiếc chiếu gai, những hòm gỗ, những đồ đạc linh tinh đã cũ nát, và có một chỗ để đun bếp. Ở đây buổi trưa người ta nấu món cháo mỡ cực ngon, buổi chiều thì đun *xamovar* và một làn khói xanh lơ thường trải thành một vệt dài giữa những hàng cây trong toàn bộ khu vườn. Còn vào những ngày lễ tết thì bên cạnh mái nhà tranh này là cả một phiên hội chợ, và đằng sau những đám cây cối chốc chốc lại thấy thấp thoáng cả những trang phục màu đỏ. Những cô gái thuộc các hộ tiểu nông vẻ hoạt bát, mặc những tấm xiêm cụt tay nức mùi thuốc nhuộm đã tụ tập lại. Đã có mặt cả những người “quý tộc” trong các bộ quần áo tuy đẹp mà thô lậu và mông muội của họ, có mặt cả một bà lý trưởng trẻ măng, đang có chữa, mặt phèn phẹt, bơ phờ và bộ điệu quan trọng như một con bò cái vùng đồi núi. Đầu bà ta cũng có “sừng” - những búi tóc kết ở hai bên đỉnh đầu, bên trên lại trùm thêm mấy lớp khăn, thành thử đầu bà ta trông to tướng; đôi chân đi ủng ngắn có đóng cá sắt, đứng trên mặt đất có vẻ thộn nhưng vững chãi; chiếc áo gilê của bà ta bằng vải mịn, có vạt che dài, còn chiếc váy bằng len tự dệt thì màu hoa cà sẫm có sọc màu gạch, gấu váy dính một “vành đăng ten” rộng thêu kim tuyến...

- Một con bướm bướm (6) đằm đằm! - người thị dân lắc đầu, bình phẩm về bà ta. - Bây giờ lại sinh ra những hạng người như thế đấy...

Trong khi đó những thằng bé con mặc những chiếc áo sơ mi kiểu cách và những chiếc quần ngắn cũn cỡn, đầu để trần, trắng hếu, xuất hiện mỗi lúc một nhiều. Chúng đi từng nhóm hai, ba đứa một, những bàn chân không giày dép bước lon xon, và đứa nào cũng đến sờ vào con chó becgiê lông xù buộc vào một cây táo. Dĩ nhiên là chỉ có một đứa mua hàng thôi, bởi việc mua bán của chúng chỉ vèn vện là một kôpêch hoặc là một quả trứng, nhưng những người mua bán khác thì lại nhiều, việc buôn bán diễn ra nhộn

nhịp, khiến cho một thị dân dáng như mắc bệnh ho lao, mặc chiếc áo kín cổ dài lưng thụng, đi đôi ủng hung hung đỏ, đã lộ vẻ vui mừng. Cùng thằng em trai, - một đứa dở ngu dở đần, nói ngọng nhưng lanh lẹ, mà ông ta nuôi “vì lòng nhân từ”, - ông ta buôn bán với những lời đùa cợt, bông lơn, thậm chí đôi lúc còn “rờ tới” cả chiếc đàn gió sản xuất ở Tula (7). Và người ta họp chợ trong khu vườn ấy cho tới tận chiều tối, bên ngôi nhà tranh vang lên tiếng cười, nói, thỉnh thoảng lại có cả tiếng nhảy múa rậm rịch...

Về đêm tiết trời rất lạnh và sương xuống nhiều. Sau khi đã tha hồ hít thở mùi lúa thơm ngát toả ra từ những đồng rơm mới và những đồng thóc lép trên sân phơi, ta sẽ sảng khoái đi bên cạnh bờ đất chung quanh vườn để về nhà ăn bữa tối. Vào lúc hoàng hôn giá buốt, tiếng người nói trong thôn xóm hay tiếng cửa cọt kẹt nghe sao rõ lạ thường. Trời tối dần. Và lại có hương vị mới xuất hiện: trong vườn có đồng lửa nhen lên, thế là mùi khói thơm nức của những cành anh đào toả ra nồng nặc. Trong bóng tối ở cuối khu vườn là một cảnh huyền diệu: giống như dưới âm ti địa ngục, bên cạnh ngôi nhà tranh bưng bưng một ngọn lửa đỏ ối giữa tầm tối trập trùng, và có những hình dạng đen thui của ai đó, hệt như được tạc ra từ một loại gỗ đen kịt, đang xoay vòng quanh đồng lửa, còn những bóng khổng lồ của họ thì lại lấp loáng trên những cây táo. Trên toàn bộ một cây táo, lúc thì hiện ra một cánh tay đen to tới vài arsin (8), lúc thì lại nổi rõ lên đôi chân như hai chiếc cột nhà đen ngòm...

Rồi bỗng nhiên tất cả biến mất khỏi cây táo và một bóng đen trải dài trên suốt lối đi, từ ngôi nhà tranh ra mãi đến tận cổng...

Đêm khuya, khi thôn xóm đã tắt hết đèn lửa, khi trên trời cao đã long lanh bảy ngôi sao trong chòm Đại Hùng Tinh sáng như những viên kim cương, ta lại chạy ra vườn chơi. Giẫm trên lớp lá khô sột soạt, ta lần mò tới tận túp nhà tranh như một anh mù. Ở đó là khoảng rừng thưa nên trời có sáng lên đôi chút và trên đầu ta trắng xoá dải Ngân Hà.

- Cậu đấy ư, cậu? - có ai đó từ trong bóng tối khẽ gọi ra.

- Tôi đây. Thế bác vẫn chưa ngủ à, bác Nikolai?

- Lão không sao ngủ được. Chắc là khuya lắm rồi đấy nhỉ? Kìa, hình như chuyến tàu khách đã đến...

Chúng tôi lắng nghe hồi lâu và đã nhận ra mặt đất đang rung chuyển lên nhẹ nhẹ. Sự rung chuyển dần thành tiếng động, lớn dần lên và rồi nhịp bánh xe quay âm ỉm đổ đến mỗi lúc một nhanh, nghe như ngay sau vườn, đoàn tàu phóng đến rầm rầm, xình xịch... mỗi lúc một gần, gần hơn và mỗi lúc một ồn ã, giận dữ hơn... Rồi tất cả bỗng lắng dần, im bật đi, hết như chui tọt cả xuống đất..

- Thế khẩu súng của bác đâu rồi, bác Nikolai?

- Ở ngay cạnh hòm gỗ kia ạ.

Tôi bèn giương khẩu súng một nòng nặng như chiếc xà beng, chĩa lên trời, bắn ngay một phát. Cùng với tiếng nổ đình tai, một ngọn lửa đỏ ối phụt lên trời, làm lóa mắt ta trong giây lát và xóa nhoà những ngôi sao, còn dư âm hùng dũng của nó thì vang rền vòng quanh ta, lan theo đường chân trời, rồi lắng dần ở xa xa trong bầu không khí trong sạch và thính nhạy.

- Ái chà, cừ đấy! - người thị dân sẽ nói. - Cứ bắn đi: cứ bắn đi, cậu ạ, kéo không thì tai họa đấy chứ chả chơi đâu! Toàn bộ cây lê trên bờ đất đã lại bị chúng nó rung lấy hết quả rồi...

Trong khi đó, những vì sao đổi ngôi rạch bầu trời đen bằng những vệt lửa. Và ta nhìn mãi vào cái khoảng sâu xanh thẳm của bầu trời đầy những chòm sao, kỳ cho tới khi chóng mặt mới thôi. Lúc bấy giờ ta mới thấy rùng mình, dứt vội tay vào những ống tay áo, chạy nhanh theo con đường giữa những hàng cây mà trở về nhà... Sao lạnh và nhiều sương đêm đến thế, và sống ở trên đời sung sướng biết bao!...

II

“Táo Antonov mẫy, cả năm thảy đều vui”. Nếu táo Antonov sai quả thì công việc nông thôn sẽ tốt vì có nghĩa là lúa cũng sẽ được mùa... Tôi hồi tưởng lại một năm được mùa ấy.

Vào lúc mới tinh mơ, khi gà còn đang gáy và những ngôi nhà gỗ còn đang toả khói mờ đen, ta sẽ mở toang cửa sẽ trông ra một khu vườn mát mẻ

đầy sương mù tím nhạt mà đây đó ánh nắng ban mai rọi qua màn sương đã ánh lên rạng rỡ, - và không cầm được lòng nữa, ta sẽ ra lệnh mau chóng thẳng yên cương cho ngựa, còn bản thân thì chạy ra ao để rửa ráy. Đám lá nhỏ lẫn tẩn trên những cây liễu bên bờ ao đã hầu hết bay đi, chỉ còn lại những cành trụi trụi trên bầu trời xanh ngắt. Làn nước dưới rặng liễu trở nên trong vắt, lạnh như băng và dường như nặng nặng. Vẻ lười nhác của ban đêm đã bị làn nước ấy xua tan trong nháy mắt, và sau khi rửa ráy xong lại đã hòa mình với những người làm trong căn nhà dành riêng cho họ, cùng họ ăn sáng với những củ khoai tây nóng bỏng, với bánh mì đen rắc những hạt muối to mà ướt, ta sẽ cưỡi ngựa đến vùng Vuxenki (9) để săn bắn, khoái trá cảm thấy da yên ngựa trơn tru dưới chỗ mình ngồi. Mùa thu là mùa của những ngày hội lớn của các thánh, nên lúc bấy giờ nhân dân thường ăn mặc tề chỉnh và hài lòng, quang cảnh làng quê hoàn toàn không giống như những thời buổi khác. Nếu như năm ấy mà lại được mùa và trong các sân kho đều ngồn ngộn những đồng ươm vàng, còn ở ngoài sông sáng sáng lại có tiếng gõng quang quác kêu vang, thì tình hình nông thôn lúc ấy lại là rất khả quan. Hơn thế nữa, vùng quê Vuxenki nơi chúng tôi từ xưa từ xưa, từ thời ông bà ông vải đã từng nổi tiếng là vùng “trù phú”. Các cụ ông cụ bà ở Vuxenki đều rất cao tuổi thọ, - đây là dấu hiệu trước hết của một vùng quê giàu có, - ai nấy đều cao, to và đầu bạc trắng như tuyết. Đến đây ta sẽ thường chỉ nghe thấy: “Phải, - bà Agaphia kia kìa, bà ấy đã ngoài tám mươi ba rồi đấy!”, - hoặc là những câu chuyện đại loại như sau:

- Thế bao giờ thì lão mới chết cho đây, lão Pankrat? Có dễ lão đến trăm tuổi rồi chắc?

- Dạ thưa ngài dạy gì ạ, thưa ngài?

- Ta hỏi lão bao nhiêu tuổi rồi?

- Bẩm ngài, con cũng chẳng biết đâu ạ.

- Thế lão có nhớ Platon Apollonuts không?

- Có chứ ạ, thưa ngài, con nhớ rõ chứ ạ.

- Ờ, có thể chứ. Nghĩa là lão không dưới trăm tuổi đâu.

Ông già đang đứng dưới thềm người trước mặt nhà quý tộc, mỉm cười hiền lành và ra vẻ có lỗi. Làm thế nào được nhỉ, hoá ra ông già có lỗi vì là đã sống quá lâu. Và chắc chắn cụ sẽ còn sống lâu hơn nữa nếu không ních đầy hành tây vào bụng trong tuần chay trước ngày lễ thánh Piotr (10).

Tôi còn nhớ được cả bà lão của ông già ấy nữa. Thường là bà lão vẫn ngồi trên một chiếc ghế dài nhỏ ngoài bậc thềm, lưng cúi gập, đầu lắc lư, thở chẳng ra hơi, hai tay búi chặt lấy ghế, - và bà lão luôn nghĩ ngợi một điều gì đó. “Chắc lại nghĩ đến của nả của mình đấy thôi”, - các bà các cô bảo vậy bởi vì trong các hòm rương, “của nả” của bà lão quả là có nhiều thật. Thế nhưng bà lão tưởng như chẳng nghe thấy gì, vẫn hơi nhướng đôi mày lên một cách buồn bã mà nhìn vào đâu xa xa như kiểu người thông minh, lắc lư mái đầu và hệt như đang cố nhớ lại một điều gì. Đó là một bà lão to lớn, toàn thân tằm tối thế nào ấy. Chiếc váy len tự dệt của bà lão hầu như là từ thế kỷ trước, đôi giày bện bằng dây thì như đôi giày của người chết, cổ bà lão vàng khè và khô khăng, chiếc áo sơ mi có băng chéo bằng vải kẻ sọc lúc nào cũng trắng tinh trắng tinh, - “hệt như để bỏ vào săng vậy”. Thế còn ở bên cạnh bậc thềm thì có một phiến đá to tướng, phiến đá mà bà lão đã tự mua để xây mồ cho mình, cũng như là đã mua cả khăn liệm nữa, một chiếc khăn liệm tuyệt đẹp có các vị thiên thần, có các thánh giá và cả một bài kinh cầu nguyện in ở các mép khăn.

Nhà cửa của các hộ gia đình ở Vuxenki cũng hệt như các cụ già ấy vậy, tất cả đều bằng gạch, và đều được xây từ đời ông bà ông vải. Còn nhà gỗ của các nông dân giàu có, như của bác Xaveli, bác Ignat, bác Dron, thì đều là hai, ba gian, bởi lẽ ở Vuxenki lúc bấy giờ còn chưa có luật lệ chia nhà chia cửa. Ở những gia đình như vậy người ta nuôi ong, người ta tự hào về con ngựa đực kéo khỏe, màu sắt xám, và người ta cai quản khu đất vườn có nền nềp. Trong các sân phơi đều đen ngòm những đồng gai dàu rậm rạp và mập mập, có cả nhà hong lúa và lán chứa lúa lợp hai mái; trong các kho chứa cỏ và kho thóc nhỏ đều có cửa sắt để chứa giữ vải gai, xa quay sợi, những chiếc áo lông cộc mới, các yên cương còn đủ bộ, các loại thương đầu đóng đai đồng. Trên các cánh cổng và trên các xe trượt tuyết đều đóng dấu

thánh giá bằng sắt nung. Và tôi còn nhớ rằng hồi ấy đôi khi mình tưởng chừng làm người nông dân là một điều hấp dẫn hiếm có. Mỗi khi cưỡi ngựa đi trong vùng nông thôn vào buổi sáng chói chang ánh nắng, ta luôn nghĩ rằng nếu được gặt lúa, đập lúa, nếu được ngủ trên những đồng rơm ngoài sân phơi, còn như vào ngày lễ nếu được dậy sớm cùng với mặt trời trong hồi chuông khai lễ rộn rã và du dương từ trong làng vọng đến, nếu được rửa mặt ngay bên cạnh thùng nước, mặc chiếc áo sơ mi kiểu cách và sạch sẽ, bận bộ quần áo hết như người nông dân và cũng được đi đôi ủng đóng cá sắt kiên cố như vậy, thì sẽ thú vị biết bao. Tôi còn nghĩ, nếu thêm vào đó, còn có một cô vợ khỏe mạnh và đẹp đẽ, ăn vận xiêm áo ngày hội, và lại có một chuyến đi dự ngày lễ trọng đại, sau đó đến ăn trưa ở nhà ông bố vợ có râu dài, một bữa ăn có thịt cừu nóng sốt để trong cái đĩa gỗ, có cả bánh mì bằng tinh bột, có cả mật ong tăng và bia nhà làm, - như thế thì không thể còn mong muốn gì hơn được nữa! Ví dụ như: đó là trường hợp khu điền trang của dì Anna Gheraximovna ở cách Vuxenki khoảng mười hai *verxta* ⁽¹¹⁾ chẳng hạn. Có lần khi ta tới được điền trang đó thì trời đã sáng bạch. Tuy đi ngựa, nhưng phải dùng dây để giông đàn chó săn thì cũng chỉ đi thùng thẳng được thôi, và chẳng ta cũng chẳng muốn vội vã làm gì, - đi giữa cánh đồng trong một ngày nắng và mát mẻ thì vui vẻ biết bao! Vùng đất bằng phẳng, có thể nhìn thấy rất xa. Bầu trời nhẹ nhõm, và sao nó bao la, sâu thẳm đến thế. Mặt trời long lanh chiếu xiên khoai, và, sau những trận mưa, con đường rì xuống do có nhiều xe đi lại, trơn như đổ mỡ và láng bóng lên như những đường ray. Từ phía trái ra rộng rãi những vạt lúa thu non xanh thắm, tươi mát. Một chú diều hâu từ đâu đó vút lên bầu không trong vắt rồi lặng đi, cứ đứng yên một chỗ mà vỗ đôi cánh nhỏ nhọn hoắt. Còn những cột dây thép ⁽¹²⁾-mà ta trông rõ nét thì chạy tít về một phương xa quang đãng, với những đường dây giống như những sợi dây đàn bằng bạc lơ lửng treo ngang lưng chừng trời quang đãng. Những con chim cắt nâu đậu trên những đường dây đôi y hệt như những nốt nhạc đen trên một trang chép nhạc.

Tôi không biết và chưa được thấy chế độ nông nô, nhưng tôi nhớ được rằng tôi đã cảm biết được chế độ đó khi tôi đến chỗ dì Anna Gheraximovna. Cứ bước chân vào trang trại này là ta lập tức cảm thấy ngay rằng chế độ đó còn đang sống nguyên vẹn. Khu điền trang không lớn, nhưng thấy đều cũ kỹ, vững vàng, chung quanh bao bọc bởi những cây bạch dương và miên liễu cổ thụ. Những công trình xây dựng trong trang trại rất nhiều, không đồ sộ, nhưng rất tiện lợi cho việc nhà, và hết như tất cả đều được gắn bó với nhau bằng những thân gỗ sồi sẫm màu dưới những mái rơm. Nổi bật lên do to tát, hay nói đúng hơn do chiều dài của nó, chỉ là căn nhà đen nhẻm của những người đầy tớ, mà từ trong đó người ta thấy ngó ra những đại diện cuối cùng của đẳng cấp tôi đòi, - những ông bà già lụ khụ nào đó, một cụ đầu bẹp đã về hưu già lòm khòm, trông giống như Don Kihote. Khi ta cười ngựa vào đến nơi thì tất cả các cụ ấy đều kéo nhau ra, cúi rạp cả người xuống mà chào. Một cụ xà ích đầu bạc từ trong lán xe ngựa chạy ra để giữ ngựa cho ta, ngay từ lúc bước ra khỏi lán cụ đã ngả mũ và cứ để đầu trần như thế mà đi ngang qua toàn bộ khu sân nhà. Trước đây cụ làm xà ích cười ngựa để giông xe (13) cho bà dì tôi, còn bây giờ thì cụ chở xe cho bà đi dự các buổi lễ trọng, - mùa đông bằng xe thổ mộ, mùa hè thì bằng một chiếc xe ngựa không mui vững chãi, bịt sắt, đại để giống như những chiếc xe mà các cha cố thường đi. Khu vườn của dì tôi nổi tiếng là rậm rạp, có nhiều chim hoạ mi, chim gáy và nhiều táo, còn ngôi nhà của dì thì nổi tiếng vì cái mái nhà. Ngôi nhà ấy ở ngay đầu sân, sát cạnh vườn, được ôm ấp bởi những cành gia. Nhà không đồ sộ mà lại thấp lè tè, nhưng ta có cảm tưởng là nó không thể dưới trăm tuổi được, bởi lẽ ta thấy nó đàng hoàng ngó ra từ phía dưới một mái rơm cao và dày dặn khác thường, một mái rơm đã đen nhẻm và cứng chắc lại với thời gian. Tôi có cảm giác là mặt trước của ngôi nhà này bao giờ cũng rất sống động, hết như một bộ mặt già nua dưới một chiếc mũ kéch xù đang nhìn ra bằng những con mắt hõm sâu, - những khung cửa sổ với những ô kính đã ánh lên màu xà cừ do dầm mưa dãi nắng. Còn ở hai bên những con mắt đó là những bậc thềm, - hai bậc thềm cũ kỹ, rất to, có nhiều cột. Trên mi cao của những mái thềm này bao giờ cũng đậu đầy

những con bồ câu được ăn no, trong khi đó hàng ngàn con chim sẻ bay rào rào như mưa từ mái nhà này sang mái nhà khác... Và khách sẽ cảm thấy ấm cúng xiết bao trong cái tổ ấm dưới bầu trời thu xanh ngắt ấy!

Bước chân vào nhà, trước hết là nghe có mùi táo, rồi sau đó mới đến các mùi vị khác: mùi đồ đạc cũ bằng gỗ đỏ, mùi hoa gia khô mà người ta thường phơi ở cửa sổ từ tháng sáu trở đi... Tất cả các buồng phòng - buồng người hầu, phòng lớn, phòng khách, - thấy đều lạnh lẽo và tối tăm; đó là do nhà có vườn bao bọc chung quanh, mà các ô kính phía trên của các cửa sổ lại đều là kính màu, màu xanh sẫm và màu hoa cà. Trong nhà đâu đấy đều yên tĩnh và sạch sẽ, mặc dù những chiếc ghế bành, những chiếc bàn khám và những tấm gương viền những khung bằng vàng chật hẹp và xoắn tròn kia hình như chưa bao giờ xô dịch đi đâu cả. Và kìa, đã nghe có tiếng ho thúng thảng: bà dì tôi bước ra. Vóc bà không cao lớn, nhưng bà cũng chắc nịch như mọi người chung quanh vậy. Bà choàng trên vai một chiếc khăn san lớn kiểu Ba Tư ⁽¹⁴⁾. Bà bước ra một cách trang trọng nhưng niềm nở, và trong khi diễn ra những câu chuyện liên miên bất tuyệt về thời xưa, về gia tài và các cửa thừa tự, đã lập tức thấy bắt đầu xuất hiện các đồ ăn thức uống để đãi khách: đầu tiên là lê “*đulia*”, các loại táo, - táo Antonov, táo “*bel barunia*” ⁽¹⁵⁾, táo “*borovinka*” ⁽¹⁶⁾, táo “*plodovitka*” ⁽¹⁷⁾ - rồi sau đó là một bữa trưa kỳ thú: giăm bông màu hồng tuyền ăn với đậu cove, gà nhồi thịt, gà tây, các món ngâm dấm và nước *kvax* đỏ - đậm men và ngọt ơ là ngọt... Các tấm cửa sổ nhìn ra vườn được nâng lên, và từ đó ta thấy phả vào khí mát mẻ sáng khoái của mùa thu...

III

Những năm gần đây có một thú vui nâng đỡ tinh thần đang kiệt quệ cho các nhà địa chủ, - đó là thú đi săn.

Trước đây, những điền trang giống như điền trang của dì Anna Gheraximovna chẳng phải là hiếm. Cũng có cả những điền trang bao gồm một lãnh địa bát ngát, với một khu vườn rộng tới hai chục *dexiatina* ⁽¹⁸⁾, tuy

đang suy tàn nhưng vẫn còn rất phong lưu. Thật vậy, một vài điền trang loại đó vẫn còn sót lại cho tới nay, nhưng ở đó đã không còn có sự sống nữa rồi... Không còn có xe ba ngựa, không còn có những con ngựa Kirghizia chuyên để cưỡi (19), không còn những con chó bécgiê và chó *borzoi* (20), không còn có nô bộc và không còn có cả chính cái người chiếm hữu tất cả những cái đó nữa, nghĩa là người địa chủ thích đi săn, đại loại như mồ ma ông anh vợ tôi là Akxeni Xemenurts chẳng hạn.

Từ cuối tháng chín, vườn tược và sân phơi ở vùng chúng tôi đều trống trải cả, thời tiết luôn biến đổi đột ngột theo thường lệ. Gió thường lay giạt cây cối suốt cả ngày, còn mưa thì dội xối xả từ sáng cho đến tận đêm. Đôi khi tới xế chiều mới thấy có ánh vàng lung linh của một mặt trời thấp len lỏi qua những đám mây thấp u ám ở đằng tây, bầu không khí trở nên tinh khiết và quang đãng, ánh nắng chói loà giữa những chòm lá và những cành cây đang rung rinh, rập rờn theo chiều gió như một tấm lưới sống động. Còn ở phía Bắc, một bầu trời xanh loang loãng toả sáng lạnh lẽo và rạng rỡ trên những áng mây màu chì nặng nề, và từ phía sau những đám mây ấy ta thấy từ từ ló ra những đám mây trắng giống như những đỉnh núi phủ tuyết. Ta đứng bên cửa sổ và nghĩ bụng: “Biết đâu nhờ ơn Chúa trời sẽ lại chẳng nắng ráo lên”. Nhưng gió vẫn thổi mãi không thôi. Nó khiến khu vườn dợn sóng, thổi bạt làn khói liên tục tuôn ra từ ống khói trên căn nhà của những người đầy tớ và lại còn dờn đen những đám mây bù xù màu tro chẳng tốt lành gì. Những đám mây này bay thấp và nhanh, và chẳng mấy chốc làm cho mặt trời mờ mịt đi như bị một làn khói che phủ. Ánh sáng mặt trời phụt tắt, ô cửa sổ nhỏ nhìn lên bầu trời xanh đã đóng lại, cảnh trong vườn trở nên hoang vắng và đìu hiu, rồi mưa lại bắt đầu rơi... mới đầu còn nhẹ nhàng, thận trọng, về sau mỗi lúc một dày, và cuối cùng, biến thành một trận mưa to kèm theo gió táp và bóng tối mù mịt. Một đêm dài và xao động đã bắt đầu...

Sau một cơn vùi dập như thế, khu vườn hầu như lỏa lồ, phủ đầy lá ướm và có một vẻ gì như lắng dịu và nín chịu. Thế nhưng nó lại đẹp để biết bao khi trời đã quang, mây đã tạnh, khi đã bước vào những ngày trong trẻo và lạnh

lẽo đầu tháng mười, vào dịp lễ từ biệt của mùa thu! Những chiếc lá còn sót lại giờ đây vẫn sẽ đeo đẳng trên cây cho tới những trận rét đầu mùa. Khu vườn sẽ hiện ra đen đũi trên nền trời xanh lạnh lẽo và sẽ tạm sưởi mình trong ánh nắng mà ngoan ngoãn chờ đợi mùa đông. Còn những cánh đồng thì đã đen nhem đi vì những luống cày và xanh mướt lên với những vạt lúa thu non đang trở lá dày dặn... Đây chính là lúc để đi săn.

Và đây, tôi đã thấy mình trong khu điền trang của Akxeni Xemenuťs, trong một ngôi nhà lớn, trong một căn phòng lớn đầy ánh nắng và đầy khói toả ra từ những chiếc tàu và những điều thuốc lá. Trong phòng đông người, toàn là những người da rám nắng, mặt dầu dãi gió mưa, mặc áo bành tô chên thân và đi ủng dài. Họ vừa ăn rất no xong, mặt đỏ bừng và ai nấy đều hưng phấn bàn tán âm ỉ về cuộc đi săn sắp tới, mặc dầu vẫn không quên uống nốt chỗ *vodka* còn lại, dù là đã sau bữa ăn. Còn ở ngoài sân đã có tiếng tù và rúc lên và cả tiếng chó rú rít đủ giọng khác nhau. Một con chó *borzoi* đen được Akxeni Xemenuťs cưng chiều đang leo lên bàn và bắt đầu ngốn nốt món thỏ nấu giấm còn lại trong đĩa. Nhưng nó bỗng rú lên một tiếng kinh hoàng và bứt ra khỏi bàn, đánh đổ cả đĩa lẫn ly rượu. Thì ra Akxeni Xemenuťs vừa cầm roi và súng ngắn bước ra khỏi phòng, đã thành linh nổ một phát làm tất cả mọi người trong căn phòng lớn đều phải đình tai nhúc óc. Khói trong căn phòng lại càng thêm mù mịt, còn Akxeni Xemenuťs thì cứ đứng mà cười:

- Tiếc quá, ta bắn trượt mất rồi! - ông nói, cặp mắt đung đưa.

Người ông cao, xương xương, nhưng vai rộng và cân đối, còn khuôn mặt là khuôn mặt tuần tú của người *Zigan*. Đôi mắt ông ánh lên vẻ hoang dã, ông rất lạnh lện, mặc một chiếc áo sơ mi lụa màu huyết dụ, một chiếc quần rộng ống bằng nhung và đi một đôi ủng dài. Sau khi đã khiến cho con chó và các khách khứa phát hoảng lên vì phát súng ngắn, ông cất giọng nam trung, nửa đùa nửa thật ngâm lên:

*Đã đến lúc thẳng yên cương con tuần mã,
Và chiếc tù và tốt giọng, ta hãy khoác lên vai!*

đoạn nói to:

- Nhưng thôi, chẳng tội gì bỏ phí thời giờ vàng ngọc!

Cho tới bây giờ tôi vẫn còn cảm thấy được rằng lúc ấy lồng ngực trẻ đã hít thở háo hức và nhiều nhận biết bao nhiêu khí lạnh của một ngày quang tạnh và ẩm ướt về chiều, khi ta đi cùng với đoàn người huyên náo của Akxeni Xemenuits, khi lòng ta hưng phấn bởi cái cảnh om sòm đầy chất nhạc của đàn chó được xua vào trong rừng cây lá bản, vào những nơi gọi là Gò Đỏ hay Chòm Vàng gì đó mà chỉ nghe tên gọi là người đi săn cũng đã xốn xang trong lòng. Ta cưỡi một con ngựa Kirghizia hung dữ, mạnh mẽ và lùn tè, và khi phải siết chặt dây cương để ghìm bớt nó lại, ta cảm thấy hầu như ta đã cùng nó hoà vào làm một. Con ngựa khịt phì, đòi chạy nước kiệu, vó giẫm soàn soạt lên những bức thảm sâu mà nhẹ của đám lá rụng đen ngòm, và mỗi tiếng động đều truyền lan vang dội cả khoảng rừng vắng vẻ, ẩm ướt và tươi mát. Một con chó sủa ăng ăng ở đâu xa xa, có tiếng con chó thứ hai, rồi thứ ba đáp lại một cách tha thiết và ai oán, - sau đó toàn bộ khu rừng bỗng vang rền hết như thủy triều đều bằng thủy tinh, do tiếng chó sủa, tiếng người hò hét sôi động. Có một tiếng súng nổ đánh giữa cảnh huyên náo ấy, thế là mọi chuyện đã được “nhen lên” rồi lan đi mãi tận đâu ở xa xa.

- Vây lâ - â - ấy nó! - có ai đó gào lên một giọng tuyệt vọng vang khắp khu rừng.

“À, vây lấy nó!”, - một ý nghĩ say sưa thoáng hiện trong đầu. Ta bèn quát con ngựa, và như tháo cũi sổ lồng, ta sẽ phóng như bay trong rừng, không còn phân biệt đường lối gì nữa cả. Chỉ còn thấy cây cối loang loáng trước mắt và thấy vó ngựa tung bùn tới tấp vào mặt. Khi vọt ra khỏi rừng, ta thấy đàn chó kéo thành một vệt dài sặc sỡ trên cánh đồng lúa non và ta lại càng hồi thúc con ngựa Kirghizia xông vào chặn ngang đường con thú, - băng qua những cánh đồng lúa non, những luống cà vờ và những ruộng rạ, kỳ cho tới khi đàn chó cùng với những tiếng sủa, những tiếng rên rỉ điên cuồng của chúng đã chuyển sang một chòm rừng khác và mất hút mới thôi. Lúc bấy giờ toàn thân ta đã ướt đầm và run lên vì căng thẳng, ta bèn ghìm con ngựa sùi bọt mép và thở phì phò lại mà háo hức hít lấy làn khí ẩm lạnh giá của khu thung lũng giữa rừng. Tiếng la hét của những người đi săn và

tiếng sủa của đàn chó đã im bật ở đằng xa, chung quanh ta đã lặng như tờ. Khu rừng gỗ đang được khai phá dở chừng này đứng im phăng phắc, và ta tưởng chừng như mình lọt vào một nơi cung cấm thâm nghiêm nào đó. Từ các khe vực xông lên mùi ẩm ướt của nấm, mùi lá rữa và mùi vỏ cây khi củi còn tươi. Và khí ẩm ướt từ các khe vực toả ra càng đậm, thì rừng càng lạnh hơn, tối tăm hơn... Đã đến lúc phải nghỉ qua đêm. Nhưng sau một buổi săn, tập hợp lại được đàn chó là một việc vất vả. Tiếng tù và rúc buồn bã và tuyệt vọng hồi lâu trong rừng, tiếng la hét, chửi rủa và tiếng chó ăng ăng kêu cũng vang lên hồi lâu... Cuối cùng, khi trời đã tối mịt, đoàn săn mới vớ được khu điền trang của một điền chủ độc thân nào đó mà họ hầu như không quen biết, làm om sòm cả sân của khu điền trang này lên, và trong sân lúc này sáng lòa ánh đèn ló, ánh nến và ánh đèn cầy được đưa từ trong nhà ra để đón họ...

Có nhiều khi đoàn đi săn ở nhờ nhà ông láng giềng hiếu khách ấy đến vài ngày. Cứ sáng tinh mơ, mặc cho gió lạnh giá và tuyết đầu mùa ẩm ướt, họ đi vào rừng và ra cánh đồng để đến sẩm tối mới về, ai nấy đều lấm bùn bê bết, mặt mũi đỏ gay, hôi hám mùi mồ hôi ngựa và mùi lông con thú mà họ săn được, - và thế là bắt đầu một cuộc đánh chén lu bù. Trong căn nhà sáng sủa và đông người ấy, thật là ấm áp sau cả một ngày rong ruổi ngoài trời. Mọi người ai nấy đều cởi phanh áo bành tồ, đi từ phòng nọ sang phòng kia mà uống, mà ăn một cách hỗn độn, trao đổi om sòm với nhau cảm tưởng về con chó sói già kéch xù bị bắn chết đang nằm ềnh giữa phòng lớn, nghe răng ra, mắt trợn ngược, cái đuôi đầy lông tơ vạt sang một bên, vấy ra sần những dòng máu đã lạnh và nhọt nhạt. Sau khi đã uống rượu *vodka* và ăn xong bữa, ta sẽ cảm nhận được một nỗi mệt mỏi ngọt ngào, một tình trạng mơ màng êm ái đến nỗi lời nói chung quanh chỉ như xuyên qua một làn nước mới đến tai ta. Bộ mặt dày sương dạn gió của ta nóng bừng lên, và khi ta nhắm mắt lại thì toàn bộ mặt đất như bồng bênh trôi dưới chân ta. Còn khi ta nằm vào giường, nằm lên chiếc nệm lông chim ở đâu đó trong một căn buồng cổ kính với một dãy tượng thánh và một dãy đèn thờ ở phía góc nhà, trước mắt ta sẽ thấp thoáng hiện ra những bóng ma chó lông sặc sỡ và đỏ như lửa, trong toàn thân ta sẽ nhức nhối trở lại cái cảm giác ngồi trên

ngựa, và ta sẽ không nhận biết được rằng ta đang cùng với những hình tượng và cảm giác đó chìm đắm vào một giấc ngủ ngọt ngào và khỏe khoắn, thậm chí quên hẳn rằng căn buồng này hồi nào đấy đã từng là buồng nguyện của một ông già nổi tiếng với những huyền thoại nông nô bi thảm, và rằng chính cụ ấy đã chết trong căn buồng nguyện này, rất có thể là chết trên chính chiếc giường này cũng nên.

Tháng có hôm ta ngủ quên không kịp đi sẵn thì việc nghỉ ngơi ấy mới càng đặc biệt dễ chịu. Ta sẽ tỉnh giấc và cứ nằm ườn mãi trong giường. Toàn bộ căn nhà đều tĩnh mịch. Ta nghe thấy tiếng chân bác làm vườn rón rén trong từng buồng để nhóm các lò sưởi lên, và cả tiếng củi nổ lép bép, bập bùng. Trước mắt ta là cả một ngày yên tĩnh trong khu điền trang đã im lìm trong những ngày đông. Ta sẽ thông thả mặc quần áo, đi dạo trong vườn, vớ được trong đám lá ẩm một quả táo, ngẫu nhiên bị bỏ quên, đã ướm lạnh và không hiểu tại sao ta lại thấy quả táo này ngon khác thường, hoàn toàn không giống như những quả táo khác. Rồi sau ta xoay ra đọc sách, - những quyển sách do cha ông để lại, đóng bìa da dày cộp, có hình những ngôi sao nhỏ mạ vàng đóng ở gáy sách bằng da dê. Những quyển sách giống như những quyển kinh dăng lẽ trong nhà thờ ấy với những trang giấy dày, ram ráp và đã ố vàng của chúng sao thơm một cách kỳ lạ! Đó là một mùi mốc meo chua chua dễ chịu nào đó, mùi nước hoa thời xưa... Có những dòng nhận xét viết bằng lông ngỗng chữ viết to, nét tròn, mềm mại, ghi ở bên lề các trang sách, và cả những nhận xét này cũng là rất hay. Giờ một quyển sách ra, ta đọc thấy: “Một ý xứng đáng với các triết gia cổ kim, tinh hoa của lý trí và của tình cảm chân thành”... Và thế là ta bắt giấc say mê với ngay chính quyển sách ấy. Đó là cuốn *Triết gia quý tộc*, một cuốn sách viết theo lối phúng dụ, được xuất bản từ cách đây khoảng một trăm năm với sự bảo trợ của “một vị đã được ân tứ nhiều huy chương” và được in trong một nhà in của một hội từ thiện. Cuốn sách kể chuyện “một triết gia quý tộc, khi có thời giờ và có khả năng suy luận tới mức mà trí tuệ của con người có thể vươn tới, có lúc đã mong muốn xây dựng một kế hoạch xã hội trên khoảng đất rộng rãi của làng mình”... Sau đó ta lại đụng phải “những trước tác trào

phúng và triết lý của ông Vontaire (21)” và ta đã thường thức hồi lâu một cách khoái trá cái kiểu cách cầu kỳ đáng yêu của bản dịch viết rằng: “Thưa các quý vị! Vào đệ thập lục thế kỷ, Erasmus (22) đã làm văn để ngợi khen sự ngu xuẩn (đến đây có ngắt giọng một cách cầu kỳ bằng chấm phẩy); còn các quý vị lại lệnh cho tôi tán dương trí tuệ hầu các quý vị...”. Sau đó, từ đời nữ hoàng Ekaterina (23) ta chuyển sang thời kỳ lãng mạn, sang các tập hợp tuyển thơ văn, sang những cuốn tiểu thuyết tình cảm bay bướm trường thiên... Con chim cu từ trong đồng hồ nhảy ra và cú cu trên đầu ta với giọng vừa buồn vừa giễu cợt trong căn nhà vắng vẻ. Và rồi một nỗi sầu muộn ngọt ngào và kỳ dị bắt đầu thoáng hiện trong lòng ta...

Đây là cuốn *Những điều bí ẩn của Alekxis*, còn đây là cuốn *Victor, hay đứa con ở trong rừng*: "Chuông nửa đêm đã điểm! Bầu tinh mịch thiêng liêng đã thay thế cho cảnh náo nhiệt ban ngày và cho những bài ca vui vẻ của dân làng. Thần Mộng đã giương đôi cánh tối ra để bao phủ bán cầu của chúng ta, và từ đôi cánh ấy Thần gieo rắc cảnh tối tăm và gieo rắc mơ tưởng... Mơ tưởng... Chúng thường chỉ tiếp tục đem lại biết bao điều đau khổ bất hạnh mà thôi!...". Và rồi trước mắt ta thấp thoáng ẩn hiện những từ cổ xưa yêu quý: những vách đá và những rừng sồi, mặt trăng tê tái và nỗi cô đơn, những bóng ma và những con ma, những đóa “erota”, những bông hồng và bông bách hợp, “những trò tinh quái và hiếu động của bọn nhóc nghịch ngợm”, bàn tay trắng muốt như hoa huệ, những Liudmila và Alina... Còn đây là những tạp chí mang tên Giukovski (24), Batuskov (25), tên của chàng sinh viên Puskin (26). Và ta buồn rầu nhớ tới bà nội ta, nhớ tới những điệu *polonaise* mà người đạo trên chiếc đàn dương cầm cổ kính, nhớ tới lúc người ngồi thần thờ đọc những câu thơ trong *Evgheni Oneghin* (27). Và cuộc sống mơ màng xa xưa lại hiển hiện trước mắt ta... Hồi nào đó đã từng có những cô gái và những người đàn bà xinh đẹp sống trong những điền trang quý tộc này! Những bức chân dung của họ đang nhìn vào tôi từ trên tường, những mái đầu nhỏ nhắn, đẹp một cách quý phái, được chải búi theo kiểu cổ xưa, đang cụp những làn mi dài một cách thùy mị và yếu điệu xuống những cặp mắt buồn và dịu dàng...

IV

Trong trang trại của các điền chủ nay đã không còn mùi thơm của táo Antonov nữa rồi. Những ngày ấy mới chỉ cách đây không lâu, mà sao tôi tưởng chừng như từ bấy đến nay hầu như đã qua cả một thế kỷ. Các cụ già ở Vuxenki đã chết cả rồi, dì Anna Gheraximovna đã qua đời, Akxeni Xemenuťs đã tự sát bằng súng ngắn... Giờ đây là vương quốc của những người có ít đất đai, nghèo đi đến cùng cực!... Nhưng ngay cả cái cuộc sống ít đất đai, nghèo khó ấy cũng vẫn đẹp!

Này đây, tôi lại thấy mình trở lại thôn quê vào độ cuối thu. Đó là những ngày xanh xao, u ám. Sáng ra tôi ngồi lên yên rồi đi ra cánh đồng với một con chó với khẩu súng và chiếc tù và. Gió reo vang và vi vút nơi miệng súng, gió phần phật thổi ngược chiều, đôi khi cuốn theo cả tuyết khô. Tôi lang thang trên những đồng bằng vắng vẻ cả một ngày trời... Bụng đói cật rét, sấm chiều tôi trở lại điền trang, và trong lòng sao bỗng ấm áp và hân hoan khi thấy Vuxenki đã thấp thoáng ánh lửa và từ điền trang đã thấy toả ra mùi khói, mùi gia cư. Tôi còn nhớ trong nhà tôi vào lúc đó mọi người thường thích “nói mò”, không thắp đèn lên mà cứ nói chuyện với nhau trong cảnh chạng vạng. Vào nhà, tôi thấy cửa rá đã được đóng thêm khung nẹp mùa đông cả rồi, và điều đó lại càng khiến cho tôi thêm yên trí với cảnh mùa đông. Trong buồng của những người hầu hạ, một bác người làm đang ngồi đốt lò, và, như thời thơ ấu, tôi ngồi xõm xuống cạnh ống rơm giờ đây đã ngát toả mùi tươi mát của ngày đông, lúc thì nhìn vào bếp lò rực cháy, lúc thì nhìn ra những khung cửa sổ mà ngoài trời đã xanh lên với cảnh hoàng hôn buồn đang lịm tắt. Rồi tôi sang buồng của những kẻ ăn người làm. Ở đó sáng đèn và đông người: các cô gái đang băm bắp cải, những lưỡi dao phay loang loáng, tôi nghe tiếng dao lách cách đều đều, nhịp nhàng, cùng với những bài hát nông thôn trầm bổng, vừa vui lại vừa buồn... Đôi khi cũng có ông điền chủ nhỏ lảng giềng nào đó ghé thăm và chở tôi về nhà ông ta ở chơi lâu lâu... Cuộc sống ít đất cũng vẫn cứ đẹp!

Vị điền chủ nhỏ ấy dậy sớm. Vươn mạnh người, ông ta cất mình khỏi giường rồi cuốn một miếng thuốc to bằng thứ thuốc lá đen rẻ tiền hoặc có khi chỉ bằng thuốc lá vườn nhà. Ánh sáng nhợt nhạt của một buổi sáng tháng mười một sớm sủa rọi vào một thư phòng đơn sơ với những bức tường trần trụi, rọi vào những tấm da cáo thô kệch, vàng vọt treo bên trên giường và rọi vào một thân hình vạm vỡ với chiếc quần rộng ống và chiếc áo cổ chéo bông lơ, trong khi đó tấm gương phản ánh một gương mặt ngái ngủ có dáng dấp người *Tatar* (28). Căn nhà ấm áp, tranh tối tranh sáng, im lặng như tờ. Ngoài cửa, ở hành lang đang khò khè ngáy một bà già nấu bếp đã từng sống trong căn nhà của những kẻ ăn người làm từ hồi còn là một cô bé con. Thế nhưng điều đó vẫn không ngăn cản ông chủ quý tộc hét văng nhà bằng một giọng khàn:

- Bà Lukeria! Cho ta *xamovar*!

Đoạn ông ta đi ủng, khoác lên vai chiếc áo bành tô chần thân và chẳng buồn cài cúc áo sơ mi, bước ra bậc thềm cửa. Nơi buồng ngoài, cửa còn đóng và có mùi của bầy chó săn: chúng uể oải vươn mình, rít lên mà ngáp, đoạn niêm nở ra quây lấy ông chủ.

- Xê ra! - ông chậm rãi nói bằng một giọng trầm khoan dung, đoạn qua vườn mà đi ra sân phơi lúa. Ngực ông nở ra để hít thở làn không khí gay gắt của bình minh và mùi vị của khu vườn trần trụi, rét mướt trong đêm. Những chiếc lá quăn lại và thâm sì vì giá rét đang sột soạt dưới những gót ủng nện trên lối đi giữa hai hàng bạch dương đã bị phạt ngang một nửa. Trên nóc lán chứa lúa, những con quạ xù lông ngủ đang hiện rõ nét trên nền trời thấp và mờ tối... Ngày hôm nay đi săn thì thật tuyệt vời! Rồi, dừng bước giữa lối đi ông chủ quý tộc đưa mắt nhìn hồi lâu ra cánh đồng mùa thu, ra những vạt lúa thu non mướt xanh và hiu quạnh, chỉ còn có những con bê đang thả bước nhớn nhỡ. Hai con chó cái đang rít lên dưới chân ông, còn con Dalivai thì đã ra khỏi vườn: nó nhảy qua chồm lại trên những gốc rạ lờm chờm, như mời chào, như đòi được băng ra cánh đồng. Nhưng làm gì được với loại chó săn này bây giờ? Con thú giờ đây đang ở ngoài đồng, ở những luống cây vữa, ở lối đi giữa hai bờ tuyết phủ, chứ còn ở trong rừng thì nó sợ, bởi vì

trong rừng gió thổi lá cây kêu xào xạc... Ôi, giá như có được loại chó *borzoi*!

Trong lán chứa lúa người ta bắt đầu đập lúa. Cái thùng của máy tuốt lúa từ từ quay, kêu lên kèn kẹt. Những con ngựa kéo máy loạng choạng bước đi, dấn vó trên đường vòng đầy phân, uể oải kéo căng những chiếc dây truyền. Ngồi chính giữa, xoay tròn trên chiếc ghế băng nhỏ, người ruồi ngựa đều giọng thét lác lủ ngựa và lúc nào cũng chỉ chăm chăm lấy roi quất vào một con ngựa đực màu nâu lười lĩnh hơn cả và đúng là vừa đi vừa ngủ, bởi lẽ mắt nó đã bị bịt kín mất rồi.

- Nào, nào, các cô gái, các cô gái! - một bác chuyên trách việc đưa lúa vào máy, đã đứng tuổi, mặc chiếc áo sơ mi bằng vải gai rộng thùng thình, thét lên nghiêm khắc.

Các cô gái vội vàng đi quét sân đập lúa, mang cáng, cầm chổi chạy đi.

- Lạy Chúa! - bác chuyên trách tuốt lúa nói, đoạn người ta thấy bó rơm đầu tiên được đưa vào máy để thử đã rít lên, rào rào bay vào thùng máy rồi từ trong thùng máy nhô lên, xòe ra như một cái quạt. Còn thùng máy cứ rú lên mỗi lúc một da diết hơn, công việc sôi nổi dần lên, và chẳng mấy chốc các thứ âm thanh hoà thành một tiếng ầm ầm chung của việc đập lúa nghe rất dễ chịu. Ông chủ đứng ở cổng lán nhìn vào thấy trong bóng tối thấp thoáng những chiếc khăn trùm màu đỏ và vàng, thấp thoáng những bàn tay, những chiếc bừa cào, những rơm rạ, và tất cả những cái đó chuyển động đều đặn, tíu tíu lên trong tiếng quay ầm ầm của thùng máy, trong tiếng thét độc điệu và tiếng huýt gió của bác chuyên trách tuốt lúa. Bồi lúa bay từng đám từng đám ra cổng. Ông chủ đứng đó, toàn thân sạm đi vì bồi lúa. Ông luôn đưa mắt nhìn ra cánh đồng... Các cánh đồng sắp trắng xoá đến nơi rồi, chẳng bao lâu nữa chúng sẽ chìm ngập trong trận tuyết đầu mùa...

Cơn rét đầu mùa, trận tuyết đầu mùa! Chó *borzoi* không có, chẳng đi săn bằng cái gì được trong cái tháng mười một này. Nhưng mùa đông đã đến, đành bắt đầu “công việc” với những con chó săn thường vậ. Thế là, lại như những thời buổi trước đây, các vị điền chủ nhỏ lại cười ngựa đến thăm nhau, tiền còn bao nhiêu đem ra uống hết, hôm nào cũng biệt tăm biệt tích suốt ngày trong những cánh đồng tuyết phủ. Còn chiều đến, ở một thôn

xóm hẻo lánh nào đó, từ xa người ta đã thấy những ô cửa sổ chái bên của ngôi nhà đã loé sáng lên trong đêm đông tăm tối. Ở đó, trong cái chái của ngôi nhà nhỏ bé ấy, người ta thấy những làn khói tròn bay chơi vơi, những cây nến mỡ lợn cháy lơ mờ, một cây đàn ghita đang được lên dây...

*Hoàng hôn xuống, gió chiều lộng thổi
Cánh cổng kia ta mở toang hoang, -*

Một giọng nam cao cất lên từ lồng ngực của ai đó. Và những người khác rời rạc, làm ra vẻ đùa cợt bắt giọng hát theo với điệu ngang tàng ứ dột và tuyệt vọng:

*Cánh cổng ta mở toang hoang
Để cho tuyết trắng phủ đường ta đi...*

Meliton

Vào những buổi hoàng hôn sáng sủa trong tháng năm, tôi thường cưỡi ngựa dạo chơi trong vùng Zakaz quê nhà. Con ngựa men theo con đường hẹp giữa những rặng liễu và phi tử tươi mát. Bốn chum quanh đầu đầy đều tươi non, xanh rờn, tiếng họa mi thánh thót đáp lời nhau hót dịu dàng và rành rọt ở hai bên đường. Mặt trời đã lặn từ lâu, nhưng khu rừng còn chưa im ắng: tiếng chim ngói còn rầm rì ở gần đầu đây, những con chim gáy vẫn gáy xa xa... Trong những đêm tháng năm, giấc ngủ thường không sâu và ngắn ngủi, cứ lơ mơ cho tới tận rạng đông, rồi bình minh lại nơi tiếp hoàng hôn.

Tôi phóng ngựa đến khoảng rừng thưa, nơi có chòi canh. Ở khu đất trũng phía bên kia khoảng rừng thưa có một cái ao to, đầy nước. Bên trên ao, bên trên những cây bạch dương và những cây sồi cổ thụ mọc chung quanh ao hiện ra một vành trăng nhợt nhạt, trong suốt. Còn bên bờ ao là bác Meliton đang ngồi trên một gốc cây đã đổ. Bác ném những cành khô vào một đồng lửa nhỏ nóng ran đang bập bùng cháy trong hố bếp, bên trên treo lủng lẳng chiếc nồi. Như mọi khi, chiếc quần và tấm áo sơ mi vá của bác đều rất tinh tươm, chân bác bó xà cạp rất gọn. Bác ngồi, chống khuỷu tay lên đầu gối, tì má lên hai lòng bàn tay nhìn vào ngọn lửa và bác í éo khẽ hát một bài gì đó bằng một giọng thanh mảnh, y hệt giọng đàn bà.

- Bác bắt được nhiều cá giếc rồi đấy hả, bác Meliton? - tôi vừa tụt xuống khỏi lưng ngựa, vừa hỏi.

Bác đứng dậy, dướn thẳng người theo một tư thế đứng nghiêm đặc biệt mà hồi nào đây chỉ những lính hầu của vua Nikolai mới đứng như thế, và bác làm ngay ra vẻ bình thản, dường như để cố giấu nỗi buồn thường có trong đôi mắt xanh lam mờ nhạt của mình. Vóc người bác to cao, thân hình bác gầy gò, xương xẩu. Cặp lông mày rậm, xám và cả bộ ria màu xám tua tua lan ra cả hai bên má giống như người để râu quai nón, tất cả đều khiến bác có vẻ khắc nghiệt, thế nhưng cái đầu hói, cặp mắt màu ngọc lam và chiếc áo sơ mi nông dân sạch sẽ của bác thường xuyên cho thấy bất kỳ lúc

nào bác cũng sẵn sàng lẫn mình “dưới các tượng thánh” thì lại chứng tỏ rằng cuộc sống của bác là một cuộc sống hiền lành, ẩn dật.

Khi khoai trong chiếc nồi gang nhỏ đã bắt đầu reo và sôi lên sùng sục thì bác lấy một chiếc dăm củi chọc vào xem, rồi bắc nồi ra. Lửa tàn dần, chỉ còn lại một đồng than nóng đỏ ánh lên trong hố đất. Cạnh bếp bốc lên mùi lá cây sồi cháy khét, nhưng khi ông già bắt đầu bóc vỏ khoai thì mùi khoai thơm phức đến nỗi tôi cũng phải xin bác vài củ mà ăn. Và rồi chúng tôi lặng lẽ ăn bữa chiều bên bờ ao tắm tối và im lìm, trong bầu tĩnh mịch và trong cảnh chạng vạng khi buổi hoàng hôn còn chưa tắt hẳn một chiều xuân. Sau đám cây cối phía bên phải, ánh chiều vẫn còn ửng lên phơn phớt, dịu dàng, khiến ta tưởng chừng như ở nơi đó trời đã bình minh.

- Bác Meliton ơi, - tôi hỏi với vẻ hồn nhiên của tuổi niên thiếu, - có phải bác từng bị đánh “hội đồng” (29) trong quân đội không?

- Phải đấy ạ, - bác đáp giản dị và ngắn gọn.

- Tại sao vậy?

- Tất nhiên là do đại dột, do lỗi lầm ...

Bác bỏ vào nhà, còn tôi cứ ngồi một mình hồi lâu, nhìn vào đồng than leo lét. Rồi bác lại lặng lẽ xuất hiện từ trong bóng tối, mang theo một miếng bánh mì đen, một con dao nhỏ làm bằng lưỡi hái cũ và một nắm muối khô. Chạy theo sau bác và vẫy đuôi một cách trù mến là con Krutik (30), một con chó nhỏ, vui nhộn, nhưng rất hung dữ, mặc dù vui tính. Nó cũng ra ngồi cạnh bếp, thoải mái ngáp, liếm láp rồi đưa mắt đôi nhìn từng cử động của bác Meliton, trong khi bác đang tra đậm muối vào miếng bánh mì. Lũ họa mi vẫn tiếp tục hút say sữa và lạnh lót, dịu dàng và liêu lĩnh.

- Bác chỉ một thân một mình vậy ư? - tôi hỏi.

- Chỉ một mình thôi. Trước cũng có vợ, nhưng lâu rồi, chả nhớ được nữa.

- Thế còn con cái?

- Cũng có cả con cái nữa đấy ạ, mà Chúa cũng đã đem chúng đi từ hồi nào ấy rồi...

Và rồi bác lại nín lặng, nhai bánh mì tộp tộp với vẻ từ tốn của người già. Tôi chăm chú theo dõi những cử động của đôi má nhăn nheo, đôi mí mắt

sụp xuống của bác, cố đi sâu tìm hiểu cái bí ẩn trong thái độ lầm lì buồn bã của bác, khi bác nhu mì và yếu ớt đưa mắt nhìn tôi thì tôi lại quay mặt đi. Lúc bấy giờ tôi ở tuổi đôi mươi, cái gì cũng đều khiến tôi cảm động: rừng rú, bầu trời, chiếc chòi canh, những bó cỏ và những vành hoa gì đó treo dưới mái nhà, trong lớp lá khô trên rui mè ở buồng ngoài của chòi canh... Tôi ngẫm nghĩ: chân bác Meliton đi giày bện bằng sợi vỏ cây, mình bác ấy mặc chiếc áo sơ mi kiểu cổ... Sống một cuộc đời thanh bạch, giản dị, nghèo nàn như thế thì thật tuyệt vời! Và những vành hoa kia, bác ấy hái về và kết lại cho ai nhỉ? Những vành hoa ấy càng khiến tôi thêm cảm động, tôi vừa đứng dậy, vừa bảo:

- Bác Meliton ạ, nhà ở của bác đúng là một nơi biệt cư để đan tu (31).

Bác dịu dàng và buồn rầu nhếch mép.

- Nơi biệt cư để đan tu thì phải có nhà nguyện cơ, cậu ạ, - bác vừa nói, vừa ném miếng vỏ bánh mì cho con Krutik, đoạn đổ nước trong nồi gang vào đồng than.

Than kêu xèo xèo rồi tắt ngấm. Và ngay tức thời, tôi thấy rằng trong rừng đã hiện ra một đêm trăng sáng sữa, khoảng rừng thưa đã được một vầng trăng óng ả chiếu sáng, còn những khoảng rừng rậm thì đã đen nhem đi và tách biệt hẳn ra. Vừa ăn bữa chiều bằng vỏ bánh mì xong là con Krutik lập tức bắt đầu ngay công việc ban đêm của nó. Cất tiếng sữa lạnh lạnh, nó chăm lo hết chỗ nọ đến chỗ kia đằng sau chòi canh, và do đó tất cả khu rừng hết như đều đầy những con chó con vừa dừ lại vừa hiểu động. Bác Meliton thắp đèn trong căn nhà gỗ để trái cỏ khô lên một chiếc trường kỷ cho tôi nằm, - và lúc bấy giờ, dưới mái nhà cũ kỹ rệ xuống, hai ô cửa sổ nhỏ đã ánh lên như hai con mắt bằng vàng. Rồi bác mang đèn ra buồng ngoài. Khi tôi bước vào, bác lại mỉm cười với tôi.

- Nếu không thì cậu lại phải nằm vào cái giường treo kia kia, - bác nói, hất đầu chỉ vào giường mình nằm.

Ở một góc nhà, cạnh lối ra vào, có bố trí một cái gì đó giống như một chiếc giường treo đặt trên những chân giường cao lêu đêu bằng củi bạch

dương. Trên giường cũng trải cỏ khô cao tới ngang thành đầu giường và có phủ một mảnh chăn đắp ngựa.

- Bây giờ còn ngủ nghe gì nữa, - tôi nói, - sắp sáng đến nơi rồi.

- Sắp sáng rồi, - bác Meliton tỏ vẻ đồng ý một cách thản nhiên.

Và quả vậy, chúng tôi chỉ ngủ lơ mơ. Trong căn nhà gỗ tối tăm này thật yên ắng, dễ chịu. Trên những ô cửa sổ ta có thể thấy được những mảnh xanh xanh của đêm trăng. Nhưng có cái gì đó khiến tôi không sao ngủ được: chỉ nghe tiếng muỗi hơi vo ve là tôi tỉnh giấc rồi. Tôi nghe tiếng con Krutik sữa, tiếng họa mi hót, tôi tư tưởng đến một cái gì đó mà thường người ta chẳng sao nhớ được trong những đêm mất ngủ... Cả bác Meliton cũng không ngủ được nốt. Bác bị lũ rận quấy rầy.

- Nào, cứ liệu hồn, liệu hồn, tao sẽ bắt mày phải vào ngủ dưới gầm giường này cho coi! - thỉnh thoảng bác lại lăm lăm như vậy để dọa con Krutik.

Rồi sau thấy bác ho, bác thở dài, bác thì thầm cái gì đó... Cuối cùng, tôi nghe tiếng chân bác đi dưới cửa sổ. Tôi bèn thò đầu ra không khí ban đêm mát mẻ ngoài cửa sổ. Bác Meliton không nhìn thấy tôi. Bác ngồi ở bậc ngưỡng cửa, đầu cúi xuống, từ tốn vò dúm thuốc lá trong lòng bàn tay và lại í éo hát với giọng đàn bà nghe buồn rượi:

- Ôi cha, trời ơi! - bác thì thào trong một tiếng thở dài, lắc lư mái đầu, và đánh lửa hút thuốc. Rút một hơi trong tẩu xong, bác chống tay lên cằm và lại càng ngậm nga rõ lời hơn, thiết tha hơn.

Qua bài hát, nghe được rõ ràng, bác đang kể về những khu vườn xanh tươi nào đó, vừa trách móc một cách có thiện ý lại vừa nhắc nhở ai đó nhớ tới những nơi mà “nàng đã chết, đã vĩnh biệt, ôi, cùng với mối tình xưa”... Đêm sáng lung linh, vầng trăng treo lên đến chính giữa bầu trời, dừng lại ngay bên trên ao. Thỉnh thoảng trên mặt nước lại có cái gì lóng lánh thành một tia sáng dài, hệt như ở đó một con rắn bạc đang uốn khúc. Ở bờ bên kia dường như không có nước nữa. Đó là một cõi vô biên sáng loáng trong một bầu trời khác, một bầu trời dưới mặt đất. Những cây sồi, cây bạch dương cổ thụ ở bờ bên ấy giờ đây chừng như cao hơn, cân đối hơn so với ban ngày. Song đẹp hơn cả là một cảnh rừng đang sẫm tối ở dưới bờ ao mà các gốc

cây lại lộn lên trên, còn ngọn cây thì đâm vút vào cõi vô biên ấy. Còn ở xa xa, phía sau rừng, bầu trời đã xanh trong, và ở đó, trong đồng ruộng, những con cun cút đã bắt đầu gáy một cách tươi tỉnh và rành rọt... Tôi nhắm mắt lại. Đến khi tôi tỉnh giấc thì trời đã sáng bạch. Toàn bộ mặt ao đều toả khói, khoảng rừng thưa bạc đầu vì sương giá đậm đà, tất cả khu rừng đều lạnh đi, tươi tắn lên và dường như càng đứng sững lại chung quanh ao. Và rồi sau thấy có gió âm hút vào cửa sổ, tiếng ếch nhái bắt đầu kêu ran trong ao, con gà trống ở buồng ngoài vỗ cánh phành phạch với vẻ hào hùng rồi gào lên một giọng khàn. Bác Meliton gò lưng xách từ ao về nhà một xô nặng đầy nước sóng sánh, và để lại một vệt xanh óng kéo dài trên dăm cỏ bạc đầu...

Lần cuối cùng tôi đến thăm bác Meliton là vào một ngày nào đó trong vụ đông vừa qua. Tôi nhớ đó là một ngày u ám, đầy sương mù, hơi nước đóng thành một lớp sương giá dày dặn trên cây cối. Tôi đi xe trượt tuyết ra ga để lấy bưu kiện, rồi khi từ ga trở về thì trời đã nhá nhem, và sau khi đã vượt qua những đống tuyết trong sân ga để ra được cánh đồng, tôi bèn quyết định rẽ vào Zakaz. Trời tối rất mau. Do sương giá, con ngựa của tôi sạm cả đi, lông xoắn tít lại, còn lông mi và ria của tôi chẳng mấy chốc cũng như thế nốt. Mới đầu trên cánh đồng thậm chí cách hai bước cũng chẳng nhìn thấy gì cả, chỉ rất một màn sương xám xịt, hoang sơ. Nhưng rồi trong màn sương ấy ta thấy cứ sáng dần, sáng dần ra. Một vầng trăng lớn, như một quả bóng thẫm đỏ, vẫn xuyên qua được màn sương, lên cao dần ở đằng xa và bị xẻ ra làm đôi bởi một vệt mây dài phơn phớt màu hoa cà. Càng lên cao vầng trăng càng bỏ lại vệt mây đó ở phía dưới, và càng lóng lánh toả ánh vàng. Tiến gần đến Zakaz, tôi đi vào một bóng tối trải trên cánh đồng cách đó khá xa mà loang lổ đầy những hoa văn của ánh sáng, và cả ở Zakaz toàn bộ cảnh vật trên cánh đồng cũng đã đều loé sáng lên như trong một xứ sở thần tiên nào vậy. Rồi sau đó thấy một đốm lửa nhỏ ở chòi canh lấp lánh lên như một ngôi sao đỏ kỳ dị và thấy tiếng con Krutik sữa lạnh lạnh, chạy hết bụi rậm này sang bụi rậm khác, làm vang động khắp cả một khu rừng nhậy cảm và giá lạnh.

Tôi buộc ngựa vào một cây sồi nhỏ, trước chòi canh. Sương giá từ cây sồi lá tả rơi xuống như pháo bông. Tôi đứng một lát và lắng nghe bầu tĩnh

mịch sâu lắng của khu rừng, rồi thận trọng tiến lại gần bờ đất ở chân tường chòi canh mà nhòm vào ô cửa sổ đã bị băng phủ tới một nửa. Và một lần nữa tôi lại sững sốt trước cảnh khắc khổ thiêng liêng trong cuộc sống ẩn dật xa lánh người đời của ông già. Ở tận phía sau trong căn nhà gỗ mờ sáng lơ mờ và ám khói đen sì này, bác Meliton đang đứng trước một tấm ván mỏng treo tượng thánh đặt ở góc nhà mà nhắm mắt lại cúi lạy tượng thánh, lúc cúi xuống sát đất, lúc thì cúi đến ngang lưng. Trông qua cũng đủ biết rằng bác vừa tắm gội xong, - mái tóc thưa thớt của bác còn ướt và được chải chuốt chỉnh tề, cầm bác cạo nhẵn, chiếc áo sơ mi trắng dài của bác buông chùng. Đôi lúc bác lại còn ngả đầu ra đằng sau và cứ đứng như thế mãi với đôi mắt trợn ngược...

Tối hôm đó bác cũng lại vẫn ít nói, nhưng đặc biệt tỏ ra hiền hòa và trù mẩn. Căn nhà gỗ ấm và ấm, khác nào một buồng tắm. Tôi trút bỏ áo choàng lông mà ngồi xuống ghế dài. Còn bác thì cứ dướn thẳng người đứng trước mặt tôi, từ tốn trả lời và lúc nào cũng hạ mí mắt xuống. Cuối cùng, lúc sắp sửa ra về, tôi như tuồng tiện thể hỏi qua:

- Bác Meliton, sao lúc nào cũng thấy bác có vẻ buồn rầu thế?

Bác ngạc nhiên:

- Tôi ấy ạ? - bác cuống quít hỏi lại. - Tôi có sao đâu ạ... Hẳn là tôi già nua...

- Hay bác đang đau lòng chuyện gì? - tôi nhìn thẳng vào mắt bác và nói.

- Lạy Chúa tha tội! - bác vội vã nói. - Tôi vẫn canh phòng đấy ạ...

- Ồ không, tôi có nói chuyện ấy đâu, - tôi ngượng ngùng bảo. - Tôi hỏi là...

Bác hiểu ra, bình tâm lại, rồi bác dịu dàng mỉm cười, lim dim đôi mắt.

- Thế mà tôi cứ tưởng là cậu có điều gì phật ý, - bác nói. - Còn chuyện vì sao tôi không vui, thì giờ đây tôi còn vui vẻ nỗi gì cơ chứ? Mới lại tôi tội lỗi đã nhiều.

- Bác tội lỗi cái gì, bác Meliton!

- Tội lỗi thì ai mà chẳng có ạ, - bác nghiêm trang nói.

- Con người ta sống chính là để ăn năn tội lỗi.

- Vậy mà bác vẫn sống như một vị thánh nhân ấy. Cả đời bác cứ ăn chay hoài.

Bác lại ngạc nhiên và thậm chí hơi có vẻ nhăn nhó.

- Tôi cũng ăn uống như mọi người thôi ạ, - bác líu tíu nói. - Người ta ăn không được như tôi mà cũng chẳng phàn nàn gì khiến Chúa phải nổi giận nữa là.

- Ồ, nếu vậy thì chúc bác mạnh khỏe nhé, chào bác, - tôi nói, đoạn mặc áo choàng lông, cất mình đứng dậy, mở cửa bước ra ngoài trời giá lạnh của đêm trăng.

Trời rét căm căm, bên trên khoảng rừng thưa tuyết phủ, chòm Đại Hùng Tinh treo trên bầu trời như những hạt kim cương. Đầu không mũ, mình mặc độc một chiếc sơ mi, bác Meliton ra đứng ở ngưỡng cửa.

- Chào bác Meliton nhé, - tôi nói và ngồi lên xe trượt tuyết. - Bác vào nhà đi, kẻo cảm lạnh đấy!

- Không đâu ạ. - bác đáp. - Chúc cậu lên đường bình yên ạ...

Trên cánh đồng sáng sủa, con ngựa chạy mau và hăng hái, đôi càng trượt tuyết hát lên và rít lên, gió làm bông cả mặt và khiến cho cả ria và lông mi đều đông cứng lại. Tôi phải luôn ngoảnh đi để tránh gió, giấu mặt vào chiếc cổ áo bằng lông gấu mèo thơm ngát trong giá lạnh.

1900 -1930

Cuộc Đời Tươi Đẹp

Đời tôi vốn dĩ tươi đẹp, cái gì mong ước tôi cũng đều đạt như sở nguyện. Nay nhé, cả bất động sản tôi cũng có, - ngôi nhà thì ông già nhà tôi đã sang tên cho tôi ngay sau ngày cưới rồi, - tôi lại có cả mấy con ngựa, một đôi bò cái, và chúng tôi lại còn có cả cơ ngơi buôn bán nữa kia. Dĩ nhiên, chẳng phải là cửa hiệu to tát gì, mà chỉ là một cái quán bán hàng nhỏ bé nhưng cũng đủ cho cả cái xóm ngoại ô này đến mua. Trong đời tôi luôn gặp may, có điều là về tính nết tôi cũng là con người tần tảo.

Về mọi cung cách làm ăn thì bố tôi đã bảo ban tôi từ thời mồ ma của cụ. Tuy đã goá vợ và nát rượu nhưng cụ cũng là người khôn ngoan, tháo vát và nhẫn tâm chẳng kém gì tôi. Khi đã rắp chí rồi thì cụ mới bảo tôi rằng:

- Nay, con gái của bố ơi, bây giờ bố đã làm chủ được mình, ta hãy kiếm tiền đi thôi. Ta sẽ kiếm tiền, ta ra tỉnh ở, ta tậu nhà tậu cửa, bố sẽ gả con gái bố cho một ông khá giả, bố sẽ đàng hoàng. Còn với các ông bà chủ ở đây thì chẳng tội gì ta ngồi lì mãi với họ, họ chẳng đáng cho ta đối xử với họ như vậy.

Các ông bà chủ của chúng tôi tuy có tốt bụng thật đấy, nhưng nghèo xác nghèo xơ, quả đúng là những người ăn mày ăn xin. Thế là chúng tôi bỏ họ mà dọn nhà sang làng khác, còn nhà cửa, gia súc với lại hàng quán có gì đem bán tất. Chúng tôi dọn đến ở ngay sát thành phố, trông bấp cải rẻ cho bà công nương Meserina. Bà ta vốn là thị nữ trong cung vua, người chẳng đẹp đẽ gì, mặt rỗ, ở vậy làm bà cô đầu bạc trắng, chẳng ai lấy, thế cho nên đành sống thâm lặng một mình. Nghĩa là chúng tôi thuê mấy bãi cỏ của bà ta và thật tình là chúng tôi chỉ ở trong một túp lều tranh. Trời lạnh, đã sang thu mà chúng tôi chẳng sợ gì. Chúng tôi ngồi chờ đến ngày có những lời lẽ lớn, do đó không cảm thấy có gì là tai hại cả. Mà tai hoạ thì nó đã đến nơi rồi kia, lại là tai hoạ đến đâu nữa ấy chứ? Công việc của chúng tôi đã gần đến lúc ăn nên làm ra, thì đột nhiên xảy ra một chuyện lôi thôi kinh khủng. Buổi sáng chúng tôi vừa uống no trà xong, - hôm ấy chả là ngày lễ mà lại, -

tôi còn đang đứng vẩn vơ cạnh túp lều thì bỗng thấy có người của nhà thờ tiến vào nội cỏ. Bố tôi lại đi chặt bắp cải mất rồi. Hôm ấy tuy gió to, nhưng trời đến là sáng sủa, tôi cứ mãi nhìn, nên không thấy có hai người đàn ông thành linh đến ngay cạnh mình lúc nào không hay. Một người là ông linh mục cao ơ là cao, mặc áo thụng xám, tay cầm gậy, mặt mày sây sẫm, xám ngắt, mái tóc hệt như bờm một con ngựa đẹp đang dựng lên tua tủa trong gió, - còn người kia là một nông dân bình thường, người làm của ông ta. Họ tiến đến sát tận lều. Tôi khép nép, cúi đầu chào mà rằng:

- Kính lạy cha. Đội ơn cha có lòng hạ cố.

Nhưng tôi thấy ông ta vẻ mặt dữ dằn, buồn bực, cũng chẳng hề đưa mắt nhìn tôi mà chỉ lấy gậy đập nát những cây cối.

- Thế bố mày đâu? - ông ta hỏi.

- Bố con đi chặt bắp cải rồi ạ. Nếu cần thì con có thể đi gọi về. Mà chính bố con đang về rồi kìa.

- Ờ, vậy thì bảo bố mày nhật hạnh hết đồ đạc cùng với cái thứ *xamovar* ghê lở này rồi cuốn xéo khỏi nơi này. Từ nay trở đi tuần phiên của tao sẽ đến đây canh gác.

- Sao lại canh gác ạ? - tôi nói. - Chúng con đã nộp cả tiền chín chục rúp cho công nương rồi mà. Sao cha làm vậy, thưa cha? (Tôi tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã khá láu lỉnh). Ôi chao, - tôi nói, - cha lại còn cười nữa ư? Cha phải cho chúng con xem giấy chứ ạ. - tôi nói tiếp.

- Đừng có già mồm, - ông ta thét - Công nương dọn ra tỉnh rồi, tao đã mua những bãi cỏ này của bà ấy, và bây giờ đất này là của riêng của tao.

Bản thân ông ta thì vung gậy quật xuống đất, - liệu hồn kẻ gậy này lại quất vỡ mồm bây giờ.

Thấy sự thế như vậy, bố tôi bèn chạy lại, - bố tôi vốn là người nóng tính ghê gớm, - chạy đến nơi cụ hỏi:

- Làm gì mà ầm ĩ lên thế? Cha ơi, tại sao cha lại thét mắng con gái tôi, cha không biết đạo lý gì sao? Cha không thể vung gậy, mà phải thẳng thắn giảng giải cho chúng tôi rõ cha có quyền hành gì mà bao chiếm bắp cải của chúng tôi? Tuy chúng tôi nghèo thật, nhưng chúng tôi cũng sẽ hầu kiện ra

toà. Cha là bậc tu hành, - cụ nói, - cha không thể có lòng oán hờn được, kẻo mà người em trai của cha sẽ không sao tròn được quả phúc.

Té ra bố tôi cũng chẳng nói điều gì sỗ sàng với ông ta cả, còn ông ta tuy là linh mục nhưng dữ dằn chẳng kém gì một gã nông dân quen bình thường nhất, cho nên, nghĩa là khi nghe bố tôi nói vậy thì mặt ông ta trắng bệch cả ra, không nói được một lời nào, hoạ chẳng chỉ có đôi chân ông ta run lên bần bật trong tà áo thụng. Thế rồi nào ông ta lại rít lên, nào ông ta xông lại chỗ bố tôi, nghĩa là để mà lấy gậy choảng vào đầu bố tôi! Bố tôi bèn né mình tránh được, nắm lấy gậy, giật ra khỏi tay ông ta, đoạn kê xuống đùi bẻ đánh rắc một cái! Ông ta định chồm vào ngực bố tôi, nhưng bố tôi đã bẻ gãy chiếc gậy ra làm đôi, quăng tít ra xa mà hét:

- Trình cha, cha hãy vì Chúa, chớ lại gần! - cụ hét. - Cha hắc ám, gian xảo nhưng tôi còn gian xảo hơn kia đấy.

Thế là người ta nắm lấy tay cụ lôi đi!

Hết kiện lại tụng, người ta bắt bố tôi đi đày vì chính cái chuyện đó, vì đã xúc phạm đến bậc tu hành, vì ngụ cư trái phép. Mình tôi còn lại trên cõi đời này và tôi nghĩ bụng: mình làm thế nào bây giờ? Rõ ràng là sống với lẽ phải là không được rồi, và rõ ràng là phải tính toán thận trọng mới được. Tôi suy nghĩ có tới đến một năm rồi đến ở với bà cô, và tôi thấy: mình chẳng chạy đâu cho thoát, phải mau mau chóng chóng lấy chồng đi thôi. Bố tôi có một người bạn tốt trong thành phố, làm nghề sửa chữa yên cương, - chính ông ấy đã dạm hỏi tôi. Không thể nói ông ấy là một chàng rể xuất sắc được, nhưng dù sao lấy ông ta cũng có lợi. Quả thật là tôi cũng có thích một người, tôi rất thích đấy, nhưng anh ta cũng lại nghèo chẳng kém gì tôi, chính anh ta cũng đi ở cho người khác, còn dù sao cái ông này cũng vẫn chẳng lệ thuộc vào ai cả. Tôi chẳng có một xu của hồi môn nào, mà đám này tôi thấy rõ họ chỉ lấy không thôi, sao lại bỏ mất một cơ hội như vậy được? Tôi nghĩ đi nghĩ lại rồi bằng lòng, mặc dù dĩ nhiên tôi biết là ông ta đã luống tuổi, rượu chè, tính hay nóng nảy, nói quá đáng là một quân ăn cướp... Tôi lấy chồng và như vậy không còn là một cô gái bình thường nữa, mà đã là Naxtasia Xemionovna Giokhova, một thị dân trong thành phố... Kể ra cũng hơi lòng hơi dạ, điều đó dễ hiểu thôi.

Với ông chồng ấy tôi khổ sở chín năm trời. Được tiếng là thị dân mà nghèo rớt, chẳng hơn gì nông dân. Lại chửi bới, cãi lộn nhau hàng ngày. Ờ, may mà trời cũng còn thương tôi, đem ông ấy đi. Con riêng của ông ấy chết ráo, chỉ còn lại hai thằng bé, một thằng Vania lên chín, một thằng nữa còn đang phải bế ẵm. Cái thằng bé này mạnh khỏe mà vui nhộn ghê, lúc mười tháng đã biết đi, biết nói, mà con của tôi ấy à, đứa nào cũng cứ được mười một tháng là đều bắt đầu biết đi, biết nói tuốt, - và nó tự mình uống trà được, đôi khi dùng cả hai tay khư khư lấy cái đĩa, chẳng sao giăng lấy nổi của nó... Duy chỉ có điều là cái thằng bé ấy cũng chết nốt, lúc còn chưa đầy năm. Một hôm tôi vừa ngoài sông về, thì cô em chồng (chả là cô ấy cùng với tôi thuê chung một căn hộ) bảo:

- Hôm nay thằng Koxtia nhà chị nó khóc lăn khóc lộn suốt ngày. Em đã dỗ nó đủ trò, hết múa lại búng ngón tay, rồi lại cho uống cả nước đường, thế mà nó chỉ nheñ, rồi lại sặc nữa. Hoặc là nó bị cảm lạnh, hoặc là nó ăn phải cái gì đó, bởi vì trẻ con cái gì nó cũng nhét vào miệng cả ấy mà, làm sao mình để mắt hết được?

Thế là tôi bủn rủn cả người. Tôi bèn chạy xô đến bên nôi, gạt chiếc rèm che ra xem thì thấy nó đã bắt đầu lả ra rồi, thậm chí không kêu khóc gì được nữa cả. Cô em chồng liền chạy đi mời ông y sĩ quen, ông ấy đến, - hỏi: Các chị cho cháu nó ăn cái gì?

- Chỉ cho ăn cháo bột thôi ạ.

- Thế nó không chơi nghịch cái gì chứ?

- Đúng thế ạ, nó có chơi nghịch đấy ạ, - cô em chồng nói. - Ở đây có những vòng đồng ở đai cổ ngựa rơi ra lăn lóc, nó có chơi nghịch những cái vòng ấy.

- Thôi, - ông y sĩ bảo, - nhất định là nuốt cái vòng ấy vào bụng rồi. Chặt tay các chị đi cho xong! - ông ấy nói. - Các chị gây ra chuyện rồi đấy, thằng bé của các chị chẳng sống được nữa đâu!

Quả nhiên, sự việc ấy xảy ra đúng như lời ông ấy nói. Chưa đầy hai tiếng đồng hồ thì thằng bé chết mất. Chúng tôi xoay đi xoay lại như chong chóng, mà chẳng làm nên trò trống gì, - rõ ràng là chẳng sao chống nổi mệnh trời. Thế là tôi đành đem chôn nốt thằng bé đó, chỉ còn lại mỗi mình thằng

Vania. Tuy còn lại một mình nó đấy, nhưng như người ta thường nói: một mình vẫn đủ tình đủ tội. Người thì bé, nhưng ngày càng ăn nhiều, uống khỏe chẳng kém người lớn. Tôi định đi làm người ở rửa sàn nhà cho ông quan năm nhà binh Nikulin. Nhà ông này có cửa nả vốn liếng, thuê cả một căn hộ, mỗi tháng trả tới ba chục rúp tiền nhà. Bản thân họ ở tầng trên, còn tầng dưới là bếp. Người làm bếp cho họ là một cô thật chịu thương chịu khó, nhưng tính nết rất phóng đãng. Thế là cô ta chữa ẽnh ra, điều đó cũng dễ hiểu thôi. Cô ta không cúi người xuống để lau sàn được nữa, không kéo nổi tấm cửa lò bằng gang ra... Cô ấy phải bỏ việc đi đẽ, thế là tôi bèn vội đến chiếm chỗ của cô ấy, khéo léo chạy cho mau lại làm với ông bà chủ. Quả vậy, từ hồi còn nhỏ tôi vốn đã khôn ngoan, khéo léo, thường đã làm việc gì là đều làm thật sạch sẽ, tươm tất, ăn đứt bất kỳ một người hầu bàn chuyên môn nào, mà lại cũng biết cả cách chiều lòng người nữa: kệ cho nhà chủ muốn nói gì thì nói, tôi chỉ rặt “ạ - ạ”, với lại “đúng thế”, với lại “quả là không sai tẹo nào...”. Thường là tôi dậy từ lúc tờ mờ ánh trăng, lau chùi thật sạch các sàn nhà, đốt lò, cọ rửa *xamovar* - nhà chủ tỉnh giấc là tôi đã làm xong xuôi đâu đấy cả rồi. Mà cả bản thân tôi nữa, điều dễ hiểu là tôi cũng vốn ưa sạch sẽ, khéo chân khéo tay, tuy bản tính có khô khan, nhưng xinh đẹp. Cũng có lúc tôi thấy tiếc cho mình: tại sao có sắc đẹp nhường ấy mà lại rơi vào số phận làm công việc đầu tắt mặt tối như thế?

Tôi bụng bảo dạ rằng: phải biết nắm lấy thời cơ. Mà thời cơ ở đây chính là ở cái ông đại tá này, ông ấy khỏe mạnh kinh khủng, ông ấy không sao có thể dẫn lòng khi trông thấy tôi, còn bà đại tá của ông ta lại là người Đức, to béo, ốm o, hơn ông ta có đến mười tuổi. Ông ta là người xấu xí, phức phịch, chân ngắn, trông giống như con lợn lòi, mà bà ta lại còn tệ hơn thế nữa kia. Tôi thấy rõ là ông ta đã bắt đầu ve vãn tôi, cứ xuống bếp tôi mà ngồi, lại bày cho tôi cách hút thuốc lá nữa. Vợ vừa ra khỏi cổng là y như rằng đã thấy mặt ông ấy rồi. Ông ấy đuổi người lính hầu ra tỉnh, giả bộ là có công việc, rồi đến ngồi đó. Tôi ngán ông ấy muốn chết, thế nhưng, dĩ nhiên là tôi cứ giả vờ nào là cười cợt, nào là ngồi rung đùi, - nghĩa là dùng đủ mọi cách để khêu gợi ông ta... Bởi vì, làm thế nào được, tôi thì nghèo, mà đằng kia thì như người ta thường nói, có mất chút gì cũng chỉ là voi rụng lông đuôi.

Một lần, hình như vào ngày sinh nhật của vua, ông ta xuất hiện trong bếp với toàn bộ sắc phục của mình, đeo cả ngù vai, lưng thắt một cái dây lưng trắng hết như một cái đai ấy, tay đi găng da loại cực mềm, cổ bạnh ra, cúc cổ cài chặt đến nỗi mặt tím cả lại, toàn thân sực nức mùi nước hoa, cặp mắt ánh lên, bộ ria đen dày cộp... Ông ấy bước vào rồi bảo:

- Tao với bà lớn đi nhà thờ bây giờ đây. Mà lau cho tao đôi ủng, kéo bụi bẩn quá. Chưa đi qua sân mà bụi đã bám đầy.

Ông ta đặt một chân dận trong một chiếc ủng véc ni lên một chiếc ghế dài, thật ra chỉ là một cái giá gỗ nào đó. Tôi cúi xuống, toan lau thì ông ta búi ngay lấy cổ tôi, thậm chí kéo trật cả khăn vuông ra, rồi ghì chặt tôi vào ngực ông ấy, và đã định lôi tôi vào sau lò. Tôi giằng ra, kéo lại mà không sao vùng ra được khỏi tay ông ta, còn ông ta thì người nóng như lửa, mặt đỏ bừng bừng, nghĩa là ông ta cố đè tôi xuống, tìm mặt tôi để hôn.

- Ông làm gì thế này! - tôi nói. - Bà lớn đến kia, ông hãy vì đức Kirixitô ⁽³²⁾ mà đi đi!

- Nếu mà yêu tao, - ông ta nói, - thì tao không tiếc mà cái gì hết..

- Chúng tôi hiểu những lời hứa ấy như thế nào bây giờ!

- Đừng đi đâu sắt cả, tao dù chết cũng không hối hận gì.

Ờ, sau đó là vân vân những lời đại loại như vậy, điều đó cũng dễ hiểu thôi. Còn tôi, thật tình ra thì lúc bấy giờ tôi suy nghĩ thế nào? Kể ra tôi rất có thể xiêu lòng về những lời của ông ta đấy, nhưng may sao sự việc của ông ta không thành. Một lần khác ông ta lại ôm chặt lấy tôi không phải lúc, tôi vùng ra được, đầu tóc rũ rượi, diện cả tiết lên, còn bà ta, bà lớn chủ nhà ấy mà, thì bà ấy đã ở ngay trước mắt: bà ấy từ trên nhà xuống, diện bánh, người to béo, vàng ệch cả ra như kẻ đã chết rồi. Bà ấy rên rỉ, loạt xoạt chiếc xiêm trên cầu thang gác. Tôi đã vùng ra được mà đứng đó, đầu không còn khăn, còn bà ấy thì đã đến ngay kia, đi thẳng đến chỗ chúng tôi. Ông ta luôn qua bà ta mà lủi mất, còn tôi thì cứ đứng trơ thổ địa, chẳng biết làm thế nào. Bà ta đứng đó một lát, đứng đối diện với tôi, tay nâng tà áo lụa, - như hiện thời tôi nhớ được, thì bà ta diện bánh để đi thăm người ta, bà mặc một tấm xiêm lụa nâu, đeo đôi bao tay trắng, mang dù nhỏ, đội một chiếc mũ nhỏ

như kiểu một chiếc lãng con, - bà ta đứng, rên rĩ lên rồi đi ra. Quả vậy, với ông ta và cả với tôi, bà chẳng hé miệng nói nửa lời. Rồi khi ông đại tá vừa đi Kiev thì bà ta mới lập tức đuổi tôi ra.

Tôi bèn thu nhặt đồ đoàn của mình trở về với cô em chồng (chả là thằng Vania vẫn ở với cô nó). Ra khỏi nơi đó rồi, tôi lại nghĩ: tôi bỏ hoài mất trí khôn của mình, chẳng kiếm chác được gì, tấm chồng cho đáng tấm chồng cũng không, mà của riêng cũng chẳng có, thế là trời phụ tôi mất rồi! Mình sẽ lại phải ra tay một lần nữa, - tôi nghĩ vậy, - dù có chết chẳng nữa thì cũng sẽ cố đạt được chí nguyện của mình, sẽ có vốn liếng riêng của mình! Tôi nghĩ hoài, nghĩ mãi như thế, rồi cho thằng Vania đi học việc ở bác thợ may, còn mình thì đi làm hầu buồng, cuối cùng vào ở hẳn cho ông nhà buôn Xamokhvalov, và ở đấy tất cả tới bảy năm tròn... Chính từ đấy mà tôi mới nổi được cơ đồ.

Người ta trả tiền công cho tôi được hai rúp hai mươi năm *kôpêch*. Có hai người hầu là tôi với lại cô gái Vera. Cứ một ngày thì tôi hầu bàn cô ta rửa bát đĩa, ngày hôm sau thì tôi rửa bát đĩa, cô ta phục vụ bàn ăn. Gia đình này cũng không nói là to lớn gì được: ông chủ Matvei Ivanovits, bà chủ Liubov Ivanna, hai cô con gái lớn, hai cậu con trai. Bản thân ông chủ là con người nghiêm nghị, ít nói, ngày thường chẳng bao giờ ở nhà, nhưng ngày lễ ngày tết thì cứ ngồi tịt ở buồng mình nên gác, đọc đủ thứ báo chí và hút xì gà. Còn bà chủ thì mộc mạc, tốt bụng, và cũng chỉ là thị dân như tôi mà thôi. Hai cô con gái là Ania và Klasa thì chẳng bao lâu ông bà chủ cũng đã gả chồng và cho cưới trong cùng một năm, - cả hai cô đều lấy quân nhân. Quả tình là chính trong lúc này tôi mới dành dụm được ít nhiều: các quân nhân đã thưởng cho chúng tôi vô khối tiền trà nước. Chỉ cần làm những việc thậm chí là chẳng đâu vào đâu, như lúc thì đưa bao diêm đến, lúc thì mang áo capốt và giày cao su lại, - thế là được ngay hai mươi, ba mươi xu... Mà chúng tôi lại làm ăn sạch sẽ nên quân nhân họ thích lắm. Cái con Vera ấy à, quả tình là nó hay làm ra cái bộ tịch gì ấy, như tuồng một tiểu thư nào đó, - bước đi lon xon, vẻ dịu dàng và tính hay hờn giận đáo để, chỉ hơi một tí là lập tức nhúu ngay đôi mày đầy lông tơ của mình lại, đôi môi mọng như quả anh đào bắt đầu run lên và nước mắt đã trào trên mi, - thật thế, những

hàng lông mi quả là đẹp, dài, tôi chưa từng thấy ai có những hàng mi như thế bao giờ! - Ờ, thế nhưng tôi, tôi lại khôn ngoan hơn. Tôi thường hay mặc một chiếc áo chèn thân vải trơn, có viền thêm đăng ten, cộc tay, đầu vắn đuôi sam với một dải nhung đen, đeo tạp dề trắng hồ bột, - như vậy thậm chí trông tôi lại rất dễ coi nữa kia. Còn cái con Vera ấy mà, nó lúc nào cũng bó mình vào chiếc coóc-xê, - bó chặt cứng đến không sức nào chịu nổi nữa, đến nổi nó nhức đầu phải buồn nôn lên ngay bây giờ đây! Thế còn tôi thì cả đời tôi chẳng biết cái coóc-xê là gì, vậy mà tôi vẫn gọn gàng như thường... Và khi các quân nhân họ về rồi, thì lại đến lượt các cậu con chủ nhà thưởng tiền cho chúng tôi.

Cậu con trai lớn, khi tôi mới bước chân đến, cậu ta khoảng hai mươi, còn cậu em thì đã qua tuổi mười bốn. Cái thằng bé này nó què quặt, chỉ rất ngồi nhà chẳng đi đâu được sất. Có bao nhiêu chân tay nó đều làm gãy ráo và bấy nhiêu lần tôi đều được thấy rõ cả. Mỗi lần bị gãy thì lập tức có đốc tờ đến ngay, băng bó cho nó bằng đủ mọi thứ bông, gạc, đoạn rút vào đó một thứ gì đó như là thứ nước vôôi ấy, rồi thứ nước vôôi này khô đi cùng với băng gạc, biến thành một thứ như cái nẹp ấy, thế rồi khi sắp khỏi thì ông đốc tờ đến rạch hết ra, tháo gỡ tuốt, - thế là, trông kìa, cánh tay đã lành lặn rồi. Thằng bé ấy nó không tự đi được, mà chỉ lết. Nhiều khi phải đi qua cả bậc ngưỡng cửa, cả cầu thang gác nó cũng đều cứ lết như thế. Thậm chí nó phải bò qua cả một cái sân để vào trong vườn. Đầu nó to tướng, hệt như đầu ông bố, hai bên tóc mai của nó xù xì, hung hung như lông chó, mặt nó phèn phẹt, già cặc. Là bởi vì nó ăn ghê gớm và ăn đủ thứ: cả xúc xích, cả những nắm sôcôla, cả bánh mì quăn thừng, cả bánh min-phơ (33), - ăn kỳ thích khẩu thì thôi. Còn chân, tay nó thì mảnh khảnh như chân cẳng con cừu vậy, chân tay nào cũng gãy ráo, đầy sẹo. Nhưng nó vẫn được nuôi nấng đàng hoàng mãi như vậy, người ta vẫn may cho nó những chiếc sơ mi dài. Học hành thì đã có bà giáo ở trường dòng đến dạy, bà ta đến tận nhà. Thằng bé học rất cừ, nó thông minh đáo để! Nó lại còn chơi được cả đàn gió nữa kia đây, và khó có thể có người chơi hay được như thế! Vừa kéo đàn lại vừa hát theo. Giọng nó khỏe, vang lạnh lạnh. Nhiều lúc nó cất cao giọng, cao giọng

lên mãi: “*Tôi là anh thầy tu, tôi vốn người khô ngô!..*”. Nó thường hay hát cái bài ấy.

Cậu lớn thì khỏe mạnh, thế nhưng cũng ngốc nghếch thế nào ấy, chẳng làm được tích sự gì. Ông bà chủ đưa cậu ấy vào học đủ các thứ trường lớp, mà nơi nào người ta cũng đuổi ra, chẳng học hành được gì. Cứ tối đến là cậu ta chuẩn đi đâu mất cho tới tận tảng sáng. Nhưng cậu ta vẫn sợ mẹ, thường là không dám đi lối cửa trước. Thế là chiều đến tôi lĩnh ra, chờ cho ông bà chủ ngủ một cái là lên vào buồng trên, mở sẵn cửa sổ trong chiếc thư phòng nhỏ của cậu ta, rồi lại trả về ngay buồng mình. Cậu ta tháo ủng ở bên ngoài, chỉ đi đợc có bít tất trèo qua cửa sổ mà vào và mọi việc êm ru. Ngày hôm sau cậu ta dậy, giả tảng như đêm qua chẳng hề đi đâu cả, thế nhưng ở nơi kín đáo thì cậu ta lại dúm cho tôi những gì cần thiết. Còn tôi thì có gì mà lo ngại đâu, tôi hết sức vui sướng mà nhận lấy thôi! Cậu ta có chết nghèo thì cũng kệ thầy cậu ấy chứ... Thế rồi tôi lại còn có khoản thu nhập từ phía cậu nhỏ Nikanor Matveits nữa kia.

Lúc bấy giờ có thể nói là ngày đêm tôi kiên trì đạt đến mục đích của mình. Cứ mỗi lần nắm chắc được tình hình dứt khoát có thể đảm bảo cho mình, thì vị trí của tôi lại càng được vững vàng trong cuộc sống ở đây. Thường là tôi chặt chiu từng đồng xu, chả là vì đồng tiền có cánh mà lại, động hé tay ra là bay mất ngay! Tôi bèn làm cho chính cái con bé Vera ấy nó không sao ở nổi nữa, - mà nói quá đáng, nó ở đây cũng chẳng cần thiết gì, tôi đã nói với nhà chủ rằng: chỉ mình tôi làm cũng xong, thà ông bà giao cho tôi làm thêm công việc vớ vẩn gì đó nữa còn hơn, - và thế là tôi ở lại một mình và điều khiển ráo. Tiền lương mới chưa kịp lĩnh nóng tay, số tiền của tôi đã tăng lên đến hai chục, hăm nhăm rúp, tôi bèn xin phép bà chủ đi xe ngựa đến nhà băng để gửi tiền ghi tên mình. Quần áo, giày dép nhà chủ đã cho cả rồi, tiền tôi còn tiêu vào đâu được nữa? Vậy mà, xin Chúa tha tội, cái thằng què quặt ấy nó lại mê tôi chứ, sung sướng thay cho tôi, mà khổ thay cho nó...

Giờ đây, cũng dễ hiểu thôi, tôi thường bụng bảo dạ rằng: có lẽ vì nó mà Chúa trừng phạt tôi bằng thằng con trai của tôi cũng nên! Sau đây rồi tôi sẽ kể hành tung của nó ra sao, nhưng quả là đôi lúc tôi nghĩ không ra, bởi lẽ

cần hiểu rằng tình hình thật hết sức đáng giận, nhiều khi tôi nhìn vào cái thằng què quặt, thấy cái đầu to kếch xù của nó mà phát chán! “Làm sao mà cái số của mày được sung sướng như vậy! Què quặt đến như thế mà lại được sống trong cảnh giàu có nhường ấy. Còn thằng con tao khô ngô như thế, ngày lễ ngày hội cũng chẳng được ăn, được uống bằng nửa cái ngày thường, cái ăn chơi ăn bời của mày!”. Tôi bắt đầu để ý thấy tuồng như là nó đã mê tôi, ờ né, quả là con mắt nó chẳng rời khuôn mặt tôi lúc nào cả. Lúc bấy giờ nó đã mười sáu tuổi đầu và đã bắt đầu mặc quần ống rộng, bắt đầu thắt đai sơ mi, và bắt đầu có ria đỏ lún phún. Nhưng, xin Chúa tha tội, sao mà nó xấu xí thế, mặt nó đầy tàn hương, mắt nó xanh lè. Khuôn mặt thì to mà trơ ra những xương cùng xấu. Mới đầu hẳn nó tưởng tượng rằng người ta có thể thích nó, nó bèn ăn mặc diện vào, mua hạt quỳ về cắn, rồi thường hay kéo vang chiếc đàn gió để cho mình phải say tiếng đàn của nó. Quả là nó chơi hay thật. Nhưng sau đó chẳng thấy ăn thua gì, thì nó thôi kéo đàn và thờ người ra đăm chiêu. Có một lần tôi đang đứng ở gác thượng, nhìn xuống thì thấy nó đang bò ở giữa sân với một chiếc đàn gió mới của Đức, và lần này nó cũng lại mày râu nhẵn nhụi, đầu tóc chải mượt, mặc chiếc áo sơ mi xanh lơ cổ tay chéo mà cao, cài ba cúc. Nó nghển cổ nhìn, nghĩa là nó đang tìm tôi. Nó nhìn, nhìn mãi, cặp mắt thờ thần và mờ mịt đi, rồi... rồi nó ca vang lên theo một điệu *polka*:

*Nhanh lên em hỡi nhanh chân lên,
Điệu polka anh sẽ nhảy cùng em,
Dễ dàng, khi bước theo nhịp vũ,
Thổ lộ mối tình chứa trong tim.*

Còn tôi, tôi làm ra vẻ không nhìn thấy, lấy cái âu rửa ấm chén hắt nước xuống! Hắt xuống rồi mà bản thân thấy không vui, lại rất sợ hãi nữa: mình sẽ bị mắng mỏ bây giờ đây chứ chả chơi! Thế nhưng lại thấy cậu nhỏ bò đi, rồi cậu ta ra sức leo lên cầu thang, một tay phủi quần áo, tay kia lôi xềnh xệch cái đàn gió, cặp mắt xuống, mặt trắng bệch cả ra. Cậu ta lại nói một cách khiêm nhường nữa chứ, giọng run run:

- Phỉ thui cái tay cô nhé. Cô làm thế là có tội đấy, Naxtia ạ.

Và chỉ thế thôi... quả là cậu ta hiền thật.

Lúc bấy giờ ấy à, cậu ta gầy rạc đi từng giờ chứ đừng nói là từng ngày, và ông đốc tờ ông ấy bảo là cậu ta chẳng sống được bao lâu nữa, nhất định sẽ chết vì ho lao thôi. Thường là tôi cũng ngại tiếp xúc với cậu ta. Thế nhưng rõ ràng người nghèo đâu có ngần ngại được, có tiền làm cái gì mà chẳng xong, chính vì thế nên cậu ta bắt đầu mua chuộc tôi. Thường là khi mọi người đã đi ngủ trưa cả rồi thì cậu ta lập tức gọi tôi lại, lúc thì ở ngoài vườn, lúc thì ở trong buồng mình. (Cậu ta ở tách biệt với tất cả mọi người, ở dưới nhà, trong một căn buồng lớn, ấm áp nhưng buồn tẻ, các cửa sổ đều trông ra sân, trần thấp, các bức thảm treo tường đều cũ kỹ, màu nâu).

- Cô ngồi đây với tôi một lát, - cậu ta nói, - rồi tôi sẽ cho cô tiền. Tôi chẳng đòi hỏi gì ở cô cả đâu, chỉ là vì tôi yêu cô nên muốn ngồi với cô một lát mà thôi. Một mình giữa bốn bức tường, buồn chết mất.

Ờ, thế là tôi cầm lấy tiền và tôi ngồi. Và chỉ bằng cách đó tôi đã kiếm được gần năm chục rúp. Cộng thêm với số tiền lương của tôi khoảng bốn trăm rúp gửi nhà băng để lấy lãi nữa. Tôi nghĩ bụng, thế nghĩa là bây giờ đã đến lúc mình phải bò dần ra khỏi cái gông đeo cổ. Nhưng tôi lại tiếc rẻ, muốn nán lại thêm một hai năm, tích lũy thêm ít nữa, mà điều chủ yếu là có lần cậu ta có buột miệng cho tôi biết rằng cậu ta có một ống tiền riêng, đựng khoảng hai trăm rúp tiền lẻ của mẹ cậu cho (điều này dễ hiểu thôi, cậu ta ốm đau luôn nằm một mình trong giường, thế là bà mẹ thường giúi tiền cho cậu ta chơi). Còn tôi, thỉnh thoảng tôi nghĩ bụng lạy Chúa tha tội cho chứ, giá cậu ấy đưa cho mình số tiền đó thì hay biết bao! Dù sao chẳng nữa thì cậu ấy cần gì đến số tiền ấy, cậu ấy chết đến nơi rồi, còn tôi thì có thể ăn được cả đời. Tôi chỉ chờ có dịp là sẽ thực hiện được việc đó cho khôn ngoan hơn. Điều dễ hiểu là tôi bắt đầu dụ dàng với cậu ta hơn, năng đến ngồi với cậu ta hơn. Thường là tôi vào buồng cậu ta, lại còn cố ý ngoái lại nhìn, ra vẻ vụng trộm, rồi khép cửa lại mà thì thào:

- Đấy nhé, thế là em đã tách ra một mình được rồi, ta ngồi với nhau đi.

Nghĩa là tôi làm như tuồng hai bên đã hẹn hò với nhau hết như vừa bên lễn, lại vừa mừng là mình đã tách ra được để bây giờ có thể ngồi chơi với

cậu ta. Rồi sau tôi lại giả tảng buồn chán, dăm chiêu. Thế là cậu ta sẵn đón:

- Naxti (34), sao em lại ỉu xìu đi như vậy?

- Thế đấy, em đâu thiếu nỗi đau khổ!

Tôi lại còn thờ dài, nín lặng và đưa tay lên chống lấy má.

- Nhưng có chuyện gì cơ chứ? - cậu ta nói.

- Người nghèo thì thiếu gì chuyện nghĩ ngợi mà nào có ai lo hộ cho họ?

Em cũng chẳng muốn nói ra những câu chuyện ấy kéo làm cậu lại chán chường.

Ờ, thế mà cậu ta cũng mau chóng đoán biết được đấy. Tôi đã bảo cậu ta thông minh mà lị, chẳng kém gì những người mạnh khỏe đâu. Có một lần tôi đến chỗ cậu ấy, - câu chuyện xảy ra như hiện nay tôi nhớ được, là vào ngày lễ Thánh giá, trời hôm ấy sao mà âm u, ẩm ướt, có sương mù, trong nhà mọi người đều đi ngủ trưa cả, - tôi bước vào buồng cậu ta với đồ khâu trên tay (hôm ấy tôi đang khâu vá gì đó), ngồi vào bên giường, và chỉ đến lúc bấy giờ tôi mới tính chuyện thờ dài, mới tính chuyện lại giả vờ buồn rầu để dần dần gợi cho cậu ta suy nghĩ và tự mình nói ra. Như hiện thời tôi nhớ được thì cậu ta nằm, mình bận một chiếc sơ mi màu hồng, mới nguyên chưa giặt, mặc quần rộng ống màu xanh lơ, đi đôi ủng ngắn mới, ống ủng đánh vécni, vắt chân chữ ngũ, đưa mắt liếc nhìn. Tay áo thì rộng thùng thình, quần lại càng rộng hơn, mà chân tay lại như que tăm: đầu thì nặng, to, mà mình thì bé tí tẹo, - thậm chí chỉ nhìn cũng đã thấy ngán rồi. Thoạt trông thì tưởng là một thằng bé con, thế nhưng mặt thì lại già cắc, mà ria lại rậm (mặc dù có vẻ hơi trẻ trẻ một chút, do cạo râu đấy thôi). Cậu ta hầu như ngày nào cũng cạo râu vì râu đã bắt đầu lún phún, hai tay đã đầy tàn nhang thì chớ, lại còn mọc đầy lông màu hung hung. Tôi đang kể là cậu ta nằm, tóc chải lệch, rồi cậu ta quay mặt vào tường, lấy tay cạo cạo vào tấm thảm treo tường và bỗng gọi:

- Naxti!

Tôi thậm chí giật bắn cả người.

- Gì vậy, cậu Nikanor Matveits?

Mồm nói vậy mà bản thân tôi tim rùng rờ.

- Cô có biết ống tiền tôi để đâu không?

- Không ạ, - tôi nói, - cái đó làm sao em biết được, cậu Nikanor Matveits. Em chả đời nào có bụng dạ xấu đối với cậu.

- Cô đứng dậy, kéo ngăn dưới ở tủ đựng quần áo, lôi cái đàn gió cũ ra, ống tiền để trong ấy. Cô đưa lại đây cho tôi.

- Mà cậu lấy ra làm gì?

- Cứ đưa cho tôi. Tôi muốn đếm tiền.

Tôi liền thò tay vào ngăn kéo tủ, mở nắp chiếc đàn gió ra, thấy trong hộp hơi của đàn có một con voi bằng sắt tây và cảm thấy nó khá là nặng. Tôi lấy ra, đưa cho cậu ta. Cậu ta cầm lấy, xóc nó kêu lách cách rồi đặt xuống bên mình, - hết như một đứa trẻ con, trời ạ! - đoạn ngẫm nghĩ điều gì đó. Cậu ta cứ nín lặng, nín lặng hoài, rồi cười nhạt mà bảo:

- Naxti ạ, hôm nay tôi mơ thấy một giấc mơ sung sướng, thậm chí tới sáng bảnh mới tỉnh giấc, và cả sáng nay cho tới bữa ăn trưa tôi đều cảm thấy rất dễ chịu. Cô nhìn đây, thậm chí tôi đã thẳng bộ vào chỉ vì cô.

- Nikanor Matveits ạ, cậu bao giờ mà chẳng ăn mặc sạch sẽ.

Nhưng thật ra thì chính tôi cũng chẳng hiểu điều mình đang nói nữa, tôi đã hết sức hồi hộp rồi...

- Ôi chà, - cậu ta nói, - tôi thì chỉ có ăn mặc ở thế giới bên kia thì có. Sang thế giới bên kia tôi có đẹp trai đến đâu nữa thì cô cũng chẳng biết đẳng nào mà tưởng tượng cho nổi!

Tôi thậm chí đâm ra thương hại cậu ta.

- Đùa bỡn về chuyện ấy là có tội đấy, cậu Nikanor Matveits ạ, với lại cậu nói thế để làm gì, em thậm chí cũng chẳng hiểu nổi nữa. Biết đâu, - tôi nói, - trời lại chẳng để cho cậu lành mạnh trở lại. Thà cậu kể cho em nghe giấc mơ của cậu thế nào thì còn hơn.

Cậu ta lại bắt đầu nói gần nói xa, cười nhạt (như: tôi còn sống nổi gì!), rồi quay ra nói vẫn nói vợ về con bò cái của nhà, - cậu ta bảo: lạy Chúa, cô hãy nói với mẹ tôi bán quách nó đi, tôi không sao chịu nổi nữa, tôi chán nó quá rồi, tôi nằm trong giường luôn nhìn qua sân vào cái vựa nhỏ nhất nó, thế mà nó cứ nhìn lại tôi hoài qua chấn song sắt, -còn bản thân cậu ta thì cứ xóc cái ống tiền kêu lách cách và không nhìn thẳng vào tôi. Thế còn tôi thì

cứ nghe mà chẳng hiểu được mấy nỗi, - cứ hệt như những người điên ấy thôi, toàn nói những chuyện tào lao - cuối cùng, không chịu nổi nữa (bởi lẽ tôi nghĩ bụng: sắp sửa mọi người tỉnh dậy bây giờ, rồi lại đòi mang *xamovar* lên thì câu chuyện của mình vụt xuống sông xuống biển ráo!), tôi vội vã ngắt lời cậu ta, giở lối láu cá:

- Mà thôi, - tôi nói, - cậu hãy kể chuyện cậu nằm mơ thế nào đi chứ? *Có cái gì về cậu không?*

Điều dễ hiểu là tôi chỉ định nói điều gì cho cậu ấy vừa lòng thôi, chẳng ngờ lại tìm được câu nói khéo như thế. Bỗng cậu ta cầm ống tiền lên, rút trong túi quần ra một chiếc chìa khóa bé tí xíu, định mở, nhưng mở mãi không được, tay cậu ta run bắn lên đến nỗi không sao cắm được chìa vào lỗ khoá. Cuối cùng rồi cậu ta cũng mở được, dốc ống tiền xuống bụng mình, - như hiện nay tôi nhớ được thì có hai tờ bạc giấy và tám đồng vàng, - vợ nó vào tay rồi bỗng thì thầm bảo tôi:

- Cô hôn tôi một cái được không?

Tôi khiếp đảm, chân tay rụng rời cả ra, nhưng cậu ta thì cứ như điên như dại, thì thào, sán lại gần:

- *Naxtetska* (35), chỉ một cái thôi! Có Chúa chứng giám tôi sẽ không bao giờ đòi thêm đâu!

Tôi ngoái lại xem có ai không, - nghĩ bụng, thôi thì muốn ra sao thì ra! - đoạn hôn cậu ta. Thế là cậu ta thậm chí nén cả thở lại, bá lấy cổ tôi, bắt lấy môi của tôi, rồi chùng có tới một phút vẫn không chịu thả ra. Sau đó dúi tất cả tiền vào tay tôi, rồi quay mặt vào tường.

- Cô đi đi, - cậu ta bảo.

Tôi chạy vọt ra ngoài, về thẳng buồng mình. Bỏ tiền vào hòm khoá chặt lại xong, tôi vớ lấy miếng chanh, và cứ môi mà chùi. Chùi kỹ đến nỗi môi trắng bọt cả ra. Quả tình là tôi sợ cậu ta đổ bệnh ho lao sang cho tôi...

Thôi, thế là được, - nhờ trời, chuyện ấy coi như thành công, tôi lại bắt đầu thu va thu vén việc khác, một việc chính yếu hơn mà tôi ra công cố sức hơn cả nhằm đạt tới. Tôi lo chuyện vỡ lở ra và sợ là rồi người ta sẽ không cho mình đi, rồi tôi lại trù tính rằng bây giờ cậu ta sẽ bám níu lấy tôi để đòi

tình yêu, sẽ tranh cãi với tôi về số tiền đó... Nhưng không, tôi để ý xem thì thấy chẳng sao cả. Cậu ta cũng chẳng hề lần mò, mà thái độ đối xử vẫn như cũ, vẫn chỉnh chệch, tuồng như giữa hai người vẫn không có chuyện gì sất, thậm chí tôi nghĩ là cậu ta lại còn khiêm nhường hơn nữa kia, cũng chẳng hề gọi tôi vào buồng: nghĩa là cậu ta giữ lời hứa. Lúc bấy giờ tôi mới dần dà nói chuyện với nhà chủ, bảo rằng đã đến lúc tôi phải chăm sóc thằng con trai tôi đôi chút và xin nghỉ một thời gian. Nhà chủ nào có chịu nghe tôi nói. Còn về cậu ta thì khỏi phải bàn nữa rồi. Có lần tôi nói bóng gió với cậu ta, thế mà cậu ta đã tái hấn người đi. Cậu ta quay phắt mặt vào tường mà nói với chút cười khẩy:

- Cô không có quyền làm như thế, - cậu ta bảo. - Cô đã quyến rũ tôi, làm cho tôi quen hơi bén tiếng rồi. Cô phải chờ đấy đã, tôi chẳng sống được bao nhiêu nữa đâu. Còn nếu cô đi thì tôi sẽ treo cổ tự tử ngay đấy.

Đâu lại có con người nhún nhường gớm vậy nhỉ? Ôi chao, tôi nghĩ bụng, cậu trơ tráo quá rồi đấy! Tôi đã vì cậu mà phải chịu ép một bề, vậy mà lại còn đi dọa dẫm tôi nữa! Ồ, không đâu, tôi chả dại gì! Thế là tôi lại càng tìm cách kiếm cớ. Vừa may lúc bấy giờ bà chủ đẻ thêm đứa con gái, có thuê một vú già, - tôi bèn sinh sự ngay, bảo là tôi không thể sống nổi với bà ta. Mà quả thật bà già này cũng là con người nanh ác, buông tuồng đến nỗi chính bà chủ cũng phải sợ, lại còn nát rượu nữa chứ, - thường xuyên lúc nào cũng có chai rượu dưới gầm giường, - và không chịu để cho bất kỳ ai ở gần mình bao giờ. Bà ta bắt đầu nói đủ điều về tôi, gây sự bằng đủ mọi cách. Nào là bảo tôi không biết là quần áo, nào là bảo tôi không biết đường phục vụ bàn ăn... Vậy mà cứ động nói bà ta một câu là bà ta bắt đầu run rẩy cả người, chạy đi mách chủ. Bà ta khóc bù lu bù loa lên, mà điều dễ hiểu là không phải vì phật lòng, mà chủ yếu là do bà ta giả vờ. Tôi bèn tiếp tục hỏi nữa, nói nhiều hơn với nhà chủ rằng:

- Dù sao mặc lòng, ông bà chủ hãy cho tôi thôi việc, tôi không thể đội trời chung với mụ già ấy được, tôi tự tử mất.

Còn chính tôi thì đã đi nhắm sẵn một căn nhà ở phố Cụt rồi. Ờ, thế là bà chủ không sao bắt buộc được tôi nữa. Quả vậy, khi tôi đến chào từ biệt thì

bà ấy vẫn tỏ lòng mong muốn tôi quay trở lại ở cho bà ta, hoặc chí ít cũng là đến chơi khi lễ tết, giỗ chạp:

- Thế nào cô cũng phải luôn luôn đến, - bà ta bảo, - để dọn dẹp, nấu nướng mọi thứ cho tôi. Chỉ khi nào có mặt cô, - bà ta bảo, - thì tôi mới yên tâm được. Tôi đã quen thuộc cô như người ruột thịt rồi.

Tất nhiên là tôi sẽ hết lòng cảm ơn. Tôi hứa hão đủ thứ, cúi gập lưng xuống mà chào rồi ra đi. Và giờ đây, ơn Chúa phù hộ, tôi bắt tay ngay vào việc. Tôi mua ngay ngôi nhà đó, mở một quán rượu. Buôn bán phát tài kinh khủng, - cứ chiều đến tôi lại tính lời lãi: thường là ba chục với lại bốn chục, có khi tất cả tới bốn mươi nhăm rúp trong két - thế là tôi tính mở thêm một cửa hàng tạp hoá nữa, nghĩa là để mà tiền lên từng bước một. Cô em chồng thì từ lâu đã lấy một người làm việc canh gác cho cơ quan Hội Hồng Thập Tự, anh ta rất gọi tôi là mẹ đỡ đầu, đối với tôi rất thân tình, còn tôi đối với anh ta thì những việc vẫn vợ tôi cũng tính thành công thành nợ để mua sắm, để có quyền lợi, và mua đi bán lại. Nhưng đúng lúc đó thì thằng Vania nó học xong. Tôi bèn đến bàn với những con người khôn ngoan để hỏi ý kiến họ xem nên thu xếp cho nó làm công việc gì.

- Còn phải thu xếp gì cho nó nữa, - họ bảo, - ngay ở nhà chị cũng thiếu gì việc làm.

Điều đó cũng đúng. Tôi bèn cho nó đứng cửa hàng, còn tôi thì coi quán rượu. Thế là guồng máy bắt đầu chạy! Và điều dễ hiểu là tôi quên bẵng không còn nghĩ ngợi gì đến tất cả những câu chuyện dớ dẩn ấy nữa, mặc dù rằng sau khi tôi ra đi thì cậu ta, cái cậu què quặt ấy mà, nói thật tình thì cậu ta chỉ chui vào giường nằm. Cậu ta chẳng nói với ai nửa lời, mà cứ nằm đờ như kẻ đã chết rồi, thậm chí quên bẵng cả chiếc đàn gió. Bỗng nhiên, chẳng duyên cớ gì tự nhiên thấy “bà tướng” nghĩa là cái bà vú già ấy mà, bà ấy đến nhà. (Mấy thằng nhỏ gọi bà ấy là “bà tướng”). Bà ấy ra mắt và nói:

- Có người lệnh cho tôi đến cúi chào cô, - bà ta nói, - và bảo cô thế nào cũng đến thăm người đó.

Thế là tôi lập tức nóng bừng người lên vì tức giận với lại xấu hổ nữa! Tôi nghĩ bụng, cái thằng quý hóa gớm chửa! Nó suy nghĩ gì kỳ lạ vậy! Lại tìm được bầu bạn thế ấy đấy! Không chịu nổi nữa, tôi bảo:

- Tôi chẳng cần gì đến cái cúi chào của cậu ấy, cậu ấy phải nhớ đến cái thân hình què quặt của mình chứ, còn bà, mẹ yêu tinh, mẹ khộm đi làm cái việc dắt gái ấy mà không biết ngượng hay sao. Mẹ có nghe rõ không đấy?

Thế là bà ta ứ họng. Bà ta đứng, lưng cúi xuống, gườm gườm nhìn tôi bằng cặp mắt sừng mọng chỉ còn lắc lư cái sỏ lợn. Bà ta u mê đi, do nóng nực hoặc do đã nốc rượu vào.

- Ôi chao, - bà ta nói - sao mà cô vô tâm đến thế! Cậu ta thậm chí đã phát khóc lên vì cô. Suốt buổi chiều qua cậu ta chỉ nằm quay mặt vào tường, khóc lên rưng rức. - bà nói.

- Thế mẹ bảo tôi cũng phải tuôn nước mắt ra như suối hay sao? - tôi nói.
- Mà cái anh chàng lông đỏ như bú dừ ấy khóc lu loa lên như thế mà không biết xấu hổ sao? Đồ nhãi ranh ở đâu ấy! Hay là đã bị dứt khỏi vú mẹ?

Thế là tôi đã tống khứ cái mẹ già ấy ra và cứ mặc kệ, chẳng đi đâu hết. Còn cậu ta thì quả nhiên chẳng bao lâu đã treo cổ tự tử thật. Đến lúc ấy tôi mới hối hận là mình đã không đi thăm cậu ta, nhưng lúc này thì tôi có còn bụng dạ nào nghĩ đến cậu ta đâu. Ngay trong nhà tôi cũng đã xảy ra hết chuyện lôi thôi này đến chuyện lôi thôi khác.

Tôi đã cho thuê hai buồng trong nhà, một buồng người thuê là một người cảnh sát canh gác trong thành phố, một con người thật là tốt, nghiêm chỉnh, đứng đắn. Họ của anh ta là Tsaikin, còn buồng kia là do một cô gái giang hồ đến ở. Cô ta tóc vàng, trẻ măng, mặt mũi coi cũng được, người đẹp, tên là Phenia. Thường đến với cô ta là một người thầu khoán tên gọi là Kholin, ông này bao cho cô ta, ờ, chính vì thế nên tôi mới nuôi chút hy vọng và cho cô ta đến ở. Thế mà kìa, họ lại lung củng với nhau thế nào ấy, rồi ông ta bỏ cô ta. Làm thế nào bây giờ? Cô ta không có gì để trả, mà đuổi cô ta đi cũng không xong, bởi lẽ cô ta còn nợ tôi tám rúp.

- Cô ạ, - tôi bảo, - cô phải đi kiếm tiền của những khách làng chơi đi thôi, nhà tôi có phải là nhà tế bần đâu.

- Em sẽ cố gắng, - cô ta nói.

- Thế nhưng tôi chưa thấy cái cố gắng của cô ở đâu cả. Lẽ ra phải cố gắng thì tối nào tôi cũng rặt thấy cô ở nhà. - tôi bảo. - Với ông Tsaikin thì đừng có hòng trông mong gì.

- Em sẽ cố gắng, nghe bà nói thế em cũng xấu hổ lắm rồi đấy ạ.

- Ô - ô - í dào, - tôi bảo, - cô thử nói xem cô xấu hổ nỗi gì nữa nào!

Cứ “em cố, em cố” mãi, mà quả thế, chẳng cố cái gì hết. Cô ta lại càng cứ đi xoắn lấy ông Tsaikin, mà ông này thì ngay đến nhìn mặt cô ta cũng chẳng thèm. Sau rồi tôi lại thấy cô ta ve vãn thằng con trai tôi. Chốc chốc tôi để ý nhìn, cứ thấy nó kè kè bên cạnh cô ta suốt. Bỗng dưng nó lại còn bày ra cái trò may áo vétông mới nữa.

- Ô, không đâu, - tôi bảo, - hãy khoan! Mẹ vẫn đã may mặc cho con như một vị công tử công tôn rồi, nào là ủng, nào là mũ lưỡi trai này. Bản thân mẹ thì chặt bóp mọi đường, chặt chiu từng đồng xu một, thế nhưng mẹ vẫn cung phụng cho con đầy đủ rồi đấy.

- Con cũng đẹp trai đấy chứ, - nó nói.

- Thế thì mẹ phải bán cả nhà đi cho cái đẹp mã của con hay sao?

Tôi nhận thấy cửa hàng cửa họ buôn bán kém trước. Những là thiếu hụt với lại thua thiệt. Đến nỗi ngồi uống trà mà cũng chẳng thấy ngon. Tôi bèn theo dõi. Tuy ngồi trông quán rượu nhưng tôi nghe ngóng hết, - ghé sát tai vào tường, náu mình mà nghe ngóng. Hôm nay nghe thấy họ thầm thì, mai lại thấy họ thầm thì... Tôi bèn quở mắng.

- Nào có việc gì đến mẹ kia chứ? - nó nói. - Có thể là con muốn lấy cô ấy làm vợ cũng nên.

- Thế đấy nhé, mẹ đẻ mà mày lại bảo không việc gì! - tôi bảo. - Từ lâu tao đã thấy ý đồ của mày rồi, nhưng mặt kiếp cũng không có thể được đâu.

- Cô ta yêu con say đắm, mẹ chả hiểu được cô ấy đâu, cô ấy là người dịu dàng, e lệ.

- Quý hoá gì cái tình yêu ả con đĩ trảm thẳng ấy! - tôi bảo. - Nó sẽ chỉ đem mày làm trò cười cho thiên hạ thôi, đồ ngu ạ. - Tôi nói. - Nó tim la sáng téng, hạ bộ lở loét hết cả rồi.

Nhưng thằng con tôi vẫn trơ trơ ra: nó dồn cả hai con mắt vào sống mũi mà nín lặng. Tôi nghĩ bụng: thôi, thế là nhờ ơn Chúa, tôi đã vớ đúng nơi đúng chỗ rồi đấy. Nhưng tuy vậy trong bụng tôi sợ bằng chết, thế nghĩa là rõ ràng thằng bé đã phải lòng mất rồi. Tôi nghĩ, thế nghĩa là mình phải liệu mà mau mau chóng chóng xé tan xác cái con bé ấy mới được. Tôi liền bàn

với người cha đỡ đầu là bác Tsaikin. Tôi nói: bác chỉ bảo giùm, tôi nên làm gì với chúng nó đây? Bác ấy bảo: còn làm gì nữa, cứ tóm lấy cổ con bé ấy mà quăng nó ra đường là hết chuyện chứ gì. Thế là chúng tôi nghĩ ra một kế như sau: Tôi giả tảng đi thăm người quen. Tôi rời khỏi nhà, đi loanh quanh ngoài phố một lúc, rồi tới sáu giờ, nghĩa là giờ bác Tsaikin tan tầm thì tôi nhẹ nhàng quay về. Tôi chạy lại đẩy cửa, thì đúng như vậy: cửa cài bên trong. Tôi gõ cửa, không có ai thưa. Gõ lần thứ hai, thứ ba vẫn không có ai. Bác Tsaikin đã đứng núp sau một góc buồng. Tôi bắt đầu đập vào cửa sổ, đến nỗi các khung kính cũng rung cả lên. Bỗng có tiếng then cửa kêu đánh cạch: té ra là thằng Vanka (36). Mặt nó trắng bệch như tờ giấy. Tôi dùng toàn lực huých mạnh vào vai nó rồi xông thẳng vào buồng. Hoá ra ở đây đúng là một cảnh ăn uống linh đình nào đó: những vỏ chai bia, rượu vang dùng trong khi ăn, cá trích, cá mòi to đã lóc sẵn màu hồng như hổ phách, - tất cả đều lấy từ cửa hàng. Con Phenka (37) đang ngồi ở ghế, bím tóc đeo nơ màu xanh lơ. Thấy tôi, nó bật dậy, mắt nhớn nhác nhìn, nhưng môi nó tím lại vì sợ. (Nó tưởng là tôi sẽ xông lại đánh nó). Mặc dù là quả tình tôi thờ không ra hơi nữa, nhưng tôi vẫn nói như không:

- Anh chị làm gì đây, - tôi nói, - bí mật kết hôn chẳng? Vậy ai là chú rể? Sao lại không mời chào gì?

Họ im lặng.

- Sao lại im lặng? - tôi nói. - Sao lại im lặng, cậu con trai của tôi? Cậu làm chủ cửa hàng như thế đấy hả, cậu quý tử? Té ra bây giờ mới biết tiền nong mồ hôi nước mắt của tôi bay đi đâu mất!

Nó lại còn phòng mang trợn mắt:

- Con cũng đã lớn tuổi rồi!

- Vả - â - ẬY ĐẤY, - tôi nói, - thế thì tôi phải làm gì? Có nghĩa là do lòng hảo tâm của cậu và con chó cái này, tôi phải rời bỏ cửa nhà của tôi chẳng? Có phải thế không đấy? Nghĩa là tôi đã nuôi ong tay áo chứ gì?

Nó quát tháo với tôi mới dữ chứ!

- Mẹ không được xúc phạm đến cô ta! Chính mẹ cũng đã có lúc còn trẻ, mẹ phải hiểu thế nào là tình yêu chứ!

Thế còn bác Tsaikin thì bác ấy đã ở ngay kia. Nghe tiếng la hét như vậy, bác ấy nhảy vọt ra, chẳng nói chẳng rằng, tóm lấy hai vai thằng Vania, đẩy nó vào một phòng xép, khoá bém lại. (Một người khỏe ghê gớm, không kém gì lực điền!). Khoá xong, bác ấy nói với con Phenka.

- Cô tự coi mình là tiểu thư, nhưng tôi có thể liệt cô vào hạng thành tích bất hảo được đấy!

(Nghĩa là cấp giấy chứng minh ghi rõ “thành tích bất hảo”) (38)

- Vậy cô có muốn thế hay không? - bác ấy nói. - Còn ngay hôm nay cô phải trả buồng lại cho chúng tôi và đừng có bén mảng đến đây nữa!

Cô ta ứa nước mắt khóc. Nhưng tôi lại còn khơi thêm:

- Trước hết cô ấy còn phải chuẩn bị tiền trả tôi đã! Nếu không thì dù một cái hòm xiềng nhỏ nào tôi cũng không cho mang đi đâu. Chuẩn bị tiền nong đi, nếu không thì tôi sẽ bêu diều khắp cái thành phố này!

Thế là tôi tổng khứ khéo cô ta đi ngay tối hôm đó. Khi tôi đuổi cô ta ra, cô ta tỏ vẻ hết sức đau thương. Cô ta khóc, nghẹn ngào, thậm chí dứt tóc trên đầu. Cảnh ngộ của cô ấy cũng chẳng sung sướng gì, điều ấy dễ hiểu thôi. Chui rúc vào đâu bây giờ? Tất cả gia tài, tất cả của nả thu lượm được đều đem theo bên mình. Ờ, thế nhưng cô ta cũng phải đi. Thằng Vania cũng yên được một thời gian. Sáng sớm hôm sau ra khỏi buồng giam, nó im thin thít, tỏ vẻ rất sợ sệt và xấu hổ. Và cũng bắt tay vào công việc. Tôi mừng lòng, yên tâm, - thế nhưng cũng chẳng được bao lâu. Tiền trong két lại đi đâu mất, cái con đĩ ấy đã lén lút phai một thằng bé con đến cửa hàng, còn thằng Vania thì cung phụng cho con bé ấy cả thức nướng lẫn thức luộc! Lúc thì cho khuôn đường, lúc thì cho khuôn trà, thuốc lá rời... Có khăn cho khăn, có xà phòng cho xà phòng, vợ được cái gì cúng cái nấy... Làm sao mà coi sóc xuể được nó? Rồi nó cuỗm đến cả rượu vang, mà ngày lại càng thêm tệ hại. Sau hết là nó hoàn toàn bỏ mặc cửa hàng: hầu như là không ở nhà nữa, chỉ về để ăn, sau đó lại đi mất hút. Chiều nào nó cũng đến chỗ con bé kia, cứ thủ một chai vào trong áo choàng, thế là bước xéo. Tôi cứ chạy đi chạy lại như đèn cù, hết từ quán rượu sang cửa hàng, lại từ cửa hàng sang quán rượu, - mà bây giờ cũng không dám mở miệng với nó nữa: nó trở

thành một kẻ khố rách áo ôm mất rồi! Mọi khi nó vốn vẫn đẹp trai, - nó giống tôi như đúc, mặt trắng trẻo, hiền hoà, hết như một đứa con gái, mắt trong trẻo thông minh, thân hình gọn gàng cân đối, vai rộng, tóc màu hạt dẻ, quần quần... Thế mà bây giờ mồm dô ra, tóc cộp lên, xoã cả xuống cổ áo, mắt mờ đục toàn thân xơ xác, lưng bắt đầu khòm xuống, - và lúc nào cũng lằm lằm lì lì, hai con mắt dờn cả vào sống mũi.

- Bây giờ mẹ chớ có quấy rầy con, - nó bảo, - con có thể gây ra những chuyện tà trời đấy.

Mà nó lại say rượu, nhõ bậy, cười băng quơ, đăm chiêu, chơi đàn gió cái bài *Thời gian một đi là không trở lại*, rồi đôi mắt nó đăm lệt. Tôi thấy rõ là tình cảnh mình hỏng mất rồi, phải lấy chồng cho mau thôi. Đúng lúc đó người ta làm mối cho tôi một ông goá vợ, cũng làm cửa hàng, ở vùng ngoại ô. Đó là một người đã có tuổi, nhưng có tiền cho vay, có cửa nả. Nghĩa là cũng chính là điều mà tôi vẫn hằng theo đuổi bấy lâu nay. Tôi bèn vội vã qua những người đáng tin cậy để tìm hiểu thân thế của ông ta, và thấy là không có gì mắc mớ cả. Phải quyết định, phải mau chóng làm quen, - bà mối chỉ giới thiệu chúng tôi qua loa trong nhà thờ, - nghĩa là phải kiếm cơ đi lại thăm nhau, như cái kiểu chạm mặt ấy mà. Ông ta đã đến tôi trước, tự giới thiệu: “Tôi là Lagutin, Nikolai Ivanuts, chủ cửa hàng”. - “Xin rất hân hạnh”. Nhìn ra thì thấy ông ta khá đáo đẽ, - vóc người quả tình là không cao lớn gì, tóc bạc hết, nhưng tính khí rất dễ chịu, điềm đạm, chỉnh tề, khôn khéo; và rõ ra là con người căn cơ, nghe nói là cả đời chẳng nợ ai đồng xu nào... Rồi sau chính tôi cũng bày chuyện ra để đến nhà ông ta như tuồng có công việc, thì tôi thấy ông ta có hầm rượu vang và có cửa hàng với đủ mọi đồ nhắm với rượu vang, như: mỡ lá, giấm bông, cá trích, cá mòi. Nhà không to, nhưng đèn sạch bong. Các cửa sổ đều có rèm che, có hoa, sàn nhà quét tước sạch sẽ, tiếc một nỗi là sống một mình một bóng. Ngoài sân thấy cũng ngăn nắp. Có ba bò cái, ngựa hai con. Một con là ngựa cái, ba tuổi, ông ta bảo là người ta đã trả năm trăm nhưng ông chưa bán. Ồ, cái con ngựa đẹp vậy, tôi cứ đứng ngắm nó hoài! Thế còn ông ta thì chỉ khe khẽ cười, vừa đi vừa chạy lon ton lại vừa luôn mồm kể chuyện, hết như đọc vanh vách lên một bảng giá nào đó: nào là cái này đáng từng này, cái kia đáng

từng kia... Nghĩ là, - tôi nghĩ vậy, - chẳng có gì phải lo thôi nữa cả, phải cửa đứt đục suốt đi thôi.

Điều dễ hiểu là đến bây giờ tôi kể vẫn tắt vậy thôi chứ lúc bấy giờ tôi cảm nghĩ ra sao thì chỉ có lòng tôi biết được. Tôi mừng rỡ đến nỗi đôi chân bủn rủn cả ra, - bởi lẽ dù sao tôi cũng đạt được ý nguyện của mình, tìm được nơi được chốn của mình! - Thế nhưng tôi vẫn trầm ngâm, sợ hãi, rùng cả mình: ngộ nhỡ tất cả niềm hy vọng của mình bị sụp đổ thì sao? Mà suýt nữa thì điều đó đã xảy ra rồi đấy, chỉ một ly nữa là mọi mối lo toan của tôi đã đổ cả xuống sông xuống biển rồi đấy, và nguyên do vì đâu thì thậm chí hiện thời tôi cũng vẫn chưa sao có thể yên tâm bảo rằng: do chính cái thằng què quặt ấy với lại do cái thằng con quý hoá của tôi! Chúng tôi đã tiến hành công việc một cách kín đáo và cao thượng đến nỗi tưởng như con sâu con kiến cũng không sao biết được. Thế nhưng tôi nghe nói là toàn bộ khu ngoại ô đã biết được ý đồ của tôi với ông Nikolai Ivanuts rồi, và điều dễ hiểu là tin đồn cũng đến tai cả nhà Xamokhvalov, - hẳn là chính cái mục “bà tướng” ấy lại thóc mách rồi. Tôi bèn bảo: thì cái thằng què quặt ấy cứ việc treo cổ tự tử đi xem nào! Tôi thách cậu đấy, - cậu dọa, tôi không tin, thế thì bây giờ tôi trêu ngươi cậu đấy! Cậu ta liền đóng một chiếc đinh nhỏ lên tường ở ngay phía trên giường, ngoắc vào đấy một sợi dây bé bằng đầu con ruồi, tròng vào cổ rồi bò ra khỏi giường! Một cung cách thô sơ thôi, chẳng cần phải thông minh gì cho lắm cả! Hôm ấy, lúc trời chạng vạng tối, tôi còn đang đứng trong cửa hàng thu dọn cái gì đó, thì thành linh có ai xô đánh rầm một cái vào cánh cửa trong nhà. Tim tôi như rụng rời cả ra. Tôi chạy vọt ra ngưỡng cửa thì té ra mục “bà tướng”.

- Mục hỏi gì?

- Cậu Nikanor Matveits chết rồi!

Mục ta lộp bộp nói vậy rồi quay ngoắt, ra về. Còn tôi thì trong lúc nóng vội, chẳng kịp suy tính gì, - lúc bấy giờ quả thật là người tôi nóng ran lên vì sợ, - quàng vội chiếc khăn san lên đầu mà đuổi theo bà ta. Bà ta chạy, chân vấp lập cập - và cả tôi cũng chạy... Đúng là một trò cười cho khắp thành phố! Tôi cứ chạy mà chẳng hiểu gì sất. Tôi chỉ nghĩ định ninh một điều là: chết mình rồi! Hay là tôi đùa bỡn trong khi làm như vậy, điều đó có trời mà

nhớ được! Tôi nghĩ, trước mặt mọi người trơ tráo đến thế là cùng! Chạy gần tới nơi thì thấy đã có đông người tụ tập ở đó, hết như có đám cháy nhà vậy. Cửa trước mở toang, ai muốn vào thì chen vào, - mọi người đều hiếu kỳ, điều đó dễ hiểu thôi. Do bộp chộp, tôi cũng chen mà vào. Nhưng may thay, hết như có ai đập vào đầu tôi vậy, tôi sức nhớ ra, quay ngay lại và tháo lui. Có lẽ chính điều đó đã cứu vớt tôi, nếu không thì tôi đã bị hố to mất rồi. Giả thử có một người nào nhớ ra tôi, - chí ít là cái mục “bà tướng” có ác ý ấy chẳng hạn, - thì họ sẽ bảo rằng đây, thưa quý ngài, nếu ta muốn biết kẻ đó là ai, kẻ nào là nguyên nhân của mọi sự, thì xin cứ việc hỏi cái cô này, - thế là tôi đi đòi nhà ma rồi. Cô đến rồi cô lại đánh bài chuồn. Người ta thường mất ăn mất ngủ vì cô, mà cô lại túm đuôi bỏ rọ... Và cũng chẳng phải là lần đầu.

Rồi thì người ta chôn cất cậu ta, và tôi mới nhẹ mình đi được. Tôi chuẩn bị cưới, mau mau chóng chóng thu dọn hàng họ, bán chác và cũng cố cho khỏi bị thiệt thòi, vì biết đâu bỗng dưng lại có tai họa mới. Thế là cứ lo toan chạy vạy đến long tóc gáy, đến bỏ hơi tai, - mà sao cái năm đó trời làm nóng nực không sao chịu nổi, rồi lại bụi, lại có gió nóng nữa, nhất là ở chỗ chúng tôi, ở phố Cụt, trên rẻo sườn đồi ấy, - nhưng bỗng dưng lại có tin rằng ông Nikolai Ivanuýt ông ấy phật lòng. Ông ấy lại phá chính cái bà mối nợ đến, - cái bà mối đã dắt díu chúng tôi ấy mà, một con chó cái hung dữ đấy, có khi chính cái mục có đôi mắt cú vọ này lại mớm nhời cho ông Nikolai Ivanuýt cũng nên, - và qua bà ta ông ấy hẳn rằng ông ấy hoãn ngày cưới lại đến mồng một tháng chín (như tuồng là bận công chuyện gì đấy), còn về thằng con trai tôi, thằng Vania, thì ông ấy giao hẹn, nghĩa rằng là tôi phải suy nghĩ kỹ hơn, phải ổn định cho nó vào chỗ nào đó, bởi vì ông ấy bảo rằng ông ấy không sao có thể thu nhận cho nó về nhà mình được. Ông ấy bảo: tuy nó là con đẻ của cô thật, nhưng nó sẽ phá hại chúng ta sạch trơn và sẽ gây phiền cho tôi nữa. (Đối với ông ấy, quả là có vấn đề thật. Bởi lẽ, cả đời ông ấy chẳng biết cãi cọ là gì, chẳng gây sự lôi thôi với ai, nên điều dễ hiểu là ông ấy rất sợ xúc động, mỗi khi xúc động mạnh là đầu óc ông ấy rối mù lên hết, nói không ra lời nữa). Ông ấy bảo: cô ấy hãy từ nó đi. Thế nhưng tôi biết ổn định cho nó vào đâu, từ nó đi đâu? Cái thằng bé ấy nó đã

hoàn toàn cứng đầu cứng cổ rồi, nếu là người ngoài, - tôi nghĩ bụng, - thì người ta sẽ vạy cổ nó ngay, còn như lảng tránh nó thì chẳng sao lảng tránh được. Đối với nó, chính bản thân tôi cũng đã chẳng còn nghĩa lý gì kể ngay từ ngày nó quen biết con Phenka, con chó cái này đã hút mất hồn của nó rồi! Ngày nó ngủ li bì, đêm thì say khướt, - thế là ngày cũng như đêm... làm sao tôi có thể chịu đựng nổi được nỗi đau khổ ấy, - điều đó không tài nào nói ra được! Nó tàn hại đến nỗi tôi mòn mỏi đi như một cây nến, tay run lên cầm thìa cũng chẳng nổi. Mỗi khi trời tối, tôi lại ngồi lên chiếc ghế dài phía trước nhà để đợi nó từ ngoài phố về, chỉ sợ nó bị lũ trai làng già cho một mẻ. Có lần phiền muộn quá đỗi, tôi phải chạy ra nhòm vào thôn xóm xem sao, khi nghe có tiếng âm ỉ, kêu la, ngỡ là nó bị người ta đánh, tôi đâm cả xuống mương nước kêu loạt soạt...

Ờ, sau khi biết quyết định của ông Nikolai Ivanuýt như vậy, tôi bèn gọi nó lại mà bảo rằng: con ạ, dù sao đi chăng nữa thì mẹ cũng đã chịu khổ vì mày lâu lắm rồi, ờ, cơ mà mày đã hoàn toàn yếu nhược và lảm lạp, bêu riếu tao trong khắp hàng tỉnh. Mày đã quen thói nhàn hạ, quen thói ăn sẵn mất rồi, rút cục hoàn toàn biến thành một đứa khố rách áo ôm, rượu chè be bét trời không phú cho mày được cái nết như tao, bao nhiêu lần ngã tao đều đứng dậy được, còn mày thì chẳng kiếm chác được tí gì gọi là có. Đấy mày xem tao cũng đã đạt được danh giá, bất động sản tao cũng có, đồ ăn thức uống cũng chẳng kém ai, không huỷ hoại tâm hồn mình, mà tất cả là do chỗ xưa nay tao biết chường quản mọi việc. Ờ, thế còn mày, trước kia mày hoang phí thế nào thì nay xem ra mày vẫn muốn chứng nào tật ấy. Đã đến lúc mày không thể ăn báo cô tao được nữa đâu...

Nó ngồi ỳ, nín lặng, lấy tay cọ cọ vào tấm vải son trên bàn.

- Tại sao mày lại nín lặng? - tôi hỏi. - Đừng có moi rách vải son của tao ra, đi mà kiếm lấy vải son của mày, mày trả lời tao nghe thử?

Nó vẫn im lìm, đầu cúi xuống, môi run run.

- Mẹ, - nó nói, - mẹ đi lấy chồng đấy ạ?

- Lấy hay không lấy chưa biết được, mà nếu có lấy thì cũng là người tốt, người ta chẳng cho mày bước chân vào nhà đâu. Cậu ạ, tôi chẳng phải đồ lẳng nhăng đĩ thõa như cô Phenka nhà cậu đâu.

Nó bỗng chồm lên, toàn thân run lên bần bật mới ghé gớm làm sao:

- Bà chẳng đáng bằng cái móng tay của cô ấy!

Hay hớm chưa? Chồm lên, gào lên lạc hẳn giọng, sập cửa đánh rầm một cái, - nó thế đấy. Còn tôi, tuy vốn không phải là người mau nước mắt mà đã phải tuôn trào nước mắt. Ngày hôm trước khóc, ngày hôm sau khóc, - cứ nghĩ là làm sao nó có thể nói với mình những lời lẽ như vậy, thế là lại không cầm được nước mắt. Tôi khóc và cầm chắc một điều: truyền đời tôi sẽ không tha thứ cho nó về mối giận này, tôi sẽ tống cổ nó ra khỏi nhà... Nhưng nào có thấy mặt nó đâu. Nghe nói là nó ở chỗ con ấy chè chén linh đình, nhảy, múa, nốc hết những số tiền ăn cướp được, rồi lại dọa dẫm tôi nữa, bảo rằng: dù sao tao cũng sẽ làm cho mục ấy được yên lòng, tao rình xem buổi tối mục ấy đi đâu tao sẽ lấy đá đập cho chết. Nó phái người đến cửa hàng (để chọc tức tôi, để hiểu quá), giả bộ mua bán, lúc thì mua bánh bèo, lúc thì cá trích. Tôi giận đến run cả người lên, nhưng vẫn cầm lòng bán cho họ. Một hôm tôi đang ngồi hàng thì sực thấy chính nó bước vào. Nó say rượu, mặt không ra hồn người nữa. Nó đem theo cá trích vào, - sáng nay một con bé con có đến mua bốn con, bằng tiền của nó, dĩ nhiên rồi, - và quăng ngay cá lên mặt quỳ!

- Sao bà lại có thể bán cái của tôi tệ như thế này cho khách hàng? - nó quát. - Cá thối hoăng, có chó nó ăn được!

Nó la hét, lỗ mũi phồng cả lên, - kiểm cố.

- Mà đừng có làm ồn và đừng quát tháo, cá trích tao có làm ra đâu, mà mua hàng thùng. Không thích thì đừng nhá, còn tiền của mày đây trả lại mày.

- Thế nếu tôi đã ăn phải mà chết lăn đùng rồi thì sao?

- Mày lại thế đấy, đồ lợn, - tôi nói, - mày không thể phét lác thế, mày chỉ huy tao thế nào được? Nhất là danh vị của mày nào có ra gì. Mày phải ăn nói đàng hoàng, đừng có trâng tráo xông vào nhà người khác.

Vậy mà nó bỗng vớ luôn lấy cái cân trên mặt hòm, giơ móc sắt lên:

- Tôi mà phang một nhát vào đầu bây giờ, - nó bảo, - thì mục thẳng căng!

Đoạn nó ba chân bốn cẳng chạy ra khỏi cửa hàng. Còn tôi thì ngồi thụp xuống sàn nhà, không sao cất mình đứng dậy được...

Rồi sau nghe nói là nó đã bị lũ trai làng dần cho tơi bời. Người ta chở nó về bằng xe ngựa, sống ngắc ngoải, say bí tỉ, đầu lắc lư, tóc bết máu, cát bụi bám đầy, ủng và đồng hồ đã bị lấy mất, chiếc áo vét tông mới nguyên rách bươm, - họa hoằn mới có chỗ còn nguyên mẫu da bé bằng hạt lạc... Tôi nghĩ mãi, nghĩ mãi, nhưng cũng đành nhận nó, thậm chí trả cả tiền xe ngựa, song ngay ngày hôm ấy cho người đến chào ông Nikolai Ivanuýt và dặn chắc chắn người đó nhắn cho ông ấy biết rằng ông ấy không có gì lo ngại nữa, tôi đã quyết ý từ bỏ thằng con rồi, khi nào nó tỉnh giấc thì tôi sẽ đuổi nó đi ngay không chút thương tiếc. Đáp lại, ông ấy cũng gửi lời chào và ra lệnh nhắn với tôi rằng: làm như thế là rất thông minh và đúng đắn, ông ấy cảm ơn và thông cảm... Rồi hai tuần sau, ông ấy ước định cả ngày cưới nữa. Phải rồi...

Phải rồi, tạm thời là như vậy và câu chuyện của tôi cũng đến đây là hết. Quả tình không có gì để mà kể thêm nữa cả. Tôi đã cùng người chồng đó chung sống hòa hợp với nhau nhường ấy cho tới khi đầu bạc răng long, - điều đó cũng thật là hiếm có trong thời buổi này. Tôi đã cảm nghĩ gì khi đạt được cái bằng lai tiên cảnh ấy, - điều đó tôi không sao nói được. Ờ, mà quả thật là cả Chúa cũng đã thưởng công cho tôi nữa đấy, - thấm thoát đã hai mươi một năm trời tôi sống với ông lão nhà tôi hệt như được sống trong tường đồng vách sắt, cho nên tôi rất biết: ông ấy chẳng bao giờ để tôi bị xúc phạm, bởi lẽ cứ trông bề ngoài cũng đủ thấy ông ấy là con người điềm đạm rồi! Thế nhưng đôi lúc tôi cũng thấy nhức nhối trong tim, điều đó cũng là dễ hiểu. Nhất là trong thời gian tuần chay lớn. Tôi bụng bảo dạ rằng, cho dù bây giờ tôi có chết chẳng nữa thì cũng là tốt, cũng cam lòng, cũng được người ta đọc những bài thánh ca trong khắp các nhà thờ... Cũng lại có lúc tôi buồn nhớ đến cả thằng Vania. Đã hai mươi năm nay chẳng thấy tăm hơi nó đâu. Cũng có thể là nó đã chết từ lâu mà tôi chẳng biết. Cái hồi mà họ chở nó về, tôi thậm chí cũng đã thương hại thay cho nó. Chúng tôi đã lôi nó vào nhà, quẳng nó lên giường, và nó ngủ như chết suốt một ngày trời. Tôi bèn vào để nghe hơi thở xem nó có còn sống hay không... Trong buồng thấy hôi thối, có một mùi chua chua nào đó, nó nằm đó, rách rưới, sây sát hết, nó ngáy và nghẹt thở... Trông nó mà xấu hổ và xót thương, bởi vì đó chính là

máu mủ của tôi! Tôi nhìn, nhìn mãi, nghe ngóng rồi đi ra. Và một nỗi buồn khôn tả xâm chiếm lòng tôi! Tôi cố ăn cho xong bữa chiều, dọn dẹp bàn ăn, tắt đèn... Tôi không sao ngủ được, và cứ mãi như thế, - nằm mà toàn thân rung lên... Đêm hôm ấy sáng trời, còn trông thấy được. Tôi nghe thấy nó thức dậy. Nó ho luôn mồm, chốc chốc lại đi ra sân, đóng cửa sầm sập.

- Làm gì mà cứ đi đi lại lại mãi thế? - tôi hỏi.

- Đau bụng, - nó nói.

Qua giọng nói, nghe chừng nó lo âu, buồn phiền.

- Mà lấy ngay cứu mà uống đi, - tôi bảo.

Tôi lại nằm, thậm chí thiếp đi được một lát, rồi mơ mơ màng màng tôi cảm thấy như có ai đang lén đi trên tấm thảm trải sàn. Tôi chồm dậy, thì ra nó.

- Mẹ ơi, - nó nói, - mẹ hãy vì Chúa, chớ sợ con...

Rồi nó khóc như mưa như gió! Nó ngồi lên giường, nắm lấy tay tôi mà hôn, nước mắt chan hoà, còn chính nó thì thậm chí nghẹn ngào, - và cứ thế nó khóc nức khóc nở. Tôi không sao chịu nổi - lại còn thế nữa kia! Dĩ nhiên là đáng tiếc rồi, nhưng chẳng còn cách gì, - số phận của tôi ra sao là do nó. Mà tôi thấy là ngay chính bản thân nó, nó cũng biết thế lắm.

- Mẹ có thể tha thứ cho con được, - tôi nói, - nhưng làm sao đây, thì như chính con cũng thấy, bây giờ không làm sao được nữa rồi. Vậy thì con hãy đi đâu đó cho thật xa, để mẹ không còn nghe nói đến con nữa.

- Mẹ ơi, - nó nói, - vì đâu mẹ tàn hại con chẳng kém gì mẹ tàn hại cái cậu tàn phế Nikanor Matveits như thế?

Ờ, tôi thấy nó còn chưa bình thường, tôi cũng chẳng cãi nó làm gì. Nó khóc, khóc mãi, rồi cất mình đứng dậy mà đi. Sáng ra tôi ghé nhìn vào buồng nó nằm, thì thấy nó đã đi tự bao giờ. Nghĩa là nó đi sớm để khỏi tủi hổ, và nó đi biệt tăm biệt tích. Có tin đồn đâu như nó ở một tu viện nào đó tại Zadonxk, rồi sau xin tòng quân đi Txaritxun ⁽³⁹⁾, và có lẽ đã chết nghèo ở đó... Mà thôi, còn bàn luận chuyện đó làm chi, bàn luận chỉ tổ phiền lòng! Nấu đi nấu lại, nước vẫn hoàn nước...

Còn việc nó nhắc đến cậu Nikanor Matveits thì thậm chí tôi cho đó là ngu dại. Hỏa chẳng là tôi có vụ lợi đôi chút về mặt tiền tài, chứ có móc tiền trong túi người ta đâu. Chính cậu ta cũng hiểu tình trạng què quặt của mình, chính cậu ta cũng thường hay tỏ vẻ buồn chán. Có lần cậu ấy bảo tôi:

- Naxtia ơi, số phận đã khiến tôi què quặt, mà bản tính tôi thì cũng dở điên dở dại: lúc tôi vui vẻ một tai nạn nào đó, lúc thì lại buồn rười, nhất là mùa hè, những khi nóng nực, bụi bặm như thế này, - thà là tôi tự tử đi cho rồi! Nếu tôi chết, người ta sẽ chôn tôi ở nghĩa trang Tsernoxlobotxkoie ⁽⁴⁰⁾, đời đời kiếp kiếp bụi sẽ bay qua bờ rào mà phủ lên mộ tôi!

- Sao cậu cứ quá đổi buồn phiền về chuyện đó làm gì, cậu Nikanor Matveits? Mình có cảm biết được cái đó nữa đâu.

- Đúng là mình sẽ không cảm biết được nữa, - cậu ta nói, - và tai họa ở chỗ là mình nghĩ đến cái đó từ lúc mình hãy còn sống...

Mà quả vậy, ở chỗ chúng tôi, ở nhà của gia đình Xamokhvalov ấy mà, thường là rất buồn khi mọi người đều đi ngủ trưa cả rồi và khi gió cuốn cái thứ bụi ấy đến! Và cậu ta cũng đã tự tử vào cái lúc nóng nực ghê người, vào cái lúc tăm tối nhất. Thành phố của chúng tôi quả là buồn khủng khiếp. Mới đây tôi có đến Tula và thấy không sao so sánh được!

Capri, tháng 11 năm 1911

Lần gặp gỡ cuối cùng

I

Vào một buổi tối mùa thu, tuy sáng trăng nhưng ẩm ướt và lạnh lẽo, Xtoresnhev ra lệnh thả yên cương cho ngựa.

Ánh trăng chiếu thành một dải khói xanh lơ trên khung cửa sổ thon dài ở nơi tàu ngựa tắm tối, khiến một mắt của con ngựa thiếu loé sáng như một viên đá quý. Bác người làm đặt bộ dây cương và một bộ yên kiểu *kadac* vừa cao lại vừa nặng lên mình ngựa, nắm dây cương kéo nó ra khỏi chuồng, thắt đuôi nó lại một vòng. Con ngựa thiếu chuyên dùng để cưỡi này ngoan ngoãn nghe theo. Khi thả đai bụng, nó cũng chỉ hít vào một hơi dài, phình hai bên sườn ra. Một dây đai bụng bị đứt. Bác người làm nhét tạm nó vào một vòng khóa, đoạn dùng răng kéo chặt lại.

Đuôi thắt ngắn, mang yên cương, con ngựa thiếu trông đã có vẻ đom dáng hơn. Bác người làm dắt nó đến cạnh nhà ở, đến bên thềm cửa, quấn dây cương quanh một cột gỗ đã mục nát, đoạn bỏ đi. Con ngựa thiếu đứng giậm chân hồi lâu, nghe bộ răng vàng khè mà gặm chiếc cột gỗ. Đôi lúc nó giậm dỗi, rên rĩ và thót bụng hí vang. Vũng nước cạnh đấy xanh xanh phản chiếu lên một vành trăng khuyết. Trong khu vườn thừa thớt buông xuống một làn sương trong vắt.

Xtoresnhev tay cầm roi, bước ra bậc thềm. Mũi gỗ, đầu nhỏ và hơi ngả ra đằng sau, người xương xương, vai rộng, chàng trông cao lớn và nhanh nhẹn với chiếc áo choàng nâu được thít chặt nơi eo lưng thanh tú bằng một chiếc thắt lưng da có khoá bằng bạc, và với chiếc mũ *kadac* có chòm đỏ đội trên đầu. Nhưng, tuy chỉ dưới ánh trăng, ta vẫn có thể thấy được rằng chàng có bộ mặt tàn tạ, da dày sương gió, chòm râu nhỏ cứng mà xoắn đã điểm bạc, chiếc cổ khăng khiu, và thấy được rằng đôi ủng cao của chàng đã cũ kỹ, vạt áo choàng của chàng thâm sì những vết máu thỏ rừng đã khô đi từ lâu.

Ở khung cửa tắm tối cạnh thềm mở ra một ô kính nhỏ. Một giọng rụt rè nói:

- Andriusa (41), con đi đâu vậy?

- Con không còn bé nữa đâu, mẹ ạ, - Xtioresnhev cau mặt đáp và lần lấy dây cương.

Ô kính nhỏ đóng lại. Nhưng ở buồng ngoài, có tiếng cửa xịch mở. Lệt xệt kéo lê đôi giày, Pavel Xtioresnhev bước ra ngưỡng cửa, người trông húp húp, đôi mắt sưng mọng, mớ tóc bạc chải lật ra sau, vận bộ quần áo mặc trong nhà dưới chiếc áo choàng mùa hạ cũ kỹ. Ông vẫn dờ tỉnh dờ say và bẻm mép như thường lệ.

- Đi đâu đấy, Andrei? - ông ta khàn khàn hỏi. - Nhờ con chuyển lời chào chân thành đến cô Vera Alekseevna nhé. Bố bao giờ cũng vẫn rất quý trọng cô ấy.

- Bố còn có tôn trọng ai nữa? - Xtioresnhev đáp. - Mà sao bố cứ thò mũi hoài vào công việc của người khác vậy nhỉ?

- Bố có lỗi, bố có lỗi! - Pavel nói. - *Một chàng trai tươi trẻ phóng mình đến nơi hẹn ước!*

Xtioresnhev nghiêng chặt hai hàm răng, lên ngựa. Chân chàng vừa đụng vào bàn đạp thì con ngựa thiện lập tức tươi tỉnh lên, nặng nề xoay vòng. Thừa lúc đó Xtioresnhev nhẹ nhàng cất mình lên rồi hạ mình xuống chiếc yên kê cốt kết. Con ngựa thiện ngóng cổ, rồi giẫm nát mặt trăng trong vũng nước, lên đường theo một nước kiệu sáng khoái.

II

Trong đồng nội ẩm thấp và đầy ánh trăng, những cây ngải cứu mờ trắng trên những bờ ruộng. Những con cú cánh rộng thành linh từ những bờ ruộng lạng lẽ bay vụt lên, khiến con ngựa khịt phì, rạt sang bên. Con đường đi vào một khoảng rừng nhỏ chết lạng, lạnh ngắt vì ánh trăng và sương đêm. Mặt trăng chói lói, hệt như đấm nước thấp thoáng trong những ngọn cây trơ trụi, và những cành cây trơ trụi hoà lẫn vào ánh trăng, ướt át, để rồi nhòe đi

trong đó. Mùi vỏ cây dương, mùi lá hoai mục trong các khe vực bốc lên đặng đặng... Còn đây đã là đường đi xuống những vùng trũng trũng chừng như sâu vô tận và bao phủ bởi một làn hơi nước trắng mong manh. Cả con ngựa thiến cũng thở ra một làn hơi nước trắng, len lỏi giữa các bụi cây bằng thủy tinh do có sương đêm bao bọc. Tiếng cành cây nhỏ gãy rãng rãc dưới vó ngựa đã vang lên ở mạn bên kia, nơi khu rừng cao ráo đang sẫm dần theo triền dốc núi. Bỗng con ngựa thiến dỏng hai tai lên. Hai con chó sói vai rộng, cổ bạnh, chân nhỏ đang đứng trong màn khói sáng sữa trên vùng trũng. Đợi cho Xtorsnhev đến gần chúng mới nhảy vọt lên, bằng một kiểu chạy vụng về, phi lên núi, qua những bãi cỏ trắng sương muối và ánh lên tia ngũ sắc.

- Biết đâu cô ấy lại chả ở lại thêm một ngày nữa? - Xtorsnhev nói, ngâng đầu nhìn mặt trăng.

Mặt trăng đang treo trên những nội cỏ hoang vắng bàng bạc sương đêm phía bên phải... Cảnh thu buồn mà đẹp biết bao!

Con ngựa thiến cót két yên, đang ráng hết sức bình sinh đến đâu ê ẩm cả cái thân mình mạnh mẽ của nó để tiến vào khoảng rừng cao dày đặc, men theo triền sâu của một con đường đã bị các dòng suối làm xói lở, thì bỗng nhiên nó hụt chân, suýt ngã huỵch xuống mặt đất. Xtorsnhev tức điên lên, mặt méo xệch, dùng roi quất thật lực vào đầu nó.

- Úi chà, đồ chó già! - với giọng giận dữ pha lẫn u sầu, chàng thét ầm cả khoảng rừng âm vang.

Sau khu rừng, mở ra một khoảng đồng không mông quạnh. Trên một triền dốc, giữa những ruộng rạ kiêu mạch, có một khu vườn tược tồi tàn với dăm ba công trình phụ, một mái nhà tranh. Dưới ánh trăng, tất cả cái cảnh đó sao mà buồn vậy! Xtorsnhev dừng lại. Có lẽ muộn rồi, muộn mất rồi, chung quanh đâu đâu cũng lặng như tờ. Chàng thúc ngựa tiến vào sân. Căn nhà tối om om. Quãng cương, Xtorsnhev nhảy khỏi yên. Con ngựa thiến vẫn đứng yên, đầu cúi xuống với vẻ phục tùng. Trên bậc thềm, một con chó săn đã già nằm khoanh tròn, ghếch mõm lên chân. Nó không động đậy, chỉ nhướng mày nhìn rồi lộ cổ vẫy đuôi mừng. Xtorsnhev bước vào phòng ngoài cùng, ở đây từ buồng xếp xông ra mùi một hố xí đã cũ. Trong tiền

sánh tối mù mịt. Các khung kính toát mồ hôi lạnh, nhuộm một ánh vàng. Từ trong hành lang tăm tối lạ lùng chạy ra một người đàn bà nhỏ bé, mặc một chiếc áo rộng và mỏng, màu sáng. Xtoresnhev cúi xuống. Nàng mau lẹ vít chặt lấy chiếc cổ gày gò của chàng bằng đôi tay để trần, rồi nàng vui mừng lặng lẽ khóc, áp má đầu vào nền dạ cứng của chiếc áo choàng. Nghe được cả tiếng tim nàng đập rộn rã như tim trẻ con, cảm biết được cả chiếc thánh giá bé nhỏ trên ngực nàng, - một chiếc thánh giá bằng vàng do bà nàng để lại, tài sản cuối cùng của nàng.

- Anh ở lại đến mai chứ? - nàng thì thào hỏi nhanh. - Nhé? Em không tin vào hạnh phúc của chính mình nữa!

- Vera, anh đi tháo yên cương đã, - Xtoresnhev gỡ tay nàng ra, nói. - Ở lại đến mai, đến mai đấy, -chàng nói và nghĩ thầm: “Trời đất ạ, cô ấy mỗi ngày lại một thêm hơn hớ! Mà sao hút thuốc lá nhiều thế, và lại âu yếm quá mức nữa!”

Khuôn mặt Vera dịu dàng, thoa một làn phấn mịn như nhung. Nàng từ từ đưa má lướt qua môi chàng, đoạn hôn chặt lấy môi chàng bằng đôi môi mềm mại của mình. Cây thánh giá lóng lánh trên bộ ngực hở hang của nàng. Nàng mặc một chiếc áo lót hết sức mỏng, một chiếc áo thề, chỉ dành riêng cho những giây phút quan trọng nhất, một chiếc áo lót vô song.

“Như ta đã biết chắc, - Xtoresnhev cố nhớ lại hồi nàng còn là một cô gái trẻ măng và ngấm ngấm, - như ta đã biết chắc từ cách đây mười lăm năm, rằng ta sẽ không do dự chút nào để đổi mười lăm năm của cuộc đời ta lấy một lần gặp gỡ với nàng!”.

III

Một ngọn nến vẫn cháy trên sàn nhà bên cạnh giường, trước lúc bình minh, Xtoresnhev người dài ngoẵng, mặc quần rộng ống, áo sơ mi cổ chéo để hở cúc, nằm ngửa, thận trọng nghiêng bộ mặt có chiếc mũi gồ của mình về phía bóng tối, hai tay vắt lên đầu. Vera ngồi cạnh chàng, chống khuỷu tay lên đùi. Cặp mắt lóng lánh của nàng mọng đỏ lên vì nước mắt. Nàng hút thuốc và chờ đợi nhìn xuống sàn. Nàng vắt chéo chân. Bàn chân nhỏ nhắn

của nàng đặt trong chiếc giày nhẹ nhõm, quý giá, khiến chính nàng cũng phải thích thú. Nhưng nàng đã quá đau đớn trong lòng.

- Em đã hy sinh hết thảy vì anh, - nàng khẽ nói và đôi môi nàng lại run lên.

Trong giọng nàng chứa chất biết bao âu yếm, biết bao niềm đau khổ thơ ngây! Nhưng Xtorsnehev mở bừng mắt, lạnh lùng hỏi:

- Em hy sinh những gì?

- Hết thảy, hết thảy. Và trước hết là danh dự, tuổi thanh xuân...

- Chúng ta còn trẻ trung gì cho cam.

- Sao anh cục cằn, thiếu nhạy cảm thế! - nàng trù mẫn nói.

- Phụ nữ khắp nơi trên thế giới đều nói hết như nhau. Đó là một câu họ ưa thích, có điều là phát âm khác nhau. Mới đầu họ hân hoan, thán phục: “Sao anh thông minh, nhạy cảm thế!”.

Vừa khóc thút thít nàng vừa tiếp tục nói, như chẳng buồn nghe ai:

- Dù cho em chẳng làm nên trò trống gì đi nữa... Song, trước kia cũng như hiện nay em vẫn rất say mê âm nhạc, và tuy chưa được bao nhiêu, nhưng lẽ ra em cũng đã đạt được...

- Ôi chà, chẳng phải là say mê âm nhạc đâu. Và một khi có Padarxki là...

- Thô bạo đấy, - Adriusa ạ... Vậy mà giờ đây em chỉ là một người chơi nhạc đệm thăm hại của học viện, và lại ở đâu nữa cơ chứ! Ở ngay chính cái thành phố thổ tả mà bao giờ em cũng ghét cay ghét đắng này! Phải chẳng ngay cả bây giờ em cũng không sao tìm được một người đem lại cho mình sự yên vui và hạnh phúc gia đình, vừa yêu mến lại vừa quý trọng mình? Thế nhưng kỷ niệm về mối tình của đôi ta...

Xtorsnehev chậm thuốc hút, đoạn bắt đầu trả lời chậm rãi, rành rẽ:

- Vera ạ, chúng ta giòng dõi quý tộc, chúng ta không biết cách yêu nhau một cách giản dị. Đó là một thứ thuốc độc đối với chúng ta. Và không phải em, mà chính anh đã tự tàn hại mình. Mười lăm, mười sáu năm trước ngày nào anh cũng đi ngựa đến đây và sẵn sàng qua đêm bên ngưỡng cửa của em. Lúc bấy giờ anh còn là một thằng bé con, một thằng ngốc phờn phơ và hiền lành...

Điều thuốc lá bị tắt. Chàng quăng nó ra xa, đoạn buông tay xuôi theo thân mình, mắt nhìn lên trần.

- Tình yêu của các cụ kỵ chúng ta, những bức chân dung của các cụ trong các khung hình bầu dục có giấy xanh viền trong, giấy thếp vàng bọc ngoài... Tượng thánh Guri, Ximon và Aviv, những đấng phù hộ độ trì cho các gia tộc lâu đời của chúng ta... Tất cả những cái đó là dành để cho ai, nếu không phải cho anh và cho em? Lúc bấy giờ anh đã làm mấy câu thơ:

*Yêu em, anh mơ tưởng tới những người trăm năm trước,
Đã từng mơ tưởng và yêu nhau ngay tại chốn này.
Và đêm đêm trong khu vườn vắng lặng anh dạo bước.
Dưới ánh những ngôi sao trăm năm trước vẫn còn đây.*

Chàng đưa mắt nhìn Vera rồi lại nói xẵng giọng hơn trước:

- Em ra đi để làm gì, và để theo ai? Người đó có thuộc dòng giống, thuộc bộ tộc của mình chẳng?

Chàng hơi nhồm mình dậy mà nhìn chăm chặp vào mái tóc đen khô khốc của nàng bằng cặp mắt dữ dội:

- Bao giờ anh cũng chỉ suy nghĩ về em như một người vợ, suy nghĩ với một lòng hân hoan, tôn thờ. Thế nhưng lúc nào số phận đã gắn bó đôi ta? Và em đã là gì đối với anh? Phải chăng đã là vợ? Mà lúc ấy là thanh xuân, là niềm vui, là sự trong trắng, là đôi má đào sâm sẫm, là chiếc sơ mi cổ chéo bằng vải mỏng... Ngày nào anh cũng đã đến nơi em, để được thấy tấm xiêm áo của em, cũng bằng vải mỏng, nhẹ nhõm, thanh tân, để được thấy đôi cánh tay trần của em, đôi cánh tay hầu như đã đen đui vì nắng và vì dòng máu của tổ tiên chúng ta, để được thấy cặp mắt *Tatar* long lanh (anh đâu có lọt được vào cặp mắt ấy!), để được thấy một đoá hồng vàng trên mái tóc huyền, để được thấy nụ cười của em, một nụ cười lúc bấy giờ sao ngốc nghếch, kỳ khôi thế nào ấy, nhưng rất duyên dáng, - thậm chí để được thấy em đi men theo con đường nhỏ trong vườn để tránh xa anh, tuy bụng nghĩ đến chuyện khác nhưng em giả vờ chơi đùa, giả vờ dẫn quả bóng

croquet (42), và để nghe những lời thóa mạ của mẹ em từ trên bao lơn vọng xuống, - chuyện đó đối với anh đã là...

- Không phải em, mà là mẹ em đã có lỗi trong mọi chuyện ấy, - Vera nói với vẻ nhọc nhằn.

- Không đâu! Em có nhớ cái lần đầu tiên rời đây đi Maxcova, em đã chuẩn bị đồ lễ, em đã lơ đãng hát một bài gì đó, em chẳng buồn nhìn anh mà chỉ chìm đắm trong những ước mơ của mình, trong niềm tin vào hạnh phúc của mình như thế nào không? Anh đã đi ngựa đến để tiễn em vào một buổi chiều lạnh lẽo và sáng sủa. Những mầm lúa mì óng ánh đã ngời sáng lên, những ruộng rạ và bức rèm khung cửa sổ bỏ ngỏ trên toa tàu đã ửng hồng lên... Ôi chao! - Xtorsnehev giận dữ nói trong nước mắt nghẹn ngào rồi lại nằm xuống gối. - Từ bàn tay thơm nức mùi dầu sả của em, hương sả còn vương lại cả trong tay anh. Nó lẫn với mùi dây cương, mùi yên ngựa, mùi mồ hôi ngựa, nhưng anh vẫn cứ cảm biết được nó, anh cưỡi ngựa đi trên con đường lớn lúc hoàng hôn - và anh đã khóc... Nếu như có ai đã từng hy sinh hết thầy, hy sinh tất cả cuộc đời mình, thì kẻ đó chính là anh, một kẻ say sưa đã già đời!

Và rồi, khi những giòng lệ trào tuôn qua má, qua ria xuống môi thấy nóng nóng, mặ mặ, Xtorsnehev vung chân ra khỏi giường mà bước ra ngoài buồng.

Trăng đã lặn. Một màn sương mù trắng xốp đã giăng ra trên những cánh đồng dưới chân dốc và đang chuyển sang một màu xanh chết chóc. Xa xa đằng sau màn sương ấy, bình minh đang ửng đỏ. Xa xa, trong khu rừng sẫm tối và lạnh lẽo, một con gà trống đã gáy te te nơi buồng ngoài của người tuần canh.

Xtorsnehev chỉ đi đọc một đôi bút tắt ngấm, ngồi xuống bậc thềm và cảm thấy làn không khí ẩm lạnh đã lan khắp người mình dưới tấm áo sơ mi mỏng.

- Rồi về sau, dĩ nhiên là vai trò của từng người đã thay đổi, - chàng khẽ nói với vẻ ghê tởm. - Còn hiện nay thì chỉ có thể thôi. Hết rồi...

IV

Sáng ra họ uống trà ngoài hành lang lạnh lẽo, ngồi trên một chiếc rương đồ sộ. Trên rương là một chiếc *xamovar* chẳng được lau chùi gì, mốc xanh lên và đã xin đi từ lâu. Mồ hôi lạnh ở cửa sổ đã biến mất trên những ô kính phía trên. Qua đó đã thấy được ánh nắng của ban mai buốt lạnh, thấy được một thân cây sần sùi giữa đám cây cối không màu sắc còn sót lại ở đôi nơi. Một cô gái tóc hung, đi chân đất, mắt sưng húp do ngủ nhiều, bước vào, nói:

- Mitori đã đến.

- Cứ để nó đợi đấy, - Xtorsnehev đáp, không đưa mắt nhìn lên.

Cả Vera cũng không đưa mắt nhìn lên. Mặt nàng đã võ vàng đi sau đêm qua, dưới con mắt và quanh mi mắt đã có vệt nâu nâu. Tăm xiêm đen đã khiến cho nàng trẻ hơn và đẹp hơn lên, mái tóc đen cũng khiến cho lớp phấn trên mặt nàng càng thêm hồng. Khuôn mặt gày guộc, khắc khổ của Xtorsnehev như thiếu sinh khí, hơi ngửa ra sau. Qua chòm râu nhỏ màu xám loãn xoắn mà cứng, lộ ra một cục hầu lớn.

Ngoài sân chói chang một mặt trời đã xuống thấp. Toàn bộ bậc thềm đã bạc trắng vì sương giá. Sương giá đọng thành muối trên những ngọn cỏ, trên những lá bắp cải giống như những vỏ sò màu xám xanh rải rác trong sân. Một bác nông dân có cặp mắt màu thiếc đã giong đến cạnh thềm một chiếc xe ngựa tải chất đầy rơm và cả rơm cũng đọng đầy sương muối. Bác đi vòng quanh chiếc xe để rém lại rơm trên xe, mồm bác ngậm tẩu và một vệt khói màu hoa cà kéo dài qua vai bác. Vera bước ra bậc thềm, mình bận một chiếc áo lông ngắn nhẹ và đắt tiền nhưng đã sờn cũ và không hợp thời trang, đầu đội một cái mũ mùa hè bằng rơm đen, có gắn những bông hoa cứng queo, láng bóng màu gỉ sắt.

Xtorsnehev tiễn đưa nàng qua những con đường làng ra tới đường cái. Chàng cưỡi ngựa đi sau chiếc xe tải ngựa. Con ngựa thiếu vờn dài cổ để đớp những cọng rơm. Chàng lấy roi quất vào mồm nó, nó ngỏng cổ, thót bụng hí lên một tiếng nhọc nhằn. Đoàn người ngựa bước thủng thẳng và im lặng. Bám sát Xtorsnehev, chạy sau cùng là con chó săn già nua của khu

vườn tược ấy. Mặt trời thấp đã sưởi ấm vạn vật, bầu trời dịu dàng, trong sáng.

Gần đến đường cái, bác nông dân đột nhiên nói:

- Thừa cô, vụ hè này tôi lại sẽ đưa thằng cháu đến làm cho cô. Tôi đã dặn sẵn để cháu lại đến chăn bò cho cô rồi đấy.

Vera ngoảnh mặt lại với một nụ cười e thẹn. Xtoresnev cất mũ ra, từ trên yên ngựa cúi xuống nắm lấy tay nàng mà hôn thật lâu. Nàng áp môi vào thái dương đang ngả bạc của chàng, khẽ nói:

- Mạnh khỏe nhé, anh thân yêu. Hãy bỏ qua cho em nhé.

Trên đường cái, bác nông dân giông xe chạy âm âm cho ngựa phi nước kiệu. Xtoresnev quay lại, cưỡi ngựa trở về qua những ruộng rạ, không theo đường xá gì. Lẽo đẽo theo chàng ở phía xa xa là con chó săn già, hình bóng nó nổi lên rõ nét giữa những cánh đồng vàng óng. Chàng dừng lại, giơ tay dọa nó. Nó cũng dừng bước, ngồi xuống. “Tôi đi đâu được cơ chứ?” - dường như nó hỏi vậy. Và cứ hễ chàng cất bước thì nó lại những nhặng theo sau. Chàng nghĩ đến cái nhà ga xa xăm ấy, đến những đường ray bóng loáng, đến làn khói của đoàn tàu xuôi xuống phía Nam...

Khi chàng đi xuống những nội cỏ trụi đó đây có đá lờm chờm, thì trời đã hầu như nóng nực.

Ngày thu lạng lẽ toả sáng qua một bầu trời trong xanh. Một bầu tĩnh mịch vĩ đại bao trùm trên đồng không mông quạnh, trên những khe vực, trên toàn bộ thảo nguyên Nga vĩ đại. Những sợi bông của những cây hành già, của những quả ngưi bàng khô, từ từ trôi trong không khí. Những con kim oanh đậu trên những cây ngưi bàng. Chúng cứ sẽ đậu như thế suốt cả ngày, chỉ họa hoằn lắm mới bay đi bay lại, mang theo cuộc sống yên tĩnh, đáng yêu và hạnh phúc của chúng.

Capri, ngày 31 tháng 12 năm 1912

Ngày cuối cùng

Thôi thế là xong: gia súc bán cho người ta, chủ mới đã giong đi, những cỗ xe ngựa, yên cương, đồ đạc bán cho người ta, chủ mới cũng đã chở đi, cổng lò rèn và kho chứa củi, cửa vựa thóc và chuồng ngựa đều đã mở toang hoang: đầu đầu cũng đều trống rỗng, trơ trụi; trong sân cũng thấy đều hết sạch cả rồi.

Người chủ mới là bác thị dân Roxelov cho biết rằng bác ta sẽ đến vào chiều ngày hai mươi tháng tư. Bác Voeikov cũng quyết định ra đi vào ba giờ chiều đúng ngày hôm ấy; còn gia đình thì bác đã cho lên đường từ hôm mười hai.

Kẻ ăn người làm chỉ còn lại có hai mống là chú lính Piotr với thằng Xaska. Họ ngả ngớn trên những chiếc ghế dài trong căn bếp trống không, hút thuốc, rồi lúc thì với giọng bông lơn, lúc với vẻ nuối tiếc, họ nói chuyện với nhau về ông chủ đã khánh kiệt của mình. Còn chính bản thân ông ta thì ăn mặc theo kiểu thị thành, bận một bộ đồ vét tông nâu, đầu đội chiếc mũ lưỡi trai, theo kiểu lính kinh kỵ có vành màu vàng, một tay cầm can, một tay xách ghế đầu, ông ta đang đi quanh khắp trong nhà. Với những bức tường trần trụi, sao trong nhà sáng sủa thế! Mở bung hết cửa buồng nọ thông sang buồng kia, cứ vào mỗi buồng ông lại đứng lên ghế đầu mà lột tung từ trên xuống dưới những tờ giấy dán tường đầy cứt ruồi đã bong ra khỏi mặt tường, và thế là từng mảnh giấy lớn, bên trong phủ đầy vôi và hồ đã khô, rơi rào rào xuống sàn nhà. Trong một căn buồng lớn ở góc nhà, giấy dán tường lại là màu xanh sẫm pha kim nhũ. Giấy đã phai, đã bạc màu, nhưng còn mang nhiều hình bầu dục, hình vuông sẫm: căn buồng này trước đây bao giờ cũng treo các ảnh in trên kim loại và các bức tranh khắc cổ kính nho nhỏ, và ở một góc buồng là những tượng thánh. Giấy trong buồng này thì không thể bóc kịp nữa rồi. Ánh nắng đã dịu dàng xuyên qua những ô kính mỏng, xỉn đục, trên bốn khung cửa sổ lớn. Nhớ tới lúc thiếu thời mình đã trải qua ở đây, bác Voeikov lấy gậy phang vào một khung cửa sổ, rồi

phang sang chiếc khác... Kính vỡ rơi loảng xoảng xuống những bậu cửa gỗ đã mọc ruỗng, xuống những miếng gỗ hình bát giác màu vàng của sàn nhà gỗ đã nứt nẻ. Làn gió xuân dịu dàng hút qua những lỗ thủng và đã trông thấy được những bụi đình hương xám ở bên ngoài.

Ngồi lên ghế đầu, bác Voeikov còn định suy nghĩ nốt những ý tưởng cuối cùng.

Bác ngồi hồi lâu, cắt chiếc mũ lưỡi trai ra khỏi mái đầu rộng, rẽ ngôi lệch theo kiểu cổ, - nghĩa là từ phải sang trái với hai bên tóc mai để dài - và cúi đầu xuống. Lần hồi bác nhớ lại các ông bà, cụ kỵ đã từng sống và qua đời trong ngôi nhà này, trong khu đất vườn này; bác nhớ lại được hầu hết tên của các con chó *borzoi* đã từng khiến cho các chuyến đi săn của họ hàng nhà Voeikov trở nên lừng lẫy... Giờ đây các con cháu của lũ *borzoi* chỉ còn lại vền vẹn có sáu mõng, còm nhom, dơ dáng đại hình vì đói ăn và vì già nua... chẳng bao lâu nữa chúng sẽ chết ngoẻo thôi, điều đó là dĩ nhiên rồi... Đúng thế, nhưng không phải là Griska bỏ chúng lại cho Roxelov đâu! Bác Voeikov ngẩng bộ mặt ngăm đen nặng trĩu của mình lên, một bộ mặt đầy những đường hằn và những vết nhăn hằn học, với bộ ria nhuộm màu xanh đen. Giờ đây đôi mắt bác long lanh một cách khắc nghiệt.

Đội mũ lên đầu, lật cốc chống can, bác bước ra bậc thềm mà gọi vọng qua sân xuống bếp. Chú Piotr người dài ngoẵng chạy vọt tới ngưỡng cửa.

- Lũ chó đâu rồi? - bác Voeikov hỏi.

Piotr ngó ra buồng ngoài và qua sân ngó ra vườn...

- Hình như vẫn còn ở nhà cả đấy ạ.

- Ờ, thế thì hay, - bác Voeikov hét to, giọng chắc nịch, - đập chết hết đi. Cứ mỗi con, cho hai hào rưỡi.

Rồi cầm một liều thuốc ngăn ngừa nhưng to xù vào cái bót thuốc lá loại đắt tiền đã ám khói, bác châm thuốc hút, đoạn ngồi xuống bậc ở ngoài thềm. Piotr bèn lùi vào bếp, nhanh nhẩu báo cho Xaska biết quyết định của ông chủ khiến cậu này cũng ngạc nhiên và mừng rỡ, rồi vớ lấy đoạn dây thừng dưới chiếc ghế dài, Piotr lại bước ra ngưỡng cửa, suy nghĩ: không biết bắt đầu từ con chó nào trước nhỉ.

Ba con khoang nằm ngoài nắng, ngay giữa sân. Hai con trắng nằm trong râm, cạnh kho chứa củi. Còn một con thì đang chạy ra khỏi khoảng vườn nhỏ trồng thông, men theo con đường sáng sửa giữa hai hàng cây dẫn qua một khu vườn còn thừa thớt với mấy cây táo tuy trụi lá nhưng đang trổ hoa trên mặt đất hồng hồng lúc sang xuân. Lũ chó đều đã già hết cả, kể cả con chó này, - một con chó cái màu vàng nhạt, hai tai đen, có mớ lông dài mà khô khốc ở những cẳng chân khăng khiu, gày guộc. Piotr huýt sáo rồi vỗ vỗ đùi. Con chó qua sân tiến thẳng lại, ngoe nguẩy cái đuôi rậm cong tớn và liếm tay Piotr. Piotr quàng dây thừng vào cổ nó, rồi giậm đôi ủng lạo xạo chạy qua sân vào trong vườn. Thằng Xaska chân ngắn, tính thích cười đùa, cũng vớ lấy chiếc xẻng bằng sắt bị bỏ quên trong góc nhà ngoài, chạy theo.

Mới đầu con chó còn chịu đi. Nhưng đến cổng vườn thì nó bỗng chùn lại, chồm lên, rồi kêu lên ăng ăng và bắt đầu quấy lộn. Thằng Xaska vừa chạy vừa giơ lên một cành táo có chạc dỏ xanh dỏ vàng, quật mấy nhát vào cái lưng khô khăng của con chó, khiến chạc táo đều dính bết những chòm lông chó già nua. Piotr vừa chạy vừa ghé vai kéo dây, hết như muốn ngã; còn con chó thì nhảy cẫng lên, vùng vằng, giật trở lại, lết người xuống đất, đầu lúc lắc. Những con *borzoi* đang ngủ liền bừng tỉnh, ùa đến cả đàn để thúc con chó cái.

- Đuổi chúng nó đi! - bác Voeikov chồm lên trên bậc thềm, rầy la dữ dội.

Xaska bèn dùng xẻng xua tan lũ chó. Còn con chó cái điên cuồng gặm vào dây thừng, bị chảy máu ở lợi: trong khi nghẹn thở nó đã cắn phải lưỡi. Ra đến lối đi giữa hai rặng xiêm gai ở cạnh vườn, Piotr đã đi được êm thấm hơn vì con chó đột nhiên kiệt sức, thôi không chống cự lại nữa, trông càng gày tọp đi và đã loạng choạng, chân sau bước rồi loạng, đuôi cụp xuống. Ở một ngã tư đường, có một cây phong cản cỗi, toả rộng cành. Khi Piotr quăng dây qua một cành phong to rồi mau lẹ ghé vai bên phải về phía cây phong mà kéo mạnh dây xuống thì con chó bị lôi hăng chân sau lên, co giật và quẩn quại hai chân trước, cố níu lấy đám đất lổn nhổn dưới gốc phong, nhưng nó đã bị treo lủng lẳng là là mặt đất. Cái lưỡi tím đen của nó thè ra, mặt nó nhăn nhó để lộ ra hai hàng lợi màu san hô, ánh nắng ban ngày phản chiếu trong cặp mắt màu nho lờ đờ của nó đã bắt đầu mờ mịt đi.

- Bây giờ thì im nhé, hết băng nhăng rồi nhé, - quen thói bông đùa cả trong những cảnh thê lương, Piotr nói.

Xaska bắt chước giọng đàn bà hát í ẻo, đào một cái hố ở giữa hai bụi cây tuy trợ trụ nhưng cành đã nhú đầy những chồi xanh non tơ. Xa xa, trên những cây cổ thụ phía vườn dưới, đàn quạ kêu táo tác. Bốn phía chung quanh lũ sáo đá hót vang, một con ác là kêu ra rả, mặt trời đã làm héo khô đám lá nhàu nát dưới gốc các bụi cây, nhưng Xaska vẫn vững vàng và thoải mái dận chân lên lưỡi xẻng bóng loáng thun thút phập xuống đám đất tươi xộp màu xanh sẫm, xắt làm đôi những con giun béo, đỏ thẫm. Andrei, một cậu nông dân trong làng, ăn mặc tề chỉnh, đang trông cho con ngựa cái của mình ăn cỏ trong mảnh vườn vô chủ, thấy vậy bèn tiến lại gần.

- Sao lại xử tử nó thế? - cậu tùm tùm cười, hỏi.

- Theo lệnh mà lại, - Piott vẫn ghé vai giữ dây đáp. - Để từ biệt mà lại. Ông ấy ra lệnh xử tử tuốt. Cốt sao không để chúng lại cho ai sắt cả.

- Ông ấy xót lắm hả?

- Ai chả xót cơ chứ. Còn cậu thì đã đưa ngựa vào ăn trong vườn rồi đấy hả? Coi chừng, chiều nay chủ mới sẽ đến. Với ông ấy thì đừng có hòng mà chặn ngựa.

- Đến chiều mình lại ruồi ngựa về đấy mà, - Andrei nói.

Cậu ta lấy gậy thúc vào đít con chó, con chó bừng tỉnh, thót bụng lại gầm gừ. Rồi cậu ta lơ đãng nói tiếp.

- Mới đây mình cũng đập chết một con chó. Nó bị chó nhà ai cắn chả biết, chỉ sống được đâu một, hai tuần, rồi sữa cũng chẳng sữa được... Mình nghĩ mãi, nghĩ mãi đành mang ra đập chết đi vậy.

- Chó thì cũng như người, người hơn chó nhiều mà còn bị xử tử nữa là, - Piotr nói.

- Vậy cậu được thấy rồi sao?

- Mình làm sao thấy được. Họ có cho ai vào xem đâu, đến cả người nhà cũng chẳng được vào nữa là. Lính tráng họ kể cho mình nghe rằng ban đêm người ta dựng giá treo cổ, rồi sáng tinh mơ thì dẫn cái tên hung đồ ấy ra, người đao phủ trùm cho hắn một cái túi vào đầu rồi treo hắn lên một đoạn

dây chèo bện bằng cao su. Bác sĩ đến xem rồi cho biết ngay tức thì là hẳn đã tắt thở hay chưa... Còn lỗ huyết thì ở ngay dưới giá treo cổ.

- Vậy là họ cứ quăng xuống không có áo quan gì sắt?

- Thế cậu nghĩ là phải cho vào hòm kính sao?

- Với lại như thế thì chẳng có anh đi tìm vàng nào mò ra được, - Xaska vừa cười vừa nói vọng ra từ trong bụi rậm.

Piotr quăng chiếc thùng, - con chó đã rơi xuống và vẫn ở tư thế ngồi, - rồi châm thuốc hút

- Thế rồi sau họ lại đem cái cỗ máy ấy đi nơi khác ư? - Andrei hỏi.

- Nơi nào cần thì họ lại mang đến.

- Thế tại sao lại xử tử người ta vậy nhỉ?

- Dễ hiểu thôi, nếu tốt thì đã chẳng phải xử tử. Bị xử tử là vì khác lòng tin, đi cầm đầu, đi ăn cướp. Đừng gây rối, đừng trộm cắp thì...

- Thế còn cái lão đao phủ ấy, lão ta thế nào, có được lương bổng đấy chứ?

- Chứ sao. Cả cơm ăn áo mặc đàn ông nữa kia.

- Coi chừng, kẻo có lúc hết hơi đấy, - Andrei nói đùa, rồi đi lại phía con ngựa đang loạt soạt đống lá khô trong khu rừng trũng anh đào lưu niên.

- Cũng có lẽ, - Piotr nói, đoạn hét với thằng Xaska: - Sẵn sàng rồi chứ?

Cậu ta lôi xênh xệch con chó lại miệng hổ cùng với cả đám lá rụng đủ loại màu đá hoa có, màu vàng có, khô có, ướt có. Lấp đất xuống hố xong, Xaska lấy chân giậm giậm, và đóng đất ẩm phập phồng hít thở dưới đôi ủng của nó.

- Thôi, yên giấc ngàn thu nhé, - nó nói. - Chúng tao sống vất va vất vưởng, còn mày thì thịt nát xương tan.

Đoạn vác xẻng lên vai, nó theo chân Piotr đi về nhà. Đến giữa sân thì Piotr dừng bước, giấu đoạn dây thùng ra sau lưng mà dụ dỗ gọi con chó đực to đã bạc cả lông, tên gọi Tserkex.

- Thừa ông Boris Borixurts, đã khử được một con và đã chôn rồi đấy ạ, - Xaska vui vẻ hét to với bác Voeikov này giờ vẫn ngồi trên bậc thềm.

- Mày hét cái gì thế hở, thằng ngu? - bác Voeikov nghiêm nghị dồn hỏi nó. - Tại sao lại chôn? Ai bảo chúng mày chôn? Đem vào rừng thông, treo

tuốt lên những cây thông và cứ để thế. Nghe chưa?

- Xin tuân lệnh ạ, - Xaska đáp, đoạn xông tới tiếp tay cho Piotr. - Nào, nhanh tay lên thôi! - nó khẽ quát.

Tới khoảng ba giờ thì họ giải quyết xong cả lũ chó. Giờ đây, cái cơ ngơi xưa cũ, tĩnh mịch, vắng vẻ, mơ màng dưới ánh nắng tháng tư mơn man ấm áp, đã trở nên hoàn toàn trống trải. Hai cậu người làm hứng chí nhưng mệt nhoài, bước theo lối đi giữa hai hàng cây và cùng nhau tính toán xem mình sẽ được trả công bao nhiêu.

- Không sao, khờ đấy, - Piotr nói với một giọng hoan hỉ ảm đạm. - Được một rúp rưỡi bạc đấy. Ta sẽ được một bữa cỗ đằng hoàng có cả thức nhắm.

Bác Voeikov, đầu để trần đứng cạnh bậc thềm, làm dấu thánh giá rồi nghiêng mình trước ngôi nhà.

- Xin chào, - bác vừa nói với vẻ nghiêm nghị, vừa quay bộ mặt tối tăm, cương quyết của mình về phía những người vừa bước tới. - Xong rồi chứ?

- Xong rồi ạ, - hai người làm đồng thanh trả lời và cất mũ lưỡi trai khỏi đầu.

- Cầm lấy.

Xaska nhận tiền và hôn vào bàn tay ngăm đen, có đeo một chiếc nhẫn cưới đã mỏng dính của bác. Không thay đổi sắc mặt, bác Voeikov ôm lấy cậu ta mà hôn vào môi. Rồi bác gật đầu với Piotr. Trong giây lát đôi mắt bác lác xệch và mờ mịt hẳn đi. Nhưng rồi bác đội chiếc mũ lưỡi trai lên đầu, trông lại càng nghiêm nghị hơn, và bác nói với giọng càng cứng rắn hơn:

- Bây giờ chúng bay đi được rồi đấy. Ta không bảo Miron cho xe ghé lại đón ta. Ta sẽ tự đi đến chỗ nó, rồi từ đó đi xe ra ga. Không phải ta ngượng vì phải đi xe ngựa tải, mà chỉ là vì... ta không thích...

Thế rồi bác đi ra cổng, không ngoái đầu lại.

Xaska chạy ù ra quán bán hàng và ông chủ quán dùng chiếc rìu gỗ chặt ở ngay ngưỡng cửa cho cậu một tảng thịt lợn muối ướn nhèm. Piotr đã đợi cậu ta ở bên quán rượu, ngoài bãi chẵn, cạnh trang trại. Thế là hai người ngồi nhậu với nhau rất lâu trên vạt cỏ mùa xuân le te ngời sáng. Chiều đã đến trong một sắc hồng. Không khí mát lạnh đi, và càng nghe rõ hơn tiếng đàn

quạ náo động, kêu quang quác trên những rặng cây già cỗi phía vườn dưới ẩm thấp. Đằng sau những chòm lá liền tù tì của rặng cây ấy đã ngời sáng một mảnh trăng trong nhỏ bé. Còn bên kia sông, mặt trời đang lặn trong một ánh vàng tinh khiết, và trong khu trang trại lặng lẽ một cách kỳ dị, người ta thấy bùng cháy thành màu da cam những ô cửa kính của ngôi nhà chết lặng cửa mở toang hoang.

Khi bác Róxtovxev cùng với người quản lý đi một chiếc xe ngựa đến trang trại thì trời đã khuya, thôn xóm đều đã ngủ cả. Trong bầu tĩnh mịch chỉ nghe có tiếng một chiếc đinh ốc dưới bánh xe khê kêu lạch xạch khi xe ngựa từ từ tiến vào khu sân cũ của bác Voeikov. Bác Róxtovxev dừng xe cạnh bậc thềm, xuống xe một cách khó nhọc, quẳng dây cương lại cho người quản lý. Người quản lý cho xe vào kho chứa để tháo ngựa ra, còn bác Róxtovxev mình bận áo dạ chùng, đầu đội mũ lưỡi trai sâu và ấm, thử duỗi đôi chân đã tê cứng do ngồi lâu trên xe mà bước vào nhà. Cả ông cũng cúi chào ngôi nhà, cất chiếc mũ lưỡi trai ra khỏi đầu và tỏ vẻ sùng kính, rắc một ít tóc của mình nơi ngưỡng cửa, trước khi bước vào những căn buồng đầy ánh trăng mờ đục. Trong các căn buồng, trên sàn đâu đâu cũng ngổn ngang những giấy dán tường bị lột xuống. Đi hết buồng nọ sang buồng kia, bác chăm chú và đã ra vẻ chủ nhà soi mói ngó vào mọi góc ngách, lấy ủng hất những mảnh giấy loạt xoạt, rồi lắc đầu với vẻ thực tâm chua chát, bác lẩm bẫm:

- Ôi chao, quân lừa đảo! Ôi chao, đồ mất dạy!

Trong bóng tối chập choạng, những căn buồng tưởng chừng như vô tận. Người ta thấy ghê rợn trong cái cảnh trống rỗng dơ dáy đại hình của chúng, trong cái khung trơ trụi của một tổ ấm tan hoang của người khác, - một tổ ấm đã bao năm sống với con người riêng của mình, với một cuộc sống bí hiểm không sao hiểu nổi đối với tất cả mọi người thuộc dòng họ Róxtovxev. Bác Róxtovxev quay gót, lưng gù xuống, mặt nhăn nhó, bước ra bậc thềm, và nóng lòng xem mau cho hết mọi cái giờ đây đã là của riêng mình, bác đi ra vườn để xem sắc thái của những cây táo, bởi lẽ năm nay bác đặt rất nhiều hy vọng vào khu vườn. Nhưng dưới ánh trăng dịu hồng, thậm chí cả cặp mắt tinh tường của bác Róxtovxev cũng không sao phân biệt nổi

màu trắng hồng phơn phớt của những cành trơ trụi với những chồi non. Bác dừng chân đứng lại mũi hít hít để hòng nhận biết bằng khứu giác. Có mùi hoa đấy, nhưng chỉ phảng phất. Nồng nặc hơn vẫn là mùi đất ẩm lạnh và mùi cỏ non tươi. Trong cảnh âm u tĩnh mịch, tiếng hót chiu chít của một con chim họa mi đang thử giọng ở phía dưới nghe lại càng rành rọt và thậm trọng lan đi khắp khu vườn. Đêm hôm đó dịu dàng, sáng sủa, đầy ánh trăng nhưng có chút sương mù. Khu vườn hiện ra khá xa, - và khi ngoảnh lại nhìn khoảng rừng thông, bác Róxtovxev bỗng cảm thấy tóc mình rợn lên trong chiếc mũ lưỡi trai: trong khu rừng nhá nhem gồm những cây thông cao và um tùm lừng lững hiện ra năm con ma dài ngoẵng màu xanh nhạt. Hoảng quá phát khùng, bác tiến lại gần... Nhưng chỉ một phút sau bác đã lùi bước và lẩm bẫm với giọng càng cay đắng hơn:

- Ôi chao, quân lừa đảo! Ôi chao, đồ mất dạy!

- Tôi tính ngủ trong nhà lớn kia đấy, - bước ra giữa sân, bác cố ý nói to cho vang khắp cả sân. - Nhưng thôi, kệ xác chúng nó. Ở đấy ghê tởm, bậy bạ quá chùng. Cái lão ngu ngốc ấy lột sạch trơn, lại treo cổ tuốt cả lũ chó... Ta vào trong nhà gỗ vậy, dù là cái chuyện ấy chẳng quý phái gì.

- Chẳng thiệt gì lắm cả đâu ạ, - người quản lý bước lại gần, giọng oang oang, vui vẻ đáp. - Cái gì chứ đàn chó thì ta gây lại được thôi... Thưa ông Grigori Kixkentinuts, xin chúc mừng ông có nhà mới! - người quản lý nói, ngả mũ lưỡi trai xuống.

- Ồ, thôi đừng, thôi đừng! - bác Róxtovxev giả bộ bực mình, đáp. - Ta đi ngủ thôi...

Họ đi xuống bếp, trải dài hai bóng đen lên mặt cỏ đầm sương. Ở đây, ngồi trên ghế dài dưới ánh trăng, họ ăn lót lòng bánh mì trắng với xúc xích, thỉnh thoảng chuyện trò với nhau, rồi nằm châu đầu vào nhau trên chiếc ghế dài cạnh cửa sổ, gối đầu lên những chiếc áo dạ chùng đã gấp lại mà ngủ. Họ sẽ phải dậy sớm hơn để đón đoàn xe ngựa thồ từ tỉnh về mà bắt tay dọn dẹp cơ ngơi.

Nhưng do nóng ruột, bác Róxtovxev tưởng chừng như đêm dài vô tận. Bác luôn tỉnh giấc, nao nao nhìn vào ánh trăng màu hồng cứ chiếu mãi vào đôi ủng của bác. Và mỗi khi thức giấc bác lại rùng mình: trước mắt bác

luôn sừng sững hiện ra cánh rừng thông xanh đen, ở đó, trong bóng tối trập trùng, có những con chó treo lủng lẳng. Bác luôn trở mình và bực tức nhếch mép tự chê cười mình chưa chi đã vội mất tinh thần.

Capri, ngày 1 tháng 2 năm 1913

Cỏ gà

Cỏ gà thì bay khỏi bãi

(Phương ngôn)

I

Bác Averki nằm liệt giường sau khi đã được ăn mận vào đúng ngày lễ thánh Piotr.

Các tay thợ trẻ đã tắm rửa bằng xà phòng, chải đầu, đi ủng, mặc sơ mi bằng vải hoa mới. Còn bác Averki thì cảm thấy trong mình yếu nhược và đứng đưng, do đó trước ngày lễ bác cũng chẳng bước ra đến ngoài sân, chẳng thay áo sơ mi nữa: còn quần áo mặc ngoài bác chỉ có nhất bộ, cho cả ngày lễ tết cũng như ngày đưng. Các tay thợ trẻ thả sức ăn và suốt bữa ăn cứ cười lên hô hố, nói những chuyện mà cô làm bếp phải giả bộ phần nộ quay mặt đi, thậm chí có lúc phải bỏ chiếc thìa đang ăn dở và bỏ cả bàn ăn mà đi ra. Còn bác Averki thì cứ lặng lẽ ăn.

Bác đã ở vào cái thời mà những người nông dân tốt bụng, hiền lành, sau khi đã làm lụng nhiều (chính bác cũng đã làm lụng như thế, cứ cố nông suốt tới ba chục năm) đã bắt đầu nặng tai, ít nói, và ai bảo sao cũng bào hao làm vậy, mặc dù trong bụng lại nghĩ khác, có ý kiến riêng của mình. Bác đã ở vào cái tuổi của người nông dân mà người ta không sao xác định ngay được. Người bác to cao và cục mịch: rất khẳng khiu, tay dài, khung xương nói chung to, nhưng đôi vai thì lại hẹp, vì chúng xuôi xuống và trông bề ngoài có vẻ yếu ớt. Và cái vẻ cục mịch nơi đồng ruộng ấy, cùng với đôi giày bện và chiếc áo lông cộc mà bác thường xuyên khoác trên mình, lại được kết hợp một cách kỳ dị với cái vẻ đáng mến của bác: đầu bác không to, đã bắt đầu hói ở đỉnh trán, mớ tóc dài nhưng thưa, bộ mặt bác phờ phạc,

mũi thanh, xương xương, đôi mắt xanh lơ, trợn ướn, bộ râu đang ngả bạc và nhỏ nhắn của bác không che nổi chiếc quai hàm gày guộc.

Tất cả những gì người ta chế nhạo trong bữa ăn, bác đều thấy là không cần thiết, không có gì đáng buồn cười cả. Nhưng nét mặt bác không hề tỏ ra khó chịu. Bác ăn từ tốn, luôn đặt thìa xuống: từ nhỏ bác đã quen coi việc ăn uống như một lễ cầu nguyện, bởi lẽ cả đời bác bữa ăn được coi như đỉnh cao nhất của một ngày lao động và nó thường đến với bác giữa những mối lo âu bất tận cho ngày mai, mặc dù suốt đời bác vẫn nói một câu quen thuộc:

- Trời sinh voi, trời sinh cỏ...

Những ý nghĩ của bác rối rắm. Dưới làn da mỏng mà xám, đôi lưỡng quyền của bác đã hồng hào lên. Bụng bác chẳng muốn ăn. Nhưng bác vẫn ăn một cách chăm chú, bởi vì đã lễ tết là phải ăn uống, và bởi theo bác nghĩ thì ăn uống có thể giúp ích cho bác, và còn bởi lẽ nữa là nếu không ăn thì cũng tiếc: bác đã ốm mất rồi, hẳn là bác phải rời khỏi nơi đây, về nhà thì bánh mì có khi cũng chẳng có, nói gì đến món ăn ngọt.

Người ta mang đến bàn ăn một chiếc đĩa gỗ đựng món thịt cừu nhiều mỡ và nấu rất mặn. Bác Averki sức nhớ lại là hồi nào đấy bác đã từng đi ở cho người ta trong thành phố vào mùa đông. Suy nghĩ một lát, bác thò những ngón tay mảnh khảnh của mình thận trọng nhón lấy một miếng và cười khẩy, mặt tái đi.

- Mình thích ăn mù tạc mà chẳng biết lấy ở đâu? - bác rụt rè nói, chẳng nhìn vào ai.

Ăn xong thịt cừu, bác cảm thấy khó chịu: nhưng bác vẫn ráng rồn ngồi cho tới cuối bữa. Đến tận lúc mà những người thợ trẻ, - sau khi đã nốc cạn sạch bát sữa màu xanh lơ to ketch xù và nấc lên với vẻ thoải mãn, - bắt đầu đứng dậy, châm thuốc hút, khiến mùi thức ăn thức uống và mùi bánh mì tinh bột vừa nướng xong pha lẫn với mùi thuốc lá vườn, thì bác Averki mới thận trọng đội cái mũ to tướng của mình lên đầu, - dưới đáy cái mũ bằng sợi gai ấy bao giờ cũng có một mũi kim có quấn chỉ, - đoạn bác bước ra ngưỡng cửa buồng ngoài, đứng một lát giữa bầy chó đói đang hau háu nhìn thẳng vào mặt bác vì chúng biết chắc rằng bác đang buồn nôn. Thời tiết

đang xấu đi. Trời tối mịt, hết như lúc chiều tà của ngày thường; một cơn mưa nhỏ rơi lộp độp trên một tờ báo lăn lóc ngoài bậc thềm của ngôi nhà chủ quý tộc; những con gà mái tây, đuôi ướt lướt thướt, đậu lên bờ giậu đồ nát, còn những chú gà con, tuy bị những con gà mái tây bực tức mổ tới tấp, vẫn cứ leo lên, chui vào nấp dưới cánh chúng... Những món ăn ngọt! Bác Averki hiểu giá trị của chúng. Những nỗi gian lao cuối cùng trước khi chết đã đến với bác, nhưng dù sao bác cũng vẫn cố không để mất những món ăn ngọt ấy khi bác lê bước tới căn nhà gỗ này.

II

Bác quay trở lại, người tái đi, chân run lên, và bác xin cô làm bếp cho bác được nằm lên bệ lò.

Cô ta dừng dừng hỏi:

- Lại ốm rồi hả?

- Tôi đã phục vụ ba chục năm trời, - cũng hòa theo giọng ấy, bác vừa đáp lại, vừa leo lên tấm phản, đặt đôi giày bện vào chiếc bếp than nhỏ, rồi len vào khoảng trống chật hẹp, nóng ấm giữa bếp lò với trần nhà, - tôi đã phục vụ ba chục năm trời với lương tâm trong sạch, nhưng đến nay thì hết rồi, yếu rồi... Chẳng đóng móng sắt nổi cho một con rận nữa, -bác nói đùa. - Mòn gì rồi, bắt đầu thở chẳng ra hơi, - bác nói với giọng càng chắc chắn hơn, thậm chí có vẻ hài lòng nữa, rồi nằm xuống.

Và vừa đặt mình xuống xong, sau khi đã gối đầu để nguyên cả mũ cho êm lên một bó dây bện đã cũ nát, bác lập tức lim dim ngủ và nghe thấy cả hơi thở sâu và đứt đoạn đều đều của mình, cảm thấy hơi thở ấy nóng nóng ở trên môi. Bác đã đinh ninh rằng mình sẽ không ốm liệt giường liệt chiếu, rằng mình là một con “gà trống nuôi rế”. Từ lâu bác đã cố gắng để lướt tạt bệnh. Những con chó ốm thường bỏ nhà, ra bờ ruộng, bìa rừng, tìm một loại cỏ mảnh mai nào đó mà chỉ mình chúng biết, để mà ăn và bí mật tự tìm cách chữa chạy cho mình. Tách ra khỏi đám người ăn kẻ ở trong nhà, bác Averki cũng tìm tòi, cũng bí mật mua nào rượu vodka, nào nước xôđa... Giờ đây bác đã không còn hơi sức đâu để cố gắng lướt qua bệnh tật được nữa.

Song, dù sao bác vẫn cứ phải suy nghĩ: chỗ làm việc ra sao đây, có nên về hay không? Nếu mau mau chóng chóng mà chết, thì dĩ nhiên chẳng có gì phải suy nghĩ nữa rồi. Thế nhưng ngộ nhờ chưa chết ngay thì sao?

Đám thợ trẻ hút thuốc và cười rộ. Trong khi để tai nghe và suy nghĩ, bác bắt đầu nằm mơ. Nhưng những giấc mơ của bác toàn những ký ức u buồn và tẻ ngán. Ngày kia, hình như bác ra khỏi căn nhà gỗ - bác phải đi ngựa ra kho chứa lúa để lấy bồi lúa... Vậy mà lại có một người hành khất bước vào sân và đứng dừng lại khi thấy đàn chó xô ra, đầu người đó cuốn chiếc khăn san đàn bà, tay trái cầm làn, tay phải chống một cái gậy dài, đôi chân gày guộc dận đôi giày bện rách nát... “Nếu trời cho ta được bình phục, ta sẽ đi Kiev, đi Zadonxk, đi Optina, - bác Averki nghĩ vậy trong lúc mơ màng. - Đây là công việc chân chính, thanh tịnh, nhẹ nhàng, nếu không làm được thì sẽ chẳng hiểu ta sống trên đời để làm gì...”.

Nhưng rồi đám thợ trẻ lại nhất loạt cười ầm ĩ cả lên, họ phun khói thuốc lá mù mịt khắp gian nhà. Bác Averki bừng tỉnh. Cửa xích mở, có ai bước vào.

- Lại no bụng đói con mắt rồi! - cô làm bếp không nhìn vào người mới vào, vừa lau bàn vừa nói vậy. - Lại vác mặt đến... Bố già ơi, bố không còn biết xấu hổ là gì nữa hay sao? - cô ta ngoái lại hỏi. - Bố còn đến làm gì nữa nào! Chưa chán ư?

Nhưng, bố già, - người canh vườn cho một thị dân, một “ông già thích nhảy nhót”, như bác ta thường tự gọi đùa mình, - một người lúc nào cũng say mèm, ăn mặc rách rưới, lúc nào cũng khiến bác Averki khổ sở về cái tính lúi xùi, cái thói ba hoa, tóm lại là về tất cả cái kiểu sống phóng túng, không phải theo lối nông dân của mình, - bố già ấy chẳng chú ý gì đến cô làm bếp cả.

- Các anh ơi ,các anh xem xét: có lẽ nào như vậy không cơ chứ? - bác ta nói lải nhải với vẻ tuyệt vọng thật sự, dang hai tay trước mặt những tay thợ trẻ. - Có một mình mà trông coi cả khu vườn bằng này! Dù ông ấy có cho đến sáu rúp lão cũng chả lấy đâu! Hôm nay mà ông ấy có đến thì lão cũng bảo thẳng ông ấy rằng: làm cho ông như gông đeo cổ, tôi không làm, tôi bỏ tôi đi! Xin đủ! Đây, cây chưa nhú quả, lũ trẻ con đã bắt đầu nhòm ngó rồi,

đã rung sạch trụ hai cây táo rồi, lão làm gì được? Ông ấy bảo: cốt yếu nhất là anh giữ mấy cây lê... Cơ mà lão có một mình thì làm gì nổi? Ở trên bờ đất, chúng cũng vặt sạch cả anh đào rồi đấy, - thôi thì kệ thầy chúng! Lão còn đang ốm đây!

- Ốm nhưng bố còn làm được ổi việc! - cô nhà bếp nói.

- Nói sao dễ! - ông già đáp, ngồi lên phản. - Còn cô, cô hãy im miệng đi một chút. Lão còn có bà già ở nhà kia kia, bà ấy đáng tuổi mẹ cô, mà có dễ đến nửa năm nay lão còn chưa trông thấy mặt... Ờ, quả tình là cả đời cũng chả trông thấy mặt nữa kia, thế thì chả hiểu mình lấy vợ làm gì...

“Ông này cũng khổ chẳng kém gì mình”, - bác Averki nghĩ bụng, nhắm mắt lại và đã không còn có ác cảm với ông già ấy như trước nữa.

- Mà đối với lão có lẽ bà ấy cũng không phải là người dưng nước lã, - ông già nọ nói tiếp với giọng cay đắng thật sự. - Thế cho nên lão mới nói với các anh rằng: lão có thể làm được gì? Bây giờ lão bỏ đi đến đây; nhưng trong túp lều tranh của lão còn có một chiếc áo dạ dùng để làm ăn, đáng giá có đến bảy rúp! Nhưng làm thế nào được? Rồi người ta sẽ lấy đi mất do có lòng tốt đấy thôi! Còn các quý ông thì lão cho phép hái anh đào đấy: các vị có thể hái! Các quý ông ấy có chẳng thì cũng chỉ ăn hết vài ba hột, mà đấy lại là người anh em nông dân của chúng ta... Lão nói thế có đúng không thế nhỉ - ông già lại nổi sôi, hét lên. - Cả anh nữa, anh trưởng thôn ạ, anh thì bao giờ lão cũng cho phép bởi vì ở đây có lẽ anh là người đứng đầu, đứng trên mọi người! Duy có một việc anh làm lão bực mình là anh không cho lão một tấm ván để làm giường nằm. Cám ơn, nếu là cậu con nhà quý tộc giúp đỡ thì cũng được, gần đây lão có nhảy múa chút ít cho cậu ta xem, thế là cũng được ngay nửa chai...

Bác Averki lại mơ mơ màng màng... Trời đã về chiều, bác theo sau một chiếc xe bò đi trên cánh đồng. Lất phất mưa. ở trại nuôi gia súc của một nông dân giàu có trên thảo nguyên, cánh cổng mở toang: một con ngỗng đực mất ngỗng cái đang đi lang thang khắp sân kê quang quác lên...

“Người giàu ở đâu cũng sung sướng!” - một cụ già ở đâu phía dưới thốt lên với giọng giận dữ và đau đớn. Bác Averki gật gù chiếc mũ, tỏ vẻ tán thành, nhưng trong bụng lại nghĩ: “Người giàu như con bò mộng có sừng, cổng mà

hẹp là chui chẳng lọt..” Rồi bác lại bình tĩnh, cảm thấy mình đang nói mê. “Phải rồi, Chúa không ưa những ý nghĩ quá cao siêu đâu... Phải rồi, thương hại thay cái ông già ấy... Thế nhưng cái cảnh khói bay mù mịt với lại những câu chuyện tầm phào, lạ người, lạ bếp này - chao ôi là buồn, là thiếu ấm cúng! Cáo chết ba năm còn quay đầu về núi nữa là... Không, hết rồi, đã đến lúc phải về nhà thôi!”.

III

Bác tỉnh dậy vào lúc sẩm tối. Trong căn nhà gỗ chẳng thấy các tay thợ trẻ, cũng chẳng thấy cô làm bếp đâu nữa. Chỉ thấy bên cạnh cửa sổ có con bé ngẩn ngơ, thường đi lang thang xin ăn ở các nhà quý tộc và nhà nông dân, tên gọi là Anhiuta đang ngồi trên ghế dài. Nó người đậm đà, tóc cắt ngắn. Nó đang nhìn ra cửa sổ, - cái đầu của nó từ phía sau trông giống như một cái chĩnh lộn ngược, - và nó đang khóc: thằng bé con cô làm bếp không cho nó nằm ngủ, có cái ghế dài cứ cưỡi làm ngựa nhong nhong suốt.

- Thế mà ở ngoài kia lũ gà tây lại làm tử tình tử tội, - tưởng bác Averki ngủ, nó vừa khóc vừa kể lể, than thân trách phận một mình. - Ra nằm nghỉ ở bờ rào thì mưa, lũ gà tây lại rĩa tróc cả da đầu, vào đây thì lại vớ phải cái thằng quý con này... Thế đấy Anna Matveevna ạ! Thế đấy, mẹ ạ! Miếng ăn của người chẳng ngon ngọt gì đâu! Thế mà đã từng giàu có đấy, đã từng nổi tiếng là cô tiểu thư thông minh đấy!

Đó là nó nhớ lại cái thửa vàng son, khi trong tay nó có tới ba mươi sáu rúp. Nó đã dành dụm và giữ gìn số tiền ấy khá lâu, như giữ mả tổ của mình vậy. Cái lão nông dân mà nó ở nhờ đã hỏi sẵn hỏi đón, lạy lụy van lơn để vay của nó, thề sống thề chết là sẽ trả lại cho nó, - và dĩ nhiên là lão đã không trả, thậm chí còn nói thẳng rằng: tao bảo cho mà biết nhé, tao không trả đâu và mày đừng có hòng...

Bác Averki mở mắt ra. Bác thấy có dễ chịu hơn trước, đầu đã không choáng váng nữa. Nghe con bé dở người nói mà bác bật cười. Chao ôi, lạy Chúa, con người ta lo âu, khổ sở chỉ vì những nông nổi như thế thôi đấy!

Cái ông già đã hoang mang than phiền, với đám thợ trẻ kia... Cái con Anhiuta đang khóc nức lên vì tức giận thằng bé con này...

- Lẽ ra mày phải béo tai nó mới được, - bác khẽ cười, nói.

- Bố dậy rồi đấy ạ? - con bé dờ người hỏi. Rồi nó bỗng khóc nức nở lên một cách quá đáng, nghe rất khó chịu. - Cháu làm sao mà trị nổi nó ạ?

Khi nó đã bắt đầu nguôi nguôi, bác Averki trù mển khe khẽ gọi nó.

- Bố cần gì ạ? - nó đáp với vẻ đần độn.

- Cháu đi đến chỗ bác gái cho bác, - bác Averki nói. - Cháu bảo bác ấy đến đón bác. Bác e rằng ngay chính bác gái cũng chẳng có gì ăn, nhưng biết làm thế nào được? Tìm cách sống lần hồi vậy. Rõ ràng là bác như con dao dùi mài mãi đã cùn rồi. Dù sao về nhà cũng tốt hơn, phải lẽ hơn...

- Người dưng nước lã đâu có thể thay thế người thân được! - con bé dờ người đáp với giọng chua chát. - Con sẽ đi, bố đừng ngại... Con bảo bố chuyện này, bố không giận con chứ?

- Không...

- Có khi bố lại phát hoảng lên ấy chứ?

- Mà chuyện gì vậy? - bác hỏi.

- Chẳng là... Con chỉ mong điều tốt lành cho bố thôi. Mới đây con có đến, thấy người ta bảo là bố ốm. Thế là con mới đến ông Pantiusa để xem bói cho bố...

- Ở thì sao nào?

- Bố ạ, quẻ của bố xấu đấy... Ông ấy lấy đất bỏ vào chảo, nằm phủ phục dưới các tượng thánh rồi hát lên... Rồi ông ấy lại bốc đất trong chảo, tạt rắc lên mặt... Cứ bốc rồi rắc hoài...

- Thế cháu có khai rõ họ của bác ra không? -bác Averki hỏi.

- Cháu lại khai rõ ra mới khổ chứ...

Bác Averki nín lặng.

- Dù sao cháu cũng cứ đến chỗ bác gái cho bác - bác bảo.

- Về việc ấy bác chẳng có gì phải phiền lòng. Cháu sẽ đến.

Moi trong túi ăn xin của mình ra một chiếc bánh mì hình số tám, con bé dờ người bắt đầu ăn, vừa ăn vừa nhặt những mẩu vụn rơi xuống lòng.

- Bố có ăn bánh không? - nó hỏi.

- Không, cháu ạ, cảm ơn, chẳng hiểu sao bác chẳng muốn ăn uống gì, - bác Averki đáp.

Bác thở dài, trở mình. Con bé đỡ người mở cửa sổ ra, khí tươi mát của buổi chiều bắt đầu lùa vào. Ở lưng trời trong vắt, một vầng trăng khuyết mảnh như sợi chỉ, lung linh bên trên khoảng đồng bằng thoai thoải đen ngòm bên kia sông. Ở một thôn xóm xa xa, các cô gái đang véo von, ngân dài giọng hát một bài ca tán tụng cổ xưa: “Chiều chiều, dưới ánh đóm sáng...” Điều đó đã xảy ra bao giờ và với ai ấy nhỉ? Đó là một cảnh tranh tối tranh sáng dịu dàng trong nội cỏ, trên một vũng nước hồ nông chèo: một làn nước ấm ửng hồng lúc bình minh, gợn sóng lăn tăn và dềnh lên những vòng tròn mỗi lúc một xa, trên bờ có một chiếc xe chở nước của ai đó, trong ánh chạng vạng thấy loáng thoáng thân hình một cô gái, đi chân không - và đôi tay ngượng nghịu của cô ta kéo mãi mới lôi lên được một gầu nước đầy... Một chàng thanh niên cười ngửa thúng thảng đi ngang qua đó trong cảnh tối tăm, trong khí tươi mát toả ra ngọt ngào trên đồng nội...

- Cô không nhận ra tôi ư? - chàng giả bộ hồ hững hỏi.

- Làm như người ta cần nhận ra anh lắm ấy! - một giọng ngực, dịu dàng, tuy lạnh lót nhưng không được tự tin cho lắm đã cất lên để đáp lại, - và trái với ý muốn của người nói, trong giọng lại thấy có ý trù mến, có niềm vui về cuộc gặp gỡ tình cờ.

- Có cần giúp không?

- Làm như người ta cần anh giúp đỡ lắm ấy...

Chàng cố nén mình và thấy rằng nếu cứ ép người ta phải nói chuyện với mình sẽ là điều quá sỗ sàng, chàng bèn lặng lẽ đi lên núi, đi lên một cành đồng tăm tối dầm sương để mà ngược nhìn những ngôi sao, mà lắng nghe tiếng hót của những con cun cú, rồi chàng suy nghĩ thiết thực:

“Cô ta xinh, mà lại nghèo, úi chà, lại tự mình đi chở nước về...”

Chuyện ấy xảy ra đã lâu, từ khi cuộc đời mới bắt đầu... Phải chăng đó chính là cái người mà ngày mai sẽ đến để đưa bác về chết ở nhà? Chính là cô ấy đấy, cô ấy đấy..

IV

Ngày hôm sau bác gái đã đến. Bẳng đôi bàn tay đen đũi của mình, bác đã trùi mển, chăm chút thu dọn đồ lễ của bác trai: chiếc áo dạ mặc ngoài, đôi xà cạp, chiếc thắt lưng đã bạc màu, - rồi đưa bác trai về nhà với gương mặt tai tái và một nụ cười yếu ớt

- Đi thôi, đi thôi, bố nó ạ. Làm lụng thế là đủ rồi. Tôi đã đợi bố nó cả đời người. Vậy mà nay bố nó như thế này đây, chẳng ra hình thù gì cả. Mòn gì rồi. Thế nhưng chiếc nhẫn thề dù cũ vẫn cứ đẹp...

Và bác Averki đã luôn mừng vui trong thời gian đầu: thế là bác đã về nhà mình, đã phục vụ mãn hạn rồi! Bác không nằm trong nhà gỗ: từ lâu bác đã có nguyện vọng được nằm tự do tự tại, yên tĩnh, ở nơi không khí trong lành ngoài đồng áng. Bác ra nằm ở cái sân phơi lúa nho nhỏ của nhà mình, ở cái lán chứa lúa cũ kỹ rau lê mọc um tùm bốn phía chung quanh, ở cái xe ngựa tải đã mất hết bánh xe - và qua cánh cổng mở toang, ngày đêm làn gió ấm từ những vườn rau và những sân phơi thổi về mơn man trên mình bác, những cơn mưa to cũng hắt vào theo chiều gió thổi.

Mọi việc bác đều bàn bạc với bác gái, cả hai bác cũng tiếc cho cô con gái do tình cảnh bần bách đã phải sớm gả đi quê xa cho một hộ khá giả nhưng lại có bệnh phong tình, và hai bác quyết định bắn tin cho cô ấy biết để liệu đường về thăm bố.

Thế nhưng cô con gái đã chẳng về, hẳn là do thời tiết chưa cho phép.

Người ta khốn khổ vì thời tiết .Từ sáng mặt trời chói chang, hầm hập trên những cánh đồng bốc khói, trên những con đường lầy lội, trên những vạt lúa no nước nằm rạp trên mặt đất .Từ sáng thỉnh thoảng bác Averki lại rời bỏ chiếc xe ngựa của mình, lê bước về nhà để hứa hẹn với bác gái rằng thời tiết sẽ tốt lên. Nhưng cứ tới trưa là mây đen lại kéo đến và hình như dưới ánh mặt trời chúng lại càng sẫm hơn, các lớp mây đều đã thay đổi những màu sắc và hình thù khác thường của chúng, gió lạnh nổi lên, rồi làn mưa lấp lánh màu ngũ sắc xiên xiên chạy trên đồng ruộng.

- Sẽ có nhiều tai họa lớn đây, - bà lảng giềng trước có đi làm gia nhân, luôn miệng bảo vậy. -Trước kia, cả mây đen cũng khác, toàn như thỏ rừng với lại bụi cây, thế mà bây giờ lại rặt là những đám xù xì...

Song, bác Averld đi ủng dạ, mặc áo lông cộc ngồi cạnh nhà, chỉ nhếch mép mỉm cười: giờ đây bác còn bụng dạ nào nghĩ đến những tai họa trong tương lai!

Bà con xóm giềng đi cày vỡ đến trưa về ai nấy đều ướt át, mỗi một và đều than phiền rằng áo dạ mặc ngoài đều hôi rình, và mọi người đều muốn tự cam đoan rằng: nhờ ơn Chúa, biết đâu trời sẽ lại chẳng quang đãng ra. Nhưng, sau bữa trưa, mây đen lại kéo đến tối sầm, giông tố lại cuốn theo một trận mưa to kèm theo mưa đá. Xế chiều trời tạnh dần, mặt trời ló ra, song ở đằng Đông lổn nhổn những núi non màu hồng còn lưng trời phía Tây giăng đầy những đám mây bạc, lặn tẩn y hết như lông tơ của vịt, trông rất kỳ dị.

Đêm đêm thường có sương mù. Những ngôi sao có lông măng xanh nhạt, giống như những con đom đóm to, ghé qua cổng mà nhìn vào bác Averki. Bác ít ngủ, đêm đến lại thấy buồn chán. Song, sức nhớ hiện nay mình đã được thoát khỏi mọi nỗi lo âu và đau khổ như thế này, bác bèn hướng lên trời làm dấu thánh giá để tạ ơn.

Bác gầy và yếu đi không phải từng ngày mà là từng giờ. Nhưng cảm thấy cái chết cứ lẩn dần mà không gây đau đớn, ê chề gì, bác thường bảo bác gái:

- Không sao, bu nó đừng có sợ, tôi sẽ chết nhẹ nhõm thôi.

Thế nhưng bà lão vẫn thăm hy vọng, không tin vào lời nói của bác trai. Điều bác gái sợ hơn cả, lại là thái độ dửng dưng của bác trai. Song ngay cả thái độ dửng dưng mà lâu nay bác gái vẫn cố giải thích là sự mềm yếu của bác trai, thái độ dửng dưng ấy cuối cùng cũng đã vượt qua giới hạn của nó.

Vào cuối tháng bảy, khi mọi người bắt đầu gặt hái qua quýt trên đồng ruộng và khi trời đã ngớt mưa, bác gái mất con bê con mà bác đã phải chịu đựng biết bao nhiêu thiếu thốn mới ky cóp được, một con bê con nó luôn theo gót bác như một con chó. Bà lão đã chạy đi lùng khắp mọi cánh đồng, mọi làng mạc lân cận. Do buồn rầu và lo lắng, gặp ai bác cũng đều hỏi xem họ có thấy con bê con màu vàng không, nhưng sau đó bác cũng vẫn chẳng chịu thua, vẫn nghĩ ra thêm mọi địa điểm mới để đến tìm. Thế rồi bỗng nhiên, vào một buổi chiều tối tăm mù mịt, lũ chó tha về làng một cái đầu

màu vàng có hai sừng bé tí. Người ta đoạt lấy của lũ chó mà mang đến tận thềm nhà cho bà lão. Bà lão rối ruột rối gan, khóc nức lên như một đứa trẻ con. Và mọi người đứng quanh thềm hồi lâu, chẳng biết nói gì, làm gì. Cái đầu nhú sừng, đong máu dễ sợ ấy đã gây cho mọi người một ấn tượng nặng nề. Và duy chỉ có bác Averki, - nghe tiếng lao xao bác đã từ lán chứa lúa lê bước về nhà, - là khẽ phẩy tay.

- Có gì đâu mà! - bác nói. - Từ thuở bé mình đã không ky cốp thì bây giờ cũng chẳng can gì...

Mọi người ngạc nhiên đưa mắt nhìn bác và lại càng đồng thanh làm âm ì cả lên, bảo rằng không thể để như thế được. Bác chần chừ cho biết là lũ chó moi được cái đầu ấy ở trong rừng. Mặc dù trời đã sẩm tối người ta vẫn quyết định vào ngay rừng. Bác hàng xóm vội vã gióng ngựa vào xe, đặt bà lão khóc sướt mướt ấy ngồi lên, tự mình cũng nhảy lên xe rồi phóng xe đi vang động cả đường làng. Theo sau xe là những người cưỡi ngựa. Ngoài đồng tối tăm, trong rừng tối tăm, tĩnh mịch, và đã nghe có mùi lá rụng. Một bên rừng lờ mờ sáng do có ánh đỏ đỏ của mặt trăng đang lên. Họ đi tới một chòi canh trong khoảng rừng thưa, cạnh một cây sồi chòm đã héo khô. Người canh rừng đang ăn chiều, thấy đoàn người kéo đến thì đâm hoảng. Họ đòi anh ta phải đưa đèn ló ra, rồi theo chân bác chần chừ đến chỗ lũ chó đã moi lên, tìm ra được bộ lông chôn dưới đất, họ liền la hét om sòm và điệu anh canh rừng về làng, đưa đến nhà bác Averki.

Bác Averki chưa ngủ, vẫn còn ngồi trong căn nhà gỗ tối tăm. Khi người ta đã khơi to đèn lên thì căn nhà đã đầy chật người, và khi người ta dẫn ông trưởng thôn có bộ râu màu rơm vào và trong lúc họ đang thi nhau la ó, khép tội anh canh rừng, thì đột nhiên bác Averki lại ra bênh vực cho anh ta. Để biện hộ cho mình, anh canh rừng chỉ nói có một điều:

- Ăn cắp thì tôi chả chịu đâu. Bớ tôi không ăn cắp, mà tôi thì cũng chả chịu ăn cắp đâu. Nếu như tôi ăn cắp, thì tôi đã chả có gì, trời đã chả cho, thế nhưng tôi lại có cơ ngơi kia.

Song do cái thái độ thờ ơ đối với mọi việc trần tục, bác Averki đã hoàn toàn tin lời anh ta, - thậm chí lại còn cất cao giọng, nặng nặc đòi thả anh ta ra chứ không cho nhốt anh ta vào phòng lạnh. Bà con xóm giềng ngạc nhiên

và chưng hửng, rốt cuộc đành phải chịu bác. Cả bác gái cũng đành phải khuất phục trước giọng nói và bộ mặt rùng rợn của bác.

Kể từ đêm hôm đó bác gái đã không còn hy vọng gì là chồng mình sẽ bình phục trở lại.

V

Cô con gái đã cùng với chồng hứa về thăm và đã về tới nhà vào ngày hội thánh, vào ngày Chúa Cứu Thế thứ nhì (43). Đã quyết định là anh rể sẽ chở bác Averki đến nhà thương cho bác sĩ xem. Bác Averki bằng lòng và đã tươi tỉnh lên được vài ba ngày.

Trong vài ba ngày đó, những tình người bình thường đã trở lại với bác. Được bác gái giúp giập, ngay từ sáng sớm bác đã rửa ráy, chải đầu để đón khách.

Cứ vào buổi trưa là bác lại nằm và lắng nghe xem họ có đến không. Đã có tiếng chân bước và người nói ở đằng xa. Ở khung cổng đã thấy hiện ra anh chàng rể, vợ và đứa con gái, phía sau là bà lão. Chàng rể người to cao, tóc hơi xanh xanh, lông mi trắng, mày râu nhẵn nhụi, quần áo bảnh bao, mũ lưỡi trai mới, đôi ủng mới, chiếc gilê xám mặc lên trên chiếc sơ mi mới màu vàng. Bao giờ bác Averki cũng đã cho con gái mình là một hoa khôi, thì lần này bác lại càng ngạc nhiên thấy nó vừa đẹp, khiêm nhường, lại vừa đường hoàng, với đôi hàng mi dài buông xuôi, tấm xiêm không tay màu hoa cà, đôi tay nhỏ nhắn ngăm đen. Cô ta yếu điệu, duyên dáng, tay dắt một con bé tóc trắng trắng, mặc chiếc xiêm xinh xắn màu xanh lá cây, con bé luôn tò mò nhìn ngó những lỗ thủng trên mái lán chứa lúa, mồm mút một lõi gỗ cuốn chỉ.

Khách khứa tiến lại gần, cúi chào bác Averki, thận trọng ôm hôn bác, bế lên cho bác nhìn đứa cháu gái nó không chịu hôn bác, cứ ngoảnh mặt đi; lòng trĩu mến, bác Averki để ý thấy nó có mái tóc vừa trắng vừa vàng óng, những sợi tóc cứng, mượt như cỏ sau mùa hạ. Khách khứa bắt đầu nói chuyện sảng khoái, thanh thoi, - chàng rể luôn tìm cách pha trò, - nhưng vẫn để mắt nhìn bác Averki và có lẽ cũng vẫn không biết nên nói gì. Bác

cũng cảm thấy thế, ngượng nghịu mỉm cười và thậm chí phấn chấn lên, nhưng trong bụng lại thầm nghĩ, so sánh cô con gái với bà già mình hồi xưa: không, hồi xưa bà ấy nhiệt tình hơn nó kia! Con bé này nó cũng xinh và khiêm nhường như mẹ nó hồi trẻ, nhưng nó điềm tĩnh hơn, thận trọng hơn. Cô con gái khiến bác cảm động về vẻ đẹp, về hai hàng mi, về những hạt thủy tinh lóng lánh trên chiếc lược cài đầu, còn bà lão thì khiến bác cảm động vì đôi giày bện, làn da nhăn, vẻ mệt mỏi, thái độ chân thành. Tình cảnh trái ngược ấy khiến bác bồi hồi, và trong giây lát bác lại cảm thấy cuộc sống sao lại ngọt ngào thế! Bà lão chẳng giả vờ giả vờ gì. Bà bước vào và đứng đó, buồn rầu nhìn bác trai như muốn nói: đây, tôi đã dẫn con cái đến, chúng nó muốn nhìn mặt bố nó, song thần sắc bố nó xấu đi rồi, bố nó ạ, nhưng làm thế nào được. Còn bác Averki thì quả là bác trông dễ sợ thật. Mái tóc bác đã càng thưa đi nhiều, những sợi tóc đã mảnh đi nhiều, rụng đi, xoắn xuống cổ sơ mi rộng, xuống xương quai xanh, thò ra như hàm thiếc của con ngựa. Ở hai bên thái dương đã hõm sâu của bác, thò ra hai vành tai to, trong suốt. Đôi mắt trờm lơ.

Khách khứa ăn bữa trưa trong nhà gỗ. Người ta đưa đến cho bác một bát *kvax* rưới mỡ, một mẩu bánh mì. Bác nhồm mình lên, đỡ lấy bát, cúi gục xuống cái bát, cong tấm lưng với những đốt xương sống nhấp nhô, làm dấu thánh giá, tay run run cầm thìa múc, đoạn nuốt vội xuống, e rằng mình chẳng đủ sức mà ăn. Mà đúng vậy, bác không đủ sức thật. Bác mệt, bác tức thở, phải nằm ngửa ra... Thế là cái bát vẫn nguyên như thế trên mặt đất, cạnh chiếc xe ngựa. Nước *kvax* sủi bọt lên, mỡ kéo thành màng, ruồi nhặng bầu đến vô số. Bác Averki xua chúng đi, rồi xem xét bàn tay mình, xem xét những móng tay xanh ngắt. Bác lấy làm lạ về lòng bàn tay mình: nó đã hõm xuống rồi, nhưng sao lại khô khốc và bóng lên như bôi sáp... Và nghĩ tới bệnh viện, bác mỉm cười với vẻ giễu cợt

VI

Trước khi trời tối, đổ xuống một trận mưa rào. Từ đường phố trong làng, một lũ con gái cười rúc rích, tốc váy che lên đầu, họp thành đàn chạy lại

đứng cạnh cổng. Chẳng để ý gì đến bác Averki, chúng đứng đợi tạnh mưa, một cơn mưa mà người ta có thể thấy được qua khung cổng, trên nền một đám mây xám xịt. Lũ trẻ nói nói, cười cười ở ngoài cổng, một ai đó cứ tập kéo hoài một chiếc đàn gió đã hỏng, những lưỡi gà đã sa xuống. Chàng rể của bác Averki đang ngà ngà say, tiến lại gần cổng. Anh ta đưa đầu gối bên phải lên đỡ lấy chiếc đàn gió cỡ lớn của mình, một chiếc đàn kêu rất dịu dàng và êm tai. Anh ta vừa chơi đàn, vừa thần thờ nhìn vào một điểm. Còn đứng đối diện với anh ta, đầu hơi cúi xuống, chăm chăm nhìn anh ta là một cô vợ lính, một thiếu phụ có nước da tái, miệng tươi tắn, dễ coi, cặp mắt sáng như bạc giữa những làn mi đen. Họ gọi nhau bằng những cái nhìn, bằng những từ ngữ ở một thể “thụ động” vô cùng tận. Và dưới làn mưa thưa thớt, mọi người đều theo dõi cuộc đàm thoại tình duyên không lời của họ hồi lâu. Đã sẩm tối trong các góc lán, đang sẩm tối ở ngoài cổng. Mắt nhắm nghiền, bác Averki lắng nghe. Bác cảm thấy dễ chịu...

Cảnh đường làng ở cạnh lán cứ như vậy cho tới tận đêm khuya, mọi người dần dần tản ra về. Mãi khuya bầu trời mới quang quẻ, hai ngôi sao lớn ngó vào trong lán. “Té ra là phải thế, - bác Averki ngẫm nghĩ, té ra đối với nó, con gái mình cũng chưa xinh, nó phải kiếm đứa khác.” Tiếng đàn gió đã im. Ngoài cổng có tiếng ai đang nói bằng một giọng run run, khàn đặc, nài nỉ một điều gì. Người đàn bà đáp lại với giọng kéo dài, có ý lảng tránh, nhưng sự chống đỡ của cô ta có vẻ yếu ớt. Rồi sau hai bóng đen trong phút chốc đã che lấp những vì sao trong khung cổng, đoạn đi ngang qua sát cạnh bác, tiến về phía đồng rơm còn sót lại ở mé trái...

“Ôi chà, không ổn rồi, - bác Averki nghĩ bụng. - Thế mà con gái mình lại yêu quý nó kia chứ...”. Trong tâm hồn bác âm vang lên một bài ca âu yếm, tình tứ: “*Hỡi anh yêu, vắng anh em buồn, vắng anh giường lạnh ngắt, đầu giường sương muối đọng...*” Bác thiếp đi rồi lại tỉnh giấc vì có tiếng ho ran. Sau khi đã tiến chân cô vợ lính, anh chàng rể đã mạnh bạo trở về lán, ngồi lên chiếc xe trượt tuyết, cởi quần áo, ném đôi ủng xuống đất kêu lịch bạch. Anh ta xòe diêm, soi vào con gà trống ngủ đêm trên giá xẻ gỗ.

Để chứng tỏ là mình không phật lòng và không can thiệp vào công việc của người khác, bác Averki cười khẩy, nói con gà trống:

- Ái chà, kiếm được chỗ ở đàng hoàng thế kia đấy!
- Thế sao bố còn chưa ngủ? - chàng rể hỏi.
- Tôi hầu như chẳng ngủ nghề gì được hết, - bác Averki đáp.
- Vậy thì bố nghèo mất thôi, - chàng rể nằm xuống thản nhiên nói.
- *Cò gà thì bay khỏi bãi*, - bác Averki nói đùa. Mà tôi cũng cảm thấy hết rồi. Cảm thấy nó rồi đấy. Cứ đêm đến là buồn, nhất là nếu như khi có ông sao tia chớp nổi lên lúc nửa đêm. Thế mà vẫn chưa có gì! - bác nói với vẻ tuyệt vọng. - Trong cổ họng đã thấy ong ong lên như chuông rền...

Anh chàng rể bắt đầu ngủ thiếp đi, lên tiếng ngáy nghe rầu rĩ. Và nỗi u buồn, nỗi tủi lòng do cô đơn đã xâm chiếm tâm hồn bác Averki. Bác còn muốn chuyện trò, còn muốn nói được câu chuyện gì cho chàng rể thấy thân thiện và vui lòng. Bác gọi anh ta:

- Ngủ đấy hả?

- Chưa, - chàng rể tỉnh giấc, đáp. - Gì thế ạ?

Rồi anh ta làu bàu một cách nghiêm khắc:

- Đừng lục sục, không để cho người ta ngủ nữa... Ngủ đi!

Bác Averki nín lặng. Bác muốn bảo: “Chao ôi, trên đời có tình yêu đẹp biết bao!”. Bác nằm, ngẫm nghĩ và nín thở, cố làm ra vẻ mình đang ở dưới mồ. Anh chàng rể ngáy ro ro, ngủ một giấc say thường có vào lúc canh khuya. Hồi lâu còn thấy được một ráng hồng phơn phớt, mờ đục ở ngoài cổng, đằng sau những cánh đồng tăm tối. Đã hiện ra một vành trăng khuyết khuya khoắt, - hết như sự phản chiếu của một tấm gương mờ mịt, - nó bay là là rồi biến mất. Trời đã tối đi trước lúc bình minh. Con gà trống đã bắt đầu gáy vang cả lán. Trong khung cổng, bầu trời đã chuyển sang ánh bạc, một ngày mới đã bắt đầu đến cho các sinh linh.

Anh chàng rể thức dậy, ngáp lên một cách tươi tỉnh và khỏe khoắn, khiến bác Averki đang mơ mơ màng màng lại phải tỉnh giấc. Buổi sáng đã đến trong ánh vui tươi. Bầu trời xanh lơ với đường chân trời màu da cam cũng đã ngó vào trong cổng với dáng vui vẻ, trẻ trung. Những hạt sương lạnh lấp lánh trên ngọn cỏ. Anh chàng rể bầm môi tím mặt nong ủng vào chân rồi giậm bình bịch xuống đất.

- Cái lão quý thọt làm hẹp mắt rồi! - anh ta nói với giọng khàn khàn nhưng tươi tỉnh, ám chỉ ông thọt đóng ủng.

- Ủng chật mà lại vào mùa thu thì không ra sao cả, - bác Averki đáp. - Khổ sở với nó.

- Ấy là đi bít tất đấy, - anh chàng rể nói. - Nếu quần xà cạp thì lại còn không xỏ vào nổi nữa kia!

Bà lão cùng với cô con gái giúp bác Averki ăn mặc cho thật chỉnh tề. Họ vận cho bác một chiếc sơ mi vải hoa tuy đã phai màu từ lâu nhưng sạch sẽ, nhẹ nhõm, một chiếc quần chật màu xám kẻ sọc, - quà biếu của nhà chủ quý tộc, - và một đôi giày da, lại vận cho bác chiếc áo lông ngắn, một chiếc mũ to, rồi xốc nách bác ra xe ngựa tải. Đứa cháu gái chạy đuổi theo con gà trống, luôn cố gắng tóm lấy đuôi nó. Con gà trống cụp đuôi lại, chạy trốn loanh quanh, khiến bác Averki phải bật cười. Bác tưởng chừng như bầu trời phía sau lán là bao la vô tận, sáng sủa và tươi vui, thấy không khí ngoài đồng ruộng là tuyệt trần. Đường xá đã khô ráo. Đó là một ngày tháng tám mát mẻ, sáng ngời, với những áng mây màu thép. Cũng chẳng buồn nghĩ tới bệnh viện, tới chuyện hồi phục sức khỏe làm gì nữa: cứ thế này cũng dễ chịu lắm rồi.

VII

Lại đã qua một tháng. Sự sống lại càng xa rời bác Averki trong cái tháng ấy. Những viên hoàn đen đen trộn với một loại bột vàng thơm phức dĩ nhiên cũng chẳng ăn thua gì, mà chỉ thiêu đốt làm đau rát thực quản của bác. Mặc dù vậy, bác vẫn uống những thứ thuốc ấy cả hai chục ngày ròng rã. Đến khi nuốt nốt viên cuối cùng và không hiểu tại sao lại đem giấu ve thuốc tròn xuống dưới gối, bác đã thở phào nhẹ nhõm, khác nào trút được món nợ cuối cùng hết sức nặng nề. Còn đối với mọi người thì bác đã thềm vĩnh biệt trong thâm tâm rồi: người ta dần dần quên bác đi, ngày càng ít đến thăm bác, mà mỗi khi đến thăm thì chỉ hoặc là nói câu chuyện thương cảm, hoặc là nói câu chuyện vui hay câu chuyện buồn, nhưng thảy đều chẳng có gì hệ trọng. Lúc nào bác cũng cảm thấy chính mình lại như người khách đến

thăm một vùng nào đó mà hồi nào đây mình đã từng sống và giờ đây thấy cuộc sống của bà con trong vùng lại càng nghèo hơn và buồn tẻ hơn xưa, hơn lúc mình còn ở đó.

Người đã hồi hương và đã đến thăm bác đôi ba lần lại là một người lính đã từng ở Cảng Artur (44) và ở Nhật Bản, do đã đi đánh nhau và đã bị cầm tù. Cả anh ta nữa cũng chẳng kể được chuyện gì hay ho dù là về chiến tranh hay về thời gian bị cầm tù. Những chuyện anh ta nói cũng rất là những chuyện mà tất cả những người đã từng đi đánh nhau ở những nơi đất khách quê người đã từng nói. Đi đánh nhau thì kinh khủng rồi, nhưng rồi sau cũng chẳng suy nghĩ gì sắt cả, còn ở nơi đất khách quê người thì chuyện gì cũng chẳng có tình người: đất vô khối, nhưng chẳng có chỗ nào mà đi, rất núi; người cũng đủ loại người đếm không xuể, nhưng chẳng nói chuyện được với ai.... Người lính có kể nhiều chuyện về đàn bà Nhật, nhưng đồng thời lại chê trách họ là “lùn tí và không mê được”.

Con Anhiuta cũng hay đến. Nói chuyện với nó bác Averki thấy dễ dàng hơn, nó ngồi dai, chẳng vội vã đi đâu cả, không giả vờ giả vịt: “Thôi, tôi đi có tí việc...”. Nó thật lòng, đơn giản, mặc dù cũng khiến bác Averki tự ái ở chỗ là bây giờ nó nói chuyện với bác như với những người bằng vai phải lứa, với một thằng nhãi ngu đần, với thằng anh của nó, với một người thừa.

Đến thăm cũng có cả ông già thích nhảy nhót, bác ta mặc áo lông ngắn, đội chiếc mũ rơm của chủ quý tộc đã cũ rách, mang cả táo đến, nằng nặc đòi nhét táo xuống dưới gối cho bác Averki và tán chuyện một cách quá mức sôi nổi, nhưng thật ra trong bụng hơn hờ về tình trạng say sưa liên miên của mình, còn về cuộc sống của mình, lúc thì bác ta tán tụng tâng bốc, lúc bác ta lại coi rẻ không đáng một xu. Bác thở ra mùi rượu nồng nặc, nói thao thao bất tuyệt.

- Hừm, - bác bảo. - Tôi ở làng hệt như ở nơi thiên đường vậy! Chính ở đó mà tôi mới lại sức được đôi chút, mới ra hồn người. Nếu không người ta đã trục xuất tôi đi từ năm ngoái rồi... Cơ ngơi ở ngoài đồng, vườn tược ở ngoài đồng, - kể ra cũng là một khoảnh triều đình rồi đấy chứ! Nhưng, xin Chúa tha tội, buồn lắm! Không phải như trong cái làng này của bác đâu. Ở ngoài đồng kia, cứ bước chân ra khỏi cửa là y như trông thấy một cái gì đó:

hoặc là lũ thanh niên đàn đúm với nhau, hoặc là người ta bắt mỗi với một mụ đàn bà nào đó...

Những người mãi chuyện làm ăn thì chẳng còn bụng dạ đâu mà đến thăm bác Averki; họ quạt thóc mới, rồi họ lại gieo vãi. Có lần cái cuộc sống thanh bình ấy đã bị xáo động bởi những hiệu còi báo động, bởi những hồi chuông giục giã gấp gáp kêu gọi cái thôn xóm khiếp sợ này đến nơi bất thành linh xảy tai họa; một đồng rơm ở một sân phơi xa xa ngay giữa buổi trưa nóng nực đã đột nhiên bén lửa và ngọn lửa màu da cam đã vui vẻ và vội vã cháy bùng lên. Bác Averki bao giờ cũng sợ những đám cháy nên thấy tim mình đập rộn rã. Ráng hết sức mình, bác vội vàng nhóm dậy và nhìn ra cổng hồi lâu, nhìn lên khoảng trời xanh êm ả giờ đây đang có những “con quạ”, những đám khói đen thi nhau rộn rã vút lên cao. Bác háo hức lắng nghe tiếng ồn ào, âm ĩ trong thôn xóm, mà những người chạy đến các đám cháy, chẳng hiểu tại sao, bao giờ cũng thường cố ý làm toáng lên thêm. Theo thói quen cũ, tâm trạng đó cũng đã lây lan sang bác Averki nhưng chẳng mấy chốc bác hiểu ra rằng hoả hoạn chỉ khiến bác mừng rỡ, - mừng rỡ vì được giải phiền, vì người ta sẽ chạy đến chỗ bác mà kéo bác ra khỏi lán: bác cũng hiểu ra rằng đám cháy hiện ở nơi xa, sẽ chẳng có gì xảy tới cả, - và rồi bác lại cảm thấy dừng dừng, bác lại nằm xuống.

Một hôm có ông thầy tu mặc áo thụng chèn tay bằng vải bố đến thăm bác. Ông ta ngồi một lát, mới đầu nói đùa vui về bệnh tật của bác, sau đó bảo:

- Phải rồi... “Dầu sao cát bụi cũng trở về với đất, dầu sao linh hồn cũng trở về với Chúa...”. Điều đó không sao tránh khỏi được đâu, người anh em ạ!

Bác Averki rất thích những lời đó của ông ta, vội vàng đáp:

- Lạy Chúa tha tội! Làm sao tránh khỏi được điều ấy!

Phút chốc bác thấy khiếp sợ những câu nói trong nhà thờ mà ông thầy tu vừa thốt ra, nhưng suy nghĩ một lát, bác nhắc lại với giọng quả quyết hơn:

- Không, lạy Chúa, Chúa tha tội, không tránh được đâu ạ! Sẽ có lúc tôi sẽ cầu xin, bởi vì tôi, như người ta thường nói, là con gà trống nuôi dẽ, điều đó chẳng đúng hay sao? Cả Chúa cũng cần thu tô nuôi dẽ chứ...

Rồi bác rồi trí nói thêm, chẳng đâu vào đâu:

- Không, làm sao lại có thể... Kẻo không thì đã chết chưa biết bao tội lỗi rồi! Chính vì thế các bậc thánh nhân dạy rằng Đức Mẹ đã rời khỏi giá chữ thập mà khóc nức nở lên... Mọi loại hoa đều cháy sém, héo khô vì nước mắt, chỉ còn lại có cây thuốc lá... Cho nên, bây giờ người ta mới đốt nó lên mà hút...

Sau khi đi nhà thương về, bác thường cố nhớ lại toàn bộ cuộc đời mình. Bác có cảm giác là phải sắp xếp lại tất cả những gì mình đã từng thấy và đã từng cảm biết trong cuộc đời. Nhưng cứ mỗi lần bác cố gắng làm như vậy thì lại một lần uống công vô ích, những ký ức của bác thấy đều nhỏ mọn, nghèo nàn, đơn điệu. Bác chỉ ôn lại được những chuyện lật vạt, chẳng nghĩa lý gì và đều chỉ là bằng những hình ảnh mơ hồ, đứt đoạn. Cứ mỗi lần định ôn lại cuộc đời theo thứ tự, từ đầu, từ hồi còn thơ ấu, thì tất cả đều chỉ thu lại vào một ngày nào đó, vào một buổi chiều nào đó và thường chẳng liên quan gì đến thuở thơ ấu, lại vừa xa lắc xa lơ, vô tích sự đến nỗi chỉ đành phẩy tay coi thường. Bác Averki cũng buồn lòng phẩy tay coi thường cả mọi kiến thức, mọi khả năng trí tuệ của mình. “Sao kỳ lạ thế nhỉ! - Bác ngẫm nghĩ. - Mình sống, sống hoài, thế mà chẳng nhớ gì cả, chẳng hiểu gì cả...”. Tỷ dụ như người ta bảo rằng bác sinh ra ở nơi nọ, nơi kia, vào năm này năm nọ chẳng hạn. Nhưng thế nào là “sinh ra” mới được cơ chứ! Té ra bác không hiểu cả việc sinh ra của chính mình, té ra bác cũng chẳng tin tưởng gì cụ thể lắm vào việc đó! Mọi người ở mọi lúc đều bảo rằng bố bác là ông nọ ông kia, mẹ bác là bà này bà nọ. Giờ đây bác chẳng tin mà cũng chẳng hiểu được điều đó nữa. Suốt đời bác coi bố mẹ là những người gần gũi nhất; thế nhưng khi bố bác mất đi thì bác quên bẵng hẳn ông cụ, mà cả bà cụ thì bác cũng thế nốt, chẳng những thôi không thương tiếc, mà ngay cả mặt ông cụ, bác cũng không sao nhớ rõ nữa. Trong đời bác cũng đã từng chơi bời với nhiều người khác. Nhưng bác cũng quên cả họ, cũng như những giấc mơ chẳng hạn, ta nằm mơ có ít đâu, nhưng ta hãy nhớ lại những giấc mơ xem thử nào!

Bác chỉ còn nhớ lại cụ thể được cái buổi hoàng hôn xa xôi ấy trên sông, cái buổi gặp gỡ xa xôi ấy với cô gái trẻ, đẹp, mà giờ đây cô ấy đang vừa

thần nhiên, vừa thương hại nhìn bác bằng đôi mắt già lão, và ngoài ra bác chỉ thấy rõ có bộ mặt của con gái bác mà thôi.

VIII

Rồi lại một tháng nữa trôi qua, và thời hạn phải nộp các khoản tô tức đặng cay và ngọt bù ấy cho Chúa đã tới gần.

Mùa thu đã đến sớm. Khổ sở vì rét mướt, vì quần áo cũ rách, vì những chỗ da mục và những lở loét khác ở khuỷu tay, bác Averki đành chỉ lắc đầu khi nhận thức về cái chết:

- Sao nó ương bướng thế! Cầu mãi mà chẳng đến cho.

Bác vẫn chỉ nhìn thấy thế giới qua khung cổng, chỉ thấy được một phần nhỏ của bức tranh lớn lao. Đằng sau những cây liễu nhỏ trần trụi, những đám mây mỗi lúc một trắng bệch ra, mỗi lúc một lạnh thêm, đang bay theo đường chân trời. Những ngọn cỏ đang ngắc ngoải, khô héo và thối ruỗng ra. Sân phơi lúa trống trải và trơ trụi. Qua những đám liễu nhỏ, đã trông thấy được chiếc cối xay gió giữa nơi đồng ruộng quanh hiu. Chốc chốc mưa lại chuyển thành tuyết rơi, gió rít lên dữ dội và lạnh lẽo qua những lỗ thủng trong lán. Bác Averki suy nghĩ ngẩn ngơ:

“Mùa thu đang phi trên mình ngựa hoang...”

Còn trong những đêm tăm tối, giá lạnh và ẩm ướt, một khi khung cổng đã đứng trước mặt bác như một bóng ma mờ mịt, bất động và nặng như chì nhìn vào bác, thì bác đâm ra khủng khiếp. Bác chẳng dám quyết định trở về nhà gỗ, vì biết rằng mình sẽ tắt thở ngay trong đêm đầu tiên và sẽ chết một cách đau đớn ê chề.

Có lần bác đã thấy một giấc mơ như sau. Trời rất lạnh, đằng xa những đám mây thấp phủ lên cây cối, phủ lên dãy rừng đỏ vàng phía sau chúng. Người đang cười ngựa đi trên con đường bùn lầy chính là bác - một con người cổ xưa, tóc dài, chân dài, khoác một chiếc áo lông dài lụng thụng trên tấm thân dài ngoẵng và khô đét - và bác đang lấy bàn chân đi chiếc giày bện

mà thúc vào con ngựa cái khoang bé tí đã bị lún sâu trong đất ẩm và đang đạp bấn từng nắm lúa mì non sang hai bên. Lão quản trang của quý tộc cười ngựa đã đuổi kịp bác, ngồi trên yên lão ta chẳng nói chẳng rằng, quật cho bác một đòn ác nghiệt. Còn bác, bác Averki, thì cũng chẳng nói chẳng rằng, nhẹ nhàng từ trên lưng ngựa tụt xuống cùng chiếc áo mặc ngoài mà bác lột để ngồi trên lưng ngựa, khụy gối xuống, cất chiếc mũ nặng trịch ra khỏi chiếc đầu hói, khóc lên, xin tha tội, thừa rằng mình điếc, già, yếu, đi thăm con gái... Lão quản trang nghe rằng, lấy roi quất bác túi bụi, - thế là vừa đau lại vừa sợ, bác Averki tỉnh dậy, nước mắt đầm đìa. Và bác cứ nằm thế cho tới lúc rạng đông, nhìn ra cái con ma cổng nặng trịch màu chì, cảm thấy mình đang lịm đi và thấy con tim kiệt sức của mình gấp gáp đập nốt hồi cuối cùng, và bác không hiểu rằng đó là mộng hay đó chính là cuộc sống trần tục của mình đã nhập vào nỗi lo buồn, vào nỗi đau khổ của mình khi mình khụy quỳ xuống trước mặt lão quản trang ở trong mộng. Rồi chùi nước mắt đầm đìa trên mặt, bác bật lên cười và tự quả quyết với mình:

- Không! Ta về nhà gỗ thôi! Ta chỉ còn một nước tắt thở mà thôi...

Nhưng đến sáng hôm sau thì dù muốn hay không thì bác vẫn cứ phải chuyển về nhà. Mùa đông đã đột ngột tới. Và sự sống lại bùng lên một lần nữa trong bác Averki.

Chao ôi, trong mùa đông bao giờ ta cũng vẫn có một cảm giác hân hoan, quen thuộc từ lâu! Trận mưa tuyết đầu mùa, cơn bão tuyết đầu mùa! Đồng ruộng trắng xoá cả ra và chìm ngập trong bão tuyết, - nó còn đóng tắt nghẽn trong các khe nhà tới hàng nửa năm kia mà! Trên cánh đồng tuyết, trong bão tuyết là hiu quạnh, là hoang sơ, nhưng trong nhà là ấm cúng, là bình yên. Người ta sẽ quét sạch sẽ những nền nhà bằng đất mấp mô, người ta sẽ kỳ cọ, chùi rửa những chiếc bàn, người ta sẽ đốt lò cho ấm bùng lên bằng loạt rơm mới, - thú quá!

Cả cô con gái cũng đến nữa, “Con bé nó thính gớm”, - bác Averki nghĩ bụng, mặc dầu bác cũng biết rằng nó về để dự lễ đính hôn của bạn gái nó. Một làn tuyết trắng trùm lên thôn quê khiến cho nơi thôn quê đang mục ruỗng và tăm tối ấy trở nên trắng phau. Các triền núi và bờ sông cũng đều trắng xoá, duy có chính bản thân con sông chưa đóng băng là còn đen đũi,

và trên sông, những con ngỗng trắng vẫn còn đang bơi lội. Trong lúc đó, cô con gái của bác Averki, vui tươi và xinh đẹp, đang đứng ở nơi buồng ngoài của ngôi nhà gỗ. Giờ đây cô hoàn toàn không thấy tội nghiệp gì cho bố nữa cả, bởi vì dù sao thì ông cụ cũng không cất mình đứng dậy nổi nữa rồi. Đứa con gái của cô đã chết từ mùa thu vừa qua, điều đó lại khiến cho cô trẻ ra và thoải mái hơn. Bà lão sắp đặt chỗ nằm cho bác Averki trên phản. Còn cô con gái thì đang đợi bà để đi đón bố, để chở ông cụ về nhà gỗ bằng xe trượt tuyết.

Khi bước chân về tới ngôi nhà, cô đã cởi bỏ áo lông, gạt chiếc khăn san từ trên đầu xuống vai và đứng ở nơi ngưỡng cửa buồng ngoài. Cửa mở để lọt vào một làn phấn bạc. Cô mặc một tấm áo xiêm len màu xanh lơ đượm một mùi thơm dễ chịu. Mái tóc cô lóng lánh những hoa tuyết. Con bê con của hàng xóm len vào buồng ngoài. Cô đã mấy lần đuổi nó ra, rồi sau cô phải nhảy chồm lên bậc ngưỡng cửa. Cô tưởng chừng như mình lại được sống ở nhà với bố mẹ, như một cô gái chưa chồng. Cô vui mừng thấy mình còn nhận ra được con bê con ấy là của nhà nào và cần phải gọi ai để lừa nó về.

- Miska ơi, sài kính sài giật bẻ gãy chân tay mày đi nhớ! - vừa chồm lên bậc ngưỡng cửa cô vừa hét, vui lòng thấy rằng mình có thể chửi mắng lên như người nhà, người làng, mà không bị mất lòng mất bề gì. - Tao không đi chăn bò cho mày đâu đấy!

Cô bạn gái miệng cắn hạt quỳ bước vào buồng ngoài. Đó chính là cô bạn mà cô về để dự lễ đính hôn, một cô gái nghiêm nghị, có đôi lông mày đen rậm, cũng ăn vận bánh bao, trùm một tấm khăn rộng, mới, màu thếp, có thêu những chiếc lá màu bạc.

- Chúng mình sắp đi chở ông cụ về đây, - cô con gái bác Averki vội vàng báo cô kia. - Cụ mất đến nơi rồi, đã bắt đi mời cha đạo đến...

Bác Averki bị kích thích bởi một đêm mất ngủ bởi trận bão tuyết đầu mùa, và cả bởi việc di chuyển về nhà gỗ, nghĩa là bởi cái chết đã gần kề. Bác nằm trên xe trượt tuyết và lắng nghe tiếng gió thổi vi vút lạnh lùng theo kiểu mùa đông cuốn những bông tuyết trắng, và tiếng dui mè đã khô rít lên heo hút khi có gió lọt qua. Bác Averki run lên, co rúm người lại trong chiếc

áo lông ngắn đã sờn và trong những tấm chăn ngựa loang lỗ đắp thêm cho ấm, và mỗi lúc bác lại kéo sụp cái mũ sâu lòng xuống vầng trán láng bóng của mình. Nét mặt bác mang vẻ chờ đợi, nhưng cặp mắt to, đã thâm sì của bác không biểu thị một điều gì. Lão đảo và loạng choạng do yếu nhược, bác đã tự mình, bằng sức lực của chính mình, chuyển từ chiếc xe ngựa sang xe trượt tuyết và với sự đặc ý của trẻ con, bác nghĩ bụng: họ đến để thắng mình sang cỗ xe khác đây, còn mình thì đã sẵn sàng cả rồi, chỉ việc nắm lấy càng xe mà kéo... Bỗng tiếng cô con gái lạnh lạnh vang lên:

- Bố! Bố còn sống đấy chứ?

Thấy mặt bác, cô con gái đột nhiên khóc nức lên. Cô cảm thấy lớn lao và cổ kính thay con người đã chết nhưng vẫn còn sinh khí này, với dúm tóc lơ thơ còn sót lại, xoã dài xuống tận vai, đội một chiếc mũ do cũ bẹp đã biến thành một thứ mũ có chòm cao như kiểu mũ của thầy tu chính giáo, và mặc một chiếc áo ngoài dài lưng thụng màu lúa mạch đen đã khô, trùm lên trên chiếc áo lông ngắn. Bác thều thào chào hỏi cô. Đoạn cô đưa mắt nhìn xuôi, và hầu như không cần tới sự giúp sức của cô bạn, một mình lôi chiếc xe trượt tuyết về ngôi nhà gỗ. Và trên lớp tuyết phủ trắng xóa người ta thấy từ lán chứa lúa tới ngôi nhà gỗ kéo dài hai vệt đen dài, - dấu vết tang tóc của đôi càng trượt tuyết đã đứng không trong suốt mùa hè.

IX

Ngoài sân hoang hôn đã biếc xám, song vẫn còn sáng sủa, tuyết vẫn trắng ngần. Nhưng trong căn nhà gỗ thì đã nhọ mặt người.

Cha đạo bước vào nhà trong bóng tối chạng vạng, người phủ đầy tuyết. Qua ngưỡng cửa phải cúi mình dưới khung cửa thấp.

- Ông ấy nằm chỗ nào? - ông ta hùng dũng kêu lên, và tiếng ông ta vang lên như tiếng Thần Chết.

Bà lão đang ngồi trên ghế dài bèn đứng dậy, hơi có vẻ sợ. (Cô con gái tưởng là phút lâm chung của bố chưa đến gần như vậy, đã đi dự lễ đính hôn). Chống hai tay run run, chính bản thân bác Averki cũng nhòm dậy và lạng người chờ đợi, hệt như vừa trong quan tài chui ra. Trong bóng tối, bộ

mặt khiếp đảm của bác tái xanh như một màu chết chóc. Đưa mắt nhìn bác, cha đạo liền hạ thấp giọng xuống, và với vẻ kinh hoàng, với một giọng mà người ta tưởng hết như còn có một người nào khác nữa đã bước vào nhà (một người mà vì người đó mọi việc đang diễn ra, - người đó có thể là chính Chúa cũng nên), ông ta nói nhanh:

- Mũ kia, bỏ mũ ra!

Bác Averki lôi chiếc mũ xuống, đặt lên lòng...

Rồi sau, một cây nến sáp đã loé ấm lên với một ngọn lửa vàng bé nhỏ. Xương tột xong, chụm lễ xong, bác Averki thều thào hỏi:

- Thừa cha! Cha thấy thế nào, - cha là người biết rõ việc này, - nó đã ở trong tôi chưa?

Và cha đạo trả lời bác với giọng oang oang, hồi hả gần như cục cằn:

- Có rồi, có rồi. Đến lúc rồi đấy, chuẩn bị đi!

Chẳng nhìn mặt bà lão, ông chộp lấy bàn tay trong đó từ lâu đã toát đầm mồ hôi một đồng hai hào bạc được chuẩn bị sẵn, rồi hấp tấp bước qua ngưỡng cửa. Bà lão làm dấu thánh giá, đoạn lại gần phản, tay chống cằm, trân trân đứng ngắm nhìn lần chót con người mà trong đời bà đã ít được thấy mặt đến thế... “Đến lúc rồi, đến lúc rồi!” - cha đạo đã hét lên với bác như vậy. Và bác ngoan ngoãn nằm ngửa ra, siết chặt cây nến trong những ngón tay xương xẩu. Trái tim bác lặng đi, tan ra - bác chơi vơi trong sương mù, trên làn sóng rập rờn dẫn tới cõi chết. Ánh sáng vàng vọt chập chờn lan trên đôi môi màu tro ẩn hiện dưới bộ ria thưa thớt, lan trên chiếc mũi nhọn hoắt bóng loáng, lan trên những mi mắt to tím của cặp mắt đã nhắm nghiền. Cảm thấy sự gần gũi của ai đó, bác ráng hết sức mình, muốn nói lên một điều gì đó và hé mắt ra. Duy chỉ có bộ mặt bác giật giật lên. Có lẽ làn ánh sáng ấy, cái bóng tối trập trùng nhắc nhở tới nhà thờ ấy đã khiến bác khiếp sợ và xao xuyến chẳng? Và bà lão tưởng rằng phút lâm chung của bác hãy còn xa, đã nhẹ nhàng rút cây nến ra khỏi tay bác, thổi tắt đi, rồi ngồi xuống bên bác.

Trong tình mịch, trong tăm tối, bác Averki cảm thấy dễ chịu hơn. Bác đã tưởng tượng thấy một ngày hè, thấy làn gió mùa hạ thổi trên đồng ruộng xanh ngắt, thấy triền núi sau làng, và trên triền núi ấy là nấm mồ của bác.

Ai đó đang gào thét, kể lẽ bên năm mờ ấy lạnh lạnh và gớm ghiếc đến như vậy nhỉ?

- Bố ơi bố, bố nữ lòng nào bỏ lại chúng con mà đi thế này, bố ơi? Ai sẽ vì chúng con mà buồn phiền, ai sẽ chăm lo săn sóc chúng con? Bố ơi bố, rồi đây đi qua sân nhà bố nào ai sẽ là người ra đón con, nào ai sẽ là người hỏi han con! Bố ơi, thường ngày con đi qua là bố vẫn ra đón con, bố vẫn hỏi han con mà! Hỡi sấm sét, hãy rền vang! Hỡi chớp, hãy loé lên! Hỡi đất mẹ ẩm ướt, hãy rã ra! Hỡi những cơn gió táp, hãy nổi lên đi, hãy thổi bay tấm khăn liệm thêu kim tuyến, hãy mở mặt cho bố tôi!

“À, đó là con gái ta!”, - bác Averki nghĩ bụng với một niềm vui, với lòng triu mến, trong ngực bác xốn xang một niềm hy vọng ngọt ngào về một điều gì đó...

Bác đã qua đời trong một ngôi nhà gỗ yên tĩnh tối tăm, mà ở ngoài ô cửa sổ bé nhỏ của ngôi nhà ấy trận tuyết đầu mùa đang nổi lên mờ trắng, êm ả đến nỗi bà lão không hề hay biết gì cả.

Capri, ngày 22 tháng 2 năm 1913

Quý ông từ San Francisco đến

Vị quý ông từ San Francisco (45) này - cả ở Napoli (46) cũng như ở Capri (47) chẳng ai nhớ được tên ông ta là gì. Ông ta sang Thế giới cũ (48) hai năm trời rông rã cùng với bà vợ và cô con gái, với mục đích duy nhất chỉ để vui chơi mà thôi.

Ông vững tin rằng mình có toàn quyền được nghỉ ngơi, được vui thú và được làm một chuyến viễn du đầy đủ mọi tiện nghi, và không phải chỉ có thế mà thôi. Để làm cơ sở cho lòng tin này, ông lập luận rằng, một là, ông giàu có, và hai là, ông vừa bước chân vào đời, dù cho ông đã năm mươi tám tuổi đầu rồi. Trước đó ông chẳng phải là sống, mà chỉ là tồn tại, thật vậy ông tồn tại chẳng phải xoàng xĩnh gì, nhưng dù sao cũng chỉ là đặt hết hy vọng vào tương lai. Ông làm việc không ngơi tay, - những người Trung Quốc mà ông ký giấy nhận về để làm lụng cho mình kể có hàng nghìn, và họ thừa hiểu ông làm việc không ngơi tay có nghĩa là gì! - và cuối cùng ông thấy rằng mình làm đã nhiều và thấy mình đã gần sánh ngang được với những người mà hồi nào ông đã lấy làm gương để noi theo, thì ông bèn quyết định xả hơi đôi chút. Những người thuộc giới ông thường có thói quen bắt đầu tận hưởng lạc thú của cuộc đời bằng một chuyến đi sang châu Âu, sang Ấn Độ, sang Ai Cập. Ông cũng thấy mình cần phải làm như vậy. Dĩ nhiên, trước hết ông muốn thưởng công những năm tháng làm ăn cho chính mình, thế nhưng ông cũng mừng thay cả cho bà vợ và cô con gái nữa. Bà vợ ông xưa nay chẳng có gì gây ấn tượng đặc biệt được cho ai cả, nhưng bà ta cũng như mọi người đàn bà Mỹ luống tuổi khác đều là những người say mê đi du lịch. Còn cô con gái thì lại là một thiếu nữ đến thì và hơi ồm ồm, do đó đối với cô ta việc đi du lịch lại là rất cần thiết: ngoài chuyện có ích cho sức khỏe, trong các chuyến ngao du lại chẳng thường hay có những cuộc gặp gỡ may mắn hay sao? Nhất là khi người ta đã ngồi ăn cùng bàn hoặc cùng ngắm xem các bức bích họa với một nhà tỷ phú.

Chương trình ngao du do quý ông đi từ San Francisco ấy vạch ra là rất rộng. Tháng chạp và tháng giêng ông tính được tận hưởng ánh nắng ở miền nam Ý, thưởng thức những di tích thời cổ đại, điệu nhảy *tarantella* (49), những ca khúc ban chiều của những nghệ sĩ hát rong và thưởng thức cái mà những người ở tuổi ông cảm thụ một cách đặc biệt tế nhị, - đó là mối tình của các cô gái Napoli trẻ măng, dù cho mối tình ấy không hoàn toàn là không vụ lợi đi nữa. Về vũ hội hoá trang thì ông trù tính tiến hành tại Nice (50), tại Monte Carlo (51), là những nơi tập trung những kẻ ưu tú nhất trong xã hội lúc bấy giờ, những kẻ có ảnh hưởng đến mọi thành quả tốt đẹp của nền văn minh, ví dụ như kiểu dáng các bộ *smoking* (52), sự vững chắc của ngai vàng, việc tuyên bố chiến tranh và sự phồn vinh của các khách sạn; và là những chỗ mà người thì mãi mê đua ô tô và đua thuyền buồm, người thì mãi mê đánh số quay (53), người thì mãi mê cái người ta thường gọi là chuyện trăng hoa, người thì lại mãi mê bắn chim bồ câu (những con chim này từ những khu vườn nhỏ bay vút lên rất đẹp trên thảm cỏ màu ngọc bích, trên nền một biển hoa lưu ly, thế rồi lập tức rơi bộp xuống đất như những cục bột trắng). Đầu tháng ba thì ông định dành cho Florence (54), đến tuần Chúa chịu nạn (55) thì tới Roma (56) để nghe kinh *Miserere* (57) ở đó. Trong kế hoạch của ông có cả Venice (58) cả Paris, cả trò đấu bò ở Seville (59), cả cái thú đi tắm ở các hòn đảo nước Anh, cả Athena (60) cả Constantinople (61), cả Palestin, cả Ai Cập và thậm chí cả Nhật Bản (dĩ nhiên lúc bấy giờ là trên con đường về)... Và thoạt đầu mọi chuyện đều êm đẹp cả.

Đó là vào cuối tháng mười một, cho tới tận Gibraltar (62) tàu phải đi có lúc trong sương mù băng giá, có lúc giữa bão tuyết ẩm ướt, nhưng nói chung họ vẫn đi được hoàn toàn thuận lợi. Hành khách chuyến ấy đông, còn con tàu là chiếc “Atlantida” lừng danh, giống như một khách sạn đồ sộ với đầy đủ tiện nghi, - có *bar* ban đêm, có các buồng tắm kiểu phương Đông, có tờ báo riêng, - và cuộc sống trên tàu rất đều đặn: sáng ra người ta dậy sớm theo tiếng loa truyền đi the thé dọc theo các hành lang ngay từ lúc tờ mờ sáng, khi rạng đông chỉ mới bắt đầu một cách chậm chạp và âm ỉ

trên mặt biển xám xanh nổi sóng dữ dội trong sương mù, người ta mặc vội lên người bộ quần áo ngủ bằng *flanelle* (63) rồi đi uống cà phê, sôcôla, kakao; rồi người ta ngồi vào bồn tắm ốp đá hoa, tập thể dục để gây khẩu vị và khiến cho tâm thần được thư thái; trang điểm buổi sáng xong thì đi ăn bữa sáng thứ nhất; cho tới mười một giờ thì thường là người ta sáng khoái dạo bước trên boong, hít thở không khí lạnh nhưng tươi mát của đại dương, hoặc chơi *sepphlbot* (64) và những trò chơi khác để lại gây khẩu vị mới, đúng mười một giờ thì người ta ăn thêm bánh xăng ụch (65) với nước dùng; ăn thêm xong thì thoải mái đọc báo và yên chí chờ ăn bữa sáng thứ hai còn bổ hơn và nhiều món hơn cả bữa sáng thứ nhất; hai tiếng sau đó là dành cho nghỉ ngơi; lúc bảy giờ trên các mặt boong đều có đặt các tấm ghế bành dài đan bằng sậy để cho các du khách lên nằm, đắp chăn len mà ngắm nhìn bầu trời đầy mây và những ngọn sóng bạc đầu thấp thoáng nơi mạn tàu, hoặc thiu thiu ngủ một giấc ngon lành; đến năm giờ, sau khi đã tươi tỉnh và vui vẻ lên rồi thì du khách được mời uống trà đặc thơm phức với bánh bích quy; tới bảy giờ thì loa phát tín hiệu cho biết người ta đang đi tới mục tiêu chủ yếu nhất, đi tới đỉnh cao nhất của toàn bộ cuộc sống nơi đây... Và thế là vị quý ông từ San Francisco tới kia bèn rảo bước về căn buồng tàu sang trọng của mình để mặc quần áo.

Cứ chiều đến là các tầng trên tàu “Atlantida” đều tỏa sáng trong bóng đêm như vô số những con mắt đỏ lửa, và có một số rất đông những kẻ hầu người hạ làm lụng trong các hầm bếp, hầm rửa bát đĩa và hầm rượu. Bên ngoài thành tàu, đại dương đi lờn vờn một cách hãi hùng nhưng người ta không nghĩ đến nó, mà tin tưởng vững chắc vào sức chế ngự nó của viên thuyền trưởng, một người tóc hung, cao lớn và to béo kinh khủng. Lúc nào ông ta cũng có vẻ ngái ngủ, và trong bộ sắc phục đính những lon vàng to tướng, ông ta trông hệt như một tượng thần kếp xù. Ông ta rất ít khi ra khỏi những căn buồng bí ẩn của mình để xuất hiện trước mặt mọi người. Ở sân đằng mũi tàu chốc chốc lại thấy một hồi còi tàu rú lên với giọng buồn thảm nơi địa ngục, rồi sau đó lại thấy nó rít lên hết sức và điên cuồng giập dữ, thế nhưng các hành khách còn đang ăn bữa chiều, nào có mấy ai nghe

thấy tiếng còi ấy, - nó đã bị che lấp bởi những âm thanh của một dàn nhạc đàn dây tuyệt hay đang liên tục trình diễn một cách cao siêu thanh nhã trong một phòng lớn ốp đá hoa hai màu, trái đầy thảm nhung, đèn đuốc sáng trưng bừng như ngày hội và chật ních những bà mặc áo hở vai, những ông mặc áo đuôi tôm và mặc *smoking*, những người hầu bàn thân hình cân đối và những *metđôten* ⁽⁶⁶⁾ kính cẩn, trong đó có một người duy nhất chỉ chuyên nhận phục vụ khoản rượu vang thì thậm chí lại đeo cả dây chuỗi bằng bạc ở cổ như một vị đô trưởng nước Anh ⁽⁶⁷⁾ vậy. Bộ *smoking* và áo hồ bột đã làm cho cái ông từ đi San Francisco ấy trở lại rất nhiều. Người ông khẳng khiu, không lấy gì làm cao, thân hình tuy không hài hoà nhưng chắc chắn, toàn thân ông sạch bong, và, vẻ mặt tươi tỉnh đúng mực, ông nghiêm nhiên ngồi trong cảnh vàng son huy hoàng của cái cung điện nguy nga ấy, trước mặt là một chai rượu vang, là những cốc lớn ly nhỏ làm bằng thứ phalê tinh tế nhất, là một bó hoa huệ dạ hương loãn xoăn. Có một vẻ Mông Cổ nào đó trên khuôn mặt vàng vàng của ông với bộ ria bạc được xén tỉa gọn ghẽ, hàm răng to của ông ánh lên những chiếc răng vàng, còn cái đầu hói vững chắc của ông thì ánh lên màu ngà voi đã lên nước. Bà vợ ông là một bà mập mập, nở nang, vẻ điềm tĩnh, ăn vận sang trọng nhưng hợp với tuổi mình. Cầu kỳ nhưng nhẹ nhàng và trong suốt, vẻ chân thật một cách ngây thơ, - đó là cô con gái ông, người dong dỏng cao, mảnh mai, mái tóc đẹp tuyệt vời được chải búi rất duyên dáng, phảng phất có mùi hương của những cành hoa lan tím xinh xắn; cô có những nốt trứng cá hồng hồng rất mịn màng chung quanh môi và ở khoảng giữa hai bả vai cô thoa một lớp phấn mỏng... Bữa ăn chiều kéo dài tới hơn một tiếng đồng hồ, sau bữa ăn có vũ hội trong căn phòng vũ hội lớn, và lúc này các ông nam giới, - dĩ nhiên trong đó có cả cái quý ông đi từ San Francisco ấy, - ghéch cả hai chân lên mà hút đẫy xì gà La Habana ⁽⁶⁸⁾ và uống đẫy rượu mùi cho tới khi mặt đỏ thắm đi trong *bar* được phục vụ bởi những người da đen mặc áo gilê đỏ, mắt trắng dã ra như những quả trứng luộc đã bóc vỏ. Bên ngoài tàu, đại dương ầm ầm dâng lên thành những quả núi đen ngòm, bão tuyết rít lên dữ dội trong những mớ dây rợ trĩu nặng, toàn bộ con tàu rung lên, xuyên qua cả bão tuyết, xọc vào cả

những quả núi kia, hệt như một lưới cày xiên vào những khối nước đồ sộ, sóng sánh, thỉnh thoảng lại tràn sôi và vấy vùng những cái đuôi ngầu bọt ấy mà rẽ chúng ra làm đôi. Còi tàu bị sương mù bóp nghẹt, rên rỉ trong một nỗi buồn chết chóc. Trên tháp cao, những thủy thủ canh gác đã cóng lạnh đi vì giá rét, và mọi người đi vì tập trung chú ý quá mức căng thẳng. Còn phần chìm dưới nước của lòng tàu thì chẳng khác nào cảnh tối tăm, nóng như thiêu đốt của địa ngục, thậm chí như là điện cuối cùng, điện thứ mười trong Diêm Vương Thập Điện, bởi vì ở đây có những lò lửa khổng lồ đang cười lên ha hả, ngoác những cái miệng đỏ rực ra để ngốn những đồng than đá mà những người cời trần, mình đỏ lên vì lửa và nhể nhại mồ hôi mặn và bần, đang ầm ầm đổ vào họng chúng. Vậy mà ở bar kia, người ta ghéch chân lên tay vịn của ghế bành một cách vô tư lự, người ta nhắm nháp *cônhắc* và rượu mùi, người ta chơi vơi trong những làn khói thơm phức. Trong phòng khiêu vũ thì mỗi lúc một toả ra tràn trề ánh sáng, hơi ấm và lạc thú, các đôi nhảy lúc thì xoay tròn trong những điệu nhảy *vanxơ*, lúc thì uốn mình trong điệu *tănggô*, trong khi tiếng nhạc vẫn nhai nhải cầu kính vừa một nỗi niềm xưa cũ, với một giọng buồn da diết và trơ trẽn... Người ta được biết rằng trong cái đám người lồi lạc này có một ông cực kỳ giàu có nào đó, mặt cạo nhẵn nhụi, người dài dài, trông giống một giám mục áo tím ⁽⁶⁹⁾ nhưng mặc áo đuôi tôm theo kiểu cũ, và một văn sĩ lừng danh người Tây Ban Nha; có cả người đẹp nổi tiếng khắp năm châu; có một đôi tình nhân thật duyên dáng mà mọi người đều tò mò theo dõi, và đôi này cũng không hề che giấu niềm hạnh phúc của mình: chàng chỉ khiêu vũ với nàng, và họ nhảy với nhau thật tài tình, thật mê ly, đến nỗi chỉ có một mình viên thuyền trưởng biết rằng, đôi đó được hãng Lloyd ⁽⁷⁰⁾ thuê đóng giả làm tình nhân để được những món tiền hời, và từ lâu họ đã có mặt lúc thì trên chiếc tàu này lúc thì lại sang con tàu khác.

Đến Gibraltar mọi người đều mừng rỡ thấy nắng lên khác nào cảnh xuân sớm. Trên tàu “Atlantida” người ta thấy xuất hiện một vị hành khách mới, khiến ai cũng đều phải chú ý, - đó là hoàng thái tử của một nước châu Á vi hành đi ngao du, một con người nhỏ bé, toàn thân cứng đờ như gỗ, mặt to,

mắt ti hí, đeo kính gọng vàng, trông có vẻ hơi khó chịu ở chỗ là trên mặt ông ta nổi lên một bộ ria đen to thù lù như trên mặt kẻ chết rồi, nhưng nhìn chung ông ta tỏ ra khá ái, giản dị và khiêm nhường. Ở Địa Trung Hải lúc ấy đang có một cơn sóng lớn, ngọn sóng bọt nở như hoa khác nào đuôi một con công, gây ra bởi làn gió bắc (71) đang vui vẻ ào ào thổi ngược lại trong ánh nắng huy hoàng và dưới bầu trời cực kỳ quang đãng... Nhưng sang ngày hôm sau, bầu trời bắt đầu nhợt nhạt, đường chân trời thấy mù mịt đi: đã gần tới đất liền, đã thấy xuất hiện đảo Ixkia, đảo Capri (72), và qua ống nhòm đã thấy được thành phố cảng Napoli đang như được rải đầy những cục đường trắng dưới chân một cái gì màu xám biếc... Nhiều quý bà và quý ông đã phải mặc áo khoác nhẹ, viền lông thú ở phần trên; những cậu bồi người Trung Quốc nhẵn nạy, lúc nào cũng thì thào với nhau, những thiếu niên chân vòng kiềng với những chiếc đuôi sam đen nhánh dài đến tận gót và với những hàng mi rậm như của con gái, đang dần dần khuân những tấm mền, những chiếc ba toong, những vali, những hộp ra sát cầu thang... Cô con gái của quý ông đi từ San Francisco đang đứng ở trên boong cùng với vị hoàng tử mà cô đã hạnh ngộ được quen biết từ chiều qua. Cô làm ra vẻ chăm chú nhìn ra phía xa xa, nơi vị hoàng thái tử đang vừa chỉ cho cô, vừa giải thích cái gì đó, kể lể chuyện gì đó cho cô nghe một cách vội vàng và khe khẽ. Về thân hình, khi đứng giữa những người chung quanh, ta tưởng chừng ông chỉ là một cậu bé con; bản thân ông ta rất xấu trai và kỳ quặc, - cặp kính, chiếc mũ nôi, chiếc áo bành tô kiểu Ănglê, những sợi ria thưa mà cứng như lông ngựa, làn da mỏng ngăm đen trên khuôn mặt phèn phẹt của ông ta hệt như được căng ra và dường như được phết một lớp vecni mỏng, - nhưng cô gái vẫn lắng nghe ông ta nói và do cảm động cô ta chẳng hiểu được ông ta nói gì cả: đứng trước ông ta, trái tim cô rộn ràng bởi một niềm hoan nào chẳng rõ: tất thảy, tất thảy trong ông đều khác với mọi người, từ đôi tay khăng khiu, làn da trơn tru mà trong đó dòng máu đế vương lâu đời vẫn đang chảy: cho đến cả bộ quần áo Âu cực kỳ đơn giản mà ông ta đang mặc dường như cũng chính tề hẵn lên, - tất thảy đều hàm chứa một ma lực bí ẩn nào đó.

Còn quý ông đi từ San Francisco, chân đi giày *bốt tin* láng bóng, dận trong đôi ghệt xám, thì luôn đưa mắt liếc nhìn người đẹp nổi tiếng đang đứng cạnh ông, một người đàn bà tóc vàng, cao, thân hình cân đối lạ thường, mắt tô theo mốt mới nhất ở Paris, bế một con chó bé tí xiu, lưng cong, lông nhẵn thín, đeo xích bằng bạc và luôn mồm nói chuyện với nó. Do lờ mờ cảm thấy khó xử thế nào đó, cô con gái cố tỏ ra không để ý tới ông bố.

Đọc đường ông tỏ ra khá hào phóng, do chỗ ông đã hoàn toàn tin tưởng vào sự chăm lo của tất cả những ai đã đem lại thức ăn đồ uống cho ông, đã sớm tối phục vụ, lựa chiều mọi ý thích dù là nhỏ nhất của ông, đã giữ gìn cho ông được sạch sẽ và yên tĩnh, đã bưng bê đồ đạc cho ông, gọi phu khuân vác đến cho ông, đưa các hòm xiềng của ông đến khách sạn. Đâu đâu đã như thế, trên tàu đã như thế, thì ở Napoli chắc chắn cũng thế. Thành phố Napoli lớn dần và mỗi lúc một lại gần. Các nhạc công mang các loại kèn hơi bằng đồng sáng loáng đã tập trung trên boong và đã khiến cho mọi người đột nhiên đình tai nhức óc bởi những âm thanh đặc trưng của một bài hành khúc, rồi đến ông thuyền trưởng hộ pháp mặc sắc phục đại lễ đã xuất hiện trên đài chỉ huy của mình mà niềm nở khua tay chào các hành khách như thể một vị ngẫu thần từ bi quảng đại nào vậy. Lúc bấy giờ, cũng như mọi người khác, quý ông từ San Francisco tưởng chừng như chỉ vì mình mà bài hành khúc của cái nước Mỹ kiêu sa ấy đã vang lên, và ngay cả cái ông thuyền trưởng kia đứng ra chào mừng chuyển đi nhất lộ bình an này cũng chỉ là chào mừng chính ông mà thôi. Cuối cùng khi tàu “Atlantida” đã vào cảng, đã áp bến cái thân hình đồ sộ nhiều tầng lổn nhổn những người của nó và khi tiếng những cầu thang tàu đã khua vang, thì có biết bao nhiêu người gác cổng khách sạn cùng với những phụ tá của họ ai nấy đều đội mũ lưỡi trai mang lon vàng, có biết bao nhiêu người chuyên làm việc môi giới đủ mọi loại, những đứa trẻ con thích huýt gió và những người thân hình vạm vỡ ăn mặc rách rưới cầm hàng tập bưu ảnh màu trong tay đã ùa lại đón và mời chào ông! Và ông đã nhếch mép cười với những kẻ rách rưới đó, tiến đến chiếc ô-tô của chính cái khách sạn mà ông hoàng kia có thể cũng dừng

chân, rồi diễm nhiên nói qua kẽ răng một câu vừa bằng tiếng Anh, vừa bằng tiếng Ý:

- Go away! (73) Via! (74)

Cuộc sống ở Napoli lập tức bắt đầu theo một chế độ đã định sẵn: sáng sớm người ta ăn sáng trong một phòng ăn tối mù mịt, trong khi ngoài trời đầy mây, chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp cho lắm và có một lô người hướng dẫn du lịch đứng đợi ngoài cửa tiền sảnh; sau đó có những nụ cười đầu tiên của ánh nắng hồng ấm áp, người ta đứng trên bao lơn cao chót vót mà ngắm cảnh núi lửa Vesuvio còn đang toàn bộ nấu mình trong làn hơi nước chói chang của ban mai, ngắm cảnh mặt nước trong vịnh gợn sóng lăn tăn màu ngọc trai loang loáng ánh bạc và cảnh đảo Capri hiện ra như một bức phác họa tinh tế ở chân trời, ngắm nhìn những con lừa bé tí xíu kéo xe hai bánh đang chạy trên con đường nhộp nháp men theo bờ biển phía dưới và những đội lính bé tí hon đang tiến bước đi đầu đó trong tiếng quân nhạc hùng dũng và thách thức; sau đó người ta ra ô-tô chậm chậm lăn bánh theo những đường phố chật hẹp như những hành lang xám xịt nhưng đông người, chen giữa những ngôi nhà cao, có nhiều cửa sổ; người ta đi xem những viện bảo tàng tuy sạch sẽ nhưng không có sinh khí, tuy được chiếu sáng một cách đều đặn, dễ chịu, nhưng buồn tẻ hệt như có tuyết bao phủ; đi xem những ngôi nhà thờ sặc mùi sáp nến mà đâu đâu cũng rất một kiểu là: cửa vào rất uy nghi có rèm da nặng trĩu che kín, nhưng bên trong lại trống huếch trống hoác, im lìm, cây đèn bầy nến leo lét cháy đo đỏ tận sâu trên ngai ngự có viền đăng ten, một bà già ngồi lẻ loi giữa những dãy bàn cầu kính bằng gỗ tẩm tối, những phiến đá nhà mồ trơn bóng lát dưới chân và bức tranh *Rời khỏi giá chữ thập* của ai đó, chắc chắn là rất nổi tiếng; một giờ trưa thì ăn bữa sáng thứ hai ở trên núi San Martino là nơi mà cứ giữa trưa lại có không ít người thuộc giới đại thượng lưu đến du ngoạn và cũng là nơi mà có lúc cô con gái của quý ông đi từ San Francisco đã choáng váng suýt ngất xỉu: cô tưởng là ở buồng lớn khách sạn đã có ông hoàng thái tử, mặc dầu qua báo chí cô đã được biết là ông hiện đang ở Roma: đến năm giờ thì uống trà ở khách sạn, trong một phòng khách lộng lẫy, rất ấm áp do trải nhiều thảm và

do có những lò sưởi lửa cháy bùng bùng: và đến lúc này thì người ta cũng lại đã sửa soạn ăn bữa chiều, lại có tiếng cồng mạnh mẽ và oai nghiêm vang lên khắp các tầng lầu, lại thấy lũ lượt các bà mặc áo hở vai soi mình trong những tấm gương và sột soạt lụa là kéo nhau đi theo các thang gác, lại là một phòng ăn nguy nga lộng lẫy như một cung điện đang mở rộng cửa để niềm nở đón khách. Có cả những nhạc công mặc áo vét đỏ đứng trên sàn diễn, có cả một đoàn người hầu bàn đứng đen ngòm bên cạnh người *métđôten* đang rót một loại xúp đặc màu hồng vào các đĩa với một tài nghệ tuyệt vời... Các bữa ăn chiều cũng lại có ê hề các loại món ăn, các loại rượu vang, các loại nước khoáng, các loại đồ ngọt, các loại hoa quả, phong phú đến nỗi mà tới mười một giờ đêm những người hầu buồng phải đem túi cao su đựng nước nóng đến các buồng để cho các vị khách chườm bụng.

Thế nhưng cái tháng mười hai năm nay lại đã “diễn ra” không đạt yêu cầu cho lắm: khi người ta hỏi chuyện người giữ cửa về tình hình thời tiết thì anh ta chỉ nhún vai với vẻ có lỗi, lúng búng trả lời rằng ở đây người ta không nhớ có năm nào thời tiết xấu đến thế, mặc dù đây chẳng phải là năm đầu tiên anh ta lúng búng trả lời như vậy và viện cớ rằng “đâu đâu cũng đều xảy ra một chuyện kinh khủng nào đó”: ở Riviera ⁽⁷⁵⁾ có mưa to, gió lớn chưa từng thấy, ở Athena có tuyết, núi lửa Etna ⁽⁷⁶⁾ cũng bị tuyết phủ toàn bộ và đêm nào cũng sáng loè, ở Palermo ⁽⁷⁷⁾ thì các khách du lịch phải chạy toé phở để khỏi bị cọng lạnh vì rét... Hôm nào người ta cũng bị mặt trời buổi sáng đánh lừa: cứ đến trưa là y như trời sạm hẳn đi, rồi bắt đầu mưa lắt rắt, mỗi lúc một dày và lạnh hơn; lúc bấy giờ những cây cọ ở lối ra vào khách sạn bóng lên như bằng sắt tây, thành phố dường như trở nên đặc biệt bẩn thỉu và chật hẹp, các nhà bảo tàng trở nên hết sức đơn điệu, những mẫu xì gà hút dở của những người xà ích béo ị (họ mặc áo tơi bằng cao su bay phấp phới trong gió như những đôi cánh) trở nên hôi hám không sao chịu nổi, tiếng roi họ quất mạnh mẽ trên đầu những con nghẻo cổ ngẩng càng rõ ràng chỉ là vờ vĩnh, giày dép của những người đàn ông quét đường tàu điện bẩn kinh khủng, còn những người đàn bà để đầu trần gội mưa với mái tóc đen và đang lộ bì bõm trong bùn thì đôi chân của họ tự dưng ngăn ngụt đi

trông thật gớm ghiếc. Còn về không khí ẩm ướt và có mùi cá thối từ bờ biển ngẫu bọt xông vào thì khỏi phải nói làm gì. Quý ông và quý bà đi từ San Francisco đã bắt đầu cứ sáng sáng lại cãi cọ với nhau; cô con gái của ông bà lúc thì trông tái nhợt đi và bị nhức đầu, lúc thì tươi tỉnh lại, thấy cái gì cũng khen, cũng thích, lúc bấy giờ trông cô ta vừa đáng yêu, lại vừa đẹp: đẹp thay những tình cảm trù mẫn và phức tạp được khơi dậy trong nàng sau cuộc gặp gỡ với con người xấu trai nhưng mang một dòng máu khác thường ấy, bởi vì, nói cho cùng kỳ lý, có lẽ điều quan trọng không phải là cái gì đã thức tỉnh tâm hồn của người con gái ấy, dù đó là tiền tài, là vinh hoa, là dòng dõi quyền quý hay gì gì đi nữa... Mọi người đều cam đoan rằng ở Sorrento, ở Capri cảnh vật sẽ khác hẳn, ở đây vừa ấm hơn, vừa nắng hơn, chanh lại đang độ nở hoa, lối sống cũng thật thà hơn mà rượu nho cũng nguyên chất hơn. Thế là cả cái gia đình đi từ San Francisco ấy quyết định mang hết cả hòm xiềng lên đường ra đảo Capri, với ý định là tham quan trên đảo xong, sau khi đã dạo chơi trên những nền đá cũ của các cung điện của Tiberius (78) thăm các hang kỳ diệu của Động Thanh Thiên và thưởng thức điệu khèn bông (79) của các nghệ sĩ Abruzzi (80) (trước lễ Giáng Sinh cả tháng trời họ đi rong khắp đảo để ca ngợi Đức Bà Maria), thì sẽ chuyển sang ở Sorrento.

Hôm lên đường, - một ngày rất đáng nhớ của cái gia đình đi từ San Francisco ấy! - thậm chí ngay từ sáng sớm cũng chẳng có ánh mặt trời. Một làn sương mù dày đặc đã che phủ núi lửa Vesuvio tới tận chân núi và hạ xuống xám xịt ngay sát mặt biển màu chì đang gợn sóng. Chẳng trông thấy đảo Capri đâu cả, - hết như nó chẳng hề bao giờ tồn tại trên thế gian này. Rồi chiếc tàu bé tí xíu trên đường ra đảo lại chòng chành đến nỗi gia đình đi từ San Francisco phải nằm liệt giường trong cái buồng hành khách công cộng tồi tàn của chiếc tàu nhỏ bé ấy, lấy mền đắp chân và nhắm tịt mắt lại để khỏi nôn mửa ra. Bà nhà ta nghĩ là bà khổ sở hơn tất cả mọi người; đã mấy lần bà ngất xỉu đi, tưởng như mình sắp chết đến nơi, còn cái cô hầu buồng chạy lại để mang chiếc chậu thau nhỏ đến cho bà nôn thì lại cứ cười, - đã nhiều năm nay, dù là nóng nực hay rét mướt, ngày nào cô cũng lăn lộn

trong sóng gió như vậy mà chẳng biết mệt mỏi là gì. Cô tiểu thư nhà ta mặt tái nhợt đi kinh khủng, mồm ngậm một múi chanh. Ông nhà ta thì nằm ngửa, mình mặc áo bành tô rộng, đầu đội mũ cát-kết to, suốt dọc đường cứ siết chặt quai hàm lại; nét mặt ông tằm tối lại, ria ông trắng ra, đầu nhưc như búa bổ: mấy ngày vừa qua, do thời tiết xấu, cứ tối đến ông lại nốc rượu quá nhiều và thường thức quá nhiều “những bức tranh sống” trong những hộp đêm nào đó. Trong khi ấy mưa quất vào những cửa kính đang run lên bần bật, nước từ đó chảy vào những chiếc đi-văng, gió gầm rú đập vào những cột buồm và đôi khi cùng hoà nhịp với làn sóng ập tới, nó lật nghiêng hẳn chiếc tàu, và lúc bấy giờ nghe có cái gì đó lăn ầm ầm dưới đáy tàu. Đến các bến đỗ ở Castelamara, ở Sorrento, tình hình có dễ chịu hơn đôi chút, nhưng vào trong bến tàu lại lắc lư dữ dội, ngoài cửa sổ thấy bờ biển cứ chao lên lại chao xuống như đánh đu, cùng với tất cả những bờ dốc, những vườn tược, những cây thông tán tròn, những khách sạn màu hồng và màu trắng, và cả những núi non đầy khói xanh cuộn cuộn trên đó; những chiếc thuyền va vào mạn tàu kêu lộc cộc. Các hành khách đi về khoang hạng ba kêu toáng lên, ở đâu đó có tiếng trẻ nhỏ khóc thét lên như bị vật gì đè lên người, gió ầm thốc vào các cửa buồng, và trên chiếc xà lan chòng chành mang cờ hiệu của khách sạn “Royal” một thằng bè con giọng chả chót, không ngời miệng hét văng lên “Gôi-an đây! Khách sạn Gôi-an đây!...” để chào mời các du khách. Và vị quý ông từ San Francisco tới ấy, với tâm trạng đích thực của mình hoàn toàn là một ông già, đã bắt đầu có một cảm nghĩ nhớ nhung buồn bực về tất cả những cái khách sạn “Royal”, “Splendid”, “Excelsior” ấy và về cả những người ngợm tham lam, sặc mùi tòi được gọi là những người Ý này; có một lần tàu đỗ, nằm trên đi-văng ông mở mắt ra rồi ngẩn đầu lên nhìn, ông thấy dưới chân một vách đá cheo leo có một đồng những ngôi nhà bằng đá tồi tàn bé tí tẹo đã mọc meo hết và chỉ nhờ dựa vào nhau mà đứng được ngay sát cạnh mặt nước, bên những chiếc thuyền, bên những đồng giẻ rách, những hộp sắt tây và những tấm lưới màu nâu gì đó, lúc bấy giờ ông mới sực nhớ ra rằng đây mới đích thực là cái nước Ý mà ông đến để hưởng lạc và lúc bấy giờ ông mới cảm thấy thất vọng... Cuối cùng, cho tới tận sẩm tối người ta mới thấy đen ngòm một hòn

đảo đang tiến lại gần, chân đảo hệt như bị xuyên thủng bởi những đốm lửa đỏ nhỏ bé; gió thổi đã dịu hơn, ấm hơn, thơm tho hơn, và do những ngọn đèn trên bến, người ta tưởng như có những con trần lấp lánh vàng trôi xuôi theo những ngọn sóng nay đã chịu quy thuận và sánh lại thành một thứ dầu nhớt đen sì... Rồi bỗng có tiếng neo thả vang động và tiếng neo rơi tòm xuống nước, tứ phía thi nhau nổi lên những tiếng hò hét giận dữ của những phu thuyền, - thế là lòng ta lập tức cảm thấy nhẹ nhõm hơn, buông hành khách công cộng càng loé sáng hơn lên, ta bắt đầu muốn ăn, uống, hút thuốc lá, đi lại... Mười phút sau gia đình từ San Francisco đến đã bước xuống một chiếc sà lan lớn, mười lăm phút sau họ bước lên những phiến đá kê bờ, sau đó ngồi vào một chiếc toa goòng và được kéo kêu vo vo lên phía trên theo bờ dốc giữa những đám cọc cắm trong vườn nho, giữa những bức tường vây bằng đá đã đổ nát một nửa và giữa những cây cam ươn ướt át, cần cỗi, đôi chỗ núp dưới những mái che bằng rơm, với những quả cam bóng loáng và những đám lá dầy láng bóng đang trôi tuột xuống phía dưới núi, ngay sát cạnh những khung cửa sổ bỏ ngỏ của chiếc toa goòng... Ở Ý cứ sau mỗi trận mưa là mùi đất lại toả ra ngọt ngào, và mỗi hòn đảo của Ý cũng lại có mùi hương riêng biệt của mình!

Buổi tối hôm đó cảnh vật đảo Capri ấm ướt và âm u. Nhưng phút chốc nó đã tươi tỉnh lại và đã sáng sủa lên đôi chỗ. Trên đỉnh núi, ở sân đỗ tàu goòng đã lại tụ tập một đám người có nhiệm vụ phải đón tiếp một cách xứng đáng quý ông từ San Francisco đến. Cũng có cả những vị khách khác nữa cùng đến cơ đây, nhưng họ không đáng để ý, - đó là mấy ông người Nga đến ngụ cư ở Capri, những con người ăn mặc lôi thôi lếch thếch và tính tình lơ đãng, đeo kính, để râu, mặc những chiếc áo bành tô nhỏ bé mà cũ kỹ, cổ bẻ đứng dựng lên, và một đoàn những cậu trai trẻ người Đức chân dài, đầu tròn xoe, mặc quần áo kiểu vùng Tyro ⁽⁸¹⁾, vai khoác dây băng vải gai, - họ chẳng cần ai phục dịch cả, đi đến đâu cũng thấy như ở nhà mình, mà tiêu xài cũng chẳng hào phóng gì. Quý ông từ San Francisco đến bèn điềm tinh tránh né cả hai đám khách này và đã lập tức được người ta nhận ra ngay. Người ta vội vã đỡ ông và bà nhà ta khỏi toa, người ta đã chạy lên

trước để chỉ đường và ông lại bị bao vây tứ phía bởi những thằng bé con và những người đàn bà Capri vạm vỡ ấy đang đội trên đầu những va li và hòm xiềng cho những vị du khách đoan trang này. Những chiếc guốc gỗ của họ đã vang lên lộc cộc trên một quảng trường nhỏ hẹp hệt như một bãi để diễn ca kịch, và trên quảng trường người ta thấy có một quả cầu điện (82) đang rung rinh dưới làn gió ẩm; lũ trẻ con huýt sáo miệng lên như một bầy chim và làm trò lộn nhào trên mặt đất, - và đi giữa đoàn người ấy, hệt như trên sân khấu, vị quý ông từ San Francisco đến đang bước tới một cổng chào thời trung cổ nào đó bên dưới những ngôi nhà gấn khít lại với nhau, mà đằng sau là một đường phố nhỏ âm vang, xoay xoay dẫn tới lối ra vào của khách sạn đang toả sáng phía trước mặt, bên trái phố có chòm một cây cọ phủ lên những mái nhà phẳng, còn phía trước, bên trên phố là bầu trời đen tối với những ngôi sao xanh ngắt. Và mọi cảnh tượng lại diễn ra hệt như cái thị trấn nhỏ bằng đá ướt át trên hòn đảo nhỏ lờm chờm vách đá này ở Địa Trung Hải nay đã hồi tỉnh lại để đón chào những vị khách từ San Francisco tới, và hệt như chính họ đã khiến cho ông chủ khách sạn sung sướng và mừng rơn đến nỗi vừa bước chân vào tiền sảnh là tiếng cồng Tàu đường như chỉ dành riêng cho họ đã vang lên khắp các tầng lầu để báo hiệu giờ tụ hội ăn bữa chiều.

Ông chủ khách sạn, một người trẻ trung trang nhã tuyệt vời, cúi chào một cách lễ phép và lịch sự khi nghênh đón họ, và trong giây lát đã khiến cho quý ông từ San Francisco tới phải sửng sốt: ông bỗng sực nhớ rằng từ hồi đêm hôm qua, ngoài những điều rối rắm khác đã choán ngợp tâm trí ông trong giấc mộng, ông đã mơ thấy đúng con người hào hoa phong nhã này, mơ thấy y hệt con người này, cũng chiếc áo lễ phục với những vạt áo may tròn và cũng mái tóc bóng lộn như gương ấy. Do ngạc nhiên, ông thậm chí đã suýt đứng dừng lại. Nhưng vì từ hồi nào hồi nào đến giờ trong tâm hồn ông đã không còn mảy may cảm giác thần bí nào, nỗi ngạc nhiên của ông cũng lập tức tan biến ngay: vừa đi trong hành lang khách sạn, ông vừa bỗng đùa kể lại cho vợ con nghe tại sao mộng và thực khớp nhau một cách kỳ lạ đến thế. Thế nhưng trong phút đó, cô con gái lại lo ngại đưa mắt nhìn ông:

lòng cô bỗng như đau thắt lại vì buồn thương, vì cảm giác cô đơn đáng sợ ở nơi hải đảo xa lạ và tăm tối này...

Một nhân vật cao quý là đức vua Reis XVII đến thăm Capri đã vừa rời khỏi đây. Và người ta đã dành cho các vị khách từ San Francisco đến chính những căn buồng mà đức vua đã ở. Người ta còn cắt đến phục vụ họ một cô hầu buồng xinh đẹp nhất và khéo léo nhất, một cô người Bỉ thắt đáy lưng ong, nịt ngực cứng ngắc, đầu đội một chiếc mũ *bonnê* hồ bột như hình một chiếc vương miện nhỏ có răng cưa; một người đầy tớ xuất sắc nhất, người đảo Sicila ⁽⁸³⁾ da đen như than, mắt đỏ như lửa, một người trực hành lang tháo vát nhất là bác Luidgi, người nhỏ con nhưng béo, suốt đời mình đã phục vụ ở nhiều nơi trên cương vị này. Và một phút sau đó, người ta đã thấy một *métđôten* người Pháp đến gõ nhẹ vào buồng quý ông từ San Francisco tới, để hỏi xem các vị hành khách mới đến có dùng bữa chiều không, và khi được trả lời là có (kể ra điều này cũng chẳng có gì để hoài nghi cả), thì xin được thưa rằng hôm nay có món tôm hùm, bít-tết, măng tây, gà lôi và v.v.. Đắt dưới chân quý ông từ San Francisco đến vẫn còn chao đảo, - cái chiếc tàu Ý bé con con và tồi tệ ấy đã lắc ông ghê gớm, - nhưng ông vẫn thông thả (mặc dù chưa quen và chưa thạo lắm) tự tay ra đóng chặt cánh cửa sổ đã sập lại từ lúc người *métđôten* bước vào, một cánh cửa mà từ đó ông thấy đã gặp mùi nhà bếp ở phía xa xa và mùi những đoá hoa ướn át ở trong vườn. Và ông từ tốn, rạch ròi trả lời rằng cả nhà sẽ dùng bữa chiều, bàn ăn đã được đặt ở nơi xa cửa ra vào, tận cuối phòng, và sẽ dùng rượu nho của địa phương. Đối với mỗi lời ông nói, người *métđôten* đã phụ họa bằng những giọng điệu cực kỳ đa dạng, nhưng đều chỉ có một nghĩa là không nghi ngờ gì và không thể có nghi ngờ gì về sự đúng đắn của những ý muốn của quý ông từ San Francisco tới, và mọi việc đều sẽ được thi hành chính xác. Cuối cùng ông ta cúi đầu, tế nhị hỏi:

- Thế là hết ạ, thưa ngài?

Và sau khi nhận được câu "yes" ⁽⁸⁴⁾ chậm rãi đáp lại, ông ta nói thêm rằng hôm nay ở tiền sảnh sẽ có nhảy *tarantela*, do Carmela và Giuseppe,

nổi tiếng trong toàn nước Ý và trong “toàn bộ thế giới du khách”, trình diễn.

- Tôi có thấy cô ta trong những tấm bưu ảnh, - quý ông từ San Francisco tới nói bằng một giọng không biểu lộ điều gì. - Thế còn cái anh Giuseppe này là chồng cô ta ư?

- Là anh họ, thưa ngài, - người *métđôten* đáp.

Thế rồi chần chừ đôi chút, suy nghĩ điều gì đó nhưng không nói gì thêm, quý ông từ San Francisco tới cho phép người *métđôten* cáo lui bằng một cái gật đầu.

Và sau đó ông lại bắt tay chuẩn bị, hết như chuẩn bị đi đám cưới vậy: ông bật điện lên ở khắp nơi, khiến cho các tấm gương đều sáng loáng và bóng lộn lên, đều soi tỏ được những đồ đạc và những hòm xiềng đã được mở toang; ông bắt đầu cạo râu, rửa ráy và chốc chốc lại bấm chuông gọi, trong khi đó, suốt dọc hành lang cũng vang lên những hồi chuông hồi hả khác xen vào những hồi chuông gọi của ông, - đó là những hồi chuông từ các buồng của vợ ông và con gái ông. Còn bác Luidgi mặc áo tạp dề đỏ, với bộ điệu nhẹ nhõm riêng có của một số đông người béo mập, luôn nhăn nhó tỏ vẻ khiếp sợ khiến các cô hầu buồng xách những xô nước tráng men chạy đi chạy lại qua đó phải buồn cười đến chảy nước mắt. Mỗi khi nghe tiếng chuông, bác ta quay ngoắt người chạy xô đến, cong ngón tay gõ vào cửa, giả bộ rụt rè và ra vẻ kính cẩn đến mức ngu xuẩn, lên tiếng hỏi:

- *Ha sonato, signore?* (85)

Và bên trong cửa có tiếng the thé, từ tốn và lễ phép nghe đến phát lộn ruột, đáp lại:

- *Yes, come in...* (86)

Trong cái buổi tối đáng ghi nhớ cho mình đến như thế, quý ông từ San Francisco đến đã có cảm giác gì, đã suy nghĩ gì nhỉ? Như bất kỳ ai khác sau cơn sóng gió, ông chỉ rất muốn được ăn uống, khoái trá mơ tưởng tới thìa súp đầu tiên, ngụm rượu vang đầu tiên, và ngay cả một công việc quen thuộc là việc trang điểm ông cũng tiến hành nó trong một tâm trạng hưng phấn, do đó không còn thời gian đâu để mà cảm xúc và nghĩ ngợi nữa.

Cạo râu xong, rửa ráy xong, đặt mấy chiếc răng giả cho êm xong, ông ra đứng trước gương rửa nước hoa rồi dùng những chiếc bàn chải có cán bằng bạc mà thu vén đám tóc màu ngọc trai còn lại chung quanh cái sọ dừa vàng ngăm đen của mình, kéo căng chiếc áo *toricô* bằng lụa màu kem trên tấm thân già nua tuổi tác nhưng còn chắc chắn và eo lưng còn đang mập mập lên do tăng cường bồi dưỡng ấy. Còn đôi chân khô khăng với những bàn chân dẹt thì ông xỏ vào đôi bít tất dài bằng lụa đen và đôi giày dùng đế khiêu vũ. Rồi ngồi chồm hổm, ông chỉnh lại chiếc quần đen đã được kéo cao lên bởi những chiếc *broten* lụa và cả chiếc áo sơ mi trắng muốt có độn ngực, rồi ông lồng những chiếc khuy vào đôi cổ tay áo bóng lộn và bắt đầu thấy khổ sở cố làm sao cho hai bên cổ sơ mi cứng ngắc bắt được vào chiếc khuy cổ. Sàn nhà vẫn còn chao đảo dưới chân ông, mấy đầu ngón tay ông đau buốt lên, đôi lúc chiếc khuy cắn chặt lấy lớp da nhéo ở hõm dưới cục hầu nhưng ông rất cương quyết và cuối cùng, với đôi mắt loé sáng vì căng thẳng, với toàn thân tím ngắt đi vì chiếc cổ còn quá chặt đã thít lấy cổ họng, ông cũng đã làm được cái việc phải làm. Đoạn ông mệt nhoài ngồi xuống trước tấm gương lớn có tranh vẽ ở phần trên (87), toàn thân ông soi trong tấm gương ấy và được phản chiếu cả trong các tấm gương khác.

- Ôi, thật kinh khủng! - ông lẩm bẩm, cúi chiếc đầu hói vũng chắc của mình xuống và cũng chẳng cố gắng suy nghĩ, tìm hiểu xem quả thật mình kinh khủng cái gì; rồi theo thói quen, ông chăm chú ngắm nhìn những ngón tay ngắn ngủn của mình mà các khớp xương đã cứng queo lại vì bệnh gút, ngắm nhìn những chiếc móng tay to, màu hạnh nhân, thồi lồi lên trên đôi tay của mình mà nhắc lại một cách tin chắc: - Thật kinh khủng...

Song vừa lúc đó khắp trong toà nhà đã âm vang rền rĩ, hệt như trong một ngôi đền ngẫu thần giáo, vang lên tiếng cồng thứ hai. Thế là quý ông từ San Francisco tới bèn mải mốt đứng dậy, dùng chiếc cà vạt thít cổ áo chặt hơn nữa, dùng chiếc gilê để hở cổ mà thít lấy bụng, mặc chiếc áo *smoking* vào, chỉnh lại đôi cổ ống tay áo và ngắm nghía một lần nữa trong gương... Ông nghĩ: “Cái cô Carmela có đôi mắt nhìn gượng gạo này da lại ngăm ngăm, giống như lai da đen, cô ta phục sức lòe loẹt nhưng chủ yếu vẫn là màu da

cam, và chắc hẳn cô ta nhảy cừ lăm đây.” Rồi ông tươi tỉnh bước ra khỏi buồng men theo tấm thảm tiến lại gần căn buồng bên cạnh của vợ mình, cất cao giọng hỏi xem các bà các cô đã sắp xong cả chưa.

- Năm phút nữa ạ! - từ phía trong cửa có tiếng con gái đáp lại vang lanh lảnh và đã ra chiều vui vẻ.

- Được lắm, - quý ông từ San Francisco nói.

Rồi ông từ tốn bước theo các hành lang và các cầu thang trải thảm đỏ mà xuống dưới nhà, đi tìm phòng đọc sách báo. Kể hầu người hạ gặp ông đều phải nép mình vào tường để tránh, còn ông thì ông cứ đi, dường như không hay biết gì về họ. Một bà già, lưng đã còng, tóc đã ngả sang màu sữa, nhưng để hở vai, mặc một chiếc xiêm lụa màu xám nhạt, đi phía trước ông. Thấy đã muộn giờ ăn chiều, bà ta cố hết sức rảo bước, nhưng rảo bước theo kiểu đi của gà mái trông đến buồn cười, và ông đã dễ dàng vượt qua bà ta. Đến cạnh cửa kính phòng ăn, nơi mọi người tụ tập đông đủ và đã bắt đầu ăn, ông dừng bước trước một chiếc bàn nhỏ chất đầy những hộp xì gà và thuốc lá Ai Cập, cầm lấy một điếu *manila* ⁽⁸⁸⁾ to bự rồi quăng xuống bàn ba *lira* ⁽⁸⁹⁾: ra tới hàng hiên dùng cho mùa đông, ông nhân thể nhìn qua cửa sổ bỏ ngõ: bóng tối từ bên ngoài phả vào mặt ông một làn không khí mơn man, ông thấy chòm một cây cọ già đang đung đưa và xõa các tàu lá trên một bầu trời đầy sao, do đó các tàu lá tưởng chừng như to lớn kinh khủng và ông thấy vọng lại cả tiếng biển reo đều đều, xa xôi... Trong phòng đọc sách báo ấm cúng và yên tĩnh chỉ có ánh đèn sáng trên những mặt bàn và chỉ có một người Đức đầu bạc nào đó đang đứng giờ mấy tờ báo kêu loạt soạt. Ông ta trông giống Ibsen ⁽⁹⁰⁾ đeo kính tròn gọng bạc, đôi mắt ông ta điên dại, trở lên sừng sốt. Quý ông từ San Francisco tới nhìn ông người Đức ấy một cách lạnh nhạt, đoạn ngồi vào một chiếc ghế bành bằng da thật sâu đặt trong góc phòng cạnh một cây đèn có chụp đèn màu xanh lá cây, lấy kính không gọng ra kẹp vào mũi, đoạn dướn cái cổ đang bị cổ áo thít chặt, mở rộng tờ báo ra khiến toàn thân ông bị che khuất. Ông lướt qua đầu đề một vài bài báo, đọc vài dòng về cuộc chiến tranh đang kéo dài liên miên ở vùng Balkan và trong khi đang lật trang báo với một cử động quen thuộc,

ông bỗng thấy những dòng chữ tự đứng bồng lóe lên trước mắt ông như qua một tấm kính, rồi ông thấy cổ của mình bị kéo căng ra, mắt lồi lên, chiếc kính không gọng tuột khỏi sống mũi... Ông bổ choàng về phía trước, định hóp lấy một ngụm không khí, thì lại khò khè lên một cách dữ dội, quai hàm dưới của ông trĩ xuống, lộ rõ mồm ông vàng chóc đầy răng vàng, đầu ông ngoẹo sang ngật ngưỡng ở một bên vai, ngực áo sơ mi ông phồng lên thành một cái hộp, - và toàn thân quần quai, hai đế giày đập xuống thảm, ông bò lăn bò quàng trên sàn, vật lộn quyết liệt với một kẻ nào đó.

Nếu như trong phòng đọc sách báo không có cái ông người Đức ấy, thì ở khách sạn người ta đã có thể mau lẹ và khéo léo xí xóa cái sự kiện khủng khiếp này bằng cách chạy ngay lại, tóm lấy chân lấy đầu quý ông từ San Francisco đến mà phóng ra lối cửa sau, đưa ông đi đâu đó xa hơn một chút, - thế là các khách khứa sẽ không một ai có thể biết được ông đã gây ra chuyện gì ở đây. Thế nhưng cái ông người Đức lại chạy bổ ra khỏi phòng đọc kê toáng lên, khiến cho cả nhà, cả buồng ăn đều nhốn nháo hết. Rồi có nhiều người đang ăn cũng nhảy chồm lên đánh đổ cả ghế, nhiều người tái mặt đi, chạy lại phía phòng đọc, hỏi rộn lên bằng mọi thứ tiếng: “Cái gì thế, cái gì xảy ra thế?”, - và chẳng ai trả lời được rõ ra sao cả, chẳng ai biết gì sất, bởi vì cho tới tận bây giờ người ta vẫn chỉ càng ngạc nhiên hơn, nhất quyết không tin vào sự chết chóc. Ông chủ khách sạn thì chạy vạy hết vị khách nọ đến vị khách kia, những vị nào bỏ chạy thì ông cố giữ chân họ lại và làm họ yên lòng bằng những lời đoan chắc vội vã rằng sự thể chỉ có thể thôi, chỉ có một quý ông từ San Francisco tới bị ngất xỉu tí chút chứ có gì đâu... Nhưng chẳng ai nghe ông ta cả, nhiều người đã trông thấy những anh hầu bàn và những bác trực hành lang giật bỏ cà vạt, gilê, chiếc áo *smoking* nhàu nát cho cái quý ông đó, và thậm chí chẳng hiểu sao họ lại tháo cả đôi giày khiêu vũ ra khỏi đôi chân đi tất lụa đen có những bàn chân dẹt của ông ta nữa. Còn ông ta thì vẫn giãy giụa. Ông ta kiên trì vật lộn với cái chết, quyết không chịu khuất phục nó, dù cho nó đã ập đến với ông một cách bất ngờ và thô bạo đến như vậy. Ông lắc lắc cái đầu, khò khè như bị cắt tiết, mắt trợn trừng như một kẻ say rượu... Khi người ta vội vã khiêng ông và đặt ông lên giường trong buồng số bốn mươi ba, - một căn buồng ngủ nhỏ nhất,

xoàng nhất, âm thấp và lạnh lẽo nhất ở cuối hành lang nhà dưới, - thì cô con gái mới chạy tới, tóc buông lơi, ngực để hở với chiếc nịt vú độn cao, rồi đến bà vợ to béo, nặng nề đã phục sức tề chỉnh để ăn bữa chiều, miệng bà há hốc vì khùng khiếp... Thế nhưng đúng lúc ấy ông ta đã không lúc lắc được cả cái đầu nữa rồi.

Mười lăm phút sau mọi sự trong khách sạn cũng tạm ổn. Song buổi tối đó đã bị phá hỏng không sao cứu vãn được. Một vài người trở lại phòng ăn để ăn cho xong bữa, nhưng lặng lẽ, tỏ vẻ phật ý ra mặt, trong khi đó ông chủ lúc thì đến gặp người này, lúc thì đến gặp người kia, nhún vai tỏ vẻ bực dọc một cách bất lực nhưng lịch thiệp, tuy chẳng có lỗi gì nhưng lại cảm thấy có lỗi, cam đoan với mọi người là mình thừa hiểu rằng “câu chuyện thật bực mình”, và hứa hẹn là sẽ dùng “mọi biện pháp mà mình có thể làm” để giải quyết cái chuyện bực mình đó; ông đành phải bãi bỏ tiết mục nhảy *tarantela*, đèn điện chỗ nào thừa phải tắt bớt đi, khách khứa phần lớn bỏ ra phố, ra quán bia, và trong khách sạn đêm ra tĩnh mịch đến nỗi nghe rõ cả tiếng đồng hồ tích tắc trong tiền sảnh, ở đó chỉ có mỗi mình con vẹt là còn đang lục sục trước khi ngủ, nó máy móc lắm bẫm cái gì đó, tìm ra một phương pháp kỳ cục là đeo một chân lên chiếc que ngang phía trên mà ngủ... Quý ông từ San Francisco tới nằm trên một cái giường sắt rẻ tiền, mình đắp mấy tấm chăn len thô được mờ mờ chiếu sáng bởi một chiếc vò khí đốt ở trên trần. Chiếc túi chườm nước đá thông xuống vàng trán ướt và lạnh ngắt của ông. Bộ mặt tím lịm không còn sinh khí nữa đang nguội lạnh dần, tiếng khò khè bật ra từ cái mồm há hốc loang loáng ánh răng vàng cũng yếu dần. Người đang khò khè này là một ai khác chứ không phải quý ông từ San Francisco đến, - ông ta đâu có còn nữa. Bà vợ, cô con gái, ông bác sĩ, một cô sen đang đứng nhìn ông. Bỗng nhiên điều mà họ chờ đợi và sợ hãi đã diễn ra - tiếng khò khè đã dứt. Và rồi dần dần, dần dần, - ngay trước mắt mọi người, - màu tái lan trên khuôn mặt người đã chết, nét mặt ông ta hoá ra lại rõ rệt hơn, sáng sủa hơn trong một dung nhan đẹp đẽ từ lâu đã từng xứng hợp với ông ta.

Ông chủ bước vào. "*Già é morto*" (91), bác sĩ thì thầm nói với ông. Ông chủ nhún vai, nét mặt thản nhiên. Nước mắt lặng lẽ chảy trên má bà nhà ta. Bà ta tiến lại gần ông chủ, rụt rè bảo rằng bây giờ phải đưa người quá cố lên buồng cũ

-Ồ không, thưa bà, - ông chủ bác bỏ một cách vội vã, tuy nghiêm chỉnh nhưng không còn chút nhã ý nào và bằng tiếng Pháp chứ không phải bằng tiếng Anh nữa, bởi vì giờ đây các vị khách từ San Francisco tới đã có thể để lại cho ngân quỹ của ông những khoản tiền nhỏ mọn khiến ông chẳng thích thú gì. - Điều đó hoàn toàn không thể được, thưa bà, - ông ta nói đoạn giải thích thêm rằng ông rất quý trọng mấy căn buồng đó, rằng nếu như ông ta chiều theo ý của bà thì cả cái đảo Capri này đều biết chuyện và rồi các du khách sẽ tránh không thuê những căn buồng ấy nữa.

Cô nhà ta thì cứ ngó nhìn ông chủ hoài nghi với vẻ lạ lùng, và nghe ông ta nói vậy bèn ngồi xuống ghế, lấy khăn mùi xoa bưng miệng khóc lên rưng rức. Mặt bà nhà ta liền đỏ lên tưng bừng, nước mắt ráo hoảnh. Bà cất cao giọng đòi thế này thế khác, vẫn nói bằng thứ ngôn ngữ của mình, và vẫn còn chưa tin rằng người ta đã mất hết lòng kính trọng đối với gia đình mình rồi. Với giọng trang trọng mà lễ phép, ông chủ vẫn dồn ép bà, bảo rằng: nếu bà không bằng lòng với những lễ thói của khách sạn thì ông ấy chả dám giữ; rồi ông ta tuyên bố như đinh đóng cột rằng thi thể phải được chở đi ngay hôm nay vào lúc rạng đông, rằng cảnh sát đã được phi báo, rằng đại diện cảnh sát sẽ đến bây giờ và sẽ làm những thủ tục cần thiết... Ở Capri có thể kiếm đâu được một cỗ quan tài dù là loại bình thường đã đóng sẵn không, quý bà hỏi thế chẳng? Rất tiếc là không, không sao kiếm được, còn như đóng cỗ quan tài mới thì cũng chẳng ai làm kịp. Vậy thôi phải tìm cách nào đó khác hơn... Chẳng hạn như người ta thường chở nước *xôđa* Ănglê đến bằng những chiếc hòm lớn mà dài... có thể lấy mấy tấm ván từ một trong những chiếc hòm đó...

Đêm đến, khách sạn đều yên giấc cả rồi. Ở buồng số bốn mươi ba, người ta mở cửa sổ ra, - cửa sổ trông ra một góc vườn, ở đây có một bức tường đá cao bên trên cắm đầy mảnh thủy tinh, phía dưới tường mọc một cây chuối

còi cọc, - người ta tắt điện, khoá chặt cửa rồi bỏ đi. Người chết ở lại trong tấm tối, từ trên trời những ngôi sao xanh ngắt nhìn xuống ông ta, trên tường một con dế kêu lên ti ti, vô tư lự mà buồn rầu... Ở hành lang, dưới ánh sáng lờ mờ, hai cô hầu buồng ngồi trên bậu cửa sổ khêu vá gì đó. Bác Luidgi bước vào, chân đi giày mềm, tay ôm một đồng quần áo.

- *Pronto?* (Sẵn sàng rồi chứ?) - bằng giọng thì thầm âm vang, bác ta hỏi với vẻ sẵn sóc, đưa mắt chỉ cái khung cửa để sợ phía cuối hành lang. Rồi bác đưa cánh tay để không lên, nhẹ nhàng ngoáy một cái về phía đó, - *Partenza!* ⁽⁹²⁾ - bác khẽ hô lên như khi đưa tiễn một đoàn tàu lửa vậy, bởi vì ở Ý người ta thường hò lên như thế ở các sân ga mỗi khi có đoàn tàu chuyển bánh, - thế là các cô hầu buồng cứ gục đầu lên vai nhau mà cười sặc sụa không thành tiếng.

Sau đó bác nhẹ nhẹ nhảy chân sáo chạy đến sát tận cửa, khẽ gõ một tiếng rồi ngoẹo cổ, se sẽ hỏi với vẻ rất mực cung kính:

- *Ha sonato, signore?*

Rồi tự bóp cổ họng, trề hàm dưới ra, cất lên một giọng the thé, từ tốn và buồn rầu, bác tự trả lời mình hệt như từ phía sau cửa vọng ra:

- *Yes, come in...*

Tới lúc rạng đông, khi ở ngoài ô cửa sổ buồng số bốn mươi ba trời đã sáng ra và làn gió ấm đã xào xạc lay những tàu lá chuối rách bươm, khi bầu trời xanh ban mai đã nổi lên và trải rộng trên đảo Capri, đỉnh núi Monte Soliaro sạch sẽ và rõ nét đã nhuộm ánh vàng trước ánh mặt trời đang nhô lên từ phía sau những dãy núi xa xanh của Ý, khi những người thợ xây đã đi tìm để sửa những con đường nhỏ cho du khách đi lại trên đảo, - thì người ra đem đến buồng số bốn mươi ba một chiếc hòm dài vốn để chở nước xôđá. Chẳng mấy chốc chiếc hòm ấy đã trở nên nặng trĩu - rồi nó đè chặt lấy hai đầu gối của cậu canh cửa được giao nhiệm vụ mau chóng chở nó đi trên chiếc xe một ngựa men theo con đường cái trắng xoá vòng vèo tới lui trên những triền núi Capri, len lỏi giữa những dãy tường vây bằng đá và những vườn nho, mỗi lúc một xuôi dần xuống tới tận biển. Bác xà ích người lừ đừ, đôi mắt đỏ ngầu, bận chiếc áo véttông nhỏ bé, cũ kỹ, tay áo ngăn ngùn,

chân đi đôi giày gỗ đã mòn vẹt. Bác ta, vừa nhậ nhệt xong, - cả đêm bác ta đánh thò lò trong quán rượu, - nên bác luôn tay ra roi quất vào con ngựa nhỏ nhưng chắc nịch của mình, một con ngựa được trang điểm theo kiểu Sicilia, luôn rối rít rung vang mọi chiếc nhạc treo ở dây cương có đeo ngù len sặc sỡ và treo cả ở những móm nhọn của một bộ yên cao bằng đồng. Con ngựa còn có một chiếc lông chim dài tới một *arsin* cắm trên bờm trán đã được xén gọn và luôn ve vẩy mỗi khi nó chạy. Bác xà ích trầm ngâm, bác còn ủ ê về cảnh trác táng, về những thói hư tật xấu của mình, - cụ thể là về việc đêm qua bác đã đánh bạc thua hết sạch số tiền công cuối cùng của mình, các túi của bác đầy tiền mà nay đều lép kẹp. Thế nhưng buổi sáng ấy mát mẻ, trong bầu không khí như vậy, ở giữa biển, dưới bầu trời ban mai, hơi men chẳng mấy chốc đã tan đi và cái vô tư chẳng mấy chốc đã trở lại với bác xà ích, vả chẳng bác cũng được an ủi ở chỗ là mình bỗng dưng được một món tiền công sá của cái quý ông nào đó từ San Francisco tới, hiện đang lúc lắc cái đầu đã chết của mình trong cái hòm sau lưng bác... Một chiếc tàu nhỏ bé hệt như một con bọ dừa nằm xa xa ở phía dưới, trên một khoảng xanh biếc mịn màng và rạng rỡ đang trải ra rộng khắp và phủ kín cái vịnh Napoli này. Những hồi còi cuối cùng của con tàu ấy đã nổi lên và vang vọng một cách sáng khoái trên khắp hòn đảo, mà lúc này dù đứng ở đâu ta cũng đều trông thấy rõ được từng đường cong uốn lượn, từng đỉnh núi, từng tảng đá, hệt như không còn tí không khí nào cả. Một chiếc ô tô phóng nhanh đã bắt kịp cậu canh cửa chờ xe ngựa ở gần bến, trên ô tô người ta thấy cô nhà ta và bà nhà ta mặt tái xanh, mắt hờm sâu vì đã tuôn bao dòng lệ và đã mất ngủ trong đêm thâu. Rồi mười phút sau, con tàu nhỏ lại bắt đầu khua động làn nước biển và lại chạy về Sorrento và Castelamare, chở cái gia đình từ San Francisco tới ấy vĩnh viễn rời khỏi Capri... Và hoà bình, yên tĩnh lại được khôi phục trên đảo.

Cách đây hai nghìn năm trên hòn đảo này đã từng sống một con người hoàn toàn chìm đắm trong những hành vi tàn ác và bẩn thỉu của mình, một con người không hiểu vì đâu mà đã từng ngự trị hàng triệu sinh linh, một con người mà chính bản thân ông ta cũng đã quẫn trí về cái vô nghĩa của quyền lực ấy và luôn sợ rằng có ai đó sẽ ám sát mình, nên đã làm đủ mọi sự

tàn bạo vượt qua bất kỳ mức độ nào. Loài người đời đời nhớ đến ông ta, và ngày nay trên toàn thế giới còn có cả những người về tổng thể là chưa hiểu hết, mà về thực chất là cũng đang thống trị và cũng tàn bạo như ông ta, đều cũng từ khắp nơi trên toàn cầu vẫn thường đến đây để xem di tích ngôi nhà bằng đá ông ta đã từng ở trên một vách núi cheo leo nhất trên đảo. Trong cái buổi sáng tuyệt vời ấy, tất cả những ai đã đến Capri chỉ vì mục đích nói trên đều hãy còn đang ngủ trong khách sạn, mặc dù lúc bấy giờ những con la nhỏ bé màu lông chuột trắng yên đỏ đã được giong đến cổng các khách sạn để những người Mỹ, những người Đức, nam có, nữ có, già có, trẻ có, lại sẽ cười lên lưng chúng sau khi đã tỉnh dậy và đã ăn uống no say, và để cho những bà già ăn mày ở Capri với những chiếc gậy trong những bàn tay khẳng khiu lại sẽ phải chạy theo la mà ruồi chúng trên những con đường hẻm, lên tới trên núi, cho tới tận đỉnh núi Monte Tiberio. Biết rằng ông già từ San Francisco tới vốn định cùng đi với họ, nhưng nay ông đã chết rồi và thay vì ông ta chỉ khiến họ khiếp sợ khi nghĩ đến cái chết thì nay đã được đưa đi Napoli rồi, các du khách bèn yên chí ngủ say, do đó trên đảo vẫn còn yên ắng, các cửa hiệu trong thị trấn vẫn còn đóng cửa. Chỉ có mỗi cái chợ trên một bãi nhỏ hẹp là đã bắt đầu mua bán cá và rau, và ở đó rất là những người dân thường, trong số đó, như bao giờ hết, vẫn có bác Lorenzo đứng chơi không. Bác ta là một ông già chèo thuyền vóc cao lớn, thích rong chơi vô tư lự và đẹp mã nổi tiếng khắp Ý, đã nhiều lần làm mẫu vẽ cho nhiều họa sĩ. Bác ta đã đem đến và đã bán với giá rẻ mạt hai con tôm hùm mà bác mới bắt được hồi đêm (hai con tôm đó đã khua lạo xạo trong chiếc tạp dề của bác đầu bếp ở chính cái khách sạn mà gia đình từ San Francisco tới đã trọ đêm qua), do đó giờ đây bác ta có thể yên chí đứng chơi dù cho đến tận chiều tối, và bác đưa mắt nhìn quanh với vẻ kiêu sa, phô trương bộ quần áo rách mướp của mình cùng với chiếc tẩu bằng đất sét và chiếc mũ nồi len màu đỏ đội lệch xuống một bên tai. Còn bên bờ dốc dựng đứng của quả núi Monte Soliaro, theo con đường hẻm của người Phoenicia (93) thời xưa được xẻ giữa hai vách đá, lần theo những bậc đá, người ta thấy có hai người dân vùng núi Abruzzio đang từ Anacapri đi xuống. Một người mặc áo tơ bằng

da thối một chiếc khèn bọng, - gồm một túi da dê to tương với hai ống sáo, còn người kia thì thối một nhạc cụ gì đó như kiểu một ống tiêu bằng gỗ. Họ tiến bước - và toàn bộ cái đất nước vui tươi, tuyệt diệu, chói nắng ấy trải ra dưới chân họ: cả những cái bướt bằng đá của hòn đảo mà hầu như toàn bộ diện tích đảo đều nằm dưới chân chúng, cả cái khoảng xanh thần tiên mà hòn đảo đỏ đang tắm mình, cả những làn hơi nước ban mai rục rờ trên mặt biển về phía đông dưới ánh mặt trời chói chang đang mỗi lúc một lên cao và đã bắt đầu đem lại cái nóng nực, cả những dãy núi xanh ngắt mù sương còn rung rinh trong lúc ban mai, những dãy núi gần cũng như xa của cái nước Ý này mà vẻ đẹp là không sao tả xiết được bằng tiếng nói con người. Đi được nửa đường thì họ bước chậm lại: trên đường đi, trong một hốc ở vách núi Monte Soliaro có một bức tượng Đức Mẹ được ánh nắng mặt trời soi sáng toàn bộ và toàn bộ đứng trong cái ấm áp và cái chói lói của ánh sáng mặt trời. Đức Mẹ mặc xiêm áo bằng thạch cao trắng phau phau, đội một chiếc vương miện đã ố vàng do dầm mưa dãi nắng. Trông Người hiền hậu, nhân từ, cặp mắt ngược nhìn trời, ngược nhìn lên những đấng vĩnh hằng và phiêu diêu của đứa con trai của Người đã từng ba lần được ban phước lạ. Hai người dân vùng núi Abruzzio ngả mũ, đưa những chiếc sáo, chiếc tiêu lên môi, - và thế là người ta thấy tuôn trào những khúc vừa hồn nhiên, vừa hiền lành, lại vừa mừng vui ca ngợi mặt trời, ca ngợi buổi sáng, ca ngợi Người, ca ngợi Đức Mẹ trinh khiết vẹn toàn đã bênh vực cho mọi kẻ khổ đau trong cái thế giới độc ác và tuyệt vời này, và ca ngợi đứa con đã từ Người mà lọt lòng ra trong hang đá Bethlehem ⁽⁹⁴⁾, trong một nơi nường náu nghèo nàn của người chăn cừu, ở xứ Judea ⁽⁹⁵⁾ xa xôi...

Còn thi hài của ông già từ San Francisco tới thì đang trên con đường về nhà, về nơi mồ yên mả đẹp, về với bến bờ của Thế giới mới. Sau khi đã chịu nhiều nỗi nhục nhã, nhiều cảnh khinh khi của con người, trải qua một tuần lễ lang thang hết kho cảng này đến kho cảng khác, cuối cùng thi hài lại rơi đúng vào chính con tàu nổi tiếng mà chỉ cách đó không lâu nó đã chở ông ta sang Thế giới cũ một cách trọng vọng. Thế nhưng giờ đây, người ta đã giấu không cho những người đang sống biết đến ông, - người ta vùi sâu

ông vào một chiếc quan tài tấm nhựa mà đưa xuống hầm tàu đen ngòm. Rồi một lần nữa, một lần nữa con tàu lại đi vạn dặm trùng dương. Đến đêm nó chạy sát qua đảo Capri, những ánh đèn của nó buồn thiu và từ từ khuất trong vùng biển tối tăm trong con mắt ai đứng trên đảo dõi nhìn theo. Song, ngay trong đêm ấy, ở trên tàu, trong những căn phòng ốp lát đá hoa sáng choang và rực rỡ với những chiếc đèn chùm, vẫn có vũ hội đông người như thường lệ.

Rồi cả đêm hôm sau, và đêm hôm sau nữa, con tàu vẫn đi, - và nó lại đi trong cơn bão tuyết điên cuồng tràn qua đại dương lúc ấy đang hú vang như một buổi lễ Misa an táng ⁽⁹⁶⁾ khi nó đang trôi dạt giữa những núi sóng đầu phủ khăn xô trắng xoá. Vô vàn những con mắt lửa của con tàu chỉ thấy thấp thoáng ẩn hiện dưới làn tuyết trắng trong con mắt của Quý dữ đang nấu mình trên những vách núi ở Gibraltar, trên cái cổng đá giữa hai thế giới này mà dõi nhìn theo con tàu đang mất hút trong đêm sâu và trong bão tuyết. Quý dữ to sừng sững như một mỏm núi, nhưng con tàu còn to hơn nó, con tàu có nhiều tầng, nhiều ống khói, là tác phẩm của niềm kiêu hãnh của Con Người Mới với trái tim cũ. Bão tuyết dồn dập quật vào những dây nhợ và những ống khói loe to phủ dày tuyết trắng xoá của con tàu, nhưng nó vẫn vững vàng, chắc chắn, oai nghiêm và đáng sợ. Trên tầng mái cao nhất, người ta thấy đơn độc nhô lên trong bão tố mấy căn buồng ấm cúng với ánh sáng mờ mờ, và ở nơi đây con người béo phịch phịch ấy đang điều khiển con tàu, mặc dầu chìm đắm trong cảnh mơ màng nhạy bén và chập chờn, nhưng ông ta vẫn chế ngự toàn bộ con tàu, hết như một ngẫu thần vậy. Ông ta vẫn nghe thấy chiếc còi tàu bị bão tố bóp nghẹt đang rít lên những tiếng rên rỉ náo nùng và điên dại, nhưng ông ta vẫn tự an ủi vì thấy mình vẫn gắn bó với những gì đang diễn ra ở bên kia vách, mặc dù rút cục chính bản thân ông cũng không hiểu rõ điều đó là do đâu. Trong căn phòng lớn tuồng như đã được bọc thép ấy người ta thấy chốc chốc lại vang lên những tiếng ầm ì, những âm thanh rộn ràng bí hiểm và những tiếng lách tách khô khan của những ánh lửa xanh lập loè bao quanh một điện báo viên mặt tái nhợt, đeo một vành kim loại ở trên đầu. Ở phía dưới cùng của chiếc “Atlantida”, trong

lòng tàu ngấp sâu dưới nước, người ta thấy những khối đồ sộ nặng hàng vạn cân của những nồi hơi và đủ thứ máy móc khác đang mờ mờ ánh lên màu thép, đang khò khè xì hơi, đang rỉ nước sôi và dầu mỡ ra trong cái bếp núc được nung nấu, hun đốt bằng những lò lửa của hoả ngục để đem lại sự chuyển động cho con tàu. Từ đây những lực được tập trung ghê gớm đã sôi sục truyền ngay vào sống tàu, toả vào một căn hầm dài vô tận, vào một đường *tuy-nen* (97) tròn với ánh điện chiếu mờ mờ, mà ở đó, hết như trong một họng súng đại bác, giữa lòng súng đầy dầu nhớt, một chiếc trục khổng lồ đang từ từ quay với một sự thư thái chắc nịch khiến con người phải táng đờm kinh hồn, khác nào đứng trước một con quái vật dài đườn đang sống động trong cái *tuy-nen* ấy. Vậy mà ở phần giữa của chiếc “Adantida”, những phòng ăn và phòng vũ hội đang tuôn trào ánh sáng và niềm vui, đang râm ran tiếng nói cười của đám người ăn mặc bánh bao, đang sức nức mùi hương của những đóa hoa tươi, đang réo rắt âm thanh của dàn nhạc đàn dây. Rồi người ta lại thấy đôi tình nhân thuê mướn tinh tế và mềm mại uốn lượn khổ sở và thỉnh thoảng lại chập lại với nhau một cách đột ngột giữa cái đám người ấy, giữa cảnh choáng lộn của những ngọn đèn, của những lụa là, kim cương và của các đôi vai trần của các bà các cô.

Đó là một cô gái hết sức bình thường với hai làn mi buông xuôi, với mái tóc búi chải một cách ngây thơ, và một chàng thanh niên với mái tóc đen kịt như được dán lên đầu, mặt trắng bệch do đánh phấn, đi một đôi giày *vecni* cực kỳ thanh nhã, mặc một chiếc áo đuôi tôm chèn thân có những vạt dài, - một chàng thật đẹp trai, nhưng trông hết như một con đĩa lớn.

Nhưng nào có ai biết rằng từ lâu cái đôi trai gái này đã quá ngán ngấm vì cứ phải giả vờ tự giỡn vặt mình bằng một nỗi đau khổ khoái trá trong tiếng nhạc buồn mà trơ trên ấy, và cũng nào có ai biết rằng ở rất sâu, rất sâu dưới chân mình, tận đáy hầm tàu tăm tối, có một chiếc quan tài đang nằm kề với lòng tàu ảm đạm và nóng bức, trong khi con tàu đang nặng nhọc vượt qua bóng tối, đại dương và bão tuyết...

Tháng 10 năm 1915

Hơi thở nhẹ

Trong nghĩa trang, trên một mô đất sét mới tinh khô, người ta thấy vừa dựng lên cả một cây thánh giá bằng gỗ sồi chắc chắn, nặng nề và nhẫn nại.

Tháng tư vẫn còn là những ngày xám xịt, nên xuyên qua những cây cối trơ trụi lá, từ xa có thể trông thấy những mộ chí trong khu nghĩa trang hàng huyết rộng rãi này, và thấy gió lạnh thổi lan canh một vành hoa tang bằng sứ đặt ở chân bệ thánh giá.

Chính trên cây thánh giá có gắn một tấm phù điêu tròn (98) khá lớn bằng sứ, bên trong là ảnh chân dung một cô nữ sinh trung học với cặp mắt tươi vui và cực kỳ linh lợi.

Đấy là Olia Meserskaia.

Khi còn là cô bé con, cô cũng chẳng có gì nổi bật trong đám nữ sinh mặc những chiếc váy đồng phục bé tí xiu màu nâu cả. Phải chăng điều có thể nói về cô lúc bấy giờ, ngoài điểm cô là trong số những bé gái xinh tươi, khá giả và hạnh phúc ra, là cô học khá, chỉ phải cái thích nô đùa và rất ít khi chịu theo đúng những điều chỉ bảo của bà giáo chủ nhiệm lớp? Rồi sau, bắt đầu nở bừng như một đóa hoa, cô phát triển không phải từng ngày mà từng giờ. Năm 14 tuổi, chẳng những có vòng eo thon thả và đôi chân đều đặn, mà ở cô còn nổi lên đẹp đẽ cặp vú và cả những đường nét mà lời nói con người chưa từng bao giờ có thể lột tả được hết sức quyến rũ của chúng. Và đến tuổi 15, cô đã nổi tiếng là một cô gái đẹp. Một vài đứa bạn gái của cô chải búi đầu tóc cẩn thận xiết bao, ăn vận chỉnh tề và giữ gìn cử chỉ thận trọng xiết bao! Nhưng cô thì chẳng e sợ gì, kệ cho có vết mực dây ra ngón tay, kệ cho mặt đỏ gay gắt, đầu tóc rối bù, và khi chạy ngã chân hở ra quá đầu gối cô cũng mặc. Tuy chẳng phải chăm sóc hay cố gắng đặc biệt gì, trong hai năm qua tất cả những gì đã khiến cô nổi bật lên trong toàn trường dường như đã đến với cô một cách hết sức tự nhiên: nào là duyên dáng, thanh lịch, yếu điệu và cặp mắt sáng long lanh. Trong các cuộc vũ hội chẳng ai nhảy đẹp bằng Olia Meserskaia, chẳng ai trượt băng nhanh như cô, trong vũ hội

cũng chẳng ai được sẵn đón nhiều như cô, và cũng chẳng hiểu vì sao chẳng ai được các lớp dưới yêu chuộng bằng cô. Cô đã thoát trở thành thiếu nữ lúc nào không hay, và danh tiếng của cô ở trong trường học cũng càng thêm vững chắc một cách không ngờ. Nhưng đồng thời cũng đã lại có nhiều tiếng xì xào rằng tính cô nông nổi không thể sống thiếu những kẻ say mê ngưỡng mộ mình, và rằng có cậu học sinh tên là Shenshin đã yêu cô như điên đổ, hình như cô cũng yêu cậu ta nhưng cách cô đối xử lại dễ thay lòng đổi dạ khiến cậu ta phải đi đến chỗ quyên sinh...

Trong trường người ta bàn tán rằng trong mùa đông cuối cùng vừa qua của mình Olia Meserskaia đã phát điên lên vì vui sướng. Mùa đông ấy có tuyết rơi, nắng đẹp, giá lạnh, mặt trời thường sớm hạ xuống khuất mình sau ngọn thông cao vút trong vườn trường tuyết phủ, mặt trời ấy đã thường xuyên đem lại cảnh đẹp trời, chứa chan ánh sáng và đầy hứa hẹn rằng cả sáng mai cũng vẫn sẽ có giá rét, sẽ nắng, sẽ có cuộc dạo chơi trên phố Sobornaia (99), sẽ có sân băng trong công viên thành phố, sẽ có buổi chiều màu hồng, sẽ có âm nhạc và lại là âm nhạc tỏa ra mọi phía cho tất cả đám đông đang trượt băng, mà trong đám ấy có lẽ Olia Meserskaia sẽ là người vô tư lự nhất, hạnh phúc nhất. Ấy vậy mà có một hôm, vào giờ ra chơi chính (100), trong khi Olia đang bị những nữ sinh lớp Một sung sướng hò reo đuổi theo mà lao người chạy như một cơn lốc trong phòng tập hợp chung, thì cô đột nhiên bị gọi lên gặp bà hiệu trưởng. Đang chạy cô dừng ngay lại, chỉ hít một hơi dài, rồi bằng động tác nhanh nhẹn và rất quen thuộc của phụ nữ cô sửa lại mái tóc, kéo vương vãn lại góc chiếc áo yếm đồng phục nữ sinh, rồi chạy lên tầng trên với cặp mắt ngời sáng. Bà hiệu trưởng còn khá trẻ nhưng tóc đã bạc, đang bình tĩnh ngồi đan đằng sau một chiếc bàn viết đặt dưới bức chân dung Sa hoàng.

- Chào *mademoiselle* (101) Meserskaia, - bà nói tiếng Pháp, mắt vẫn không rời bộ đồ đan. - Rất tiếc đây chẳng phải là lần đầu tiên tôi buộc phải gọi cô lên để nói chuyện về hạnh kiểm của cô.

- Em nghe, thưa *madame* (102), - Meserskaia đáp rồi tiến lại gần bàn, nhìn bà hiệu trưởng bằng cặp mắt trong sáng và lạnh lợi nhưng nét mặt vẫn

chẳng biểu lộ gì, rồi ngồi xuống ghế với kiểu cách nhẹ nhàng và yếu điệu mà dường như chỉ có cô là biết ngồi như vậy.

- Cô sẽ khó tiếp thu lời tôi nói đấy, rất tiếc là tôi đã tin chắc như thế, - bà hiệu trưởng nói rồi kéo sợi len trên sàn đánh *vecni* láng bóng mà quẩn thành cuộn khiến Meserskaia phải tò mò ngó nhìn. Đoạn bà đưa mắt nhìn lên.

- Tôi sẽ không nhắc lại nữa và cũng chẳng nói dài dòng làm gì, - bà bảo vậy.

Meserskaia rất thích cái căn phòng lớn mà cực kỳ sạch sẽ này, ở đây thấy rất dễ thở trong những ngày giá lạnh do cái hơi ấm tỏa ra từ chiếc lò sưởi Hà Lan bóng loáng và do mùi hương tươi mát của hoa linh lan trên bàn viết. Cô ngó nhìn lên vị Sa hoàng trẻ tuổi được vẽ toàn thân trong khung cảnh một sảnh đường lộng lẫy nào đó, rồi cô ngó nhìn cả đường ngôi đều đặn giữa mái tóc màu sữa được uốn chải rất chín chu của bà hiệu trưởng, lặng lẽ chờ đợi.

- Cô không còn là một cô bé con nữa rồi, - bà hiệu trưởng nói ý nhị xa xôi, mà trong lòng bà đã bắt đầu ngấm ngấm bực bội.

- Thưa *madame*, vâng ạ, - Meserskaia đáp một cách đơn giản, thậm chí còn vui vẻ nữa.

- Nhưng đồng thời lại vẫn chưa phải là một người phụ nữ, - bà hiệu trưởng càng nói ý nhị hơn, khuôn mặt nhợt nhạt của bà có phần ửng đỏ lên.

- Trước hết, - cô làm đầu tóc kiểu gì gì vậy? Đấy là kiểu đầu tóc của phụ nữ!

- Thưa *madame*, tóc em đẹp thì em đâu có lỗi ạ, - Meserskaia đáp, đưa cả hai tay chạm lên mái tóc chải chuốt đẹp đẽ của mình.

- Ái chà, cô không có lỗi, thế đấy! - bà hiệu trưởng nói. - Cô không có lỗi trong việc làm đầu tóc, không có lỗi trong những chiếc lược đắt tiền ấy, không có lỗi trong việc làm bố mẹ mình khánh kiệt vì những đôi giày đến hai chục rúp! Không đâu, tôi nhắc lại cho cô biết rằng cô đã hoàn toàn quên rằng hiện thời mình vẫn chỉ là một nữ sinh trung học.

Thế là Meserskaia, vẫn không đánh mất vẻ giản dị và bình tĩnh, đột nhiên lễ phép cắt ngang lời bà:

- Xin lỗi bà, thưa *madame*, bà lầm rồi: em đã là phụ nữ rồi chứ ạ. Còn người có lỗi trong chuyện này - bà có biết là ai không? Là người bạn và người hàng xóm của bố em, lại là em trai của bà tên gọi Alexei Mikhailovich Maliutin đấy ạ! Chuyện ấy đã xảy ra vụ hè năm ngoái ở quê nhà...

Thế rồi, một tháng sau cuộc nói chuyện này, một sĩ quan Kazak, xấu trai và có vẻ hạ lưu, hoàn toàn không có một chút gì dính líu đến cái giới xã hội của Olia Meserskaia, đã bắt gục cô trên sân ga xe lửa, giữa một đám rất đông người vừa xuống tàu. Và lời thú nhận khó tin của Olia Meserskaia khiến cho bà hiệu trưởng phải rụng rời hôm ấy nay đã hoàn toàn được chứng thực: viên sĩ quan đã khai với ông dự thẩm Tòa án rằng Meserskaia đã quyến rũ anh ta, đã đi lại với anh ta, đã thề thốt sẽ làm vợ anh ta, vậy mà, vào cái hôm gây án giết người ấy, khi ra tới sân ga tiễn anh ta đi Novotserkassk, cô lại đột ngột bảo anh ta rằng cô chưa bao giờ tính chuyện yêu đương anh ta, và theo lời anh ta thì tất cả những chuyện về cưới xin ấy của cô chỉ hoàn toàn nhằm nhạo báng anh ta, và chính cô đã đưa cho anh ta đọc một trang nhật ký nhỏ mà cô đã viết về anh ta.

- Tôi lướt đọc những dòng này, và ngay trên sân ga trong khi cô ta đang dạo bước để chờ tôi đọc xong, tôi đã bắt hạ cô ta, - viên sĩ quan nói. - Cuốn nhật ký ấy đây, ông hãy đọc xem điều gì đã được viết trong ấy vào ngày mồng 10 tháng bảy năm ngoái.

Nhật ký viết như sau: "Bây giờ đã là 2 giờ đêm. Mình đã ngủ thiếp đi, nhưng rồi đã tỉnh dậy ngay... Từ nay mình đã là đàn bà rồi đấy! Bố, mẹ và Tolia đều đã lên thành phố cả rồi, chỉ mình mình ở nhà. Được ở lại một mình, mình sung sướng biết bao! Sáng nay mình ra vườn, ra cánh đồng, ra cả rừng nữa, mình tưởng chừng như trên khắp thế giới này chỉ có mình, và mình nghĩ rằng chưa bao giờ mình sung sướng thế trong đời. Mình ăn trưa một mình, rồi chơi đàn cả tiếng đồng hồ, và với tiếng nhạc mình có cảm giác là mình sẽ sống mãi mãi và sẽ sung sướng hơn ai hết. Sau rồi mình ngủ thiếp đi trong phòng làm việc của bố, đến 4 giờ thì Katia đánh thức mình dậy, bảo rằng có Alexei Mikhailovich đến chơi. Mình rất mừng được thấy ông ấy; được đón tiếp và trò chuyện với ông ấy mình thấy rất dễ chịu. Ông

đến bằng xe do hai con *viatka* (103) kéo, những con ngựa này rất đẹp, chúng cứ đứng chờ suốt ở bên thềm nhà, ông ấy nán lại là do trời mưa, ông ấy muốn là đến chiều khô tạnh thì sẽ ra về. Ông ấy tiếc là không gặp được bố mình, ông ấy rất hoạt bát và đã đối xử với mình trong tư thế một chàng hiệp sĩ, nhiều lần ông nói đùa rằng ông đã phải lòng mình từ lâu rồi. Trước khi uống trà, mình cùng ông ấy dạo chơi ngoài vườn, thời tiết lại vẫn đẹp tuyệt vời, mặc dù trời đã trở lạnh nhưng khắp khu vườn ướn át đều lóe lên ánh mặt trời, ông ấy dặt tay mình đi và bảo rằng ông ấy là Faust cùng đi với Margarita (104). Ông ấy đã 56 tuổi rồi, nhưng người còn rất đẹp và bao giờ cũng ăn mặc sang trọng, - mình chỉ không thích một điều là ông ta đi xe ngựa đến đây mà lại choàng áo *krulátka* (105) - người ông tỏa ra mùi *eau-de-Cologne* (106) Anh, cặp mắt ông thật trẻ trung, đen, còn bộ râu ông tách ra thành hai chòm dài rất duyên dáng và màu trắng bóng như bạc. Khi uống trà chúng mình ngồi ở hàng hiên có kính che chắn, bỗng dưng mình cảm thấy khó ở thế nào ấy liền ngả mình xuống đi-văng, còn ông ấy thì hút thuốc lá, rồi chuyển sang ngồi cạnh mình, lại bắt đầu nói những lời tán tỉnh gì đó, rồi ngấm nghĩa mình và hôn tay mình. Mình lấy khăn choàng lụa che mặt, và ông mấy lần hôn lên môi mình qua chiếc khăn... Bây giờ mình chẳng hiểu sao lúc ấy chuyện lại có thể xảy ra như thế, mình điên lên mất rồi. Chưa bao giờ mình nghĩ mình lại là con người như vậy! Giờ đây mình chỉ còn có một lối thoát... Mình cảm thấy ghê tởm ông ta đến mức không sao chịu nổi!.."

Trong những ngày tháng tư ấy, thành phố trở nên sạch sẽ, khô ráo, những phiến đá lát trắng ra, bước chân lên thấy nhẹ nhõm và dễ chịu. Chủ nhật nào cũng vậy, sau buổi Thánh lễ (107), người ta thấy một người phụ nữ nhỏ nhắn mặc đồ tang, đi găng tay bằng da dê thuộc, mang chiếc dù nhỏ nhắn cán bằng gỗ mun, lần bước theo đường phố Sobornaia mà đi ra ngoài thành phố. Cứ theo đường cái, bà ta đi qua một bãi trống bẩn thỉu, nơi có nhiều lò rèn ám khói đen thui và đang có khí tươi mát từ ngoài đồng thổi về. Quá chút nữa, giữa nam tu viện và đền lao, hiện ra trắng xóa một chân trời đầy mây và xam xám một cánh đồng xuân, rồi sau đó, khi lặn lội qua những vũng nước dưới chân tường tu viện mà rẽ sang trái, ta sẽ thấy một cảnh gì giống như

một khu vườn thật lớn mà thấp, có hàng rào trắng bao quanh, bên trên cổng có đề "Đức Mẹ yên giấc ngàn thu" (108). Người phụ nữ nhỏ nhắn nọ thoáng làm dấu thánh rồi theo thói quen đi theo con đường chính có những hàng cây. Đi đến một tấm ghế dài bằng gỗ đối diện với cây thánh giá bằng gỗ sồi, bà ngồi ngay ra trước gió và khí lạnh của mùa xuân tới một, hai tiếng đồng hồ, chùng nào đôi chân trong đôi giày da nhẹ và bàn tay trong chiếc găng da chạt còn chưa tê cóng lại. Lóng nghe những con chim xuân vẫn hót ní non trong giá lạnh, lóng nghe tiếng gió lạnh canh trong vành hoa bằng sứ, đôi lúc bà nghĩ mình sẵn sàng hy sinh cả nửa đời người để miễn sao trước mắt không còn có cái vành hoa chết chóc ấy nữa. Ôi, cái vành hoa ấy, cái năm đất ấy, cây thập tự bằng gỗ sồi ấy! Có lẽ nào năm dưới những thứ ấy lại là cô bé mà cặp mắt đang bắt tử tỏa sáng long lanh từ tấm phù điêu tròn bằng sứ gắn trên giá chữ thập kia, và làm thế nào người ta lại có thể hoà nhập cái điều khủng khiếp hiện nay đang được gắn cho tên tuổi của Olia Meserskaia với cặp mắt nhìn trong trắng ấy? Thế nhưng trong thâm tâm, người phụ nữ nhỏ nhắn này vẫn thấy mình hạnh phúc như mọi con người trung thành với một niềm mơ ước nồng cháy nào đó.

Người phụ nữ ấy chính là bà giáo chủ nhiệm lớp của Olia Meserskaia, một cô gái già, từ lâu vẫn sống với một huyền tưởng nào đó mà cô đem thay cho đời sống thực của cô. Mới đầu sự huyền tưởng ấy là người anh của cô, một hạ sĩ quan nghèo và chẳng có gì nổi bật, - thế nhưng cô đã đem gán bó toàn bộ tâm hồn mình với cậu ta, với tương lai của cậu ta, mà chẳng hiểu tại sao cô lại cho là xuất sắc. Khi cậu ta bị tử vong ở Mukden (109), thì cô lại tự cho mình là một người lao động có lý tưởng. Cái chết của Olia Meserskaia đã quyến rũ cô bởi một niềm mơ ước mới. Giờ đây Olia Meserskaia là đối tượng của những tâm tư và cảm xúc thiết tha của cô. Ngày lễ lạt nào cô cũng đến thăm mộ Olia, cặp mắt không rời cây thánh giá gỗ sồi trong nhiều tiếng đồng hồ liền và cô luôn nhớ lại khuôn mặt xinh xắn tai tái của Olia Meserskaia lúc đang nằm trong quan tài giữa những đóa hoa tươi, - nhớ lại cả câu chuyện mà một ngày nọ cô đã nghe lỏm được: hôm đó trong giờ ra chơi chính, lúc đang đi dạo trong vườn trường, Olia Meserskaia có liên

thoảng kể với cô bạn gái thân quý của mình là Subbotina, một cô gái người cao và đầy đặn, rằng:

- Bố mình có nhiều sách cổ buồn cười lắm, mình có, đọc được trong một cuốn sách của ông về vấn đề sắc đẹp của phụ nữ phải thế nào... Cậu biết không, ở đây nói đủ thứ chuyện chả làm sao mà nhớ hết được, nào dĩ nhiên là cặp mắt phải đen nhưng phải sô lên đen nhánh như nhựa đường, - trời ạ, đúng là sách viết "sô lên đen nhánh như nhựa đường" đấy nhé! - nào là đôi hàng mi phải đen như bóng đêm, nào nước da phải mịn màng và luôn ửng hồng lên, nào là vóc người phải mảnh mai, nào là đôi tay phải dài hơn bình thường, - cậu biết không, phải dài hơn bình thường đấy nhé! - rồi chân phải nhỏ nhắn, ngực phải to vừa phải thôi, bắp chân phải tròn trĩnh dễ coi, đầu gối phải màu vỏ hến, bờ vai phải xuôi, - mình gần như thuộc lòng nhiều câu lắm, mọi cái đều đúng thế cả đấy! - nhưng điều chủ yếu cậu có biết là gì không nào? - Là hơi thở nhẹ! Mà cái đó thì mình có đấy, - cậu nghe xem mình thở thế nào nhé, - đúng là thế rồi chứ gì?

Giờ đây cái hơi thở nhẹ ấy lại một lần nữa lan đi trong thế gian này, trong bầu trời đầy mây này, trong làn gió xuân giá lạnh này.

1916

Say nắng

Ăn trưa xong, từ buồng ăn đèn đóm sáng rực và nóng bức, họ bước ra boong tàu và dừng chân cạnh lan can. Nàng nhắm mắt lại, đưa mu bàn tay lên áp má, thốt ra một tiếng cười giảo dị mà duyên dáng, - ở người thiếu phụ nhỏ bé này mọi nét đều rất có duyên, - và nói:

- Hình như em say hay sao ấy... Anh ở đâu ra thế nhỉ? Cách đây ba tiếng đồng hồ thậm chí em không hề biết là có anh trên đời này. Thậm chí em cũng chẳng biết anh từ đâu lên nữa. Từ Xamara ⁽¹¹⁰⁾ ư? Cũng chẳng sao... Đây là em chóng mặt hay chúng ta đang quành đi đâu ấy nhỉ?

Phía trước mặt là tầm tối và những ánh đèn lửa. Từ trong tầm tối một làn gió tuy mạnh nhưng dịu dàng thổi tới phả vào mặt, còn những ánh đèn lửa thì dạt đâu đó sang một bên: con tàu với vẻ đom đóm của sông Volga bất thành linh ngoạn theo một con đường vòng cung rộng để áp lại gần một bến nhỏ.

Chàng trung úy nắm lấy tay nàng đưa lên môi. Bàn tay nhỏ nhưng mạnh mẽ ấy toả ra mùi cháy nắng. Vừa sung sướng lại vừa kinh hoàng, con tim chàng lặng đi khi chàng nghĩ rằng chắc hẳn toàn thân nàng đã rần chắc lại và ngấm đen đi dưới tấm xiêm bằng vải gai này sau một tháng rông nằm dưới ánh mặt trời phương Nam trên làn cát biển nóng bỏng (nàng bảo là nàng từ Anapa ⁽¹¹¹⁾ tới). Chàng trung úy lúng búng:

- Ta xuống đi...
- Xuống đâu? - nàng ngạc nhiên hỏi.
- Xuống bến này.
- Để làm gì?

Chàng nín lặng. Nàng lại áp mu bàn tay vào bên má nóng bừng.

- Có mà điên...
- Ta xuống đi, - chàng nhắc lại như ngây như dại. - Anh van em...
- Ôi chao, thôi thì anh muốn làm gì tùy anh, - nàng vừa nói vừa quay mặt đi.

Con tàu hết đà và với tiếng va chạm nhẹ nhàng nó đụng vào cầu tàu của cái bến có ánh đèn mờ đục này, khiến hai người suýt ngã xô vào nhau. Một đoạn chèo bay vút qua đầu, rồi thấy tàu trôi lùi lại, và thấy nước sủi lên sùng sục, thấy tiếng cầu tàu vang lên... Chàng trung úy chạy bổ đi lấy hành lý.

Một phút sau họ đã đi ngang qua một quầy bán vé mơ màng, bước xuống một bãi cát sâu đến tận ổ trục xe, rồi lặng lẽ ngồi lên một chiếc xe ngựa thuê, không mui, bụi bặm. Việc leo lên dốc núi thoai thoải tưởng chừng là vô tận, giữa những ngọn đèn hiem hoi và méo mó, theo một con đường mịn màng và nhiều cát bụi. Nhưng rồi họ cũng đã lên được đến nơi, xe ngựa đã tiến ra chỗ bằng phẳng và lộc cọc lăn bánh trên mặt đường, và đây là một quảng trường nào đó, có những công sở, một tháp canh cứu hoả, với sự ấm áp và những mùi vị của một huyện lỵ đêm hè... Người xà ích dừng xe cạnh một cổng vào có đèn sáng mà đằng sau những cánh cổng mở toang là một cầu thang bằng gỗ cũ kỹ dốc ngược. Một người hầu già nua, râu không cạo, mặc chiếc sơ mi cổ chéo màu hồng và chiếc áo ngoài, đỡ lấy hành lý với vẻ không bằng lòng, rồi bước lên bằng đôi giày cũ nát. Họ bước vào một căn buồng lớn, nhưng ngọt ngào kinh khủng do đã bị nắng hun đốt cả một ngày trời, các cửa sổ đều buông rèm trắng và có hai cây nến còn chưa đốt bao giờ ở trên bàn gương. Vừa bước chân vào tới buồng và khi người hầu vừa đóng kín cửa lại, chàng trung úy sôi nổi lao mình lại phía nàng rồi cả hai cùng nghệt thở và đắm say đến cực độ trong một cái hôn tới mức mà nhiều năm sau họ còn nhớ mãi giây phút này, bởi vì trong suốt đời họ, cả hai đều chưa hề được hưởng một giây phút như thế bao giờ.

Vào mười giờ sáng, - một buổi sáng nắng, nóng, hạnh phúc, với tiếng chuông của các nhà thờ, với cái chợ ở bãi trống trước cửa khách sạn, với mùi cỏ khô, mùi nhựa chưng với lại cái mùi của tất cả cái gì là phức tạp, là thơm tho của một huyện lỵ Nga, - người thiếu phụ vô danh nhỏ nhắn, nhất định không chịu xưng tên và tự gọi đùa mình là một người đẹp không quen biết ấy, đã ra đi. Tuy họ ngủ ít, nhưng sáng ra, bước ra khỏi tấm bình phong ở cạnh giường và sau khi đã rửa ráy, mặc quần áo trong năm phút, nàng lại tươi tắn như hồi mười bảy. Nàng có ngượng ngùng gì không nhỉ? Không,

rất ít thôi. Nàng vẫn giản dị, vui tính như trước, và giờ đây đã có suy xét trở lại.

- Không, không, anh yêu ạ, - đáp lại lời chàng xin được cùng đi theo thêm nữa, nàng bảo, - không, anh phải ở lại đến chuyến tàu sau. Nếu chúng ta cùng đi, mọi chuyện sẽ hỏng mất. Em sẽ đâm ra rất khó xử mất thôi. Em lấy danh dự nói với anh rằng em hoàn toàn không phải là con người mà anh có thể nghĩ về em. Cái điều thậm chí giống với việc mới xảy ra, đối với em chưa hề có và sẽ không bao giờ có nữa cả. Hệt như em đã bị rối trí hay sao ấy... Hoặc nói đúng hơn, là cả hai chúng ta đều đã bị một cái gì giống như say nắng ấy...

Và đại thể là chàng trung úy đã dễ dàng thể theo lời nàng. Với tâm tình nhẹ nhõm và sung sướng, chàng đưa chân nàng ra tận bến tàu, - vừa may chiếc “Máy bay” màu hồng đang sắp rời bến, - và đã hôn nàng trước mặt mọi người ở trên boong và suýt nữa thì không kịp nhảy xuống chiếc cầu tàu mà người ta đã đang rút trở lại.

Chàng quay trở về khách sạn cũng với một tâm trạng nhẹ nhõm, vô tư lự như thế. Thế nhưng có cái gì đó đã khác trước. Căn buồng vắng nàng dường như đã trở nên khác hẳn so với lúc có nàng. Nó vừa có nàng một cách đầy đủ, lại vừa trống trải. Điều đó quả là lạ lùng! vẫn còn thơm ngát mùi nước hoa Ănglê rất dễ chịu của nàng, trong chiếc khay vẫn còn chiếc chén uống dờ của nàng, vậy mà nàng không còn nữa... Và trái tim chàng trung úy bỗng thắt lại với niềm âu yếm đến nỗi chàng phải vội lấy bao thuốc ra hút và đi đi lại lại vài lần trong căn buồng.

- Một chuyện phiêu lưu kỳ lạ! - chàng vừa cười vừa nói to lên và cảm thấy nước mắt đã trào lên mi.

- “Em lấy danh dự nói với anh rằng em hoàn toàn không phải là con người mà anh có thể nghĩ về em...” Thế rồi ra đi...

Tấm bình phong đã được gạt sang bên, nhưng giường vẫn chưa được dọn dẹp gì. Và chàng cảm thấy mình lúc này quả là không còn đủ sức để nhìn vào chiếc giường ấy nữa. Chàng bèn kéo bình phong che nó đi, đóng các cửa sổ lại để khỏi nghe tiếng ồn ào của chợ búa và tiếng bánh xe cót két, hạ những tấm rèm trắng sủi bọt lăn tăn trên cửa sổ xuống, đoạn ngồi lên

chiếc đi-văng... Phải, thế là “câu chuyện phiêu lưu dọc đường” ấy đã kết thúc rồi! Nàng đã ra đi - và giờ đây nàng đã xa vời, có lẽ đang ngồi trong phòng khách có cửa kính màu trắng hoặc giả là đang ngồi trên boong tàu mà nhìn ra con sông bao la óng ánh dưới ánh nắng, nhìn những bè gỗ ngược chiều, những bãi bồi màu vàng, nơi trời nước xa xăm ngời sáng, nhìn ra toàn bộ cái cảnh bát ngát mênh mang của con sông Volga ấy... Và vĩnh biệt em, vĩnh biệt em đời đời, mãi mãi nhé... Bởi một lẽ giờ đây họ còn gặp nhau vào đâu được nữa? - “Ta không sao có thể, - chàng nghĩ, - ta không sao có thể tự dừng mà đến cái thành phố đó, nơi có chồng nàng, có đứa con gái ba tuổi của nàng, nói chung là toàn bộ gia đình của nàng và toàn bộ cuộc sống thường ngày của nàng”. -Và chàng tưởng chừng như đó là một thành phố đặc biệt, một thành phố cấm, rồi khi nghĩ rằng trong cái thành phố ấy nàng vẫn cứ thế mà sống một cuộc sống lẻ loi và thường hay nhớ đến chàng, nhớ đến cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên, xiết bao ngăn ngui ấy, trong khi chàng sẽ không giờ được gặp lại nàng nữa, ý nghĩ ấy đã khiến chàng ngỡ ngàng và hết sức ngạc nhiên. Không, không thể thế được! Nếu thế thì quả là kỳ quặc quá, không tự nhiên và chẳng giống sự thật tí nào! - Và chàng cảm thấy đau lòng, cảm thấy toàn bộ cuộc sống sau đây của mình nếu không có nàng thì sẽ vô dụng biết bao nhiêu, đến nỗi chàng đâm ra hoảng sợ vì tuyệt vọng.

“Quái lạ thật! - chàng nghĩ bụng, đứng dậy và lại xoay ra đi đi lại lại trong phòng, cố không nhìn vào chiếc giường ở đằng sau tấm bình phong. - Mình làm sao thế này nhỉ? Mà nàng có gì đặc biệt và thật ra thì cái gì đã xảy ra? Quả vậy, hệt như ta bị say nắng thế nào rồi ấy! Và điều chủ yếu là: vắng nàng, giờ đây ta làm thế nào để qua được cả một ngày trời ở cái nơi hẻo lánh này?”.

Chàng vẫn còn nhớ tất cả những gì về nàng, với mọi đặc điểm dù là nhỏ nhất của nàng, nhớ mùi cháy nắng và mùi chiếc xiêm vải gai của nàng, tấm thân chắc nịch của nàng, thanh âm hoạt bát, giản dị và vui vẻ trong giọng nói của nàng... Những khoái cảm về mọi cái đáng yêu của người phụ nữ mà nàng vừa đem lại cho chàng vẫn để lại trong lòng chàng một cảm giác sống động khác thường, nhưng hiện thời điều chủ yếu lại là cái cảm giác thứ hai,

hoàn toàn mới lạ, - một cảm giác kỳ dị, khó hiểu, chưa hề có mấy may trong khi họ đang ở bên nhau, một cảm giác thậm chí hôm qua chàng đã không sao tưởng tượng nổi trong khi khơi ra cái việc mà chàng tưởng đó chỉ là một sự làm quen ngộ nghĩnh, một cảm giác mà giờ đây chàng không sao có thể thổ lộ với nàng được! “Nhưng cái chính ở chỗ là, - chàng nghĩ bụng, - sẽ không bao giờ ta có thể thổ lộ ra được! Và ta sẽ làm gì, sẽ làm sao để sống qua được cái ngày vô tận này, với những nỗi nhớ nhung ấy, với nỗi đau khổ không sao giải quyết được ấy, trong cái thành phố nhỏ nhoi mà Chúa đã lãng quên ngay trên con sông Volga ngời sáng này mà con tàu màu hồng ấy đã đem nàng đi theo!

Phải kiếm cho được kế thoát thân, dùng cách gì đó khiến mình bị cuốn hút và lãng quên đi, đi biệt một nơi nào đó. Chàng bèn kiên quyết đội chiếc mũ lưỡi trai lên đầu, cầm lấy roi ngựa, lê cựa giày lách cách mà rảo bước trên hành lang trống trải, rồi chạy vội xuống cầu thang dốc ngược mà ra cổng... ừ, nhưng mà ta đi đâu nhỉ? Cảnh cổng, một người xà ích trẻ tuổi, mặc một chiếc áo bành tô chèn thân rất khéo, đang đứng chờ và điềm nhiên hút xì gà. Chàng trung uý đưa mắt nhìn anh ta với vẻ bối rối và sửng sốt: làm sao lại có thể điềm nhiên ngồi trên ghế giông xe, hút thuốc và nói chung là tỏ ra giản dị, vô tư lự và thản nhiên đến thế được nhỉ? - “Dễ thường chỉ có mình ta bất hạnh một cách đáng sợ như vậy trong cái thành phố này”, - chàng nghĩ bụng và đi ra phía chợ.

Chợ đã sắp tan rồi. Không hiểu vì sao chàng lại dẫn bước qua cả những đồng phân súc vật còn tươi mà đi giữa đám xe ngựa tải, đám xe chở dưa chuột, giữa các đồng bát đĩa, nồi niêu mới, và các bà nhà quê ngồi trên mặt đất bèn tranh nhau mời chào chàng, cầm các nồi niêu lên gõ công công để chứng tỏ là chúng bèn tốt, còn các ông nhà quê thì khiến chàng điếc cả tai, hét lên với chàng: “Dưa chuột hạng nhất đây, thưa quý ngài!”. Tất cả những cái đó sao ngu xuẩn và kịch cớm, khiến chàng phải bỏ chợ mà chạy. Chàng đi vào nhà thờ lớn, nơi đây người ta đang cất cao giọng hát một cách vui vẻ và quyết tâm, với ý thức làm tròn bổn phận. Rồi sau chàng đếm bước hồi lâu, đi vòng quanh một khu vườn hoang nhỏ bé và nóng bức trên một vách núi, trông xuống mặt nước bao la bát ngát sáng ngời như thép của con

sông... Những cầu vai và cúc áo trên chiếc áo kín cổ của chàng nóng bỏng lên đến nỗi không sao sờ vào chúng được. Bên trong vành mũ lưỡi trai đã dẫm mồ hôi, mặt nóng bừng khi trở về khách sạn, chàng khoan khoái bước vào một phòng ăn lớn, mát và vắng vẻ ở tầng dưới, khoan khoái cất chiếc mũ lưỡi trai ra mà ngồi vào một chiếc bàn nhỏ cạnh cửa sổ mở toang tuy vẫn còn hơi nóng phả vào nhưng đã có gió phảng phất, và chàng gọi một món cá chua có ướp đá... Mọi việc đều tốt đẹp cả, tất thấy đều hạnh phúc vô ngần và cực kỳ vui vẻ. Dù là trong cảnh oi nồng ấy, giữa tất cả mọi mùi vị chợ búa ấy, trong toàn bộ cái thành phố không quen biết này và trong cái khách sạn huyện lỵ cũ kỹ này vẫn có niềm vui kia. Thế nhưng trái tim chàng lại như vỡ vụn ra. Chàng uống liền mấy cốc *vodka*, nhắm với dưa chuột muối nhạt và rau thìa là, và cảm thấy rằng mình không do dự, có thể chết ngay ngày mai cũng được, nếu như có thể dùng một phép lạ nào khiến nàng quay trở lại, cùng nàng chung sống thêm một hôm nay nữa, và chung sống thêm một ngày là chỉ cốt để nói cho nàng hay và dùng cách gì đó chứng minh, thuyết phục cho nàng biết rằng chàng yêu nàng khốn khổ, yêu nàng một cách hoan hỉ đến nhường nào... Chứng minh để làm gì nhỉ? Thuyết phục để làm gì nhỉ? Chàng chẳng biết để làm gì nữa, nhưng thấy điều đó còn cần thiết hơn cả sự sống nữa kia.

- Thần kinh mình căng thẳng quá sức rồi! -chàng vừa nói vừa rót cốc *vodka* thứ năm.

Chàng đẩy món cá chua ra, gọi cà phê đen đến rồi châm thuốc lá hút và suy nghĩ lao lung: mình làm thế nào bây giờ, làm sao thoát được cái duyên nợ bất thành tình và đột ngột này? Nhưng thoát sao cho nổi, - điều đó chàng đã cảm thấy được một cách quá sinh động. Và rồi chàng bỗng lại vụt đứng dậy, vớ lấy chiếc mũ và cây roi, hỏi xem bưu điện ở đâu rồi hốt hải đi tới đó với dòng điện báo đã sắp sẵn trong đầu:

“Từ nay toàn bộ cuộc đời tôi là của em, là thuộc quyền em, vĩnh viễn, cho đến khi xuống mồ.”

Nhưng, khi gần đi đến toà nhà cũ có tường dày, là nơi có bưu điện và điện báo, thì chàng thất kinh đứng sững lại: tuy chàng biết thành phố nàng đang ở, biết là nàng có chồng và có đứa con gái ba tuổi, nhưng lại chẳng

biết tên, biết họ nàng là gì cả! Hôm qua chàng đã mấy lần hỏi nàng về chuyện đó trong bữa ăn và khi ở khách sạn, lần nào nàng cũng chỉ cười mà bảo rằng:

- Thế anh cần biết em là ai và tên em là gì, để làm gì nhỉ?

Ở góc phố, cạnh bưu điện có một tủ kính trưng bày ảnh. Chàng nhìn hồi lâu vào bức chân dung lớn của một quân nhân nào đó đeo những ngù vai rậm rịt, mắt lồi, trán thấp, có những chòm râu má đẹp lạ lùng, ngực rộng cực kỳ và đeo đầy huân chương... Sao mọi việc bình thường hàng ngày ấy nó hoang dã và đáng sợ thế, một khi con tim đã bị trúng thương, - phải rồi, trúng thương, giờ đây chàng đã bắt đầu hiểu được điều đó, - bởi cơn “say nắng” đáng sợ ấy, bởi mối tình quá ư lớn lao và niềm hạnh phúc quá ư to tát ấy! Chàng đưa mắt nhìn vào đôi vợ chồng mới cưới - một chàng trẻ tuổi mặc áo ngoài dài, đeo cà vạt trắng, đầu húi cua lồm chồm, người đổ về phía trước, khoác tay một cô gái đội mạng sa ngày cưới, - rồi lại chuyển sang nhìn vào bức chân dung của một cô tiểu thư mỹ miều, linh lợi nào đó đội lệch một chiếc mũ lưỡi trai của sinh viên... Rồi sau, do mệt mỏi vì lòng thèm muốn day dứt với tất cả những người không đau khổ mà mình không quen biết ấy, chàng quay ra nhìn dọc theo đường phố với tâm trạng căng thẳng:

- Đi đâu bây giờ? Làm gì bây giờ?

Đường phố hoàn toàn trống trải. Ngôi nhà nào cũng như ngôi nhà nào, tất cả đều trắng, hai tầng, đều của các thương nhân, có vườn rộng, và tưởng chừng như chẳng có ma nào trong đó, một lớp bụi dày phủ trắng mặt đường: và tất thảy đều chói chang, đều chan hoà một ánh nắng gay gắt, nung nấu và tươi vui nữa, nhưng ở đây cái ánh nắng ấy lại dường như vô chủ đích. Đường phố dâng cao lên ở đằng xa, rồi gù lưng xuống mà tựa vào một khoảng lưng trời quang mây, xám xám, có ánh nắng phản chiếu vào. Ở đó có cái gì như cảnh miền Nam, hao hao như Xevaxtopol, Kerts... và Anapa (112). Đây mới là điều đặc biệt khó chịu. Và chàng trung úy cúi gục đầu, mắt nheo lại vì ánh sáng, chăm chú nhìn xuống dưới chân mình, lão đảo quay bước trở lại, vừa đi vừa va vấp, cửa giày nọ ríu vào cửa giày kia.

Trở về đến khách sạn, chàng mệt nhoài hết như vừa trải qua một chặng đường lớn lao ở tận Turkestan, Sahara (113). Thu hết tàn lực, chàng bước vào căn buồng lớn và trống trải của mình. Căn buồng đã được dọn dẹp và đã mất hết những vết tích cuối cùng của nàng, - duy chỉ có một chiếc trâm cài đầu nàng bỏ quên là còn nằm trên chiếc bàn nhỏ ở đầu giường! Chàng cởi bỏ áo ngoài và soi mình trong gương: khuôn mặt chàng, - một bộ mặt sĩ quan bình thường, sạm đi vì cháy nắng, với bộ ria đã nhạt màu, bạc phếch ra vì ánh mặt trời, với cặp mắt vốn trắng xanh nhưng do đại nắng nên dường như càng trắng thêm, - khuôn mặt ấy giờ đây đã mang vẻ bị kích động, điên dại đi, còn trong tấm sơ mi trắng, mỏng, cổ còn đứng thẳng thì lại có vẻ gì non trẻ nhưng bất hạnh sâu sắc. Chàng nằm ngửa lên giường, đôi ủng bụi bặm vắt sang một bên. Các cửa sổ đều mở và đều buông rèm, làn gió nhẹ chốc chốc lại thổi vào những bức rèm, và phả vào buồng hơi nóng của những mái sắt bị hun nóng và của toàn bộ cái thế giới sáng láng vùng Volga mà giờ đây đã hoàn toàn vắng vẻ và im lìm. Chàng nằm dút hai bàn tay xuống dưới gáy, đăm đăm nhìn ra phía trước mặt. Rồi sau chàng nghiêng chặt răng, khép đôi mí mắt lại và cảm thấy lệ trào ra và lăn trên má. Cuối cùng chàng đã thiếp đi và khi lại mở mắt ra thì thấy đằng sau rèm mặt trời buổi chiều đã nhuốm một ánh vàng phơn phớt đỏ. Gió đã lặng, căn buồng ngọt ngào và khô, khác nào trong một lò sấy... Và khi nhớ lại ngày hôm qua và buổi sáng nay, chàng thấy hết như chúng đã qua đi cách đây tới mười năm rồi vậy.

Chàng thông thả cất mình dậy, thông thả rửa mặt, kéo rèm lên, điện thoại gọi đưa *xamovar* và giấy thanh toán lên, đoạn ngồi uống trà với chanh hồi lâu. Rồi chàng ra lệnh gọi người xà ích đến, mang đồ đạc ra, và khi bước lên chiếc xe ngựa, ngồi vào chiếc đệm ghế hung hung đỏ đã bạc màu, chàng đã cho người hầu tới cả năm rúp.

- Thưa quý ông, hình như chính tôi đã chở ngài đến đây hồi đêm! - người xà ích cầm lấy dây cương vui vẻ nói.

Khi xuống đến bến, trên sông Volga đã biếc lên một đêm xanh mùa hạ và có nhiều đốm sáng đủ loại màu rải rác trên sông, và đã thấy cả những đốm

sáng treo trên những cột của một con tàu đang chạy tới.

- Tôi đã đưa ngài đến vừa đúng giờ đấy ạ! - người xà ích nói với vẻ nhỉnh bợ.

Chàng trung úy cũng cho bác ta năm rúp, lấy vé rồi bước ra bến... Cũng như hôm qua, lại có tiếng va chạm nhẹ nhàng vào bờ và lại thấy hơi chóng mặt vì tàu chòng chành dưới chân, rồi đoạn chèo bay vút qua, tiếng nước sủi sùng sục tuôn về phía trước dưới những chiếc bánh guồng của con tàu đang hơi lùi lại phía sau... Và người ta cảm thấy có sự đặc biệt ân cần niềm nở và dễ chịu khi thấy số hành khách đông đảo trên một con tàu đã thắp đèn sáng trưng và chỗ nào cũng thấy bốc ra mùi xào nấu này.

Một phút sau tàu đã chạy tiếp, ngược lên phía trên, về phía mà nàng đã ra đi chỉ mới sáng nay.

Bóng hoàng hôn tăm tối của mùa hạ đã dần tắt xa xa ở phía trước, mơ màng phản chiếu muôn màu trên con sông đây đó còn lấp loáng ánh nước gợn lung linh ở đằng xa dưới bóng hoàng hôn, và những đốm lửa rải rác trong bóng tối chung quanh cứ trôi, trôi mãi trả lại phía sau.

Chàng trung úy ngồi dưới một mái che trên boong tàu, cảm thấy mình già đi mất mười tuổi.

Vùng Alps duyên hải, 1925

Canh khuya

Chao ôi, đã lâu lắm rồi mình chưa về nơi ấy, - tôi tự nhủ mình như vậy. Từ năm mười chín tuổi đầu. Hồi nào đây tôi đã sống ở nước Nga, đã cảm thấy nước Nga là của mình, được hoàn toàn tự do muốn đi đâu tùy thích, và dù có đi tới khoảng ba trăm *verxta* (114) chẳng nữa thì cũng chẳng phải khó khăn gì cho lắm. Ấy vậy mà tôi vẫn không đi, cứ nay lần mai nữa hoài. Rồi những năm, những thập kỷ cứ trôi, cứ qua đi. Thế mà nay đã không sao lần khân được nữa rồi: hoặc bây giờ, hoặc không bao giờ đi được nữa cả. Phải nắm lấy thời cơ duy nhất và cuối cùng, may được lúc canh khuya, sẽ không ai bắt gặp mình cả.

Thế là tôi đi lên cầu để qua sông, nhìn được xa ra bốn phía xung quanh trong ánh trăng của một đêm tháng bảy.

Nhịp cầu này sao quen thuộc, vẫn như xưa, hết như tôi mới thấy nó ngày hôm qua; nó thô sơ mà cổ kính, lưng gù và thậm chí như không phải bằng đá nữa mà bằng một cái gì đó hóa đá với thời gian và trở thành muôn đời muôn kiếp không tan (hồi còn là học sinh trung học tôi còn ngỡ là nó có từ thời Baturi (115) kia). Nhưng để nói lên cái cổ kính của thị trấn này chỉ còn lại vài ba vết tích gì đó của những bức tường thành ở bờ dốc phía dưới ngôi nhà thờ lớn với lại cây cầu này mà thôi. Còn tất cả đều chỉ là cũ kỹ, có tính chất tĩnh lẻ, chứ không có gì hơn. Duy có một điều kỳ lạ, một điều chỉ rõ được rằng từ khi tôi còn là một cậu bé con, là một chàng thanh niên cho tới giờ, dù sao trên đời vẫn có một sự đổi thay nào đó, ấy là trước đây tàu không chạy được trên con sông này, còn ngày nay hẳn là con sông đã được khơi sâu và dọn dẹp sạch sẽ rồi. Mặt trăng ở phía bên trái tôi, ở nơi khá xa trên dòng sông, và trong ánh trăng lung linh cũng như trong ánh nước lấp lánh, rập rờn, tôi thấy trăng toát một chiếc tàu guồng mà ở đó dường như trống rỗng (nó im lìm thế kia mà), - mặc dù mọi ô cửa mạn của nó đều sáng ánh đèn giống như những con mắt vàng bất động, luôn phản chiếu xuống nước thành những cột tia sáng vàng óng ánh và hết như chiếc tàu đã được

đậu trên những cột đó. Cảnh tượng này cũng thấy có cả ở Yaroslav, cả ở kênh Suez (116), cả ở trên sông Nile (117) nữa. Ở Paris đêm đến thường ẩm ướt, tối tăm, trên bầu trời mù mịt thường hồng lên một ráng mù sương, con sông Seine (118) chảy một dòng đen kịt dưới những nhịp cầu, nhưng phía dưới cầu cũng lung lẳng những cột tia sáng óng ánh phản chiếu những ánh đèn trên cầu, có điều đó là những tia sáng ba màu; trắng, xanh và đỏ, - màu cờ nước Nga. Nhưng ở đây trên cầu chẳng có đèn đóm gì, mà cầu thì khô khốc và bụi bặm. Còn ở phía trước, trên ngọn đồi, người ta thấy có một thị trấn âm u với những khu vườn, và trên những khu vườn thấy ngất ngưỡng một chòi canh phòng hoả. Trời đất ơi, thật là một niềm hạnh phúc không sao tả xiết! Chính là lúc có hoả hoạn vào ban đêm mà lần đầu tiên tôi đã hôn tay em và em cũng đã siết chặt tay tôi để đáp lại, - tôi sẽ chẳng bao giờ quên em về thái độ thuận tình thầm lén này. Toàn bộ đường phố đều đen kịt những người trong cái cảnh bùng sáng dữ dội và bất thường ấy. Tôi vừa đến thăm em thì bỗng có tiếng chuông báo động nổi lên, thế là mọi người ai nấy đều chạy ủa ra cửa sổ và sau đó là chạy ra ngoài cổng. Đám cháy ở mãi xa, bên kia sông, mà sao thấy nóng nực, háo hức và hồi hải kinh khủng.

Ở đó những đám khói dày đặc bốc lên cuồn cuộn như một mớ lông cừu vừa đen vừa đỏ tía, và từ đó người ta thấy bùng lên cao những ngọn lửa đỏ hệt như những dải vải tây điều, còn ở chỗ chúng tôi thì chúng hắt lên vòm mái nhà thờ Tổng lãnh thiên thần Mikhail (119) thành một màu đồng chấp chới. Và trong cảnh chen chúc, giữa đám đông, giữa những tiếng xì xào lo âu, lúc thì ái ngại, lúc thì sướng vui của những thường dân từ khắp nơi chạy lại, tôi đã nghe có mùi mái tóc thiếu nữ và cổ của em, mùi chiếc xiêm bằng vải gai của em, - và thế là tôi bỗng nảy ra quyết tâm, tôi ngậy ngất nắm tay em...

Qua cầu xong tôi lên đồi, men theo con đường lát đá mà vào thị trấn.

Trong thị trấn chẳng đâu có lấy một ánh lửa, một bóng người. Đâu đấy thấy đều cảm lạnh và thoáng đãng, yên tĩnh và u buồn, - cái buồn của đêm thảo nguyên Nga, của thị trấn thảo nguyên đang ngủ. Duy chỉ có những khu vườn là còn khe khẽ, nhẹ nhàng rung rinh lá cành dưới làn gió thánng bầy đang

hiu hiu đều đặn từ nơi nào đó chốn đồng không mông quạnh thối về và mơn man cả bản thân tôi. Tôi đi, mặt trăng vành vạnh cũng đi theo, như một tấm gương tròn nôi nôi, luôn lách giữa đám lá cành đen kịt. Những đường phố rộng rãi nằm trong bóng tối - chỉ ở những ngôi nhà phía bên phải bóng tối không lan tới được, người ta mới thấy những bức tường được chiếu sáng và thấy những ô cửa kính đen bóng, ánh lên một màu tang tóc. Và tôi đi trong bóng tối, dẫn bước trên vỉa hè loang lổ, - bởi lẽ suốt dọc vỉa hè đều trải dài những tấm đăng ten bằng lụa đen. Hôm ấy nàng bận một chiếc xiêm mặc vào buổi tối như vậy đấy, một bộ cánh đóm dáng, dài mà thon thả. Chiếc xiêm ấy hợp lạ thường với thân hình thanh tú và với cặp mắt huyền tươi trẻ của nàng. Bận chiếc xiêm ấy, nàng trở nên bí ẩn và nàng chẳng để mắt gì tới tôi cả khiến tôi phải hậm hực. Có đâu mà lại thế nhỉ? Đến thăm ai vậy nhỉ?

Mục đích của tôi là muốn đến thăm cái phố Cũ. Tôi có thể đến đó bằng con đường khác, gần hơn. Thế nhưng tôi lại rẽ vào những đường phố rộng rãi đầy vườn tược này, vì tôi muốn ngó qua cái trường trung học ấy. Và khi đi đến nơi, tôi lại ngạc nhiên một lần nữa, cả ở đây cảnh vật cũng y nguyên như nửa thế kỷ trước. Dãy tường vây bằng đá, cái sân bằng đá, ngôi nhà lớn bằng đá ở trong sân, - tất cả đều khuôn sáo, đều tẻ ngắt như hồi nào tôi có mặt ở đó. Tôi hơi nán lại ở cạnh cổng, lòng gọi lại trong bản thân mình nỗi buồn thương của những kỷ niệm, nhưng không sao gọi lại được: phải rồi, tôi thường bước vào cái cổng này, mới đầu là cậu bé lớp một, đầu húi trọc lốc, đội chiếc mũ màu xanh mới toanh có hai cành cọ bằng bạc trên vành lưỡi trai, mặc áo capốt nhỏ, mới, đính cúc bạc; rồi về sau là chàng trai gày gò, mặc áo bludông xám và bận một chiếc quần rất diện có dải đeo. Nhưng cậu bé và chàng trai đó phải chẳng là tôi?

Cái phố Cũ thì tôi thấy nó chỉ đẹp hơn đôi chút so với trước kia mà thôi. Còn ngoài ra tất cả đều chẳng có gì thay đổi. Mặt đường lồi lõm, không có lấy một cây nhỏ nào, cả hai bên đều là những ngôi nhà bụi bặm của các thương nhân, hai bên vỉa hè cũng mấp mô, đến nỗi tôi thấy thà đi ngay ra giữa lòng đường, giữa ánh trăng chan chứa... Và cảnh ban đêm hồi ấy cũng gần giống như cảnh ban đêm bây giờ. Có điều đêm hồi ấy là vào cuối tháng tám, khi toàn thị trấn thơm lừng mùi táo chất đọng cao như núi trong các

khu chợ, và đêm hồi ấy ấm áp đến nỗi nếu được mặc độc một chiếc áo cánh thắt chần lưng bằng một đai da kiểu Kavkaz thì khoái trá biết bao... Phải chăng có thể nhớ lại cái đêm ấy ở một nơi nào đó đằng kia hầu như ở tận lưng trời?

Dù sao anh cũng chẳng dám đi đến tận nhà em. Thật vậy, cả ngôi nhà ấy cũng chẳng thay đổi gì, nhưng chính thế nên anh mới càng sợ phải trông thấy nó. Giờ đây có những người lạ nào đó mới đến ở đấy. Em còn trẻ, nhưng bố em, mẹ em, anh trai em, - mọi người tuy đều sống lâu hơn em, nhưng rồi đến lúc ai nấy cũng phải qua đời. Mà ngay ở nhà anh mọi người đều cũng đã qua đời cả rồi, chẳng những là bà con máu mủ, mà cả rất nhiều, rất nhiều người khác anh đã từng kết thân hay đánh bạn với họ khi mới bước vào đời. Chẳng biết họ bước vào đời đã lâu chưa và mặc dù họ đã tin chắc rằng cuộc đời chẳng bao giờ kết thúc, thế mà rồi mọi sự đều đã bắt đầu, đã trôi qua và rồi đã kết thúc ngay trước mắt anh, - ngay trước mắt và mau chóng biết bao! Thế là tôi ngồi lên một bệ đá cạnh một ngôi nhà thật kín cổng cao tường của một thương nhân nào đó và bắt đầu ngắm nghĩ xem nàng đã như thế nào trong cái thời xa xăm ấy giữa tôi cùng nàng; mái tóc sẫm chải búi đơn sơ, cặp mắt trong sáng, khuôn mặt tươi trẻ hơi rám nắng, tấm xiêm mùa hè nhẹ nhàng và dưới tấm xiêm ấy là sự trinh bạch, cái khỏe khoắn và phóng khoáng của thân hình trẻ trung... Đó là lúc tình yêu chớm nở giữa chúng tôi, là giờ phút hạnh phúc không vương một áng mây buồn, giờ phút thân thiết, tin cậy, âu yếm một cách thích thú, hân hoan...

Có một cái gì đó hết sức đặc biệt trong những đêm ấm áp và sáng sủa ở các huyện lỵ Nga dạo cuối hè. Thật là bình yên, thật là thư thái biết bao! Một ông lão mang chiếc mõ cầm canh đi khắp cái thị trấn vui tươi ấy vào ban đêm; nhưng cụ đi chỉ để tìm vui thú cho mình có gì phải canh gác đâu, bởi những con người tốt bụng, hãy cứ ngủ yên, canh gác cho các người là sự phù hộ của Chúa, là bầu trời rạng rỡ vời vời mà ông lão thỉnh thoảng lại thanh thản ngược nhìn lên khi đi giữa lòng đường đã được sưởi ấm qua một ngày, và chỉ hoạ hoằn lắm cụ mới gióng lên một hồi mõ ngân vang và nhịp nhàng để làm vui. Và đấy, trong một đêm như thế canh khuya ấy, khi cả thị trấn chỉ có một người không ngủ thì em đã đợi tôi trong khu vườn nhà, một

khu vườn đã chớm héo khô vào lúc sắp sang thu. Và tôi đã lén lút lọt vào khu vườn ấy, se sẽ mở cánh cổng nhỏ mà em đã mở khoá sẵn, se sẽ và mau chóng chạy qua sân, rồi từ phía sau nhà kho tận cuối vườn, tôi bước vào bóng tối mờ mờ và loang lổ của khu vườn, mà ở phía xa xa, trên chiếc ghế dài dưới rặng táo, tôi đã thấy ánh trắng trắng xiêm áo em, và tôi mau lẹ tiến lại, sợ hãi mà mừng vui khi bắt gặp ánh mắt đợi chờ của em.

Thế rồi chúng ta ngồi mãi, ngồi mãi trong một niềm hạnh phúc ngỡ ngàng, một tay anh ôm lấy em, nghe biết được nhịp đập của trái tim em, còn tay kia anh nắm lấy bàn tay em, qua đó cảm biết được tất cả trong tay em. Và trời đã khuya đến nỗi không còn nghe tiếng mõ đâu nữa cả, - ông lão đã nằm trên một tấm ghế dài ở đâu đó, mồm ngậm tẩu mà mơ màng, sưởi ấm dưới ánh trăng. Khi nhìn sang phải, tôi thấy mặt trăng vẫn thản nhiên toả sáng cao cao trên khu vườn và thấy mái một ngôi nhà bóng loáng lên như ánh vẩy cá. Khi nhìn sang trái, tôi thấy một con đường nhỏ mọc đầy cỏ khô chìm lấp dưới một rặng táo khác, và sau rặng táo tôi thấy từ trong một khu vườn khác của nhà ai đó, ló ra rất thấp một ngôi sao đơn độc màu xanh lá cây, một ngôi sao leo lét với vẻ lãnh đạm nhưng lại trông chờ, một ngôi sao đang nói gì đó nhưng lại chẳng nói thành lời. Thế nhưng cả khu vườn lẫn ngôi sao ấy tôi chỉ thấy thoáng qua, bởi lẽ trên đời bây giờ chỉ còn bóng tối mờ mờ và cặp mắt em lấp lánh loé sáng trong bóng tối mờ mờ đó.

Rồi sau đó, khi em đưa tiễn tôi ra tới cổng, tôi bảo em:

- Nếu có đời sau mà chúng ta lại được gặp nhau thì lúc ấy anh sẽ quỳ xuống hôn chân em vì tất cả những gì em đã từng cho anh trên cõi trần thế này.

Tôi bước ra giữa phố ngời sáng để trở về nơi mình tạm trú. Ngoái lại nhìn, tôi vẫn còn thấy có gì trắng trắng ở nơi cổng.

Giờ đây, đứng dậy rời khỏi bệ đá, tôi quay gót trở về bằng con đường mình đã đến đây. À mà không, ngoài việc đến thăm phố Cũ ra, tôi còn có một mục đích khác nữa, tuy sợ hãi chẳng dám thú nhận với lòng mình, nhưng thừa biết rằng việc thực hiện mục đích đó là không sao tránh khỏi. Và thế là tôi cất bước đi tới, đi tới để nhìn lại một lần và để rồi ra đi và không bao giờ trở lại.

Lại một con đường quen thuộc nữa. Cứ đi thẳng và rẽ trái, đi qua chợ, rồi từ chợ theo phố Tu Viện đi về phía lối ra khỏi thị trấn.

Khu chợ dường như một thị trấn nhỏ trong cái thị trấn lớn. Các dãy quầy hàng đều tiết ra những mùi thơm nồng nặc. Ở dãy hàng thức ăn chín, dưới những mái che và trên những tấm bàn, tấm ghế dài, thấy tối mù mịt. Ở dãy hàng sắt, bên trên giữa lối đi có treo lủng lẳng bằng xích sắt một tượng thánh của Chúa Cứu Thế mắt to, khung tượng đã han gỉ. Ở dãy hàng bột thì sáng nào cũng có cả đàn chim bồ câu chạy nhảy, mổ nhặt những hạt rơi vãi trên lòng đường. Nếu đến trường trung học thì còn có biết bao nhiêu chim bồ câu nữa kìa! Và con nào con ấy đều béo, ức màu cầu vồng, - chúng mổ, chúng chạy, chúng lượn lờ, uốn éo yếu điệu theo kiểu phụ nữ, chúng núng na núng nính, giật giật những cái đầu bé nhỏ theo cùng một kiểu, dường như không để ý gì đến chúng ta, và sẽ chỉ vẫy cánh vun vút, bay vụt lên khi nào ta suýt giẫm phải một con nào trong bọn chúng mà thôi. Còn đến đêm thì ở đây lại có những con chuột cống phóng ra như bay với vẻ bận tâm, chúng đen, to thù lù trông rất tởm và dễ sợ.

Phố Tu Viện vừa là một nhịp cầu dẫn ra cánh đồng, vừa là một con đường: một đằng là từ thị trấn đi về nhà, về nơi thôn quê; một đằng là đi đến thị trấn của những người đã chết. Ở Paris, một ngôi nhà ở số bao nhiêu ở phố nào đó thường được đánh dấu nổi bật lên so với tất cả những ngôi nhà khác bằng một chiếc cổng giả được dựng lên hai ngày liền để chứng tỏ ngôi nhà đó có bệnh dịch hạch, chung quanh cổng có viền khung tang bằng bạc, và trong hai ngày liền trên một chiếc bàn nhỏ phủ khăn tang kê ở cổng có đặt một tờ giấy viền đen để cho các khách lịch sự đến viếng sẽ ký tên vào tờ ý chia buồn. Sau đó đến một kỳ hạn cuối cùng nào đấy, người ta đưa đến cổng một cỗ xe tang đồ sộ làm bằng gỗ đen kịt như gỗ đóng quan tài cho kẻ bị dịch hạch, trên xe phủ vải riềm tang, ở những mép riềm được xén lượn tròn có những ngôi sao trắng lớn để chỉ thiên đàng, còn ở các góc mái riềm thì có treo những ngù đèn xoắn tím, biểu hiện cho những lông của con đà điểu dưới địa ngục. Thẳng vào xe là những con quái vật cao lớn phủ vải đen như than, đầu có sừng và có vòng trắng ở lỗ mắt. Ở chiếc ghế giông xe cao ngất ngểu ngồi chờ giờ cất đám là một con sâu rọu đã già, bề ngoài

cũng được đóng bộ một cách tượng trưng trong một sắc phục tang chế giả và một chiếc mũ hình tam giác cũng kiểu giả như thế, nhưng trong bụng thì hẳn là lão ta luôn cười thầm về những câu long trọng như: *Requiem aeternam dona eis, Domine, et lux perpetua luceat eis* (120). - Thế nhưng ở đây thì khác hẳn. Làn gió từ cánh đồng hiu hiu thổi về dọc theo phố Tu Viện, và người ta lót khăn mặt để khiêng một chiếc quan tài mở ván thiên đi ngược lại chiều gió, trong đó bỗng bành khuôn mặt trắng màu cơm, một vành hoa nhỏ sặc sỡ ở trên trán che lấp đôi mi mắt sưng phồng đã nhắm nghiền. Nàng cũng đã được người ta khiêng đi như vậy.

Ở lối ra khỏi thị trấn, mé trái đường cái là một tu viện thời Nga hoàng Aleksei Mikhailovits, là một chiếc cổng thành luôn đóng kín cùng với những bức tường thành, và đằng sau những bức tường thành thấy bóng lộn những mái vòm dát vàng của ngôi nhà thờ lớn. Xa hơn nữa, tận giữa cánh đồng lại là một dãy tường khác, không cao lắm nhưng hợp thành một ô vuông rất rộng, bên trong có cả một cánh rừng nhỏ bị những con đường thẳng băng và dài dằng dặc chia cắt, hai bên đường rải rác đủ loại thánh giá và mộ chí khác nhau dưới các bụi cây leo, các rặng đoan và bạch dương lâu đời. Ở đây cổng lại mở toang, do đó tôi thấy ngay con đường chính, phẳng phiu, bất tận. Tôi rụt rè cất mũ ra mà bước vào. Sao khuya khoắt mà cảm lạnh đến thế! Mặt trăng đã xuống thấp sau những lùm cây, nhưng bốn phía chung quanh trong tầm mắt đâu đấy đều vẫn rõ mồn một. Giữa bóng tối trong vắng, toàn bộ khoảng rừng của những người đã chết, của những cây thánh giá và mộ chí, đều vẫn hiện lên rõ rệt với đầy đủ những họa tiết đa dạng. Gió đã lặng trước lúc bình minh, - những đốm loang lỗ sáng và sẫm luôn biểu hiện dưới những rặng cây nay đều đã ngủ im. Nhưng ở phía xa xa trong khu rừng, từ đằng sau ngôi nhà thờ nghĩa trang bỗng có cái gì thấp thoáng, rồi nó biến thành một cuộn đen ngòm như diên như cuồng vun vút chạy ập lại phía tôi. Tôi thất kinh dạt sang một bên, toàn bộ đầu óc tôi phút chốc lạnh ngắt đi và co quắp lại, trái tim tôi giật thót lên rồi chết lặng... Cái gì thế nhỉ? Nó chạy vụt qua và biến mất hút. Nhưng trong ngực tôi con tim vẫn chưa đập lại được. Và thế là tôi đành phải tiếp tục tiến lên với con tim

đã ngừng đập, mang nó trong mình như một bầu trĩu nặng. Tôi biết rõ mình phải đi đâu, tôi vẫn tiến thẳng theo con đường ấy, và tới tận cuối đường cách bức tường chắn phía sau vài bước thì tôi đứng lại: trước mắt tôi, trên một khoảng đất phẳng phiu, giữa đám cỏ khô, có một phiến đá thon dài và khá hẹp nằm đơn độc, quay đầu vào tường. Còn phía sau tường, như một hạt ngọc tuyệt vời, vẫn ló ra một ngôi sao không cao lắm, màu xanh lá cây, tuy vẫn rực rỡ như ngôi sao trước, nhưng câm lặng và bất động.

Ngày 19 tháng 10 năm 1938

Những lối đi dưới hàng cây tăm tối

Vào một ngày thu xấu trời và lạnh lẽo, trên một trong những con đường lớn ở Tula đã bị ngập nước sau những trận mưa và hằn đầy những vết bánh xe đen đui, người ta thấy có một chiếc xe ngựa vấy bùn, mui giương nửa chừng, ba con ngựa kéo gồm toàn những con ngựa rất bình thường, đuôi bị buộc lại do đường lầy lội. Xe lăn bánh lại gần một ngôi nhà gỗ khá dài, một bên là trạm thư của nhà nước, còn một bên là căn phòng của tư nhân mà người ta có thể vào để nghỉ ngơi hoặc ngủ trọ, vào ăn một bữa hoặc gọi một ấm *xamovar* để uống trà. Ngôi trên ghế đẩu trước xe để giống ngựa là một người nông dân vạm vỡ, mặc tấm áo dạ dày thắt chên lưng, vẻ nghiêm nghị, mặt rúm đen, bộ râu thưa đen nhánh, trông giống như một ông tướng cướp đời xưa. Còn trong xe là một quân nhân già, lão đội mũ lưỡi trai to, mặc áo capốt xám kiểu thời vua Nikolai I ⁽¹²¹⁾ có cổ đứng bằng lông hải ly, cặp lông mày còn đen, nhưng ria mép đã bạc và nối liền với những chòm râu má cũng đã bạc. Cảm ông ta được cạo nhẵn và toàn bộ ngoại hình của ông ta trông hao hao giống vua Alekxandr II ⁽¹²²⁾, một hiện tượng rất phổ biến trong giới quân nhân thời ông vua đó trị vì. Cái nhìn của ông ta cũng có vẻ dò hỏi, vừa nghiêm khắc lại vừa mệt mỏi.

Khi ngựa dừng bước, ông ta thò ra khỏi xe một cái chân đi ủng nhà binh cổ bằng, rồi dùng hai tay đi găng bằng da nai mịn giữ lấy tà áo capốt, ông chạy ù lên bậc thềm của căn nhà gỗ.

- Thưa đại nhân, ở bên trái ấy ạ, - ngồi trên ghế giong xe, người xà ích hét to lên một cách cục cằn, còn ông ta thì phải hơi cúi mình xuống ở ngưỡng cửa vì thân hình ông quá cao, bước vào tiền sảnh, đoạn rẽ sang căn phòng tư nhân phía bên trái.

Trong phòng ấm áp, khô ráo và thơm tất: một bức tượng thánh ⁽¹²³⁾ mới, mạ vàng, được treo ở góc bên trái, dưới tượng là một chiếc bàn phủ khăn sạch

sẽ, nghiêm chỉnh, hai bên bàn là những chiếc ghế dài kỳ cọ sạch sẽ; chiếc bếp lò choán góc phải ở phía xa xa cũng trắng lớp màu vôi mới; gần đó có đặt một cái gì đó như kiểu đi-văng trên phủ những tấm chăn loang lỗ tựa vào một bên lò; từ trong tấm chăn lò toả ra mùi súp thơm ngào ngạt, - mùi bắp cải đã nhừ, mùi thịt bò và lá thăng.

Vị khách mới đến cởi áo capốt quăng lên một chiếc ghế dài, và khi chỉ mặc có bộ quần phục với đôi ủng trông ông lại càng cân đối hơn, sau đó ông ta tháo đôi găng tay và cất chiếc mũ lưỡi trai ra, đoạn đưa một bàn tay tái xanh và gày guộc lên vuốt đầu với vẻ mệt nhọc, - mái tóc ông bạc, tóc mai ở hai bên thái dương hơi xoắn lại ở gần đuôi con mắt, khuôn mặt hơi dài nhưng đẹp đẽ với đôi mắt sẫm của ông vẫn lăm lăm sót lại những vết rỗ hoa nhỏ. Trong phòng không có một ai cả, ông bèn hé cửa trông ra buồng ngoài, hẳn học hét lên:

- Này, có ai đó không!

Ngay sau đó lập tức bước vào phòng là một người đàn bà tóc đen; lông mày cũng đen và cũng còn đẹp so với tuổi của mình. Bà ta trông giống một phụ nữ *Zigan* đã luống tuổi, có những lông tơ sẫm trên môi trên và dọc theo hai bên má, và tuy bà ta đi đứng nhẹ nhàng, nhưng to béo, đôi vú to dưới chiếc áo len đỏ, và dưới tấm váy len đen là chiếc bụng hình tam giác như bụng con ngỗng cái.

- Xin được chào mừng ngài, thưa đại nhân, - bà ta nói. - Ngài dùng bữa hay cho đặt *xamovar* uống trà ạ?

Khách thoáng nhìn đôi vai tròn trĩnh và đôi chân nhẹ nhàng dận đôi giày *tatar* đỏ đã sờn cũ của bà ta, đoạn trả lời vừa sảng vừa chằng để tâm gì:

- *Xamovar*. Chủ nhà hay đây tớ đấy?

- Tôi là chủ nhà, thưa đại nhân.

- Nghĩa là chính chị tự mình cai quản?
- Đúng thế đấy ạ. Tôi tự cai quản đấy ạ.
- Sao lại thế? Gái goá hay sao mà lại tự mình kinh doanh?
- Thừa đại nhân, không phải là gái goá, nhưng cũng phải có cách để sinh nhai ạ. Với lại tôi cũng thích việc kinh doanh nữa ạ.
- Ra thế, ra thế. Tốt đấy. Mà chỗ chị đây sạch sẽ, dễ chịu đáo để.

Người đàn bà luôn nhìn ông với vẻ xét nét, mắt hơi nheo lại.

- Tính tôi cũng thích sạch sẽ nữa ạ, - bà đáp. - Lớn lên trong giới các ông lớn bà lớn chẳng lẽ lại không biết xử sự lịch thiệp hay sao, thưa ông Nikolai Alekseevits.

Ông ta vội đứng thẳng đừ người, mở to mắt và đỏ mặt lên.

- Nadejda! Cô đấy ư? - ông hấp tấp nói.
- Tôi đây, thưa ông Nikolai Alekseevits, - bà đáp.
- Trời đất ơi, trời đất ơi, - vừa ngồi xuống tấm ghế dài và nhìn chăm chăm vào bà ta, ông vừa nói. - Nào có ai ngờ được! Chúng ta không gặp nhau đã bao nhiêu năm rồi nhỉ? Khoảng ba mươi năm năm chẳng?
- Ba mươi năm, ông Nikolai Alekseevits ạ. Bây giờ tôi bốn mươi tám, còn ông có dễ gần sáu mươi rồi chứ ạ?
- Đại khái thế... Trời đất ơi, kỳ lạ quá!
- Cái gì kỳ lạ, thưa ngài?
- Ờ, tất cả, tất cả... Làm sao cô lại còn không hiểu chứ?

Nổi mệt nhọc và thái độ lơ đãng của ông đã biến mất, ông đứng dậy và quả quyết cất bước trong căn phòng, mắt nhìn xuống sàn. Rồi ông dừng bước, mặt ông đỏ lên dưới bộ râu tóc bạc, và ông mở lời:

- Ngay từ dạo ấy tôi bất tin về cô. Làm sao cô lại trôi dạt đến nơi này? Tại sao cô không ở lại với các ông lớn bà lớn nữa?

- Chẳng bao lâu sau khi ông đi, các vị ấy đã cho tôi được tự do [\(124\)](#).

- Rồi sau đó cô sống ở đâu?

- Chuyện ấy dài lắm, thưa ngài.

- Cô nói là cô không lấy chồng ư?

- Không, thưa không ạ.

- Tại sao vậy? Hồi ấy cô có nhan sắc thế kia mà?

- Tôi không thể thế được ạ.

- Sao lại không thế? Ý cô định nói gì vậy?

- Có gì phải cắt nghĩa đâu ạ. Chắc hẳn ông còn nhớ ra tôi đã yêu ông đến chừng nào.

Ông ta xấu hổ đến phát khóc lên và lại tiếp tục đi tới đi lui, mặt nhăn nhó.

- Mọi sự đều qua đi cả, bạn ạ. - ông lúng búng nói. Cả tình yêu, cả tuổi trẻ, - tất, tất thảy. Đó là câu chuyện tầm phào, rất thường tình thôi mà. Với năm tháng mọi sự đều qua đi. Trong sách của Giốp [\(125\)](#) đã nói sao về chuyện đó nhỉ? "Điều mà ta hồi tưởng lại, sẽ chỉ như giòng nước đã trôi qua".

- Chúa cho ai, người ấy được vậy, ông Nikolai Alekseevits ạ. Tuổi trẻ thì của ai rồi cũng qua đi cả, thế nhưng tình yêu lại là chuyện khác.

Ông ta ngẩng đầu lên và vừa dừng bước lại, ông vừa cười khẩy một cách bệnh hoạn:

- Dù sao cô cũng đã không thể yêu tôi được suốt đời rồi mà!

- Vậy mà có đấy, ông ạ. Dù thời gian có trôi qua bao nhiêu tôi vẫn chỉ một lẽ sống như vậy mà thôi. Tôi cũng biết rằng từ lâu ông đã không còn như trước nữa, rằng đối với ông dường như chẳng có chuyện gì nữa cả, vậy mà... Bây giờ trách móc tuy đã muộn rồi, nhưng quả thật là ông đã ruồng bỏ tôi một cách hết sức tàn nhẫn, đã bao lần tôi toan tự tận chỉ vì một nỗi hờn giận ấy thôi, chứ chưa nói gì đến nỗi niềm khác. Thật ra, ông Nikolai Alekseevits ạ, đã từng có lúc tôi gọi ông là Nikolenka, còn ông gọi tôi là gì thì chắc ông còn nhớ đấy chứ? Ông lại còn để tâm đọc cho tôi nghe những câu thơ về tất cả "những lối đi tắm tối dưới hàng cây" ấy nữa, - bà nói thêm với nụ cười cay nghiệt.

- Ôi, lúc ấy sao cô xinh tươi thế! - ông lắc đầu nói. - Sao cô nòng nản thế, tuyệt vời thế! Vóc người đẹp biết bao, cặp mắt đẹp biết bao! Mọi người đều phải nhìn ngắm cô, cô còn nhớ chứ?

- Còn nhớ, thưa ngài. Mà cả ngài cũng rất đẹp trai nữa. Và chính vì vậy tôi đã hiến dâng ngài sắc đẹp của tôi, mối tình nòng nản của tôi. Làm sao lại có thể quên điều đó được.

- Chao ôi! Mọi sự đều qua đi. Mọi sự đều bị lãng quên.

- Mọi sự đều qua đi, nhưng không phải mọi sự đều lãng quên đi cả đâu.

- Cô đi đi, - ông nói, đoạn quay mặt đi và tiến lại gần cửa sổ. - Cô đi đi cho tôi nhờ.

Rồi rút chiếc khăn mù soa ra áp lên mắt, ông mau miệng nói thêm:

- Miễn sao Chúa tha thứ cho tôi. Còn cô thì chắc hẳn đã tha thứ cho tôi rồi.

Bà đã gần bước ra tới cửa bèn dừng chân lại:

- Không, ông Nikolai Alekseevits ạ, tôi không tha thứ đâu. Một khi chúng ta đã bàn đến chuyện tình cảm của chúng ta thì tôi phải nói thẳng rằng: tôi đã không sao có thể tha thứ cho ông được. Hồi ấy cũng như sau này, đối với tôi ông là quý nhất trần đời. Chính vì vậy tôi không sao có thể tha thứ cho ông được. Nhưng mà thôi, nhớ lại để làm gì, người chết ai lại đưa ra khỏi bãi tha ma.

- Phải, phải, điều đó chẳng ích gì. Cô bảo đưa xe ngựa lại đi, - ông đáp, đoạn rời khỏi cửa sổ, nét mặt đã trở nên nghiêm nghị. - Có một điều tôi phải nói với cô là trong đời tôi, tôi chưa bao giờ biết được sung sướng là gì đâu, xin cô chớ tưởng là tôi sung sướng để tôi được nhờ. Xin lỗi cô, có thể tôi phạm đến lòng tự ái của cô đấy, nhưng tôi xin nói thẳng rằng tôi đã yêu vợ tôi say đắm. Vậy mà cô ấy đã phản bội tôi, ruồng bỏ tôi một cách nhục nhã hơn nhiều so với việc tôi ruồng bỏ cô. Tôi lại cưng chiều thẳng con trai, khi nó đang nhớn, tôi đã đặt biết bao hy vọng vào nó! Thế nhưng nhớn lên rồi nó lại thành một thằng đểu cáng, hoang toàng, càn rỡ, tàn tệ, táng tận lương tâm... Nhưng dù sao tất cả những cái đó cũng lại là chuyện rất thường tình, tầm phào cả thôi mà. Mạnh khỏe nhé, bạn thân mến ơi. Tôi nghĩ rằng cả tôi cũng đã mất đi ở bạn cái quý giá nhất mà tôi đã có trong đời.

Bà tiến lại, hôn tay ông, và ông cũng hôn tay bà.

- Cô bảo đưa xe ngựa đến...

Khi xe đã tiếp tục đi, ông nhăn nhó nghĩ: “Phải, hồi ấy cô ta đẹp thật! Một bậc tuyệt thế giai nhân!” Ông hổ thẹn nhớ lại những lời nói cuối cùng của mình và việc mình hôn tay bà, nhưng rồi ông lại lập tức hổ thẹn về nỗi hổ thẹn của mình. “Chẳng phải chính là cô ta đã đem lại cho mình những giây phút tươi đẹp nhất trong đời sao?”.

Tối lúc chiều tà mới ló ra một mặt trời tái nhợt. Người xà ích cho ngựa chạy nước kiệu, luôn chuyển từ vết xe nọ sang vết xe kia để chọn lấy những vết ít lầy lội hơn, và cả anh ta cũng đang ngẫm nghĩ điều gì. Cuối cùng anh ta nói với một giọng thô kệch nghiêm trang:

- Thưa đại nhân, lúc chúng ta ra đi, bà ta cứ đứng ngó hoài ở cửa sổ. Hẳn là ngài có quen bà ta từ lâu?

- Quen từ lâu, Klim ạ.

- Bà ta thông minh đáo để. Người ta bảo là bà ấy ngày càng phát tài. Cho vay lấy lãi đấy ạ.

- Điều đó chẳng có nghĩa lý gì.

- Sao lại chẳng nghĩa lý ạ! Ai mà chẳng muốn sống cho khấm khá cơ chứ! Nếu làm ăn có lương tâm thì cũng chẳng có gì xấu mặt. Mà người ta bảo rằng về chuyện làm ăn thì bà ta biết điều lắm. Nhưng đáo để đấy! Nếu không giao trả đúng hẹn thì cứ là mình làm mình chịu thôi.

- Phải, phải cứ là mình làm mình chịu thôi... Anh ruồi ngựa sao cho ta khỏi lỡ chuyến tàu đấy nhé...

Mặt trời xuống thấp toả ánh vàng vọt lên những cánh đồng trống trải, mấy con ngựa đập vó đều đặn trên những vũng nước. Ông dõ nhìn những vành móng ngựa lấp loáng, nhú đôi mày đen, nghĩ ngợi:

“Phải rồi, mình làm mình chịu. Phải rồi, đó dĩ nhiên là những giây phút tươi đẹp nhất. Và cũng không phải tươi đẹp nhất mà còn thật sự là thần tiên nữa kia! *"Tứ phía tầm xuân nở hoa đỏ thắm, song những lối đi vẫn tăm tối dưới hàng cây đoạn âm u..."* (126). Nhưng trời ơi, sau đó rồi ra sao nhỉ? Nếu như mình không ruồng bỏ cô ta thì sẽ ra sao nhỉ? Thật vô lý quá chừng! Chính cái cô Nadejda đó sẽ không phải là bà chủ của một quán trọ, mà là vợ của ta, là bà chủ của ngôi nhà của ta tại Peterburg, là mẹ của các con ta ư?”

Và ông lắc đầu, nhắm mắt lại.

Ngày 20 tháng 10 năm 1938

Ruxia

Vào mười một giờ đêm chuyến tàu tốc hành Maxcova - Xevaxtopol bất ngờ phải dừng lại ở một ga xép sau thành phố Podonxk ⁽¹²⁷⁾ và đang chờ đợi một điều gì đó ở đoạn đường thứ hai này. Trong tàu có một ông và một bà tiến lại gần một cửa sổ toa hạng nhất, nơi khung cửa sổ đã được hạ xuống. Thấy một nhân viên phục vụ trên tàu thông tay xách chiếc đèn đỏ đi ngang qua đường ray, bà nọ bèn hỏi:

- Này, bác ơi .Tại sao ta đứng lại thế nhỉ?

Bác nhân viên phục vụ đáp rằng đoàn tàu nhanh chạy ngược chiều đã đến chậm giờ.

Nhà ga tối và buồn. Hoàng hôn đã đến từ lâu, nhưng ở đằng tây, phía sau nhà ga, sau những cánh đồng có nhiều rừng đang sẫm dần, ráng chiều mùa hạ kéo dài của Maxcova vẫn còn thoi thóp chiếu sáng. Mùi đồng lầy ẩm ướt phả vào cửa sổ. Trong bầu tĩnh mịch, từ đâu đó văng lại tiếng cuộc kêu đều đặn và dường như cũng nhuộm màu ẩm ướt.

Chàng tựa khuỷu tay vào cửa sổ, còn nàng thì tựa khuỷu tay lên vai chàng.

- Hồi xưa có lần anh đã sống ở địa phương này vào dịp hè, - chàng nói. - Hồi ấy anh kèm học cho một đứa nhỏ trong một điền trang kiểu biệt thự, cách đây chừng năm *verxta*. Một cái nơi thật buồn tẻ. Rừng lơ thơ, chỉ có chim ác là, muỗi với lại chuồn chuồn. Chẳng chỗ nào có cảnh đẹp. Trong điền trang muốn ngắm nhìn chân trời thì phải lên tận tầng nóc của ngôi nhà. Ngôi nhà thì tất nhiên là làm theo kiểu biệt thự Nga rồi, và đã bị bỏ hoang từ lâu bởi vì các vị chủ nhà đã bị nghèo đi. Đằng sau nhà là một cái gì trông giống giống như vườn, còn sau vườn là dở hồ, dở đồng lầy, mọc đầy lau lách với lại các bông súng, và lúc nào cũng có một chiếc xuồng con phẳng đáy đỗ cạnh bờ nước lầy lội.

- Và dĩ nhiên là còn có cả một cô gái đang buồn chán trong biệt thự để anh chèo thuyền cho cô ta đi trên đồng lầy ấy nữa chứ.

- Phải rồi, cái gì cũng có cả đấy. Có điều là cô gái tuyệt nhiên chẳng buồn chán gì đâu. Càng về sau anh càng thường chèo thuyền cho cô ấy đi vào ban đêm, và hóa ra lại thơ mộng nữa là khác. Suốt đêm bầu trời phía Tây đều xanh xanh, trong vắt, và đặng chân trời kia, hệt như bây giờ vậy, lúc nào cũng như có cái gì đang âm ỉ cháy... Chỉ tìm được có mỗi một chiếc bơi chèo mà nó lại giống như một cái xẻng và anh chèo nó theo kiểu người nông dân, bên phải một nhát rồi lại bên trái. Phía bờ đối diện thì tăm tối vì có một khoảng rừng thưa, nhưng sau khoảng rừng ấy suốt đêm vẫn có cái ánh mờ mờ kỳ dị này. Và đâu đâu cũng đều yên tĩnh không tưởng tượng được, - chỉ thấy có muỗi rên rỉ với lại chuồn chuồn bay lượn. Chưa bao giờ anh nghĩ là chuồn chuồn bay lượn ban đêm cả đâu nhé, ấy thế mà chẳng hiểu sao chúng lại bay cả đêm đấy. Khiếp thật.

Cuối cùng đã nghe có tiếng ầm ầm của đoàn tàu ngược, nó rầm rập và vun vút lao tới, nhòe thành một vệt liền những ô cửa sổ sáng đèn mà phóng vụt qua. Toa tàu lập tức chuyển bánh. Người phụ trách toa bước vào buồng, lên đèn và sửa soạn chần gối.

- Vậy chuyện của anh với cô gái ấy rồi ra sao? Một thiên tiểu thuyết thật sự đấy chứ? Không hiểu sao anh chẳng bao giờ kể cho em nghe về cô ta cả. Cô ta người thế nào?

- Gày, cao. Mặc xiêm dài cụt tay (128) bằng vải hoa màu vàng, chân không có tất, đi giày bện kiểu nông dân, đan bằng một thứ len nhiều màu nào đó.

- Nghĩa là cũng theo kiểu Nga?

- Anh nghĩ là theo kiểu nghèo thì đúng hơn.- Không có gì mặc thì đành mặc xiêm dài cụt tay vậy thôi. Ngoài ra, cô ta còn là họa sĩ, đã từng học ở trường trung cấp hội họa Xtroganov (129). Mà bản thân cô ta cũng đáng vẽ thành tranh, thậm chí thành tượng thánh nữa kia. Cô ta tết đuôi sam dài sau lưng, mặt ngăm đen lấm tẩm những nốt ruồi đen, mũi dọc dừa thanh thanh, mắt đen, lông mày đen... Mái tóc khô, cứng, hơi quăn. Tất cả những nét đó, nổi bật trên nền một tấm xiêm dài cụt tay màu vàng và đôi ống tay bằng sa màu trắng của chiếc áo lót trong, trông lại càng đẹp. Cả mắt cá chân và bàn

chân cô ta đều gày gò trong đôi giày bện, với những khớp xương trồi lên dưới làn da mỏng ngăm đen.

- Kiểu người đó em biết. Ở lớp học của em trước cũng có một cô bạn như thế. Đây là một cô có chứng loạn thần kinh, đó là cái chắc.

- Cũng có thể. Nhất là nét mặt cô ta trông giống bà mẹ, mà bà mẹ vốn là một công tước tiểu thư nào đó có máu phương Đông, đã từng mắc một chứng bệnh nào đó như kiểu bệnh u sần. Chỉ đến bữa ăn bà ấy mới lộ mặt ra. Bà ấy ra, ngồi im lặng, hắng giọng, không đưa mắt nhìn lên, chốc lại đặt dao ăn sang chỗ nọ, đặt đĩa sang chỗ kia. Nếu đột nhiên bà ấy mở lời thì bà ấy nói bất thành lời và nói rất to, đến nỗi phải giật nảy mình lên ấy.

- Thế còn ông bố?

- Cũng là con người lăm lì và gày guộc, dáng cao. Một quân nhân hưu trí. Giản dị và đáng yêu vẫn là thằng con trai mà anh kèm cho nó học.

Người phụ trách toa bước ra khỏi buồng, thừa là chần gối đã sẵn sàng và chúc ông bà yên giấc ngủ ngon.

- Thế tên cô ta là gì?

- Ruxia.

- Tên gì mà lại thế?

- Rất đơn giản, đó là Maruxia.

- Rồi thì sao, anh phải lòng cô ta lắm hả?

- Tất nhiên, tưởng chừng như phải lòng kinh khủng ấy.

- Thế còn cô ấy?

Chàng im lặng đôi chút rồi trả lời khô khan:

- Có lẽ cô ta cũng tưởng chừng như vậy. Nhưng ta ngủ thôi. Đi cả ngày hôm nay anh mệt kinh khủng rồi.

- Đẹp đấy! Có điều là sự gợi ý của anh chưa ăn thua gì đâu. Nào, anh hãy kể vắn tắt cho em biết, thiên tiểu thuyết của anh kết cục ra sao?

- Chẳng sao cả. Anh bỏ đi, thế là hết chuyện.

- Vậy tại sao anh lại không lấy cô ta?

- Chắc là anh linh cảm trước rằng anh sẽ gặp em.

- Chả phải, anh nói thật đấy chứ?

- Ồ, thì chính bởi vậy anh đã tự sát bằng súng, còn cô ta thì tự đâm mình bằng dao găm...

Rồi, rửa mặt và đánh răng xong, họ cắm cung trong cảnh khăng khít được hình thành ở một buồng trên toa xe lửa, cởi bỏ quần áo và với niềm khoan khoái dọc đường chui vào nằm trong những tấm ga lót chăn bằng vải phíp láng bóng mới giặt và gối đầu lên những chiếc gối cũng như thế, dù chúng luôn tụt khỏi đầu giường chênh chếch cao.

Bên trên cánh cửa, một mắt đèn xanh pha lẫn màu tím hoa cà lặng lẽ nhìn vào đêm tối. Chẳng mấy chốc nàng đã ngủ thiếp đi, còn chàng vẫn thức, nằm hút thuốc lá và thả hồn về cái mùa hè năm ấy...

Cả trên mình nàng cũng lấm tấm những nốt ruồi sậm sẫm như thế, - đây là một đặc điểm thật đáng yêu. Vì nàng đi đôi giày mềm, không có đế, nên toàn thân nàng phập phồng trong tấm xiêm áo dài cụt tay màu vàng ấy. Tấm xiêm rộng, nhẹ nhàng, nên tấm thân thanh nữ thon mảnh của nàng được thoải mái xiết bao. Một hôm dầm mưa ướt cả chân, nàng từ ngoài vườn chạy vào phòng khách, chàng thấy vậy bèn chạy vội đến cởi giày cho nàng và hôn đôi bàn chân bé nhỏ, ướt át của nàng, - và cảm thấy suốt đời mình chưa bao giờ có được niềm hạnh phúc như thế. Trận mưa mát mẻ, thơm ngát, sầm sập đổ xuống mỗi lúc một nhanh hơn, mau hơn ở phía ngoài những cánh cửa mở thông ra bao lơn. Trong căn nhà tối nhá nhem, sau bữa cơm trưa mọi người đều đã ngủ cả, - và cả chàng và nàng đều hoảng hồn biết chừng nào khi thấy một con gà trống nào đó màu đen với ánh biếc xanh của kim loại và với chiếc mào to đỏ như lửa, cũng bỗng đứng từ ngoài vườn chạy vào, móng cạo sào sạo trên sân, đứng vào cái giây phút nóng bỏng mà cả hai người đều không còn giữ ý giữ tứ gì nữa cả. Thấy hai người từ trên đi-văng nhảy choàng xuống, nó bèn vội cúi mình như thể tỏ ý lịch sự, chạy ngược trở lại ra trời mưa với cái đuôi cụp xuống bóng loáng...

Lúc đầu nàng luôn chăm chú nhìn chàng, mỗi khi chàng bắt chuyện thì nàng đỏ mặt một cách kín đáo và lúng búng đáp lại với vẻ giấu cợt; khi ngồi ăn, nàng thường khiêu khích chàng, lớn tiếng nói với bố:

- Đừng mời anh ấy ăn, vô ích, bố ạ. Anh ấy không thích bánh nhân pho mát đâu. Mà cả đến món súp thịt anh ấy cũng không thích, cả mì sợi cũng

không thích, cả sữa chua cũng không thèm ăn, cả pho mát tươi cũng ghét nốt.

Sáng sáng chàng đều bận kèm học cho đứa em trai, còn nàng thì bận việc nội trợ, - cả cái nhà này đều do mình nàng đảm đương. Nhà thường ăn trưa vào một giờ, sau bữa trưa nàng thường rút về buồng mình trên tầng nóc, hoặc giả nếu trời không mưa thì nàng ra vườn đặt giá vẽ dưới một cây bạch dương, vừa đuổi muỗi vừa vẽ theo mẫu thực. Rồi nàng bước ra bao lơn, nơi chàng thường ngồi đọc sách trong một chiếc ghế bành xiêu vẹo đan bằng sậy sau mỗi bữa ăn trưa, đứng ở đấy, chắp hai tay ra sau lưng, đưa mắt nhìn chàng, với một tiếng cười mát vẫn vơ:

- Có thể được biết rằng anh đang nghiên cứu những điều cao siêu gì không đấy?

- Lịch sử cách mạng Pháp.

- Ái chà, trời đất ạ! Thế mà em không hề biết là trong nhà mình có một nhà cách mạng!

- Còn cô, tại sao cô lại bỏ bê công việc hội họa thế?

- Em còn sắp sửa bỏ hẳn nữa cơ đấy. Em thấy rõ là mình không có tài.

- Vậy cho tôi xem một bức vẽ nào đó của cô đi.

- Thế anh tưởng là anh có am hiểu chút gì đó về hội họa sao?

- Cô tự ái ghê gớm.

- Quả cũng mắc cái tội ấy đấy...

Cuối cùng nàng đề nghị chàng hôm nào đi bơi thuyền chơi trên hồ, rồi nàng bỗng dứt khoát nói:

- Hình như mùa mưa ở vùng nhiệt đới chúng em ở đây đã hết rồi hay sao ấy. Ta hãy vui chơi đi. Chiếc thuyền gỗ nhà em quả tình đã khá mục nát và đáy đã bị thủng lỗ chỗ, nhưng em với thằng Petia đã lấy cội bịt mọi lỗ thủng lại rồi...

Ngày hôm ấy trời nóng bức, oi nồng, những đám cỏ ven bờ lốm đốm đầy những bông hoa mao lương bé nhỏ màu vàng cũng đã bị hơi nóng ẩm ướt hun đốt ngọt ngào và đều có vô vàn những con bướm màu xanh nhạt bay lượn tung tăng trên ngọn.

Chàng đã quen thuộc cái giọng hay giễu cợt của nàng, do đó vừa bước lại gần chiếc thuyền, chàng vừa bảo:

- Cuối cùng cô đã hạ cố đến tôi đấy!

- Cuối cùng anh đã tập trung được tư tưởng để đáp lời em đấy! - nàng liền thoảng đáp lại rồi nhảy lên mũi thuyền, khiến lũ ếch nhái tứ phía hốt hoảng nhảy bồm bồm xuống nước. Nhưng nàng bỗng hét lên dữ dội, kéo váy lên đến tận đầu gối, giậm chân:

- Rắn! Rắn!

Chàng thoảng nhìn thấy màu da ngăm ngăm bóng loáng ở đôi chân để trần của nàng, vớ lấy chiếc bơi chèo để ở đằng mũi giáng vào con rắn nước đang ngoằn ngoèo dưới đáy thuyền, đoạn dùng bơi chèo khều nó lên quãng ra xa.

Mặt nàng tái một màu tái kiểu Ấn Độ nào đó, những nốt ruồi trên mặt nàng trông lại càng sậm hơn, mái tóc và cặp mắt đã đen trông lại càng đen hơn. Nàng thở phào nhẹ nhõm:

- Ôi chao, sao mà tởm thế! Thảo nào chữ “kinh khủng” là do chữ “rắn nước” mà ra (130). Ở chỗ em đây đâu đâu cũng có rắn nước, cả ở trong vườn, cả dưới hầm nhà... Thế mà thằng Petia ấy anh ạ, anh thử tưởng tượng xem, nó bắt rắn bằng tay không đấy!

Lần đầu tiên nàng bắt chuyện với chàng một cách không giữ kẽ gì, và cũng lần đầu tiên hai người nhìn thẳng vào mắt nhau.

- Nhưng sao anh cừ thế! Anh giáng cho nó một nhát khá quá!

Nàng đã hoàn hồn hẳn, mỉm cười rồi chạy từ đằng mũi ra đằng lái, vui vẻ ngồi xuống. Khi nàng trong cơn khiếp sợ, chàng thấy nàng đẹp đến kinh ngạc, và giờ đây chàng trù mến nghĩ bụng: ờ cái cô này rõ vẫn còn là một cô bé nhóc tí! Nhưng làm bộ thản nhiên, chàng thận trọng bước lên thuyền, đoạn chống bơi chèo xuống đáy hồ quánh đặc chàng quay mũi thuyền ra phía trước, đẩy nó qua đám cỏ mọc rối loạn dưới nước ra đám lau sậy lờm chờm xanh rờn và ra đám bông súng nở hoa đang chắn hết lối phía trước bằng một lớp những chiếc lá tròn, dày dặn, rồi đẩy thuyền ra hồ, ngồi xuống tấm ghế băng ở giữa thuyền mà chèo sang trái và sang phải.

- Có đúng là thích không nào? - nàng reo lên.

- Rất thích! - chàng đáp, đoạn cắt chiếc mũ lưỡi trai ra khỏi đầu, ngoảnh lại bảo nàng: - Cô làm ơn quăng nó ở cạnh cô cho tôi, kéo tôi lại hết nó xuống cái mảng lợn này, mà xin lỗi cô, cái mảng lợn này nó vẫn rỉ nước và đầy những đĩa đất.

Nàng đặt chiếc mũ lên lòng mình.

- Cũng đừng bận tâm cô ạ, quăng đâu cũng được mà.

Nàng áp chiếc mũ vào ngực:

- Không, em sẽ giữ gìn nó cẩn thận!

Lại một lần nữa trái tim chàng rung động một cách trù mẫn, nhưng một lần nữa chàng lại quay mặt đi, ra sức khua mái chèo vào làn nước loang loáng giữa những đám lau sậy và bông súng.

Muỗi cứ sán vào mặt, vào tay, mọi cảnh vật chung quanh đều chói lói một ánh bạc ảm áp: bầu không khí đầy hơi nước, ánh nắng lung linh, màu trắng uồn lượn của những đám mây dịu dàng chiếu sáng trên bầu trời và trong những khoảng nước trống giữa những đảo nhỏ do lau sậy và bông súng hợp thành; nước chỗ nào cũng nông choèn đến nỗi trông thấy được cả những đám cỏ mọc dưới đáy, nhưng chừng như không phải vì thế mà không có một khoảng sâu vô hạn thâm tím được cả cảnh trời mây. Bỗng lại nghe tiếng nàng hét lên và thấy con thuyền chòng chành nghiêng hẳn sang một bên: té ra từ đặng lái nàng thò tay xuống nước túm được thân một cây bông súng nhưng kéo lên quá mạnh khiến cả mình lẫn con thuyền đều lật nghiêng, may mà chàng kịp nhảy đến tóm được nàng ở hai bên nách. Nàng cười phá lên, ngã ngửa người ra đặng lái, bàn tay ướt vấy nước tóa cả vào mắt chàng. Lúc ấy chàng bèn ôm lấy nàng một lần nữa, và chẳng hiểu mình làm gì, hôn ngay vào đôi mắt đang cười rộ ấy. Nàng cũng mau lẹ bá lấy cổ chàng và ngược nghịu hôn vào má chàng...

Từ hôm đó trở đi hai người quen mui cùng nhau bơi thuyền vào ban đêm. Ngày hôm sau, sau bữa trưa nàng gọi chàng ra vườn mà hỏi:

- Anh có yêu em không?

Nhớ lại những cái hôn trên thuyền hôm qua, chàng sôi nổi đáp:

- Yêu ngay từ ngày đầu chúng ta gặp nhau kia!

- Cả em cũng thế, - nàng nói. - Mà không đâu, mới đầu em ghét anh đấy, em ngỡ là anh chẳng chú ý gì đến em cả. Nhưng, ơn Chúa, tất cả những cái đó đều đã qua rồi. Tối nay, lúc mọi người đi ngủ cả, anh lại đến đây chờ em ra nhé. Nhưng phải rất thận trọng khi ra khỏi nhà đấy, kéo mẹ theo dõi em từng bước, cụ ghen tức phát điên lên ấy.

Đêm đến nàng ra bờ hồ với một tấm mền trong tay. Mừng quá, chàng bàng hoàng khi gặp nàng và chỉ hỏi được một câu.

- Mang mền đi làm gì?

- Sao ngốc thế! Để khỏi bị lạnh chứ sao nữa.

Nào, lên thuyền mau và chèo sang bờ bên kia đi...

Suốt dọc đường họ im lặng. Khi đã bơi sang tới khu rừng bờ bên kia, nàng bảo:

- Đây rồi. Bây giờ anh lại chỗ em đi. Mền đâu rồi nhỉ? Ồi chà, nó ở ngay dưới chỗ em ngồi. Choàng lên cho em, em đang ớn lạnh rồi, và ngồi xuống đi. Thế, được đấy... À không, hượm đã, hôm qua cách mình hôn nhau còn lộn xộn thế nào ấy, bây giờ chính em sẽ hôn anh trước, rất khẽ, rất khẽ thôi. Còn anh thì ôm lấy em đi... ôm hết...

Dưới tấm xiêm cụt tay nàng chỉ bận có một chiếc sơ mi lót. Nàng âu yếm hôn, nhưng chỉ khẽ chạm vào vành môi chàng. Đầu óc mê muội, chàng đẩy ngửa nàng xuống mạn lái. Nàng cuồng dại ôm lấy chàng...

Nàng lử người nằm một lát rồi hơi ngẩn mình dậy, mỉm cười trong một cơn mệt nhọc sung sướng và trong một cơn đau còn chưa lắng dịu, mà bảo:

- Bây giờ ta đã là vợ chồng rồi. Mẹ bảo nếu em lấy chồng thì cụ sẽ không sao chịu đựng nổi, nhưng bây giờ đây em chả thiết nghĩ đến chuyện ấy... Anh ạ, em muốn tắm một cái, em rất thích tắm ban đêm...

Nàng cởi xiêm áo lộn qua đầu, toàn bộ thân hình thon dài của nàng hiện ra trắng trắng trong bóng tối lơ mờ. Rồi nàng đưa hai tay cuốn bím tóc lên đầu, để lộ đôi nách sẫm đen và đôi vú thây lầy, chẳng thẹn thùng gì về thân thể mình trần truồng và về cái môm sẫm đen phía dưới bụng. Quấn tóc xong, nàng hôn chàng lạnh lẽ, đoạn bật đứng dậy, nhào mình xuống nước, ngửa đầu ra phía sau và dùng hai chân đập lồm bồm.

Rồi chàng vội vã giúp nàng mặc xiêm áo và ủ mình trong chiếc mền. Trong bóng tối lơ mờ, cặp mắt đen và mái tóc đen kết thành bím của nàng trông thật tuyệt diệu. Chàng chẳng dám đụng vào người nàng nữa, chỉ hôn đôi tay nàng và im lặng vì sung sướng vô biên. Trong khu rừng ven bờ đây đó lạng lẽ leo lắt ánh đom đóm, và lúc nào ở đó cũng hình như có ai đang đứng và lắng nghe trong bóng tối. Đôi lúc lại có cái gì đang rón rén, sột soạt. Nàng ngẩng đầu lên:

- Kìa kìa, cái gì thế?

- Em đừng sợ, hẳn là có con ếch đang bò lên bờ hồ. Hoặc là có con nhím đang bò trong rừng...

- Thế nhờ là dê rừng thì sao?

- Dê rừng nào?

- Em chả biết. Nhưng anh thử nghĩ xem: nhờ có con dê rừng nào đó bò ra khỏi rừng, nó đứng lại và nó nhìn mình... Em sung sướng quá thành thử thích huyền thuyên những chuyện nhảm nhí gớm ghiếc!

Và chàng lại áp môi mình lên tay nàng, đôi khi hôn lên bộ ngực lạnh ngắt của nàng như hôn một vật gì thiêng liêng vậy. Đối với chàng, nàng đã trở thành một sinh linh hoàn toàn mới mẻ đến như vậy! Và đằng sau khoảng đen ngòm của khu rừng thấp bé kia, vẫn hiển hiện, vẫn chưa tắt, một vùng ánh sáng xanh lá cây mờ nhạt phản ánh xuống mặt nước bằng phẳng ở xa xa, những cây cối ven bờ đầm hơi sương vẫn nồng nặc toả ra một mùi cần tây, đàn muỗi vô hình vô ảnh vẫn vo ve như cầu khẩn một cách bí ẩn, - và những con chuồn chuồn ghê gớm, không ngủ nghê gì, vẫn cứ bay bay, bay phành phạch như thế bên trên con thuyền và cả xa hơn nữa trên mặt nước lấp lánh trong đêm. Và ở đâu đó lúc nào cũng có một cái gì đó luôn sột soạt, bò toài, luồn lách...

Một tuần lễ sau chàng bị đuổi ra khỏi trang trại một cách tàn tệ, nhục nhã, và bàng hoàng khủng khiếp trước cảnh ly biệt hoàn toàn bất ngờ.

Hôm ấy sau bữa ăn trưa họ đang ngồi trong phòng khách và đang chụm đầu cùng nhau xem tranh vẽ trong những số tạp chí *Niva* cũ.

- Em còn chưa chán anh đấy chứ? - chàng khẽ hỏi và vẫn làm ra vẻ đang chăm chú xem tranh.

- Ngốc. Ngốc kinh khủng! - nàng thì thào.

Bỗng nghe có tiếng bước chân chạy nhè nhẹ, rồi ở ngưỡng cửa thấy hiện ra bà mẹ gàn dở của nàng trong tấm áo choàng bằng lụa đen nhàu nát và với đôi giày bằng da dê thuộc đã mòn vẹt. Cặp mắt đen của bà lóe lên một cách bí hiểm. Bà ta chạy vào phòng hét như bước ra sân khấu, rồi hét lên:

- Tao biết hết mà! Tao đã dè chừng, tao đã theo dõi rồi mà! Thằng đểu kia, mày không thể lấy được nó đâu!

Rồi bà ta nâng cánh tay trong ống tay áo dài lụng thụng lên, bắn đàn đòng một phát chói tai bằng khẩu súng ngắn cổ lỗ sĩ mà thằng Petia vẫn thường chỉ nạp thuốc không để bắn dọa chim sẻ. Trong làn khói, chàng nháy xối tới tóm lấy cánh tay dai như đĩa của bà ta. Bà ta giăng ra, lấy súng phang vào trán khiến một bên lông mày chàng bị rách tóe cả máu, đoạn cầm súng ném vào chàng, rồi khi nghe thấy người trong nhà chạy lại chỗ có tiếng la hét và tiếng súng nổ thì bà ta liền tím môi, sùi bọt mép thét lác với vẻ diễn kịch hăng hơn trước:

- Có giỏi thì nó hãy bước qua xác của tao để đến với mày! Nếu nó bỏ nhà theo mày hôm nào thì tao sẽ thắt cổ, nhảy lầu ngay hôm đó! Đồ đểu, cút ngay khỏi nhà tao! Maria Viktorovna, cô hãy chọn lấy một đường, hoặc theo mẹ, hoặc theo nó!

Nàng thì thào:

- Con theo mẹ, theo mẹ, mẹ ơi....

Chàng sực tỉnh, mở mắt ra, - mắt đèn xanh pha lẫn màu tím hoa cà bên trên cánh cửa từ trong tấm tối vẫn chong chong nhìn chàng một cách bí ẩn và lặng lẽ như trong nhà mồ, và toa tàu vẫn uyển chuyển, bỗng bành một mực phóng như bay về phía trước. Cái ga xếp buồn thảm ấy đã lùi lại ra xa, xa lắm rồi. Và cả hai chục năm trường cũng đã trôi qua kể từ khi xảy ra tất cả những chuyện đó, kể cả những cánh rừng thưa, những con ác lả, những khoảng đồng lầy, những đám bông súng, những con rắn nước, những con sếu... Phải rồi, còn có những con sếu ấy nữa đấy, làm sao chàng lại có thể quên được chúng! Tất cả đều kỳ dị trong cái mùa hè lạ lùng ấy, kỳ dị cả đến một đôi sếu nào đó không hiểu từ đâu thỉnh thoảng lại bay đến đậu bên bờ đồng lầy, và kỳ lạ nữa là chúng chỉ cho có mình nàng được lại gần

chúng, rồi khi nàng dịu dàng và nhẹ nhàng chạy đến bằng đôi giày bện nhiều màu, đột nhiên ngồi xổm xuống trước mặt chúng, xoa tà xiêm màu vàng của mình phủ lên đám cỏ xanh ẩm ướt và ẩm áp ở ven bờ, với vẻ say mê của con nít mà ngắm nhìn vào cặp mắt đen có cái vòng màu xám sẫm chạy quanh đồng tử trông dữ dội mà đẹp tuyệt vời của chúng, thì chúng lại ghé những cái cổ mỏng mảnh và dài ngoẵng của chúng ra mà ngó xuống nàng với một vẻ hiếu kỳ tuy rất nghiêm nghị mà lại khoan dung. Chàng đôi nhìn nàng và nhìn đôi sếu ấy từ đằng xa, bằng ống nhòm, và thấy rõ được cả những cái đầu nhỏ xíu và bóng loáng, thậm chí cả những lỗ mũi, những khe nhỏ trên đôi mỏ kéch xù và rắn chắc mà chúng thường chỉ mổ một nhát là chết ngay một chú rắn nước. Thân chúng béo mà ngắn với một túm đuôi mọc đầy lông tơ và được che chở sát sao bằng một bộ lông bóng loáng như thép, đôi chân có vẩy của chúng thanh mảnh và dài quá khổ, chân của một con đen tuyền, còn chân con kia lại hơi xanh xanh màu lá cây. Đôi khi cả hai con đều đứng một chân hàng tiếng đồng hồ trong một tư thế bất động rất khó hiểu, đôi khi chẳng đâu vào đâu chúng cũng nhảy lên chồm chồm, xòe ra những đôi cánh kéch xù; nếu không thì chúng đi đi lại lại một cách bệ vệ, bước lên chậm chạp, dẫn đo, cất cao chân lên, chụm cả ba ngón lại, rồi đặt chân xuống, xòe cả ba ngón ra như đã thú xòe móng vuốt, và lúc nào cũng thấy chúng lắc lư cái đầu bé nhỏ... Tuy nhiên, khi nàng chạy lại gần đôi sếu, nào chàng có nghĩ gì và thấy gì nữa đâu, chỉ thấy tấm xiêm nàng toả ra rồi lập tức run rẩy rồi rời nghĩ đến tấm thân ngấm ngấm của nàng dưới tấm xiêm ấy, nghĩ đến những nốt ruồi sẫm sẫm trên thân hình ấy. Còn trong cái buổi cuối cùng ấy, trong cái phút mà họ cùng ngồi với nhau lần cuối ấy, trên chiếc đi-văng trong phòng khách để xem tập tạp chí *Niva* xưa cũ ấy, nàng cũng vẫn lại nằm trong đôi tay chiếc mũ lưỡi trai của chàng, ấp nó vào ngực như lúc ngồi trên thuyền hồ nào, và lấp lánh cặp mắt huyền vui tươi, sáng như gương, nhìn vào mắt chàng mà bảo:

- Vậy mà bây giờ em cứ yêu anh đến nỗi đối với em không có gì đáng yêu hơn nữa cả, kể cả cái mùi bên trong chiếc mũ lưỡi trai này: mùi đầu anh và mùi của cái thứ nước hoa gớm ghiếc của anh!

Sau khi đã qua ga Kurxk, trong toa ăn, khi chàng đang uống cà phê pha rượu cô nhắc sau bữa sáng, vợ chàng bảo chàng:

- Sao anh uống rượu nhiều thế? Hình như ly ấy là ly thứ năm rồi thì phải. Anh vẫn còn buồn, còn nhớ nhưng cô gái biệt thự có đôi chân xương xẩu của mình hay sao đấy?

- Anh buồn, buồn, - chàng đáp và cười nhạt một cách khó chịu. - Cô gái biệt thự... *Amatanobis quantum amabitur nulla!* [\(131\)](#).

- Tiếng La tinh hả? Thế nghĩa là gì?

- Cái đó em chẳng cần biết

- Sao anh cục cằn thế, - nàng nói và thở dài với vẻ hững hờ, đoạn đưa mắt nhìn ra khung cửa sổ đầy nắng.

Ngày 27 tháng 9 năm 1940

Những tấm danh thiếp

Đó là vào đầu mùa thu, con tàu “Gontsarov” đang chạy trên sông Volga hoang vắng. Những đợt lạnh đầu mùa đã trở lại. Xuôi theo dòng nước lũ xám xịt ở khoảng rộng bao la vùng châu á và từ những bờ phía đông đã mang màu hung hung của con sông, một làn gió giá buốt vun vút thổi mạnh ngược lại với con tàu, phần phật quất vào lá cờ ở đuôi tàu, quất vào mũ phớt, mũ lưỡi trai và quần áo của những người đi trên boong khiến họ phải nhăn mặt lại, và rồi luồn cả vào ống tay và tà áo của họ. Đưa tiễn con tàu một cách vu vơ và buồn tẻ chỉ là một con hải âu duy nhất, - lúc nghiêng hẳn mình trên đôi cánh nhọn bay sát theo đuôi tàu, lúc lại bay chênh chếch mà biến mất ở đằng xa, phía một bên mạn tàu, tuồng như nó chẳng còn biết làm gì trong cảnh hoang vu của con sông lớn và của bầu trời thu xám xịt.

Và cả con tàu cũng hầu như trống rỗng, - ở khoang dưới chỉ có một *ac-ten* ⁽¹³²⁾ những người nông dân, còn trên boong đi đi lại lại, lúc tụ lại lúc tản ra, cũng vền vện chỉ có ba người: hai người là vé hạng hai, hình như cùng đi tàu với nhau để cùng đến một nơi nào đó và không lúc nào rời nhau, luôn cùng nhau đi dạo và lúc nào cũng cùng nhau bàn tính chuyện gì và đều cùng giống nhau ở một điểm là không có gì đáng để ý; còn một người nữa vé hạng nhất thì khoảng ba mươi tuổi, là một nhà văn mới nổi tiếng gần đây, đáng để ý ở thái độ nghiêm trang không ra buồn mà cũng không ra bực của anh ta và một phần nữa là ở ngoại hình của anh ta: người cao lớn, lực lưỡng, thậm chí lưng hơi cong xuống như kiểu lưng của một số người có sức lực. Anh ta ăn vận bảnh bao và cũng là đẹp trai về một phương diện nào đó: tóc anh ta đen theo kiểu người phía đông nước Nga, như người ta thường thấy trong giới thượng nhân thời xưa ở Maxcova; và quả nhiên là anh ta đã xuất thân từ giới đó thật mặc dầu từ lâu anh ta chẳng còn có gì liên quan đến họ nữa.

Anh ta đi đi lại lại một mình với điệu bước chắc nịch, với đôi giày da bền dầy tiền, với chiếc áo khoác len *soviôt* ⁽¹³³⁾ đen và chiếc mũ cát két kẻ ô

kiểu Ănglê.

Anh ta bước tới bước lui, lúc thì đi ngược chiều gió, lúc lại đi xuôi, hít thở cái bầu không khí ngột ngạt của mùa thu và của sông Volga. Anh bước tới tận đặng lái, đứng ngấm nhìn con sông trải rộng và chảy dài thành một lớp sóng gợn xám phía sau tàu. Rồi anh ta lại quay ngoắt lại, tiến ra đặng mũi, đứng hứng gió, đầu cúi xuống trong chiếc cát két căng phồng và lắng nghe tiếng gõ đều đều của những chiếc gàu ở hai bên guồng đang ào ào đổ nước thành một dải trong như thủy tinh. Cuối cùng anh bỗng dừng chân và nhả nhó cười: từ cầu thang khoang dưới ở vé hạng ba nhoi lên và xuất hiện một chiếc mũ đen rẻ tiền, dưới chiếc mũ là một gương mặt gày guộc nhưng xinh xắn mà anh đã ngẫu nhiên làm quen được từ chiều hôm qua. Anh sai bước tiến lại phía nàng. Lên được boong xong, nàng cũng ngại ngần bước lại phía chàng và cũng chúm chím cười. Bị làn gió xô đẩy, toàn thân nàng lạng đi vì gió và nàng đưa một cánh tay gày gò lên để giữ lấy mũ. Trên mình nàng là một chiếc áo khoác mỏng mà phía dưới người ta thấy lộ ra đôi chân mảnh mai.

- Chị nghỉ ngơi ra sao rồi? - vừa đi chàng vừa lớn tiếng hỏi một cách mạnh dạn.

- Tốt lắm! - nàng đáp với giọng vui vẻ quá mức. - Lúc nào em cũng ngủ được, như một con culi vậy...

Chàng giữ lại bàn tay nàng trong lòng bàn tay to lớn của mình và nhìn thẳng vào cặp mắt nàng.

Nàng cũng sung sướng cố gắng đáp lại cái nhìn đó.

- Hỡi vị thiên thần của tôi, tại sao người lại ngủ trưa quá thế, - chàng suồng sã nói, - mọi người đã đang ăn sáng cả rồi.

- Tại em cứ nằm mơ hoài! - nàng đáp lại liến thoắng không khớp tí nào với tất cả cái bộ dạng của mình.

- Mơ chuyện gì vậy?

- Thiếu gì chuyện để mơ!

- Ôi chao, chị trông kìa! “Mùa hè lũ trẻ ra sông tắm, chết đuối xuôi theo nước vật vờ, mà chú Chechen ⁽¹³⁴⁾ lừng thừng bước trên bờ”.

- Chính là em đang đợi chờ chú Chechen đấy! - nàng vẫn đáp với cái vẻ liến thoắng vui tươi ấy.

- Tốt nhất là ta đi uống rượu *vodka* và ăn cháo cá đi thôi, - chàng nói và nghĩ bụng: chắc hẳn cô nàng chẳng có gì để ăn sáng cả đâu.

Nàng điệu dàng giậm đôi chân:

- Rượu *vodka*, *vodka*, phải đấy, phải đấy! Rét khủng khiếp!

Thế là họ rảo bước đi xuống phòng ăn của vé hạng nhất, nàng đi trước, chàng theo sau và lúc này vừa đi chàng vừa ngắm nghía nàng với một vẻ thèm muốn nào đó.

Ban đêm chàng đã tư tưởng đến nàng. Hôm qua, lúc sấm tối tàu cập vào một bến sông cao cao và đen ngòm nào đó mà phía dưới đã rải rác ánh đèn, chàng đã ngẫu nhiên bắt chuyện và làm quen với nàng ở mạn tàu, rồi sau cùng ngồi một lát với nàng trên boong nơi băng ghế dài đặt dọc theo dãy buồng vé hạng nhất, phía dưới những khung cửa sổ có nẹp cửa lùa màu trắng của những căn buồng này. Tuy nhiên chàng đã chỉ ngồi với nàng rất ít và đêm đến thì chàng lại thấy nuối tiếc. Điều chàng thấy ngạc nhiên là đến đêm chàng mới hiểu rằng mình đã thèm muốn nàng. Sao thế nhỉ? Theo thói quen dọc đường người ta thường bị những cô bạn đường ngẫu nhiên và không quen biết cuốn hút chẳng? Giờ đây, trong khi ngồi với nàng trong phòng ăn, trong khi chạm ly với nàng để nhắm món trứng cá thật lạnh với bánh mì nhỏ trắng nóng, chàng đã hiểu ra được vì sao nàng lại cuốn hút chàng đến thế và do đó nóng lòng chờ cho sự việc tự diễn đến hồi kết thúc. Và cũng do tất cả tình hình đó - cả việc uống *vodka* lẫn thái độ suồng sã của nàng - đều trái ngược một cách kỳ lạ với con người của nàng, nên chàng lại càng cảm thấy xao xuyến trong lòng.

- Nào, chỉ mỗi người một ly nữa rồi ta chấm dứt! - chàng nói.

- Phải đấy, chấm dứt thôi, - hòa theo giọng chàng, nàng đáp. - Mà cái rượu *vodka* này ngon thật đấy!

Dĩ nhiên, nàng đã khiến chàng cảm động ở chỗ là hôm qua khi chàng xưng tên với nàng thì nàng đã cuống quít cả lên, sửng sốt vì đột nhiên được làm quen với một văn sĩ lừng danh. Khi cảm biết và thấy được sự cuống quít đó, bao giờ ta cũng thấy dễ chịu trong lòng, bao giờ cũng khiến ta có

thiện cảm với người đàn bà ấy nếu cô ta không đến nỗi tệ và ngu ngốc quá. Và điều đó sẽ tạo ngay được một mức thân mật nào đó giữa mình với cô ta, khiến mình đối xử với cô ta được mạnh dạn hơn và dường như có được một quyền thế nào đối với cô ta. Nhưng điều hưng phấn đối với chàng không chỉ có cái đó: trong khi chàng đã khiến nàng sửng sờ còn bởi vì chàng là đàn ông, thì nàng khiến chàng cảm động lại chính là ở tất cả cái cảnh nghèo nàn và chất phác của nàng. Chàng đã quen thói sỗ sàng với các cô gái hâm mộ mình, quen thói dễ dàng và nhanh chóng chuyển từ những phút làm quen ban đầu sang cách đối xử suồng sã theo cái kiểu gọi là nghệ sĩ và giả vờ lục vấn một cách đơn giản: cô là ai? người ở đâu ta? đã có chồng chưa? Chính hôm qua chàng cũng đã lục vấn nàng như thế, trong khi ngắm cảnh nhá nhem của buổi chiều hôm, nhìn vào những ánh đèn lửa nhiều màu trên những phao tiêu phản chiếu thành một vệt dài trên dòng nước sẫm đen quanh tàu và nhìn vào đồng lửa cháy đỏ trên những bè gỗ, rồi nghĩ thấy cả mùi khói từ đó toả ra mà nghĩ bụng: “Đây là điều đáng nhớ, người tí khói này là thấy ngay được mùi cháo cá”, - rồi lại lục vấn tiếp:

- Có thể biết tên chị là gì không?

Nàng nhanh nhẩu xưng cả họ và tên mình.

- Chị đi đâu đó rồi nay trở về nhà đấy nhỉ?

- Em đến thăm bà chị ở Xviagioxk [\(135\)](#), chồng chị ấy đột nhiên chết nên cảnh ngộ chị ấy thật kinh khủng, anh ạ...

Mới đầu nàng lúng túng đến nỗi lúc nào cũng chỉ nhìn đâu ra xa. Rồi sau nàng đã bắt đầu trả lời mạnh dạn hơn.

- Chắc chị cũng có chồng rồi chứ?

Nàng mở miệng cười khẩy một cách kỳ dị:

- Có chồng rồi. Và than ôi, chẳng phải là năm đầu tiên...

- Sao lại than ôi?

- Em dại đột nhảy ào đi lấy chồng quá sớm. Ngoảnh đi ngoảnh lại chẳng mấy chốc cuộc đời sẽ trôi qua!

- Ồ, cái đó thì còn lâu.

- Than ôi, chẳng lâu la gì đâu! Mà em còn chưa biết mùi đời, chưa biết may mắn!

- Muốn biết cũng chưa muộn.

Thế là nàng đột nhiên hất đầu cười với một tiếng nhạt:

- Thì em cũng đang thử đấy!

- Vậy ông chồng làm gì? Quan chức chẳng?

Nàng phẩy bàn tay bé nhỏ:

- Ôi chao, chồng em là con người rất tốt, rất lành, nhưng tiếc một nỗi là chẳng có thú vị gì cả... Ông ấy làm thư ký phòng quản thủ điền thổ huyện nhà...

“Sao cô này thật dễ thương mà lại thật không may đến vậy!” - chàng nghĩ, đoạn rút hộp thuốc lá:

- Chị muốn hút thuốc không?

- Rất muốn!

Thế là nàng lóng ngóng châm thuốc, nhưng hút một cách dững cảm, rít những hơi nhanh, theo kiểu phụ nữ. Và một lần nữa chàng lại đột nhiên chạnh lòng thương hại nàng, thương hại cho cách cư xử buông thả của nàng, và cùng với lòng thương hại là một niềm trù mến và một dự vọng khoái cảm hòng lợi dụng cái ngây ngô, cái thiếu từng trải một cách muộn màng của nàng, và cái đó, - như chàng đã cảm biết được - nhất định sẽ đi đôi với một thái độ cực kỳ liều lĩnh. Giờ đây, ngồi trong phòng ăn, chàng nóng ruột ngắm nhìn đôi tay gầy guộc của nàng, nhìn khuôn mặt nhỏ nhắn, héo hon - nhưng do đó lại càng gợi cảm hơn - của nàng, nhìn vào mái tóc sẫm, rậm mà nàng chỉ chải búi qua quít và luôn lắc qua lắc lại, sau khi nàng đã cất bỏ chiếc mũ đen và trút bỏ chiếc áo khoác bé nhỏ màu xám ra khỏi tấm xiêm bằng vải sợi bông. Chàng cảm thấy xiêu lòng và hưng phấn trước thái độ cởi mở mà nàng đã nói chuyện với chàng hôm qua về cuộc sống gia đình, về cái tuổi không còn trẻ trung gì nữa của nàng, và cả trước thái độ hiện nay khi nàng bỗng dưng trở nên bạo phổi đến thế, đang làm và đang nói ra cả những điều chẳng phù hợp với bản thân nàng một cách đáng ngạc nhiên. Do rượu *vodka*, toàn bộ khuôn mặt nàng ửng đỏ lên đôi chút, thậm

chí đôi môi tái nhợt của nàng cũng hồng hào lên, còn cặp mắt nàng ngời lên một vẻ cười cợt, mơ màng.

- Anh biết không, - nàng bỗng bảo, - ta vừa mới nói đến những giấc mơ, vậy anh có biết hồi còn là nữ sinh trung học, em đã ước mơ điều gì hơn hết không? Ước mơ đặt in cho mình những tấm danh thiếp ấy! Hồi đó gia đình em nghèo túng hẳn đi, phải bán nốt phần trang trại còn lại để dọn vào thành phố, thế là em hoàn toàn chẳng còn ai để mà trao danh thiếp nữa cả, mà đó là điều em đã xiết bao mơ ước! Ngu ngốc kinh khủng...

Chàng bậm môi, nắm chặt lấy bàn tay nhỏ nhắn của nàng mà dưới làn da mỏng ấy chàng cảm biết hết được mọi đốt xương bé nhỏ của bàn tay.

Nhưng nàng hoàn toàn chẳng hiểu được ý chàng, lại tự mình nâng bàn tay ấy lên đôi môi chàng và thẫn thờ nhìn chàng như một kẻ quyến rũ già dặn.

- Về buồng tôi đi...

- Đi thôi... Đúng là ở đây khó thở thế nào ấy, nhiều khói thuốc lá quá!
Đoạn nàng lắc mái tóc, cầm lấy mũ.

Trong hành lang chàng ôm lấy nàng. Nàng kiêu hãnh, âu yếm ngoảnh mặt lại nhìn chàng. Lửa dục và sóng tình rào rạt, suýt nữa chàng cắn vào má nàng. Nàng ngoái đầu, đê mê đưa đôi môi lên để đón chàng.

Trong một ca-bin ⁽¹³⁶⁾ tranh tối tranh sáng mà cánh cửa chớp ngoài chấn song đã buông xuống nơi cửa sổ, nàng đã lập tức vội vã chiều lòng chàng và đã táo tợn tận hưởng toàn bộ niềm hạnh phúc bất ngờ mà số phận đã đột nhiên đem đến cho nàng cùng với một con người đẹp đẽ, mạnh mẽ và nổi tiếng. Nàng cởi cúc và giẫm lên tấm xiêm đã từ mình nàng tụt xuống mặt sàn, và chỉ còn lại một thân hình cân đối như một cậu bé con, trong một chiếc áo lót mỏng tang hở cả vai và tay, và một chiếc quần lót trắng. Tất cả những cái đó hồn nhiên đến nỗi chàng tưởng chừng như mình đang bị một mũi dùi đâm nhức nhối.

- Cởi tất cả ư? - nàng thì thầm hỏi, y hệt như một cô bé con.

- Tất, tất, - chàng đáp, mặt mũi càng thêm tối sầm lại.

Nàng ngoan ngoãn và mau lẹ bước khỏi đồng áo xống đã trút bỏ xuống mặt sàn, trần truồng, toàn thân màu xám xám phớt tím, với đặc điểm của

thân thể phụ nữ là khi ớn lạnh vì xúc động là căng ra, dịu mát đi và nổi gai ốc lên; trên mình nàng chỉ còn lại đôi bít tất dài rẻ tiền màu xám với những chiếc nịt tất thông thường và đôi giày nhỏ nhắn, rẻ tiền, màu đen. Đoạn nàng đưa mắt nhìn chàng với vẻ đặc thẳng, ngây ngất, đưa tay lên mái tóc, gỡ bỏ những chiếc trâm cài đầu. Chàng lạnh cả người, đôi nhìn nàng. Té ra thân hình nàng khá hơn, trẻ hơn là chàng có thể tưởng tượng trước đây. Xương quai xanh và xương sườn gầy gò nhô lên trên mình nàng hoà theo với khuôn mặt gầy gò và với đôi ống chân mảnh mai. Nhưng đôi mắt thì thậm chí lại to nữa là khác. Bụng thót lại với một lỗ rốn nhỏ mà sâu, dưới bụng nhô lên một đám lông rất đẹp hình tam giác, màu cũng sẫm hoà theo màu mái tóc rậm trên đầu. Nàng rút những chiếc trâm ra, mớ tóc rậm loà xoà phủ xuống tấm lưng gầy guộc với những đốt xương sống nổi lên rõ rệt. Nàng cúi mình để kéo lại đôi bít tất đang tụt xuống, - đôi vú bé nhỏ với những núm vú màu nâu, nhẵn nhúm, ớn lạnh, thông xuống như những quả lê lép kẹp nhưng vẫn yêu kiều trong cảnh nghèo nàn của chúng. Và chàng đã bắt nàng phải nếm trải cái cảnh cực kỳ trơ trẽn chẳng hợp gì với nàng ấy, nhưng do đó lại càng khiến chàng hưng phấn vì thương hại, trù mến, dục vọng... Ở khung cửa sổ, những mảnh gỗ cửa chớp chéch lên trên phía ngoài chắn song, do đó không ai có thể nhìn thấy gì, nhưng nàng vẫn cứ đưa mắt liếc nhìn lên với một nỗi sợ sệt khoái trá, vẫn nghe thấy những lời rì rầm vô tâm và tiếng chân người đi trên sàn tàu ngay dưới khung cửa sổ, và điều này lại khiến cho niềm khoái lạc dâm tình của nàng tăng lên một cách đáng sợ hơn. Ôi, nói năng và đi lại sát sạt cạnh như thế mà chẳng một ai lại có thể nghĩ rằng người ta đang làm gì cách đó có một bước, trong cái ca-bin trắng lốp này!

Rồi sau chàng đặt nàng lên giường như thể nàng đã chết. Nghiến chặt răng, nàng nhắm nghiền mắt lại, trên gương mặt hơi tái đi và còn rất non trẻ của nàng đã có một vẻ lẳng dịu đau buồn.

Trước lúc chiều tà, khi con tàu cặp vào một bến mà nàng sắp phải xuống, nàng lặng lẽ đứng bên chàng, hai hàng mi khép lại. Chàng hôn bàn tay bé nhỏ và giá lạnh của nàng với một mối tình nó còn ở lại đâu đó trong trái tim

chàng suốt cả đời người, còn nàng thì chẳng hề ngoái lại, chạy xuôi theo cầu tàu mà nhập vào đám đông nhốn nháo ở trên bến.

Ngày 5 tháng 10 năm 1940

Ngày thứ hai chay tịnh

Ngày đông xám xịt ở Maxcova đã sẫm tối, khí đốt đã nhen cháy lạnh lẽo trong những ngọn đèn, tủ kính các cửa hàng đã bùng lên ấm áp, - và thế là cuộc sống ban đêm ở Maxcova đã bùng lên, thoát khỏi những công việc bận bịu của ban ngày.

Những cỗ xe trượt tuyết chở thuê phóng qua phóng lại càng dày đặc và hăng hái hơn. Những toa xe điện đầy ắp, nhấp nhô, âm ầm lẫn bánh với vẻ càng lặc lè hơn, - trong bóng tối chạng vạng đã bắt đầu thấy được những đốm sao xanh lè từ trên dây điện xoèn xoẹt tóe xuống. Và bóng mờ mịt của những người qua lại trên vỉa hè tuyết phủ cũng rào bước nhộn nhịp hơn... Chiều nào cũng vậy, cứ vào giờ này người xà ích của tôi lại ruồi con tuần mã thân vườn dài ấy để phóng xe chở tôi từ các Cổng Đỏ (137) đến thánh đường Chúa Kitô Cứu Thế, đối diện nơi nàng ở. Và chiều nào tôi cũng đưa nàng đến ăn ở các khách sạn “Praha”, “Ermitaj”, “Metropol”, ăn xong đi xem hát, nghe nhạc rồi từ đó đi đến “Yar”, vào “Xtrenna” (138)... Tất cả những chuyện đó rồi sẽ kết thúc ra sao, tôi không biết, mà tôi cũng cố không nghĩ ngợi, chẳng muốn nghĩ cho đến ngọn ngành làm gì. Bởi lẽ điều đó cũng vô ích như khi nói với nàng về việc ấy vậy, vì có lần nàng đã dứt khoát gạt bỏ câu chuyện về tương lai của hai chúng tôi. Thái độ nàng thật là bí hiểm, thật khó hiểu đối với tôi, mà tất cả mối quan hệ giữa tôi với nàng quả thật cũng là kỳ dị, cho tới nay chúng tôi vẫn chưa hề thật sự gần gũi với nhau. Và tất cả những điều đó đã khiến tôi ở trong tình thế nhùng nhằng và căng thẳng, luôn khắc khoải chờ mong. Nhưng, đồng thời, tôi vẫn xiết bao sung sướng trong mỗi giờ phút ở bên nàng.

Chẳng hiểu để làm gì, nàng vẫn cứ đi học văn hóa, tuy rất ít đến lớp nhưng cũng vẫn là có đến. Có lần tôi đã hỏi: “Để làm gì vậy?” Nàng nhún vai đáp: “Vậy mọi chuyện đang xảy ra trên đời để làm gì nhỉ? Liệu chúng ta hiểu được chút gì về những xử sự của chúng ta chẳng? Hơn nữa, em đang thích môn sử...”. Nàng sống một mình, còn ông bố goá của nàng, một người

có học thức thuộc một dòng họ thương gia có tiếng, thì vẫn yên chí sống tại Tveri và đang tận thu một món lợi nào đó, hết như mọi thương gia tương tự khác vậy. Trong ngôi nhà đối diện với thánh đường Chúa Cứu Thế, để có thể ngắm nhìn quang cảnh Maxcova, nàng đã thuê một căn hộ ở đầu hồi trên tầng năm, tất cả có hai buồng, nhưng buồng nào cũng rộng rãi và bày biện chỉnh tề. Trong căn phòng thứ nhất, chiếc đi-văng rộng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ chiếm một khoảng lớn, rồi đến một chiếc pianô đắt tiền mà nàng thường tập đi tập lại đoạn mở đầu chậm chậm, tuyệt diệu mơ màng của khúc *Xônát ánh trắng*, và nàng chỉ tập đi tập lại có đoạn mở đầu ấy mà thôi. Trên chiếc pianô cũng như trên chiếc bàn gương đều có những bông hoa đóm đáng khoe sắc trong những bình pha lê nhiều cạnh, mà theo lệnh của tôi, thứ bảy nào cũng có người đem đến cho nàng những bông hoa tươi mới. Và cứ mỗi chiều thứ bảy nào tôi đến thì bao giờ cũng thấy nàng nằm trên chiếc đi-văng mà phía trên không hiểu tại sao vẫn treo ảnh Tolstoy đi chân đất. Nàng từ tốn chìa tay ra cho tôi hôn rồi lơ đãng nói: “Cám ơn anh đã cho hoa...”. Tôi còn thường đem đến cho nàng cả những hộp sôcôla, những cuốn sách mới - của Hofmannsthal, Schnitzler, Tetmajer, Przybyszewski (139) - và lần nào cũng chỉ nhận được một tiếng “cảm ơn” và một bàn tay ấm áp chìa ra như thế, hoặc họa hoằn là một mệnh lệnh cho phép được để nguyên áo khoác mà ngồi bên chiếc đi-văng của nàng. “Chẳng hiểu tại sao, - nàng thường đưa tay vuốt cổ áo khoác bằng lông hải ly của tôi mà tần ngần nói, - nhưng em vẫn có cảm giác là không có gì thơm hơn khí vị mùa đông mỗi khi anh đem nó từ ngoài sân vào trong buồng...”. Dường như nàng chẳng thiết một cái gì cả, kể cả hoa cả sách, cả ăn uống, cả đi xem hát, cả đi ăn hiệu vào ban đêm ở ngoài thành phố, mặc dù những đóa hoa gửi đến cũng có thứ hoa nàng thích có thứ không, những sách tôi đem đến, sách nào nàng cũng đều đọc qua, sôcôla thì một ngày nàng thường ngốn hết cả một hộp, khi dùng bữa trưa hay bữa tối nàng chén cũng không kém gì tôi, thích chén món cháo cá tuyết sông với bánh rán có nhân ở ngoài, thích chén chim đa đa rán với thật nhiều kem sữa. Đôi khi nàng bảo: “Em chẳng hiểu tại sao con người ta cả đời ngày nào cũng ăn, ăn ngày ăn đêm mà vẫn không chán” - nhưng

chính nàng thì lại ăn rất sành theo kiểu Maxcova, dù là ăn bữa trưa hay ăn bữa tối. Nhưng cái sở thích rõ rệt nhất của nàng lại chỉ là quần áo đẹp, nhưng, lụa, lông thú quý...

Cả hai chúng tôi đều giàu có, khỏe mạnh, trẻ trung và đẹp đẽ đến nỗi trong các hiệu ăn, trong các buổi hòa nhạc người ta đều phải đưa mắt nhìn theo chúng tôi. Tuy vốn người tỉnh Penzen, nhưng không hiểu tại sao lúc bấy giờ tôi lại đẹp trai với vẻ đẹp nồng cháy của người miền Nam, thậm chí “đẹp một cách bất nhã”, như lời một kịch sĩ nổi tiếng đã từng bảo tôi như vậy. Ông ta béo kinh khủng, tính rất háu ăn và rất láu lỉnh, vẻ ngái ngủ, ông ta bảo tôi: “Anh là người gì, có quý mà biết được. Như dân đảo Sicilia hay sao ấy.” Mà cả tính nết của tôi cũng là tính người miền Nam, luôn hoạt bát, luôn sẵn sàng nở nụ cười sung sướng, sẵn sàng bông lơn một cách thiện ý. Còn nàng thì lại có vẻ đẹp kiểu Ấn Độ, Ba Tư nào đó: khuôn mặt nàng ngăm ngăm màu hổ phách, mớ tóc nàng đẹp tuyệt vời mà lại có phần dữ dội vì vừa đen lại vừa rậm, đôi hàng lông mày của nàng lại vừa mềm lại vừa bóng lên như lông hắc điêu, đôi mắt nàng đen như loại than mềm mịn, miệng nàng quyến rũ với đôi môi đỏ thắm mịn màng, chung quanh điểm những lông tơ màu sẫm. Khi đi ra ngoài, nàng thường bận một tấm xiêm nhung màu vỏ lựu và đi đôi giày cũng màu đỏ có những khuy cài bằng vàng (nhưng khi đến lớp học thì nàng lại ăn mặc như cô sinh viên xuềnh xoàng và ăn bữa sáng ba mươi kópếch trong một quán ăn chay tịnh ở phố Arbat). Và nếu tôi càng thiên về bẻm mép và vui tính một cách chất phác bao nhiêu thì nàng lại thường trầm lặng bấy nhiêu, lúc nào cũng ngăm nghĩ điều gì, lúc nào cũng như đào sâu suy nghĩ một vấn đề gì. Mỗi khi nằm trên đi-văng với một quyển sách trong tay là nàng thường hay buông sách xuống mà nhìn về phía trước như dò hỏi, điều đó tôi thấy được khi tôi ghé thăm nàng cả vào ban ngày, bởi vì cứ mỗi tháng lại có khoảng ba bốn ngày nàng hoàn toàn không bước ra khỏi cửa, không đi chơi đâu ra khỏi nhà, cứ nằm đọc sách, bắt cả tôi cũng phải ngồi vào ghế bành cạnh đi-văng mà im lặng đọc sách.

- Anh lắm điều và hiểu động kinh khủng, - nàng thường bảo vậy, - để cho em đọc hết chương này đã nào...

- Nếu tôi mà không lắm điều và hiểu động thì có lẽ chẳng bao giờ làm quen được với cô đâu, - tôi đáp vậy để nhắc nàng nhớ tới hồi chúng tôi mới quen biết nhau. Lần đó là vào tháng chạp, khi đến Câu lạc bộ văn nghệ tôi ngẫu nhiên rơi vào cuộc diễn giảng của Andrei Belui (140), khi thấy ông này ca ngợi nàng trong khi chạy, nhảy trên sàn diễn tôi đã hết sức phấn khích và đã cười nhiều đến nỗi khi nàng ngẫu nhiên ngồi xuống ghế bên cạnh tôi, mới đầu cũng phải ngờ ngàng nhìn tôi, rồi cuối cùng nàng cũng phải cười phá lên, còn tôi thì lập tức vui vẻ bắt chuyện với nàng.

- Đúng thế đấy, - nàng nói, - nhưng dù sao anh cũng hãy im lặng tí chút, đọc cái gì đi, làm điều thuốc đi vậy nào...

- Làm sao tôi có thể im lặng được! Cô không thể hình dung nổi tôi yêu cô đến chừng nào! Mà nào cô có yêu tôi đâu!

- Em hình dung được chứ. Còn về tình yêu của em thì anh biết rất rõ rằng ngoài bố và anh ra, em chẳng còn có ai trên đời này. Dù sao chẳng nữa, đối với em, anh là người đầu tiên và cũng là người cuối cùng. Anh thấy thế còn ít sao? Nhưng thôi nói thế là đủ rồi. Có anh là không sao đọc sách được nữa, ta uống trà đi vậy...

Thế là tôi đứng dậy, đun nước sôi bằng chiếc ấm pha trà bằng điện đặt trên mặt bàn nhỏ mé sau đi-văng, rồi vừa bước đến chiếc tủ chè bằng gỗ hồ đào ở sau chiếc bàn nhỏ mà lấy tách và đĩa nhỏ ra, vừa nói điều mình chợt nghĩ:

- Cô đọc hết cuốn *Thiên thần rục lửa* rồi chứ?

- Em coi hết rồi. Cuốn ấy viết phóng đại ghê quá, đọc đến phát ngượng lên ấy.

- Thế tại sao trong buổi trình diễn của Saliapin (141) hôm qua, cô lại đột ngột bỏ về thế?

- Ông ta quá đổi phờng chèo. Và ngoài ra, nước Mẹ Nga mà tóc vàng nói chung là em chả thích.

- Cô thì cái gì cũng chả thích!

- Vâng, cũng hơi bị nhiều đấy...

“Một tình yêu lạ đời!” - tôi nghĩ bụng. Và trong khi chờ nước sôi, tôi đứng, nhìn ra những khung cửa sổ. Trong phòng, hoa toả hương thơm ngát, và đối với tôi thì nàng quyến trong hương thơm của những đoá hoa này. Phía ngoài một khung cửa sổ, tôi thấy bên dưới xa xa trải dài một bức tranh bát ngát của quang cảnh Maxcova tuyết trắng và biếc xám ở bên kia sông. Còn ở khung cửa sổ bên này, mé trái, tôi trông rõ một phần điện Kremlin và đối diện với nó, tôi thấy toà thánh đường đồ sộ của Chúa Kitô Cứu Thế sao lại mới mẻ quá thế và sao nó hiện ra gần quá thế, trắng xoá ra, mà trên vòm mái dát vàng của thánh đường tôi thấy ánh lên những đốm xanh xanh, bóng của những con ác là vĩnh viễn bay lượn chung quanh mái vòm... “Một thành phố kỳ quặc! - tôi bụng bảo dạ mà nghĩ tới Okhotnuri Riad, tới Iverxkaia và Vaxili Blajenuri (142), - Vaxili Blajenuri và Xpax-na-Bor đều là những nhà thờ lớn kiểu Ý, vậy mà những chóp tháp nhọn trên các bức tường thành điện Kremlin lại có cái vẻ gì đó của Kirghizia...”.

Đến thăm nàng vào lúc hoàng hôn, đôi khi bắt gặp nàng nằm trên đi-văng, chỉ mặc một chiếc áo ngoài lụa viền lông hắc điêu, - nàng bảo đó là “của thừa kế do bà em quê ở Axtrakhan để lại”, - tôi bèn ngồi xuống bên nàng trong cảnh tranh tối tranh sáng, hôn lên tay nàng, chân nàng và tấm thân mượt mà đến kỳ lạ của nàng... Nàng không hề phản đối gì, nhưng vẫn chỉ lặng thinh. Tôi liền tìm ngay đến đôi môi nóng hổi của nàng, nàng thuận ý và thở hổn hển lên, nhưng vẫn cứ lặng thinh. Đến khi thấy tôi không còn giữ nổi mình nữa thì nàng bèn đẩy tôi ra, ngồi dậy, bảo tôi thắp đèn lên với một giọng bình thường, rồi bước sang buồng ngủ. Tôi thắp đèn, ngồi lên chiếc ghế có trụ xoay cạnh chiếc pianô rồi dần dần hồi tỉnh lại, nguôi được cơn mê cháy bỏng. Mười lăm phút sau nàng từ buồng ngủ bước ra, xiêm áo chỉnh tề, sẵn sàng ra xe để đi, vẻ trông bình thản và đơn giản, hết như trước đó không có gì xảy ra cả:

- Hôm nay ta đi đâu? Đến “Metropol” chẳng?

Và suốt buổi tối hôm đó chúng tôi lại nói với nhau những chuyện ngoài lề khác. Sau khi gần gũi nhau được ít lâu, lúc tôi lại mở miệng nói tới chuyện kết hôn thì nàng bảo:

- Không, em chưa đủ tư cách làm một bà vợ được. Chưa làm được, chưa làm được đâu...

Điều đó chẳng khiến tôi thất vọng. “Rồi sau sẽ hay!” - tôi tự bảo mình, hy vọng rằng với thời gian sẽ thay đổi được quyết định của nàng và từ đó không nhắc đến chuyện kết hôn nữa. Đôi khi tình trạng gần gũi không trọn vẹn ấy dường như đã không sao chịu nổi đối với tôi, nhưng ngay cả lúc ấy tôi cũng có còn cách nào khác nữa đâu ngoài hy vọng vào thời gian? Một hôm, lại ngồi bên nàng trong cảnh chiều hôm tăm tối và yên tĩnh đó, tôi đưa tay ôm lấy đầu mình:

- Không, tình trạng này tôi không chịu nổi nữa rồi! Và tại sao, vì có gì lại cứ làm tình làm tội tôi và làm tình làm tội bản thân mình như thế!

Nàng nín lặng.

- Ờ, dù sao đó cũng chẳng phải là yêu đương, chẳng phải là tình yêu gì cả...

Từ trong bóng tối nàng đều giọng đáp lời rằng:

- Cũng có lẽ. Nào ai biết được tình yêu là gì?

- Tôi, tôi biết! - tôi thốt lên. - Tôi sẽ đợi cho đến khi cả cô cũng sẽ biết được tình yêu là gì, hạnh phúc là gì!

- Hạnh phúc, hạnh phúc... “Bạn ơi, hạnh phúc của chúng ta như nước trong tấm lưới nóng, kéo lưới thì lưới phồng, cất lưới thì lưới lại chẳng có chi”.

- Thế là cái gì?

- Đó là lời Platon Karataev nói với Pier [\(143\)](#) đó.

Tôi phẩy tay.

- Ôi chao, cái đạo lý hiền triết phương Đông ấy thì kệ xác nó!

Và cả tối tôi lại chỉ nói những câu chuyện ngoài lề, về vở kịch mới ở Nhà hát kịch, về thiên chuyện ngắn của Andreev... Tôi lại chỉ đành bằng lòng với những việc như: mới đầu tôi được ngồi khăng khít bên nàng trên chiếc xe trượt tuyết phi như bay và phóng hết tốc lực, ôm để giữ lấy nàng trong chiếc áo choàng lông ngắn trơn mượt, rồi sau đó cùng nàng bước vào căn phòng lớn đầy người ở hiệu ăn trong tiếng nhạc hành khúc của vở

Aida (144), ăn uống bên nàng, nghe giọng nói chầm rãi của nàng, nhìn đôi môi mà tôi vừa được hôn cách đây một tiếng đồng hồ, - phải, ta đã hôn, tôi tự bảo mình như thế, trong khi với lòng hân hoan biết ơn tôi vừa nhìn vào đôi môi ấy, vào những lông tơ sẫm sẫm quanh đôi môi ấy, nhìn vào màu nhung vỏ lụa trên xiêm áo của nàng, vào đôi vai thon thả, cặp vú bầu bĩnh, và vừa thoang thoang thấy một mùi hương nhẹ nhàng nào đó từ mái tóc của nàng mà vừa nghĩ: “Maxcova, Axtakhan, Ba Tư, Ấn Độ!”. Ở các hiệu ăn ngoài thành phố, tới cuối bữa ăn tối, khi chung quanh đều đã náo nhiệt hơn trong khói thuốc lá, nàng cũng hút thuốc lá và chệnh choáng say, đôi khi nàng cũng dẫn tôi vào một thư phòng riêng, yêu cầu gọi đám người *Zigan* đến. Thế là họ tiến vào với vẻ cố ý gây cảnh ồn ào và phóng khoáng, đi đứng trước đội đồng ca là người *Zigan* già với chiếc đàn ghi ta có băng xanh quàng qua vai, mình mặc bộ quần áo kiểu *kazac* có đeo lon, môi ông ta tím nhạt như mồm kẻ chết trôi, đầu lại trọc lốc như một quả bóng bằng gang, theo sau là một cô gái *Zigan* lĩnh xướng, trán thấp tẹt dưới một vòng dây thừng đen như hắc ín... Nàng nghe họ hát với một vẻ giễu cợt thần thờ mà kỳ dị... Khoảng ba, bốn giờ đêm tôi lại chở nàng về nhà, tới cổng thì tôi nhắm chặt mắt lại vì sung sướng mà hôn lên cổ áo lông ướt đẫm của nàng rồi phóng như bay về những Cổng Đỏ trong một niềm tuyệt vọng hân hoan nào đó. Cả ngày mai và ngày kia rồi cũng sẽ như vậy, - tôi nghĩ bụng, - lại cũng vẫn là nỗi đau khổ đó và cũng vẫn là niềm hạnh phúc đó... Có thể thôi, - dù sao cũng là hạnh phúc, hạnh phúc lớn lao lắm rồi!

Cứ như thế qua tháng giêng, tháng hai, rồi cả Lễ Tống Tiền Mùa Đông (145) cũng đã đến và đã trôi qua. Vào một ngày chủ nhật Tha tội (146) nàng lệnh cho tôi đến gặp nàng vào năm giờ chiều. Khi tôi đến thì nàng đã ăn mặc chỉnh tề, bận chiếc áo choàng bằng lông cừu non, đội mũ lông cừu non, đi ủng ngắn bằng da đen.

- Đen tuyền kìa! - tôi vừa nói vừa bước vào, mừng, vui như bao giờ hết. Đôi mắt nàng trù mẫn và dịu dàng.

- Mai đã là ngày Thứ hai chay tịnh (147) đầu tiên rồi còn gì, - nàng đáp, đoạn từ chiếc bao tay bằng lông cừu non nàng rút bàn tay đeo găng da dê

non màu đen cho tôi bắt - “Đức Chúa ngự trị cuộc đời con...”. Anh có thích đi đến nhà tu kín Novodevitri (148) không?

Tôi ngạc nhiên nhưng vội bảo:

- Thích chứ!

- Cứ hết quán rượu nọ đến quán rượu kia làm gì, - nàng nói thêm. - Sáng hôm qua em đã đến thăm nghĩa trang Rogojskoe đấy...

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn:

- Thăm nghĩa trang ư? Để làm gì? Đấy là cuộc ly giáo nổi tiếng ngày xưa hả (149)?

- Phải, đó là cuộc phân ly đấy kia. Nước Nga trước thời Pier đại đế đấy! Họ đã chôn ông tổng giám mục của họ ở đấy. Mà anh thử tưởng tượng xem: quan tài là một khúc gỗ sồi, hết như ngày xưa vậy, găm dát vàng y như được rèn đúc ra, mặt người quá cố được che bằng the trắng dính mạng đen sợi to, trông vừa đẹp lại vừa dễ sợ. Còn bên cạnh quan tài là các vị phó tế (150) với những bình hương và những đài nến ba ngôi.

- Cô học ở đâu mà biết được đấy? Những là bình hương với lại đài nến ba ngôi!

- Cái đó thì anh chả biết được em đâu.

- Tôi chưa hề biết là cô sùng đạo đến thế.

- Đây chẳng phải là sùng đạo. Em chả biết thế nào... Nhưng giả dụ như có những buổi sáng và buổi tối, khi anh không lôi em đến các hiệu ăn, thì em thường đến các nhà thờ lớn trong Kremli mà thậm chí anh chẳng ngờ tới được... Thì ở đấy có những thầy phó tế, và những thầy phó tế nổi tiếng ấy chứ! Như thầy Perexvet và thầy Oxliabia ấy! Và trên hai tầng gác hát đều có hai ca đoàn, cũng toàn là những thầy Perexvet, người nào người nấy đều cao to, lực lưỡng, mặc áo *kaphtan* (151) dài đen, họ hát, ban ca đoàn nọ đối xứng với ban ca đoàn kia, họ hát đều một nhịp, không theo nốt nhạc mà theo những “cái móc câu” ấy. Thế còn trong lỗ huyệt thì chất đầy những cành tùng lóng lánh, mà ngoài trời thì rét, có ánh nắng mặt trời, có tuyết chói lòa... Ồ mà không, điều đó anh chẳng hiểu được đâu! Ta đi thôi...

Chiều hôm ấy hiền hoà, trời nắng, có giá đọng trên các cành cây; trên các tường gạch đỏ như máu của tu viện, những con ác là chao đi chao lại trong bầu tĩnh mịch hết như những nữ tu bé nhỏ, lúc nào cũng thấy những tiếng chuông đồng hồ thanh thanh và buồn bã điểm giờ trên gác chuông. Tiếng chân bước cọt kẹt trên mặt tuyết vang lên trong bầu tĩnh mịch, chúng tôi tiến vào cổng, lần theo những lối đi đầy tuyết phủ trong nghĩa trang, - mặt trời vừa lặn xuống, nhưng trời còn rất sáng sủa, các cành cây đọng giá hiển hiện tuyết vời thành một sắc san hô xám trong ánh mạ vàng của lúc chiều tà, chung quanh chúng tôi leo lét một cách bí ẩn những đốm lửa yên tĩnh và buồn bã của những ngọn đèn thờ không bao giờ tắt rải rác trên những ngôi mộ. Tôi bước theo nàng, trèo mền dũi theo vết chân bé nhỏ của nàng, dũi theo hình những ngôi sao xinh xinh mà đôi ủng nhỏ, đen và mới toanh của nàng để lại trên tuyết, - vậy mà nàng đã cảm biết được và quay ngoắt lại:

- Quả là anh yêu em lắm đấy! - nàng lắc đầu với một vẻ ngỡ ngàng êm dịu mà nói vậy.

Chúng tôi đứng bên những ngôi mộ của Erten (152), Tsekhov (153). Giữ nguyên đôi tay trong chiếc bao tay bông sũng, nàng nhìn vào tấm bia kỷ niệm trên mộ Tsekhov hồi lâu, đoạn nhún vai:

- Một sự pha trộn đáng ghét giữa phong cách ngọt nhạt của Nga với phong cách của Nhà hát kịch.

Trời đổ tối, giá lạnh, chúng tôi từ từ ra khỏi cổng, mà cạnh đó chú Fiodor của tôi vẫn ngoan ngoãn ngồi trên ghế giông xe.

- Ta đi thêm chút nữa đi, - nàng nói, - rồi ta đến ăn những chiếc bánh trắng cuối cùng ở hiệu Egonov... Nhưng đừng phóng nhanh, chú Fiodor nhỉ?

- Thừa vâng.

- Hình như ở Ordunka có ngôi nhà Griboedov (154) ở trước đây. Ta thử đi tìm xem...

Thế là chẳng hiểu sao chúng tôi lại đi đến Ordunka, quanh quẩn hồi lâu theo những ngõ ngách giữa các khu vườn và đến ngõ Griboedov; nhưng nào

có ai chỉ được cho chúng tôi biết Griboedov đã từng sống ở ngôi nhà nào, - người qua lại chẳng có một ai, vả lại trong bọn họ ai là người có thể cần biết đến Griboedov làm gì? Trời đã tối từ lâu, đằng sau những cây cối giá đọng đã thấy ửng hồng những ô cửa sổ sáng ánh đèn...

- Đằng kia còn có đan viện Marpho - Mariinxkaia nữa, - nàng nói.

Tôi bật cười:

- Lại vào tu viện nữa à?

- Không, ấy là em nói vậy...

Ở tầng dưới quán rượu Egorov tại Okhotnui Riad đầy những người giông xe đầu bồm xồm, mặc quần áo béo xù ra. Họ đang cắt từng tẹp những chiếc bánh tráng đã được rưới quá nhiều mỡ và kem sữa. Ở đây hơi nước bốc nghi ngút như trong buồng tắm vậy. Các căn phòng bên trên cũng rất ấm, trần thấp, ở đó thì lại có những thương nhân thủ cựu đang nhắm rượu sâm banh ướp lạnh với những chiếc bánh tráng màu đỏ như lửa, có phết trứng cá hạt. Chúng tôi sang căn phòng thứ hai, - ở góc phòng một cây đèn thờ đang cháy trước một tấm gỗ đen có vẽ tượng thánh Đức Mẹ có ba tay ⁽¹⁵⁵⁾, - và ngồi vào một chiếc đi-văng bọc da đen đằng sau một chiếc bàn dài... Những lông tơ trên môi trên của nàng đều còn vương sương giá, nước da hổ phách trên cặp má nàng hồng hào lên, lòng đen trong con mắt nàng hoàn toàn hoà lẫn với con ngươi, - tất cả đều khiến đôi mắt hân hoan của tôi không sao rời khỏi khuôn mặt nàng. Còn nàng thì vừa rút chiếc mùi xoa ra khỏi ống bao tay thơm phức, vừa nói:

- Hay thật! Dưới kia là những anh nhà quê thô lậu, mà trên này thì bánh tráng nhắm với sâm banh và Đức Mẹ ba tay. Ba tay đấy nhé! Thế là Ấn Độ rồi còn gì! Anh là một ngài quý tộc, anh không thể hiểu toàn bộ cái thành phố Maxcova này như em được đâu.

- Tôi hiểu được, hiểu được! - tôi đáp. - Ta hãy đặt một bữa ăn cho thịnh soạn cái đã!

- “Thịnh soạn” là thế nào?

- Nghĩa là cho ra trò. Cô mà không biết hay sao? “Ghiurghi bảo rằng...”

- Ghiurghi! Thật là hay!

- Phải, đó chính là vương tước Iuri Dolgoruki (156). Ghiurghi bảo với Xviatoxlav, vương tước Phương Bắc rằng: “Bạn hỡi, hãy đến cùng tôi ở Moxcova (157), đoạn truyền lệnh dọn một bữa ăn thịnh soạn”.

- Thật là hay. Vậy mà giờ đây cái nước Ruxi (158); ấy chỉ còn lại trong những tu viện phương Bắc nào đó. Và cả trong những bài ca ở nhà thờ nữa. Gần đây em có đến thăm tu viện Zatsatievxki - ở đấy họ hát những bài thánh vịnh thật tuyệt vời, anh không tưởng tượng được đâu! Thế mà ở tu viện Tsudovui lại còn tuyệt hơn cơ. Năm ngoái cứ đến Tuần Chịu nạn (159) là em lên đấy suốt. Chao ôi, thích thật đấy! Khắp nơi là nội cỏ, không khí quả là hiền dịu, trong lòng sao thấy êm ái, hiu hiu buồn và lúc nào cũng cảm thấy tình quê hương, thấy cái cổ kính của đất nước... Trong nhà thờ chính toà có bao nhiêu cửa đều mở ra hết, những người dân thường ra ra, vào vào cả ngày, suốt ngày người ta đều làm lễ... Ôi, nếu như em được đi biệt đến một tu viện nào đó, đến một nơi cực kỳ thâm sơn cùng cốc nào đó, như Vologda hay Viatka (160) chẳng hạn!

Tôi định bảo nàng rằng nếu vậy thì tôi cũng sẽ đi quách hoặc sẽ cắt cổ một ai đó để được đầy đi đảo Xakhalin, và rồi, mất bình tĩnh do quá xúc động tôi châm thuốc hút, thì một người hầu rượu mặc quần trắng, sơ mi trắng, lưng thắt một đoạn dây bện màu mận chín, đã tiến lại gần tôi, kính cẩn nhắc:

- Bẩm ông, ông tha lỗi, ở chỗ chúng cháu không hút thuốc được đâu ạ...

Rồi lập tức anh ta liền láu nói với vẻ đặc biệt xun xoe:

- Ông gọi món gì để ăn với bánh tráng ạ? Rượu thuốc ngâm thảo dược ạ? Trứng cá, cá hồi ạ? Để nhắm với cá ám nhà hàng chúng cháu có rượu *kheres* đặc biệt ngon, còn để ăn cá *navaga* thì...

- Cho cả rượu *kheres* để nhắm với cá *navaga* - nàng chêm lời và tôi vui lòng thấy suốt buổi chiều nay nàng tỏ ra mau mồm mau miệng một cách tốt bụng như thế. Và rồi tôi đã lơ đãng nghe những gì nàng nói sau đó. Còn nàng thì nói với ánh dịu hiền trong đôi mắt:

- Những cái gì thuộc biên niên sử Nga, chuyện cổ tích Nga là em rất thích. Tới nay em vẫn đọc đi đọc lại những cái gì mình đặc biệt thích, kỳ

cho tới khi thuộc lòng mới thôi. “Ngày xưa trên đất nước Nga có một thị trấn tên gọi Murom, ở đó trị vì một vương tước rất mộ đạo tên gọi Pavel. Thế nhưng có con xà tinh đến cám dỗ vợ chàng vào con đường dâm dăng. Con xà tinh ấy hoá phép thành một người thật, đẹp tuyệt vời đến gặp nàng...”

Tôi bèn đùa, giả cách trợn mắt khiếp sợ:

- Eo ôi, kinh chưa!

Nàng điềm nhiên kể tiếp:

- Đây là Chúa thử lòng nàng đó thôi. “Đến khi nàng được ơn Chúa cho lâm chung thì cả vương tước và phu nhân đều cầu xin Chúa cho được trình diện cùng một ngày. Và cả hai người hẹn ước được cùng chôn chung trong một chiếc quan tài. Rồi họ ra lệnh đục hai lỗ huyết trong cùng một phiến đá. Rồi họ lại cùng một lúc chuyển sang bần đồ tu hành...”.

Thế là tâm trạng lơ đãng của tôi một lần nữa lại biến thành ngạc nhiên, thậm chí thành một nỗi lo âu: hôm nay nàng làm sao thế nhỉ?

Thế rồi đêm hôm đó, khi tôi chở nàng về nhà vào một thời điểm hoàn toàn khác thường là mười một giờ đêm, và vừa chia tay với tôi ở cổng xong, nàng bỗng chạy đến giữ tôi lại lúc tôi đã ngồi vào xe trượt tuyết:

- Gượng đã, anh. Mai anh đến em vào buổi tối, sau mười giờ nhé. Mai là buổi “cây nhà lá vườn” của Nhà hát kịch.

- Vậy thì sao? - tôi hỏi. - Cô muốn đến buổi “cây nhà lá vườn” đó hả?

- Vâng.

- Nhưng chính cô đã bảo rằng mình không biết có cái gì còn tồi tệ hơn những buổi “cây nhà lá vườn” ấy kia mà!

- Cả hiện thời em cũng vẫn thấy thế. Nhưng dù sao em vẫn muốn đi.

Tôi lắc đầu thăm trong dạ, - rất những chuyện đong đánh, những chuyện đong đánh kiểu Maxcova! - và tươi tỉnh đáp ứng:

- Ôn rait [\(161\)](#)!

Mười giờ tối hôm sau, đi thang máy lên đến cửa buồng nàng, tôi dùng chiếc chìa khoá nhỏ của mình mở cửa ra nhưng vẫn nán lại ở phòng ngoài tắm tối chưa bước vào phòng trong vội, bởi vì trong đó thấy sáng sủa khác

thường, đèn đuốc sáng choang, - cả những chùm đèn treo, cả những cây đèn nhiều ngọn ở hai bên cạnh tấm gương soi, và cả cây đèn cao có chao đèn mỏng manh đứng ở đầu đi-văng, - còn ở chiếc pianô lại thấy vang lên đoạn mở đầu của khúc *Xônát ánh trắng*, tiếng đàn càng dâng cao, càng vang động bao nhiêu thì ta lại càng thấy nó khắc khoải hơn, mời gọi hơn trong một nỗi buồn mơ màng, sáng khoái. Khi tôi đóng sập cánh cửa buồng ngoài, thì tiếng nhạc ngừng nhường cho tiếng xiêm áo sột soạt. Tôi bước vào, thấy nàng đứng thẳng người với điệu bộ hơi có vẻ kịch tính bên chiếc đàn pianô, với một chiếc xiêm nhung đen khiến nàng trông như thon thả hơn và lung linh hơn với vẻ lộng lẫy của mình; với mái tóc đen nhánh được chải chuốt theo kiểu ngày hội; với màu hồ phách ngăm đen của đôi tay trần, đôi vai trần và của phần trên ngực mịn màng, đầy đặn; với đôi hoa tai kim cương lấp lánh xuôi theo đôi má phũ dưới một làn phấn nhẹ nhàng; với cặp mắt màu than mịn như nhung và đôi môi cũng mịn một màu nhung đỏ thắm. Ở hai bên thái dương của nàng, đôi bím tóc đen láng bóng uốn cong nửa vòng xoắn xuống cặp mắt khiến nàng mang vẻ một mỹ nhân phương Đông trong tranh khắc dân gian.

- Nếu là một nữ ca sĩ vừa trình diễn trên sàn diễn, - nàng nhìn vào nét mặt hoang mang của tôi mà nói, - thì em sẽ đáp lại những tràng vỗ tay bằng một nụ cười niềm nở, khẽ nghiêng mình chào bên phải, bên trái, chào bên trên và bên dưới, còn bản thân mình thì tuy kín đáo, nhưng vẫn sẽ rất cẩn thận lấy chân gạt đuôi váy ra để khỏi giẫm phải nó...

Trong buổi “cây nhà lá vườn”, nàng hút thuốc lá nhiều và luôn nhấp rượu sâm banh, chăm chú ngắm nhìn các diễn viên la hét huyên thuyên và ca lên những điệp khúc để mô tả một điều đó như kiểu Paris. Nàng chăm chú ngắm Xtanixlavxki ⁽¹⁶²⁾ người cao lớn với mái tóc trắng và đôi lông mày đen, ngắm nhìn vào Moxkvin, người lẩn chắt với cặp kính không gọng trên bộ mặt giống như cái máng lợn, - cả hai người này đều đang cố làm ra vẻ nghiêm chỉnh và nỗ lực, ngả người ra phía sau để liều mạng tạo ra một điệu nhảy *cancan* ⁽¹⁶³⁾ trong tiếng cười âm ỉ của khán giả. Còn Katsalov ⁽¹⁶⁴⁾, thì mặt tái đi vì men rượu, một chòm tóc kiểu Beloruxia xoắn

xuống văng trán đâm đũa mồ hôi, cầm ly rượu tiến lại gần chúng tôi, nâng ly, làm ra vẻ âm thầm thềm muốn, ngắm nhìn nàng mà nói bằng một giọng trầm của diễn viên:

- Hỡi bà chúa tươi trẻ, nữ hoàng Samakhan, chúc sức khỏe của nàng!

Và nàng chậm chậm mỉm cười, chạm ly với ông ta. Ông ta tay cầm lấy tay nàng, gắn môi vào đó với vẻ say rượu và suýt nữa thì ngã bổ nhào.

Nhưng ông ta gượng lại được, rồi nghiêng răng đưa mắt nhìn tôi:

- Còn cái anh chàng đẹp trai nào thế này? Tôi căm thù đấy.

Rồi chiếc phong cầm quay tay bắt đầu vang lên khàn khàn, rít lên, ồn ã lên, giậm giậm nhún nhảy lên một điệu *polka*, - và rồi Xulerjixki (165), một con người nhỏ bé, luôn tươi cười và lúc nào cũng hối hả về việc gì đó, đã trượt trên sàn, phóng như bay đến chỗ chúng tôi, cúi gập mình, tỏ một vẻ phong nhã theo kiểu tiếp đón khách trong cung đình, nói lấp bắp một cách vội vàng:

- Xin được phép mời nhảy một điệu *polka* Tranblan (166) ngắn...

Thế là nàng cười nụ, đứng dậy, rồi vừa giậm chân một cách khéo và gọn, long lanh với những chiếc hoa tai, với nước da đen và với đôi vai, đôi tay trần của mình, nàng cùng tiến lên với ông ta len lỏi giữa những chiếc bàn nhỏ, khiến mọi người phải dõi theo nàng bằng những con mắt thán phục và những tràng vỗ tay, trong khi đó ông ta vươn cổ, be lên như một con dê đực:

Nhanh lên, ta hãy nhanh lên

Polka sẽ nhảy cùng em điệu này!

Đến ba giờ đêm nàng đứng dậy, lấy tay che mắt. Lúc cùng nhau lấy áo khoác mặc để ra về, nàng nhìn lên chiếc mũ lông hải ly của tôi, đưa tay vuốt ve cổ áo lông hải ly rồi vừa bước ra phía cửa, vừa nói nửa như đùa, nửa như thật:

- Dĩ nhiên là đẹp trai rồi. Katsalov nói đúng... “Con xà tinh ấy hóa thành một con người thật, đẹp tuyệt vời...”.

Dọc đường nàng im lặng, đầu gục xuống do một cơn bão tuyết sáng loá dưới ánh trăng đang thổi ngược lại. Mặt trăng tròn trịa ngụp trong những đám mây trên điện Kremli, - “một cái đầu lâu loé sáng nào đó” - nàng bảo vậy. Trên tháp Xpaxkaia, đồng hồ điểm ba giờ, - nàng lại bảo:

- Sao cái thanh âm cổ xưa thế, - đó là một thứ gì vừa bằng sắt tây lại vừa bằng gang. Cả lúc ba giờ đêm trong thế kỷ mười lăm nó cũng đã từng điểm như vậy, cũng bằng một thanh âm đó. Cả ở Florence ⁽¹⁶⁷⁾ đồng hồ cũng điểm y hệt, và khi đó em lại nhớ tới Maxcova...

Đến lúc Fiodor ghì cương lại ở lối ra vào, nàng ra lệnh cho tôi với giọng mất hết sức sống:

- Để cho chú ấy về...

Tôi sững sốt, - chưa bao giờ nàng cho phép lên buồng nàng vào ban đêm cả, - và luống cuống bảo:

- Fiodor, tôi sẽ đi bộ về...

Rồi chúng tôi lặng lẽ đi thang máy lên tầng, tiến bước vào cái cảnh âm áp ban đêm và cái bầu tĩnh mịch của căn hộ với tiếng gõ lách cách của những chiếc búa máy con trong lò sưởi. Tôi cởi cho nàng chiếc áo choàng lông ngắn đã bị tuyết gội trơn nhẵn, nàng lột từ mái tóc ra chiếc khăn san lông tơ ướt át mà ném vào tay tôi, rồi loạt soạt chiếc váy lụa mặc trong, nàng rảo bước vào buồng ngủ. Tôi cởi áo khoác ngoài, bước vào căn buồng thứ nhất mà ngồi lên chiếc đi-văng Thổ Nhĩ Kỳ, trái tim lặng đi khác nào đứng bên một vực thẳm. Tôi nghe thấy tiếng chân nàng đặng sau đôi cánh cửa bỏ ngỏ nơi buồng ngủ sáng ánh đèn, rồi thấy nàng giữ lấy những chiếc trâm cài đầu, lộn tẩm xiêm qua đầu mà cởi bỏ xiêm ra... Tôi bèn đứng dậy, lại gần cửa: nàng chỉ đi độc một đôi giày bằng lông thiên nga, đứng trước giá gương, lưng quay lại phía tôi, dùng chiếc lược đôi mồi mà chải những sợi tóc đen xõa dài qua mặt.

- Thế mà anh ấy cứ bảo là mình ít nghĩ đến anh ấy đấy, - nàng ném chiếc lược lên mặt bàn gương, đoạn hất tóc ra sau lưng, quay lại phía tôi: - Không, em có nghĩ đấy chứ...

Sáng sớm tôi thấy nàng động dậy. Mở mắt ra thì thấy nàng đang nhìn chăm chăm vào tôi. Tôi hơi nhồm dậy trong hơi ấm áp của giường và của thân thể nàng, nàng ngả đầu vào tôi, se se và đều giọng nói:

- Chiều nay em sẽ đi Tveri. Đi lâu hay chóng, điều đó chỉ có Chúa biết...

Rồi má nàng áp vào má tôi, - tôi cảm thấy làn mi ướt của nàng chớp chớp.

- Ngay khi đến, em sẽ viết thư kể hết mọi chuyện. Em sẽ nói mọi chuyện về tương lai. Xin lỗi anh, bây giờ để em ở lại một mình, em mệt lắm...

Và nàng nằm xuống gối.

Tôi se se mặc quần áo, rụt rè hôn lên mái tóc nàng rồi nhón bước đi ra thang gác lúc này đã sáng lên một màu tái nhợt. Tôi đi bộ trên mặt tuyết non trơn, - bão tuyết không còn nữa, bốn chung quanh đều yên tĩnh, đã nhìn xa được dọc theo các phố xá, đã nghe có mùi vị của cả tuyết và cả các nhà bếp. Tôi đi đến tận nhà thờ Iverxkaia mà trong đó rất nhiều cây nến đang bùng bùng cháy và toả sáng như những đồng củi khô, rồi cùng nhập bọn với các bà già và những người ăn xin, tôi quỳ xuống mặt tuyết đã bị giày đạp, bỏ mũ ra... có ai đó sờ vào vai tôi, nhìn ra thì thấy đó là một bà cụ bé nhỏ, cực kỳ khốn khổ nào đó. Cụ nhìn tôi, mặt nhăn nhúm lại vì những giọt lệ xót thương:

- Chao ôi, chớ đau buồn, chớ đau buồn quá đỗi như vậy! Tội đấy, tội đấy!

Bức thư tôi nhận được khoảng hai tuần sau đó rất ngắn ngủi. Bằng lời lẽ triu mến nhưng kiên quyết, nàng yêu cầu tôi đừng chờ đợi nữa, đừng cố tìm gặp nàng. “Em không về Maxcova nữa đâu, hiện thời em tạm đang tập giáo (168), sau đây có thể là em sẽ quyết ý cắt tóc đi tu... Cầu Chúa sẽ cho anh có đủ sức mạnh để không viết thư trả lời - chẳng tội gì mà kéo dài và tăng thêm nỗi đau khổ của đôi ta...”.

Tôi đã thể theo lời yêu cầu của nàng. Và rồi tôi luân lạc trong những quán rượu bẩn thỉu nhất, đắm ra rượu chè be bét, ngày càng dần thân sâu hơn vào cảnh sa đọa. Rồi sau tôi bắt đầu tỉnh ngộ lại dần dần, trở nên dửng

dưng, tuyệt vọng... Gần hai năm trôi qua kể từ cái ngày Thứ hai chay tịnh đó...

Năm mười bốn (169), vào dịp Tết năm mới lại có một chiều nắng hiền hòa như cái buổi chiều không thể nào quên được ấy. Tôi bước ra khỏi nhà, gọi một chiếc xe ngựa rồi đi đến Kremli. Đến đó tôi vào nhà thờ chính toà Arkhanghenxki vắng vẻ, đứng hồi lâu trong cảnh tối nhá nhem mà không cầu nguyện gì, chỉ đưa mắt ngắm nhìn ánh vàng xưa cũ lấp loáng chập chờn trên những bức tượng thánh và những phiến đá đặt trên mồ các vua chúa Maxcova. Tôi đứng hệt như chờ đợi điều gì trong cảnh yên tĩnh đặc biệt của toà thánh đường vắng tanh vắng ngắt ấy, một cảnh yên tĩnh mà ngay cả thờ dài ta cũng thấy ngại ngùng. Ra khỏi nhà thờ tôi bảo người xà ích đánh xe đến Ordunka, cho ngựa đi bước một như hồi ấy, lần theo những ngõ ngách tăm tối giữa những khu vườn mà trong đó có những cửa sổ đã sáng ánh đèn, rồi đi qua ngõ Griboedov - và tôi cứ khóc, cứ khóc hoài...

Đến Ordunka tôi bảo người xà ích dừng xe ở cạnh cổng đan viện Marpho Mariinxkaia. Ở đó, trong sân đan viện đen ngòm những cỗ xe ngựa, tôi thấy có một ngôi nhà thờ nhỏ cửa mở toang có sáng ánh đèn và từ trong cửa vẳng lại sâu thẳm và thiết tha tiếng hát của một ca đoàn thanh nữ. Chẳng hiểu sao tôi lại có ý muốn nhất thiết phải vào xem. Nhưng người canh cổng đã chặn tôi lại ở ngay cổng, nói với giọng nhẹ nhàng và cầu khẩn:

- Bẩm ông, không vào được, không vào được đâu ạ!
- Sao lại không được? Vào nhà thờ mà không được ư?
- Bẩm ông, được ạ, cố nhiên là được chứ ạ, có điều là vì Chúa, xin ông chớ vào, bởi vì ở trong bây giờ đang có bà đại công nương Elzavet (170) Phedorovna với lại công tước Mitơri Paluts... (171)

Tôi liền dúm cho bác ta một rúp, bác rầu rĩ thờ dài rồi để tôi đi qua. Nhưng vừa bước vào sân thì từ trong nhà thờ tôi đã thấy những tượng thánh, cờ phướn được rước ra, theo sau là nữ đại công nương toàn thân mặc đồ trắng dài, gương mặt thanh tú, đầu đeo một vành đai trắng có gắn một thánh giá bằng vàng ở trên trán, người dong dỏng cao, bước đi chậm chậm

với vẻ thành kính và với cặp mắt nhìn xuôi, tay cầm một cây nến lớn. Theo sau nữ đại công nương lại là một đoàn dài những người cũng bận đồ trắng như vậy, gồm các nữ tu hoặc các dì phước, vừa đi vừa hát với những đóm lửa của những cây nến nhỏ cầm sát mặt. Lúc bấy giờ tôi cũng chẳng biết được họ là ai và họ đi đâu nữa. Không hiểu sao, tôi đã nhìn họ rất chăm chú. Kìa mà trong số những người đi ở quãng giữa, có một cô đầu trùm khăn trắng bỗng ngẩng lên, lấy tay che ánh nến rồi đưa cặp mắt tối tăm nhìn vào nơi tăm tối, hình như nhìn đúng vào tôi thì phải... Nàng có thể nhìn được gì ở cái nơi tăm tối này, nàng có thể cảm biết gì về sự có mặt của tôi? Tôi trở gót và lặng lẽ bước ra khỏi cổng.

Ngày 12 tháng 5 năm 1944

Chiếc đu

Một buổi chiều hè chàng ngồi trong phòng khách, bật bùng chiếc đàn pianô, và khi nghe tiếng chân nàng ngoài bao lơn, liền đập dữ dội vào phím đàn, lạc giọng ré hát lên:

*Thần tiên nào bằng ta,
Vua chúa nào bằng ta,
Mỗi khi ta được thấy đôi mắt thần thờ,
Tấm thân thon thả và những bím tóc đen nhánh của nàng.*

Nàng bước vào, mình bận chiếc xiêm cộc tay màu xanh sẫm, đôi bím tóc dài đen nhánh trên lưng, cổ đeo một chuỗi hạt san hô, và cặp mắt sẫm xanh cười cợt trên khuôn mặt rám nắng:

- Tất cả những cái đó là nói về em đấy hả? Và khúc *aria* ấy do anh tự biên đấy chứ?

- Phải.

Rồi chàng lại đập mạnh bàn phím, ré lên:

Thần tiên nào bằng ta...

- Mà cái nhạc cảm của anh lại ghê thế nữa kìa!

- Thế nhưng tôi lại là một nhà họa sĩ trứ danh. Và đẹp trai như Leonid Andreev [\(172\)](#) vậy. Tôi tạt vào thăm chị là tai họa cho chị đó.

- Về ông Andreev của anh thì như ông Tolstoy đã nói: ông ấy dọa, nhưng tôi chẳng sợ.

- Rồi sẽ biết, rồi sẽ biết!

- Thế còn chiếc nạng của ông nội thì sao?

- Tuy cụ là người anh hùng trong trận Xevaxtopol thật đấy, nhưng trông cụ chỉ dữ tướng thế thôi. Ta sẽ xa chạy cao bay, ta sẽ làm lễ thành hôn rồi

về phục xuống chân cụ, cụ sẽ khóc mà tha thứ...

Hoàng hôn, trước bữa ăn chiều, khi trong bếp người ta đang rán những viên thịt băm hành thơm lừng và khi trong vườn đã mát rượi với sương chiều, thì họ mặt giáp mặt, cùng nhau bay bổng trên chiếc đu ở cuối lối đi trong vườn. Những vòng sắt kêu ken két, gió lộng thổi phần phật tà váy của nàng. Tay chàng kéo căng dây đu, chân chàng đẩy mạnh ván đu, mắt chàng trợn trừng trợn chặc, còn nàng thì mặt mũi đỏ bừng, mắt nhìn chăm chú, vô tư lự và vui sướng.

- Hú! Đàng kia đã có ngôi sao đầu tiên, có vành trăng non, lại có bầu trời xanh ời là xanh chơi vơi trên mặt hồ nữa kìa! Nhà họa sĩ, hãy nhìn xem, trăng lưỡi liềm mỏng mỏng là! Trăng ời, trăng hời, đôi sừng vàng óng... Ôi chúng mình ngã mất thôi!

Thế rồi từ trên cao bổng họ đã nhao xuống đất, ngồi trên ván đu, cố kìm hơi thở phập phồng, đưa mắt nhìn nhau.

- Thế nào? Tôi đã bảo mà!

- Bảo cái gì thế?

- Chị phải lòng tôi rồi đấy...

- Cũng có lẽ... Hượm, họ gọi mình về ăn chiều rồi kìa... Hú, chúng tôi về đây, chúng tôi về đây!

- Khoan tí đã. Ngôi sao đầu tiên, vành trăng non, bầu trời xanh, mùi sương chiều, hương thơm trong bếp tỏa ra, - đúng rồi, lại món thịt băm viên tán kem sữa mà tôi hằng ưa thích nữa đấy! - và cả đôi mắt biếc xanh với khuôn mặt hạnh phúc tuyệt đẹp...

- Phải, dường như trong đời em sẽ không bao giờ có được lúc nào hạnh phúc hơn buổi chiều nay...

- Dante ⁽¹⁷³⁾ đã nói về nàng Beatrice ⁽¹⁷⁴⁾ là: “Bắt đầu lưu luyến trong đôi mắt, cuối cùng thắm thiết ở đôi môi”. Vậy thì thế nào? - chàng vừa nói vừa nắm lấy bàn tay nàng.

Nàng nhắm mắt lại, đầu cúi xuống lả vào chàng. Chàng ôm lấy đôi vai với cặp bím tóc mềm mại của nàng, ngửa mặt nàng lên:

- Cuối cùng thắm thiết ở đôi môi chứ?

- Vâng...

Khi họ dạo trên lối đi trong vườn, chàng nhìn xuống dưới chân mình:

- Bây giờ ta làm thế nào nhỉ? Đến gặp cụ, quỳ sụp xuống mà xin cụ ban phước cho chăng? Thế thì tôi còn là anh chồng gì?

- Không, không, gì chứ cái đó không nên đâu.

- Vậy thì cái gì?

- Em chẳng biết nữa. Chỉ cốt giữ cái gì đã sẵn có là được rồi... Chẳng có gì tốt hơn nữa đâu.

Ngày 10 tháng 4 năm 1945

Chú thích

1. L. Krulikova, I. A. Bunin, *Nông thôn, Truyện vừa và truyện ngắn*. Nhà xuất bản Văn hóa nghệ thuật, Maxcova, 1981.
2. O. Mikhailov, I. A. Bunin, *Cuộc đời Akxeniev, Tiểu thuyết và truyện ngắn*, Nhà xuất bản Nga Xô Viết, Maxcova, 1982.
3. Xem chú thích 2.
4. Táo Antonov là một loại táo giữ được lâu, màu vỏ xanh phớt vàng.
5. Phiên âm theo từ ngữ Công giáo ta là thánh Lorenzo.
6. Trong tiếng Nga, từ babotska vừa có nghĩa là một thiếu phụ nông thôn, vừa có nghĩa là con bướm bướm.
7. Một thành phố lâu đời ở trung tâm nước Nga, nổi tiếng về chế tạo vũ khí và các đồ công nghệ.
8. Đơn vị đo chiều dài cũ của Nga, bằng 0,71 mét.
9. Có nghĩa là: “thôn xóm mới”.
10. Ngày lễ các thánh tông đồ Piotr (tức Pier) và Pavel (tức Paul) trong Chính giáo Nga (29 tháng 6 theo lịch Nga cũ). Phiên âm theo Công giáo ta là thánh Phê-rô và thánh Phao-lô.
11. Đơn vị đo chiều dài cũ của Nga, bằng 1,06km.
12. Đây là những cột điện báo. Ngày xưa, đánh điện báo hay gửi điện tin đều phải qua hệ thống dây và cột, do đó gọi là "đánh dây thép".
13. Có hai loại xà ích, một loại ngồi trên ghế, một loại cưỡi lên một trong những con ngựa phía trước để giông xe.
14. Tức nước Iran ngày nay.
15. Một loại táo vỏ trắng.
16. Một loại táo muộn.
17. Một loại táo rất sai quả.
18. Đơn vị đo diện tích cũ của Nga, bằng 1,092 ha.
19. Ngựa để cưỡi của vùng Kirghizia, một nước Cộng hoà ở phía Tây Nam Nga, nay là Kirghistan.

- [20.](#) Loại chó săn mõm dài, bụng thót, chân thon.
- [21.](#) Voltaire (tên thật là François Marie Arouet, 1694-1778): nhà văn, nhà tư tưởng Pháp theo khuynh hướng tự do, báo hiệu cho cuộc cách mạng tư sản Pháp sau này.
- [22.](#) Erasmus (1469 -1536): nhà văn, nhà tư tưởng Hà Lan, viết bằng tiếng Latin nên được mệnh danh là "Voltaire Latin".
- [23.](#) Thường là chỉ "Ekaterina II vĩ đại" (1729 -1796): nữ hoàng Nga (1762 -1793), nổi tiếng trị vì có công tích và sáng suốt, có một số cải cách và có liên hệ thư từ với các nhà tư tưởng tiến bộ Pháp đương thời như Voltaire, Diderot...
- [24.](#) V.A. Giukovski (1783-1852): nhà thơ Nga, mở đầu trào lưu văn học hiện thực và tiến bộ Nga.
- [25.](#) K.N. Batiuskov (1787-1855): nhà thơ tiến bộ Nga.
- [26.](#) Puskin đã theo học *lycée* (một loại trường cao đẳng thời Nga hoàng) Novoxenski, do đó được gọi là sinh viên, người học *lycée*.
- [27.](#) Kịch thơ, tác phẩm nổi tiếng của Puskin.
- [28.](#) Dân tộc thiểu số gốc Mông cổ hoặc Thổ khoảng vài triệu người sống ở Nga (có nước Cộng hòa Tatarstan).
- [29.](#) Trong quân đội Nga xưa, có một hình phạt là buộc người lính phải đi qua một hàng quân để cho mọi người cùng đánh tới tấp.
- [30.](#) Cũng có nghĩa là "kẻ nghiêm khắc, dữ dằn".
- [31.](#) Từ đạo Thiên chúa (bao gồm cả Chính giáo ở Nga), nghĩa là tu khổ hạnh một mình (cũng là biệt tu).
- [32.](#) Từ Thiên chúa giáo (Christ), cũng là "Kitô" (Cơ Đốc) hoặc "Giêsu".
- [33.](#) Bánh ngọt có nhiều lớp.
- [34.](#) Cũng là Naxtia, gọi thân mật.
- [35.](#) Cũng là Naxtia, giọng càng âu yếm hơn Naxti.
- [36.](#) Cũng là Vania.
- [37.](#) Cũng là Phenia.
- [38.](#) Hồi xưa ở Nga, những người bị coi là "thành tích bất hảo", thường bị ghi thẳng vào giấy chứng minh, hộ chiếu, gọi là "chứng minh chó sói", và

bị cấm không được vào làm trong cơ quan nhà nước v.v...

[39.](#) Tức Volgograd (Xtalingrad) ngày nay, hồi đó đang có chiến trận.

[40.](#) Có nghĩa là "Làng đen".

[41.](#) Cũng là Andrei, giọng âu yếm.

[42.](#) Croquet : một lối chơi dùng gậy đánh bóng của Anh.

[43.](#) Chính giáo Nga có ba ngày lễ Chúa Cứu Thế, ngày lễ thứ nhất (thường gọi lễ mật), thứ nhì (lễ táo), thứ ba (lễ vải), vào các ngày 1, 6, 16 tháng 8 theo lịch Nga cũ.

[44.](#) Port Arthur, tức cảng Lữ Thuận của Trung Quốc ngày nay, năm 1898 đã buộc phải cho Nga thuê, và là nơi đã diễn ra chiến sự ác liệt trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật năm 1905.

[45.](#) Thành phố cảng rất lớn ở Mỹ, bên bờ Thái Bình Dương.

[46.](#) Thành phố cảng đẹp, rất cổ kính, ở miền trung Ý. Tiếng Pháp là Naples.

[47.](#) Một đảo nhỏ, phong cảnh rất đẹp, thường là nơi du ngoạn nổi tiếng ở vịnh Napoli, miền trung Ý.

[48.](#) Tức Cựu thế giới, để chỉ châu Âu, so với châu Mỹ là Thế giới mới (Tân thế giới).

[49.](#) Điệu nhảy dân gian Ý, nhịp rất nhanh và vui.

[50.](#) Thành phố nghỉ mát rất đẹp miền nam nước Pháp, trên bờ Địa Trung Hải.

[51.](#) Thành phố ăn chơi, nổi tiếng về những sông bạc, ở xứ Monaco, miền nam nước Pháp, trên bờ Địa Trung Hải.

[52.](#) Bộ lễ phục trang trọng ở Âu - Mỹ.

[53.](#) Tiếng Pháp là *roulette*, vòng quay trên bàn, trúng số nào, số ấy được.

[54.](#) Thành phố cổ kính, đẹp nổi tiếng, miền bắc Ý.

[55.](#) Tức tuần lễ khổ nạn cuối cùng của Chúa Giêsu, từ khi bị bắt tới khi chết.

[56.](#) Thủ đô cổ kính nước Ý, một trong những cái nôi của nền văn minh cổ đại châu Âu.

[57.](#) Tiếng La tinh: "Xin Chúa xót thương", một bài thánh kinh của Công giáo, có bản phổ nhạc của S. Bach.

- [58.](#) Túc Venice: thành phố cổ kính, đẹp nổi tiếng, miền bắc Ý, bên bờ biển Adriatic.
- [59.](#) Seville: thành phố cổ kính, đẹp nổi tiếng, miền nam Tây Ban Nha.
- [60.](#) Thủ đô cổ kính nước Hy Lạp, một cái nôi nữa của nền văn minh cổ đại châu Âu.
- [61.](#) Thủ phủ phần đất châu Âu của nước Thổ Nhĩ Kỳ, có thời kỳ là một trung tâm văn minh Âu - Á.
- [62.](#) Eo biển nối liền Đại Tây Dương với Địa Trung Hải, ngăn cách châu Âu với châu Phi.
- [63.](#) Một loại dạ (nì) mỏng cao cấp.
- [64.](#) Từ có vẻ tiếng Anh, phiên âm qua tiếng Nga nên chưa rõ.
- [65.](#) Sandwich, bánh mì kẹp giăm-bông, phó-mát v.v.. để ăn nhanh.
- [66.](#) *Maître d'hôtel* (tiếng Pháp): người phụ trách chung việc hầu bàn trong khách sạn lớn.
- [67.](#) Túc *lord-mayor* (tiếng Anh): thị trưởng, đốc lý ở kinh đô.
- [68.](#) Thủ đô nước Cuba ngày nay, xì gà ngon nổi tiếng.
- [69.](#) Giám mục cai quản một cộng đoàn tín đồ hoặc một địa phận nhất định nào đó (tiếng Anh: prelate, thường mặc áo thụng tím).
- [70.](#) Công ty *Lloyd*, hãng tàu biển lớn nước Anh.
- [71.](#) Túc làn gió *tramontana* (tiếng Ý), thường thổi ở Địa Trung Hải, từ phía bắc nước Ý tràn về.
- [72.](#) Hai đảo nhỏ xinh đẹp đều trong Vịnh Napoli (Ý).
- [73.](#) Tiếng Anh: Đi thôi!
- [74.](#) Tiếng Ý: Đi thôi!
- [75.](#) Bờ biển Ý trong Vịnh Genova (Gênes), khí hậu tốt, phong cảnh đẹp.
- [76.](#) Ngọn núi lửa lớn nhất Châu Âu, ở đông - bắc đảo Sicilia (Ý), vẫn còn khả năng hoạt động.
- [77.](#) Thủ phủ đảo Sicilia (Ý), ở bờ bắc của đảo.
- [78.](#) Hoàng đế La Mã thứ hai (42 trước CN - 37 sau CN), sau Octavius.
- [79.](#) Một loại kèn có nhiều ống, phía trước có một bọng chứa hơi.
- [80.](#) Vùng núi cao ở trung Ý, thuộc dãy Apennin.

- [81.](#) Một vùng ở dãy núi Alps, nằm giữa biên giới ba nước Áo, Thụy Sĩ, Ý; phát triển về du lịch cả mùa hè và mùa đông.
- [82.](#) Hồi ấy điện còn chưa phổ biến, ở một số nơi đô hội châu Âu người ta chế ra những quả cầu có xung điện để thu hút khách đến xem.
- [83.](#) Sicila (tức Sicily): một đảo lớn của Ý, ở phía Nam nước này.
- [84.](#) Vâng, phải, ừ (tiếng Anh).
- [85.](#) Thưa ngài, ngài gọi chuông ạ? (tiếng Ý)
- [86.](#) Vâng, cứ vào... (tiếng Anh)
- [87.](#) Trumeau (tiếng Pháp): Gương lớn trang trí, vừa là gương lại vừa có tranh vẽ ở phía trên.
- [88.](#) Loại xì gà ngon có tiếng, của đảo Zuxôn, mang tên Manila, thủ đô Philippin
- [89.](#) Tên đồng tiền Ý.
- [90.](#) Henrik Ibsen (1828 - 1906): nhà viết kịch nổi tiếng của Na uy.
- [91.](#) Tiếng Ý: Ông ta đã chết.
- [92.](#) Khởi hành! (tiếng Ý)
- [93.](#) Một nước cổ xưa, đã từng có nền văn minh rất cao, ở phần đất của các nước Syria, Lebanon.
- [94.](#) Từ Công giáo là Belem hoặc Bêlem, nơi Chúa Giêsu sinh ra trong một hang đá.
- [95.](#) Vùng đất thuộc miền nam Palestine thời Chúa Giêsu.
- [96.](#) Cũng là Thánh lễ an táng hoặc Thánh lễ cầu hồn.
- [97.](#) Tunnel: đường hầm (tiếng Anh).
- [98.](#) Nguyên văn tiếng Nga, Pháp, Anh đều đại thể là "médaillon", một từ chuyên môn về mỹ thuật để chỉ một loại phù điêu đặc biệt, hình tròn (như tấm mề đay lớn), bằng sứ, kim loại hoặc đá, bên trong có ảnh, điêu khắc hoặc đắp nổi chân dung người quá cố hay những loại trang trí kỷ niệm khác. Thường dùng để gắn lên bia mộ, giá chữ thập ở mộ hoặc những công trình kỷ niệm.
- [99.](#) Tức phố Nhà Thờ Lớn (Sobor - tiếng Nga)
- [100.](#) Giờ ra chơi dài hơn, so với giờ ra chơi phụ.

- [101.](#) Nghĩa là "Cô" - cách xưng hô đối với các phụ nữ trẻ chưa lập gia đình (tiếng Pháp).
- [102.](#) Nghĩa là "Bà, phu nhân" - cách xưng hô đối với phụ nữ đã có gia đình, thường là đứng tuổi (tiếng Pháp).
- [103.](#) Giống ngựa lùn, ngực nở, có lông dài, xuất xứ từ thành phố Viatka (trên sông Viatka, phía đông Maxcova).
- [104.](#) Hai nhân vật chính trong tác phẩm *Faust* nổi tiếng của văn hào W. Goethe.
- [105.](#) Một loại áo choàng rất rộng, giống áo mưa (tà áo bay phất phới như có cánh), bên trong có một lần áo chèn và có mũ trùm đầu.
Một loại nước thơm có pha cồn, dùng sau khi tắm (tiếng Pháp).
- [106.](#) Một loại nước thơm có pha cồn, dùng sau khi tắm (tiếng Pháp).
- [107.](#) Thánh lễ của Chính giáo vào sáng chủ nhật, cũng quan trọng như Thánh lễ của Công giáo.
- [108.](#) Các nhà lý thuyết Thiên Chúa giáo lập luận rằng bà Maria (Đức Mẹ) vẫn trinh bạch ("không chút bợn nhơ") mà sinh ra Chúa Giêsu, và là bất tử, chỉ "hồn xác lên trời" (Assumption, vào ngày 15 tháng 8) hoặc "yên giấc ngàn thu", chứ không chế như người thường.
- [109.](#) Tức Phụng Thiên (hiện nay là Thẩm Dương, thành phố lớn ở Đông Bắc Trung Quốc), trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) đã có trận đánh lớn ở đây (20/2-11/5/1905), quân đội Nga đại bại, bị chết nhiều người.
- [110.](#) Một thành phố trên sông Volga, phía nam nước Nga.
- [111.](#) Một thành phố nghỉ mát trên bờ Hắc Hải.
- [112.](#) Những thành phố cảng lớn trên bờ Hắc Hải.
- [113.](#) Hai sa mạc lớn, một ở phía Nam nước Nga, một ở phía Bắc Châu Phi.
- [114.](#) Đơn vị đo chiều dài cũ của Nga, bằng 1,06km.
- [115.](#) Cháu của Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan), đã cầm một cánh quân Mông Cổ rất lớn đánh vào Nga trong thế kỷ XIII.
- [116.](#) Kênh đào trên đất Ai Cập nối liền Địa Trung Hải với Hồng Hải.
- [117.](#) Một con sông lớn ở châu Phi, chảy qua Ai Cập đổ vào Địa Trung Hải.
- [118.](#) Một trong những con sông lớn ở Pháp, chảy qua thủ đô Paris.

119. Tức *arkhanghel* (tiếng Nga), *archangel* (tiếng Anh), thiên thần bậc siêu đẳng trong Thiên Chúa giáo. Tổng lãnh thiên thần Mikhail (tức Michael) là một trong ba Tổng lãnh thiên thần được nói đến trong *Kinh Thánh* (cùng với Gabriel và Raphaël).

120. Lạy Chúa, hãy cho họ bằng an đời đời, và hãy cho họ được ánh sáng đời đời (tiếng La tinh).

121. Nga hoàng trị vì những năm 1825 -1855, nối ngôi anh là Alexandre I. Trong chân dung thường mặc capôt lớn màu xám.

122. Nga hoàng trị vì những năm 1855 -1881, con của Nicolai I, có tư tưởng tự do hơn, trong chân dung thường thấy có râu mép và râu má màu hung.

123. Trong ngôn từ Thiên Chúa Giáo, tượng thánh không cứ là tượng mà là cả tranh vẽ, phù điêu.

124. Đạo luật năm 1802 ở Nga cho phép các điền địa chủ được “giải phóng” (cho được tự do) các nông nô. Phải đến 1861, Nga hoàng Alekxandr II mới huỷ bỏ chế độ nông nô. Thời đoạn câu chuyện này là vào khoảng giữa hai thời điểm nói trên.

125. Một nhân vật trong Kinh thánh được coi là người gặp nhiều đau khổ nhưng không có lòng tin vào Chúa. Sách của Gióp cũng được coi thuộc bộ Kinh Thánh. Cũng có tài liệu nói "Job" (? - 1607): giáo chủ đầu tiên của chính giáo Nga từ 1589, sau bị huyền chức và đi đày năm 1605.

126. Trích thơ của thi sĩ Ogarev (1813 -1877). Trong nhật ký, Bunin ghi rằng: nhờ đọc lại bài thơ này mà trong ông đã hiện ra hình tượng chiếc xe ngựa vấy đầy bùn như đã tả ở đầu truyện ngắn này.

127. Thành phố nhỏ ở cách Maxcova khoảng 40 km về phía nam.

128. Tiếng Nga là *xaraphan*, một trang phục cổ truyền của phụ nữ Nga.

129. Trường do bá tước S.G.Xtroganov sáng lập năm 1825, dạy mỹ thuật trang trí và kiến trúc nội thất, sau này được đổi tên là trường Cao đẳng Mỹ thuật và Công nghệ Maxcova.

130. Trong tiếng Nga, “nổi khùng khiếp” là *ugiax* mà “con rắn nước” là *ugios*, nhưng có ngây ngô mới cho là cùng một gốc.

131. Sẽ không có cô gái nào đáng yêu bằng cô gái mà ta yêu (tiếng La tinh).

[132.](#) Tức *artel*, một loại tổ chức lao động tập đoàn, hợp tác có thời hạn, rất phổ biến vào nửa sau thế kỷ XIX ở Nga.

[133.](#) Loại len hảo hạng, thuần bằng lông cừu.

[134.](#) Chechen là một dân tộc nhỏ ở phía bắc Kavkaz (nay là Cộng hoà Chesnia trong Liên bang Nga).

[135.](#) Thành phố trong tỉnh Kazan, ngay trên sông Xviaga (một nhánh của sông Volga).

[136.](#) Buồng hành khách trên tàu thủy.

[137.](#) Các Công đở được xây dựng năm 1743 ở phía tây trung tâm Maxcova và bị phá huỷ năm 1928. Nhà thờ Chúa Kitô Cứu thế đã từng là nhà thờ chính toà lớn nhất trong toàn Nga, xây năm 1837, ở phía nam điện Kremli, bị phá huỷ năm 1932.

[138.](#) Các hiệu ăn sang trọng ở Maxcova, tồn tại đến cả sau này.

[139.](#) Hugo von Hofmannsthal (1874 -1929): nhà thơ Áo; Artur Schnitzler (1862-1931): nhà văn và nhà viết kịch Áo; Kazimierz Tetmajer (1865 -1940): nhà thơ Ba Lan; Stanislav Przybyszewski (1868 -1927): nhà văn Ba Lan.

[140.](#) Andrei Belui tên thật là Borix Bugaiev (1880-1934): nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình văn học và nhà lý luận về khuynh hướng tượng trưng trong văn học Nga.

[141.](#) Ph I. Saliapin (1873 - 1938): ca sĩ Nga rất nổi tiếng.

[142.](#) Những kiến trúc cổ kính ở Maxcova.

[143.](#) Hai nhân vật trong tiểu thuyết *Chiến tranh và hoà bình* của Lev Tolstoy. Một bên là nông dân thường, một bên là vị công tử quý phái có lương tri.

[144.](#) Nhạc kịch nổi tiếng của nhà soạn nhạc người Ý G. Verdi (1813 - 1901).

[145.](#) Tức *Maxlenitxa* (tiếng Nga), thực ra là ứng với Ngày Thứ ba Tiễn chay (trước mùa chay gồm khoảng 50 ngày kéo dài đến Lễ Phục Sinh, mừng Chúa Glêsu sống lại, ngày lễ quan trọng nhất của Kitô giáo).

[146.](#) Tức *Proschionnoe voskreshenie* (tiếng Nga), nhưng thực ra là ứng với ngày Chủ nhật vào ngày thứ 50 trước Lễ Phục Sinh.

- [147.](#) Tức ngày Thứ hai Tiền Chay (trước Mùa chay, để các giáo dân cầu nguyện, sám hối, dọn lòng đón Lễ Phục Sinh).
- [148.](#) Từ Kitô giáo là đan viện.
- [149.](#) Giữa thế kỷ XVII xảy ra sự phân liệt trong Chính giáo Nga, hình thành ra phái Cựu lễ (không tán thành cải cách, mà cứ tách ra giữ lễ tiết cũ và bị gọi là "ly giáo" hoặc "cựu lễ"). Họ lập ra nghĩa trang Rogojskoe, sau thành một trung tâm của giáo phái này.
- [150.](#) Hoặc “Thầy sáu”.
- [151.](#) Áo chùng, áo thụng.
- [152.](#) A.I. Erten (1855 -1908): nhà văn Nga có tư tưởng dân chủ.
- [153.](#) A.P. Tsekhov (1860 - 1904): nhà văn kiệt xuất Nga, tác giả nhiều truyện và kịch nổi tiếng.
- [154.](#) A.X. Griboedov (1795 - 1829): nhà viết kịch, nhà tư tưởng nổi tiếng nước Nga đầu thế kỷ XIX.
- [155.](#) Tương truyền ngày xưa có một vị thánh bị cụt tay, bèn cầu xin Đức Mẹ và có đủ được hai tay. Tranh Đức Mẹ thường vẽ Người tay phải bện bế con, vị thánh tạ ơn bèn vẽ thêm một bàn tay phải nữa là ba tay, từ đó trở đi các phiên bản đều thể hiện Đức Mẹ có ba tay.
- [156.](#) Iuri Dolgoruki được coi là người đã kiến tạo nên thành phố Maxcova vào giữa thế kỷ XII.
- [157.](#) Moxcova - tên thành Maxcova cổ xưa.
- [158.](#) Ruxi - tên nước Nga cổ xưa.
- [159.](#) Tức Tuần đức Chúa Giêsu chịu hình phạt đóng đinh trên giá chữ thập.
- [160.](#) Vologda và Viatka là những vùng rất hẻo lánh của nước Nga lúc bấy giờ.
- [161.](#) Phát âm tiếng Anh, nghĩa là: Được (*All right*).
- [162.](#) Tên thật là Konstantin Alekseev (1863-1938): diễn viên kịch, nhà đạo diễn, giám đốc nhà hát kịch Maxcova; nổi tiếng cả trên thế giới do có lý luận cách tân nghệ thuật sân khấu, năm 1898 sáng lập nhà hát kịch Maxcova, nghệ thuật diễn kịch cũng siêu việt.
- [163.](#) Điệu nhảy hát cao chân của Pháp.

[164.](#) Moxkvin và Katsalov là hai diễn viên kịch trữ danh của Nhà hát kịch Maxcova.

[165.](#) Xulerjixki (1872 -1916): đạo diễn Nga, cộng tác với Xtanislavxki từ 1905.

[166.](#) Tức "Tremblant" (Run rẩy, tiếng Pháp), tên điệu *polka*.

[167.](#) Florence (tiếng Pháp): thành phố lớn cổ xưa, tráng lệ ở Ý.

[168.](#) Tập sự làm những công việc lật vạt trong nhà thờ hay tu viện để chuẩn bị làm giáo chức hoặc đi tu.

[169.](#) Tức năm 1914.

[170.](#) Đúng ra phải là Elizaveta.

[171.](#) Cả câu này nhại kiểu nói của người ít học vẫn.

[172.](#) Leonid Andneev (1871 -1919): Nhà văn hiện thực Nga, gần gũi với Tsekhov, Gorki, Korolenko và Kuprin. Tinh thần đặc biệt lạc quan, thường mô tả những nỗi tuyệt vọng của con người.

[173.](#) A. Dante (1265-1321): thi sĩ vĩ đại nước Ý, được coi là người cha của thi ca Ý.

[174.](#) Một cô gái nổi tiếng ở Florence (Ý), chủ đề của nhiều tác phẩm lớn và nhiều bài thơ tình của Dante.